

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGÔ THỊ HẢO

XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC
THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TỈNH
BIÊN GIỚI TÂY BẮC HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: HỒ CHÍ MINH HỌC

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGÔ THỊ HẢO

**XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC
THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TỈNH
BIÊN GIỚI TÂY BẮC HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: HỒ CHÍ MINH HỌC

Mã số: 9310204

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:



1. PGS.TS. TRẦN MINH TRƯỞNG

2. TS. LÊ THỊ HIỀN



HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN



Ngô Thị Hảo

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU	8
1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	8
1.2. Khái quát kết quả các công trình nghiên cứu có liên quan và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu, giải quyết	33
Chương 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI TÂY BẮC	38
2.1. Một số khái niệm liên quan	38
2.2. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc	47
2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc	67
Chương 3: THỰC TRẠNG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI TÂY BẮC (NHÌN TỪ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH) VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA	76
3.1. Khái quát về đặc điểm tự nhiên, truyền thống văn hoá, lịch sử, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh tác động đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay	76
3.2. Thực trạng xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc từ 2015 đến tháng 6 năm 2025.....	88
3.3. Những vấn đề đặt ra trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay	145
Chương 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI TÂY BẮC HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2045)	157
4.1. Dự báo những yếu tố tác động đối với việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở các tỉnh biên giới Tây Bắc (đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045).....	157
4.2. Phương hướng xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.....	164
4.3. Giải pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay	169
KẾT LUẬN	189
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	191
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	192
PHỤ LỤC	214

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nghĩa đầy đủ
ASXH	An sinh xã hội
CNH, HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
CNXH	Chủ nghĩa xã hội
CSDT	Chính sách dân tộc
CT-XH	Chính trị - xã hội
ĐĐKDT	Đại đoàn kết dân tộc
DTTS	Dân tộc thiểu số
HTCT	Hệ thống chính trị
KL-TW	Kết luận của Trung ương
KT-CT	Kinh tế - chính trị
KT-XH	Kinh tế - xã hội
MTDTTN	Mặt trận dân tộc thống nhất
MTQG	Mục tiêu quốc gia
MTTQ	Mặt trận Tổ quốc
NQ/TW	Nghị quyết Trung ương
NQ-TW	Nghị quyết của Trung ương
QĐ-TTg	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
QP-AN	Quốc phòng - An ninh
VH-XH	Văn hoá - xã hội
XĐGN	Xóa đói giảm nghèo
XDNTM	Xây dựng nông thôn mới

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 3.1. Tỷ lệ dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới Tây Bắc năm 2023	85
Hình 3.2. Mức độ triển khai các chính sách xây dựng khối ĐĐKDT ở địa phương của các tỉnh biên giới Tây Bắc	100
Hình 3.3. Năng suất lúa cả năm phân theo địa phương từ 2015 đến 2023	103
Hình 3.4. Chỉ số sản xuất công nghiệp phân theo địa phương, tỉnh, thành phố.....	104
Hình 3.5. Mức độ quan tâm của Cấp uỷ, chính quyền địa phương với những khó khăn trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc	106
Hình 3.6. Các chương trình, đề án phát triển kinh tế nhằm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc	110
Hình 3.7. Mức độ các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.....	118
Hình 3.8. Hiệu quả của phương pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc	120
Hình 3.9. Đánh giá năng lực và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của các lực lượng, tổ chức tham gia xây dựng khối ĐĐKDT	123
Hình 3.10. Chất lượng của đội ngũ cán bộ tham gia xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương	128
Hình 3.11. Ý thức, tính tự giác của người dân khi tham gia vào xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc	131

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Chủ tịch Hồ Chí Minh - lãnh tụ vĩ đại của Đảng và dân tộc ta, Người để lại cho cách mạng Việt Nam một di sản tinh thần vô giá, đó là tư tưởng Hồ Chí Minh - một “hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam”, trong đó quan điểm về ĐĐKDT (đại đoàn kết dân tộc) có giá trị bền vững, nhất quán và xuyên suốt. Nhìn từ truyền thống lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, Người nhận định sức mạnh của ĐĐKDT “Sử ta dạy cho ta bài học này: Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại, lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn” [49, tr.256]. Do đó, Người yêu cầu “Vậy nay ta phải biết đoàn kết, đoàn kết mau, đoàn kết chắc chắn thêm lên mãi” [49, tr.256]. Sức mạnh của ĐĐKDT là sức mạnh vô địch, là một nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Đại đoàn kết trong tư tưởng Hồ Chí Minh bao hàm nhiều nội dung lớn, vấn đề “xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc” là nội dung mang tầm chiến lược, quan trọng hàng đầu. Theo Người, để xây dựng được khối ĐĐKDT, trong mỗi giai đoạn cách mạng phải có chiến lược, nguyên tắc, phương châm, phương pháp, hình thức vận động, tập hợp lực lượng xây dựng khối ĐĐKDT một cách phù hợp, đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng. Lịch sử đã minh chứng rằng, nhờ xây dựng thành công khối ĐĐKDT, cách mạng Việt Nam đã tập hợp được mọi lực lượng dân tộc, tạo nên sức mạnh nội lực, kết hợp với sức mạnh thời đại, làm nên những thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta trong thế kỷ XX.

Sau gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, nhận thức của Đảng và nhân dân ta về nội dung, giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT và “xây dựng khối ĐĐKDT” ngày càng sâu sắc, thực chất và hiệu quả. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, việc xây dựng khối ĐĐKDT đã tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân, các lực lượng xã hội tham gia trong MTDTTN, tạo nên nguồn lực to lớn, đưa đến thành công của công cuộc đổi mới xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT và “xây dựng khối ĐĐKDT”, Người đặc biệt quan tâm đến việc tuyên truyền, vận động đồng bào các DTTS các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về ĐĐKDT. Người chỉ đạo Đảng và Nhà nước ban hành, thực hiện các chính sách ưu tiên nhằm cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho các dân tộc rút ngắn khoảng cách giữa miền núi và miền xuôi. Theo Người, đồng bào các DTTS thường cư trú trên các địa bàn vùng núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới của Tổ quốc; điều kiện sống của đồng bào còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí hạn chế. Do đó, thực hiện xây dựng khối ĐĐKDT trong đồng bào các DTTS (dân tộc thiểu số), phải có nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền, vận động thiết thực, phù hợp với phong tục, tập quán văn hóa của đồng bào mới đem lại hiệu quả.

Thực tiễn vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT và xây dựng khối ĐĐKDT trong cách mạng Việt Nam, nhất là những thành tựu của công cuộc đổi mới đã khẳng định, tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT và xây dựng khối ĐĐKDT vẫn vẹn nguyên giá trị lý luận, thực tiễn và tính thời sự sâu sắc. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT vừa là yêu cầu vừa là nhiệm vụ trọng yếu, là nhân tố quyết định bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Các tỉnh biên giới Tây Bắc, là địa bàn cư trú của hơn 40 dân tộc anh em, (trong đó đồng bào các dân tộc thiểu số chiếm gần 80% tổng dân số toàn khu vực). Các dân tộc nơi đây luôn sống đoàn kết, hòa thuận gắn bó với nhau và cùng nhau phát triển. Từ năm 2015 đến nay, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền và cả HTCT (hệ thống chính trị), cùng với sự quan tâm của Trung ương, nhiều đường lối phát triển kinh KT-XH (kinh tế - xã hội) đã được tiến hành đồng bộ. Đặc biệt, việc coi “xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc” là nhiệm vụ trọng tâm đã góp phần nâng cao nhận thức, ý chí và huy động hiệu quả sức ĐĐKDT cho phát triển toàn diện. Nhờ vậy, diện mạo KT-XH có nhiều đổi thay tích cực; đời sống nhân dân ngày càng được quan tâm, các lĩnh vực đều tiến bộ rõ rệt, QP-AN (quốc phòng - an ninh) được củng cố, đảm bảo và phát triển.

Tuy vậy, việc xây dựng khối ĐĐKDT còn những tồn tại, hạn chế nhất định. Nguyên nhân là còn có nhiều khó khăn như: điều kiện tự nhiên khó khăn, chất lượng nguồn nhân lực thấp, KT-XH phát triển chưa tương xứng, còn chậm; khả năng tiếp cận với các dịch vụ, phúc lợi xã hội chưa cao, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo còn cao so với cả nước; trình độ nhận thức và mặt bằng dân trí là người DTTS không đồng đều, một bộ phận còn chậm đổi mới so với sự phát triển của đất nước. Mặt khác, một số người dân chưa thực sự có ý thức và động lực thoát nghèo, thậm chí còn có tư tưởng dựa vào sự giúp đỡ của nhà nước và chính quyền địa phương, xã hội. Còn tình trạng bất đồng về ngôn ngữ, phong tục, vấn đề di cư tự do; tệ nạn xã hội, vấn đề nghèo đói, bệnh tật... Ngoài ra, có không ít cán bộ trong bộ máy chính quyền cơ sở hạn chế về trình độ chuyên môn, quản lý và thực thi nhiệm vụ, dẫn đến việc chưa chủ động, linh hoạt trong triển khai các chủ trương. Ở một số địa phương, Mặt trận Tổ quốc (MTTQ), các tổ chức đoàn thể CT-XH chưa đạt được đầy đủ vị trí, phương châm và mục đích trong quá trình phát huy sức mạnh ĐĐKDT; một số hoạt động còn mang tính hình thức, hành chính hóa. MTTQ chưa thực sự phát huy hết vai trò của mình trong việc tập hợp, vận động và tổ chức xây dựng khối ĐĐKDT. Bên cạnh đó, những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; những biểu hiện của lối sống thực dụng, còn tham ô, tham nhũng... của một bộ phận cán bộ, đảng viên đã làm phai nhạt niềm tin của nhân dân đối với tổ chức Đảng và chính quyền các cấp. Sự xuống cấp về đạo đức làm giảm đi các giá trị truyền thống đoàn kết dân tộc, tinh thần cộng đồng, ý thức công dân và trách nhiệm chấp hành pháp luật của một bộ phận dân cư còn thấp. Trong khi đó, chính quyền cơ sở chưa có những biện pháp quyết liệt, hiệu quả để các thế lực thù địch lợi dụng, xuyên tạc quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về vấn đề dân chủ, nhân quyền và tự do tôn giáo, nhằm kích động, gây chia rẽ, phá hoại khối ĐĐKDT, gây bất ổn định chính trị, tạo mâu thuẫn, thù hằn giữa các dân tộc.

Do đó, nghiên cứu “xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc” hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay sẽ góp phần củng cố vững chắc khối ĐĐKDT, vấn đề vừa có ý nghĩa lý luận, vừa có ý nghĩa thực tiễn

cấp bách hiện nay. Xuất phát từ cơ sở trên, tôi chọn đề tài: ***“Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay”*** làm luận án Tiến sĩ, ngành Hồ Chí Minh học.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án tập trung phân tích và làm sáng tỏ hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT. Đánh giá thực trạng việc vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng của Hồ Chí Minh vào xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc. Chỉ rõ những vấn đề đặt ra, nguyên nhân. Dự báo yếu tố tác động, phương hướng, giải pháp xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án xác định các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

Một là, tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài của luận án, khái quát những kết quả đạt được và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu.

Hai là, hệ thống hóa, phân tích và làm rõ hơn một số khái niệm cơ bản liên quan đến đề tài và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT.

Ba là, khảo sát và phân tích thực trạng xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc từ 2015 đến tháng 6 năm 2025. Chỉ ra thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra trong xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay.

Bốn là, dự báo những yếu tố tác động đến việc xây dựng khối ĐĐKDT hiện nay. Đề xuất phương hướng và giải pháp tiếp tục xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu về xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung:

- Nghiên cứu toàn diện và hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc (bao gồm vai trò, vị trí, nội dung, giá trị, chủ thể, nguyên tắc, phương châm, phương pháp, hình thức tổ chức xây dựng khối ĐĐKDT); thực trạng xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc. Dự báo những yếu tố tác động đến việc xây dựng khối ĐĐKDT; đề xuất phương hướng, giải pháp xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc.

Về không gian: Tập trung nghiên cứu việc xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh tại bốn tỉnh biên giới Tây Bắc: Lào Cai, Lai Châu, Sơn La và Điện Biên.

Về thời gian: Luận án khảo sát giai đoạn từ năm 2015 đến tháng 6 năm 2025. Căn cứ vào: *Một là*, các Nghị quyết quan trọng của Đảng: Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12/3/2003 (Khóa IX) về “Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”; Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. *Hai là*, Quan điểm chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong kỳ Đại hội XII, Đại hội XIII của Đảng. *Ba là*, quan điểm chỉ đạo thực hiện xây dựng khối ĐĐKDT của các tỉnh biên giới Tây Bắc từ 2015 đến 2025: Chỉ thị, Nghị Quyết, Chương trình hành động, Đề án ... định hướng giải pháp đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

4. Cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về xây dựng khối ĐĐKDT.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin; các phương pháp nghiên cứu cụ thể: phương pháp khái quát hoá; phương pháp lịch

sử và logic, phân tích và tổng hợp, thống kê, so sánh, điều tra xã hội học, tổng kết thực tiễn. Cụ thể:

- Phương pháp khái quát hoá, logic, lịch sử, thống kê, so sánh được sử dụng cơ bản trong chương tổng quan tình hình nghiên cứu với mục đích xem xét, đánh giá tổng quan các công trình nghiên cứu của các tác giả liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Từ khái quát tổng quan các công trình nghiên cứu đánh giá kết quả của các vấn đề đã được nghiên cứu sâu và những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu và làm rõ

- Phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, quy nạp - diễn dịch với mục đích làm rõ các khái niệm có liên quan nhất là xây dựng khái niệm trung tâm của luận án.

- Phương pháp logic, lịch sử được sử dụng nhằm hệ thống hoá, làm rõ nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT.

- Phương pháp thống kê, so sánh, phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá, khái quát hoá sử dụng nhiều trong chương thực trạng để đánh giá đúng, khách quan vấn đề nghiên cứu.

- Phương pháp điều tra xã hội học: Luận án sử dụng phương pháp này để thu thập thông tin thông qua bảng hỏi đối với các đối tượng là người dân và cán bộ tham gia vào xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc về những vấn đề cơ bản liên quan đến ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Bảng hỏi khảo sát định lượng gồm 02 loại, dành cho 02 nhóm khách thể khác nhau: nhóm dành cho người dân [Phụ lục 01], nhóm dành cho cán bộ [Phụ lục 02]. Hai bảng hỏi được tạo trên phần mềm Google Form mẫu khảo sát được chọn ngẫu nhiên tại 4 tỉnh chủ yếu lấy ở một số xã giáp biên giới. Dữ liệu thu thập được tác giả sử dụng phần mềm Google Form và tính Excel kết hợp các phương pháp phân tích mô tả và đánh giá độ tin cậy để luận chứng và đưa ra nhận định.

5. Những đóng góp về khoa học của luận án

Một là, luận án góp phần làm sáng rõ thêm nội dung, giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT.

Hai là, trên cơ sở khảo sát thực tiễn, luận án đã khái quát và đánh giá thực trạng xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc, chỉ ra nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế, đồng thời xác định những vấn đề đặt ra.

Ba là, luận án dự báo những nhân tố tác động xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc; đề xuất định hướng và giải pháp chủ yếu, góp phần bổ sung cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Ý nghĩa lý luận: Luận án bổ sung và làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn cho việc tổng kết 10 năm (2015-2025) xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc. Kết quả nghiên cứu có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân và các cơ quan hữu quan (Sở Dân tộc và tôn giáo, Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH của các địa phương). Đồng thời, luận án góp phần tuyên truyền, phổ biến tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT cho đồng bào các tỉnh biên giới Tây Bắc.

Ý nghĩa thực tiễn: Nội dung nghiên cứu của luận án dùng làm tài liệu nghiên cứu, giảng dạy và tham khảo cho các cơ quan, trường học, MTTQ và các tổ chức CT-XH trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh ĐĐKDT phục vụ sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, đặc biệt là ở các tỉnh biên giới Tây Bắc.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình đã công bố của tác giả liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung luận án được kết cấu làm 4 chương, 11 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1.1. Những nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

Cuốn sách “*Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*” (1978) của Viện dân tộc học [125]. Đã nghiên cứu đặc điểm dân tộc ít người ở Việt Nam nhất là các tỉnh phía Tây Bắc. Công trình đã tập trung phân tích cơ sở, quá trình hình thành của một số DTTS, đồng thời làm rõ đặc điểm KT-XH tại một số khu vực có đông DTTS sinh sống. Công trình cũng đề cập đến quan hệ giữa các tộc người và nhiệm vụ tăng cường ĐĐKDT trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam, góp phần làm sáng tỏ những yếu tố nền tảng trong việc đẩy mạnh xây dựng khối ĐĐKDT trong bối cảnh hiện nay. Qua đó, góp phần xác định những căn cứ cần thiết các ưu tiên cho DTTS ở khu vực miền núi phía Bắc ... Từ đó, cung cấp thêm nhiều luận cứ và thông tin có giá trị tham khảo cho việc đề xuất các giải pháp xây dựng ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc.

Cuốn sách “*Các dân tộc thiểu số trong sự phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi*” (1996) của Bé Viết Đăng [18] là một công trình đặt nền móng khá sớm về vấn đề dân tộc, chỉ rõ quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước đối với công tác dân tộc ở vùng miền núi. Tác giả trình bày sinh động các vấn đề đời sống, VH-XH của DTTS. Đánh giá thực trạng phát triển KT-XH và đặc điểm văn hóa truyền thống tại khu vực này. Tác phẩm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của vùng DTTS như trình độ dân trí, phong tục tập quán, điều kiện tự nhiên - địa hình - khí hậu, khoa học kỹ thuật, việc làm và cán bộ địa phương. Những phân tích này cung cấp nền tảng lý luận quan trọng để tiếp cận và triển khai CSDT một cách hiệu quả hơn, đặc biệt trong bối cảnh phát triển bền vững và hội nhập ngày nay.

Bài viết “*Đoàn kết dân tộc vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh*” (1996) của Đỗ Mười, Lê Quang Đạo [63], làm rõ vai trò quyết

định trong công cuộc dựng nước và giữ nước. Tác phẩm khẳng định rằng để công cuộc đổi mới tiếp tục được đẩy mạnh, phát triển sâu rộng và bền vững, việc mở rộng và phát huy khối ĐĐKDT cần được thực hiện một cách hiệu quả hơn nữa. Từ phân tích bối cảnh phát triển mới của đất nước, theo nhóm tác giả, công tác mặt trận cùng vai trò phải được đặt ở vị thế cao hơn, của giai đoạn hiện nay.

Cuốn sách *“Đảng bộ và nhân dân các tỉnh Tây Bắc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng”* (1998) của Thào Xuân Sùng [165]. Tác giả nghiên cứu việc thực thi các CSDT tại vùng Tây Bắc, đồng thời đánh giá những thành tựu nổi bật trong phát triển KT-XH, qua đó từng bước cải thiện cuộc sống cho các dân tộc sinh sống tại địa bàn. Tác giả khẳng định rằng sự đồng lòng, gắn bó và nỗ lực vượt khó của nhân dân các dân tộc chính là yếu tố cốt lõi tạo nên sức mạnh của khối ĐĐKDT trong khu vực. Bên cạnh việc ghi nhận những kết quả tích cực, tác phẩm cũng chỉ ra một số hạn chế trong quá trình thực hiện CSDT tại địa phương. Cụ thể, nhiều chủ trương và những chính sách liên quan đến KT-XH chưa thật sự sát đặc thù của vùng, dẫn đến hiệu quả thực hiện còn chưa cao. Phân tích nguyên nhân bắt nguồn từ sự thiếu đồng bộ một số ngành; việc nhận thức chưa đầy đủ về vị trí chiến lược ở Tây Bắc, cũng như chưa tận dụng tiềm năng, lợi thế của khu vực này. Công trình đã cung cấp thông tin về những khó khăn trong thực hiện các chính sách ở địa phương qua đó sẽ giúp cho nghiên cứu có cách phân tích khó khăn trong xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc.

Cuốn sách *“Góp phần nghiên cứu dân tộc học Việt Nam”* (2001) của Phan Hữu Dật [11] trình bày khái quát những vấn đề cơ bản của dân tộc học, phân tích đặc điểm và tình hình các dân tộc ở khu vực Tây Nguyên, qua đó gợi mở những vấn đề liên quan đến CSDT của Đảng và Nhà nước. Tác giả khẳng định sức mạnh ĐĐKDT là động lực then chốt thúc đẩy phát triển KT-XH. Các giải pháp được nêu gồm: kinh tế bền vững, củng cố HTCT cơ sở, tăng cường công tác dân vận, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo; xây dựng đoàn kết lương - giáo; đẩy mạnh tuyên truyền, đồng thời đấu tranh với các hành động chia rẽ dân tộc. Công

trình này là tài liệu tham khảo quan trọng, hỗ trợ trực tiếp cho việc nghiên cứu và đề xuất các biện pháp nhằm xây dựng khối ĐĐKDT tộc ở các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay.

Bài viết “Bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc” (2003) của Trương Mỹ Hoa [24], đề cập đến những giải pháp thiết thực trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tác giả nhấn mạnh rằng, để đạt được sự đoàn kết bền vững giữa các dân tộc, cần phải nhận thức hơn nữa quan điểm, đường lối và chính sách dân tộc của Đảng. Một trong những nội dung trọng tâm mà tác giả phân tích là nhận thức về chính sách liên quan đến đoàn kết dân tộc cụ thể, thiết thực ở từng cấp, ngành và địa phương. Đồng thời, tác phẩm cũng đề cao vai trò của tuyên truyền nhằm giúp các DTTS nâng cao nhận thức, từ đó có hành động đúng đắn, tích cực tham gia bảo vệ Tổ quốc XHCN. Những luận điểm này có giá trị tham khảo sâu sắc trong quá trình vận dụng để xây dựng sự gắn kết vùng biên giới Tây Bắc.

Cuốn sách “*Chính sách và pháp luật của Đảng, Nhà nước về dân tộc*” (2005) do Hội đồng Dân tộc của Quốc hội biên soạn [39] là một tài liệu tổng hợp có giá trị, hệ thống hóa tương đối đầy đủ các văn bản pháp luật và CSDT của Đảng và Nhà nước qua các thời kỳ. Công trình này tập trung làm rõ tính pháp lý và phương hướng của Nhà nước trong giải quyết các những vấn đề liên quan đến dân tộc, đặc biệt nhấn mạnh ý sự quan trọng của CSDT trong quá trình xây dựng khối ĐĐKDT. Không chỉ cung cấp các văn bản như nghị quyết, chỉ thị liên quan đến công tác dân tộc, cuốn sách còn phân tích sâu sắc vai trò của các chính sách này trong việc thúc đẩy bình đẳng, củng cố khối ĐĐKDT và hướng đến sự phát triển bền vững tại vùng đồng bào DTTS. Qua đó, tài liệu góp phần làm sáng tỏ mối quan hệ giữa CSDT với ổn định KT-CT, VH-XH tại các khu vực có đông đồng bào DTTS sinh sống. Đặc biệt, trong bối cảnh khu vực biên giới Tây Bắc - đây là nơi có vị trí địa - chính trị rất quan trọng và là địa bàn sinh sống của nhiều cộng đồng DTTS - việc nghiên cứu và vận dụng các CSDT được trình bày trong cuốn sách có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Tài liệu này giúp nhận diện rõ hơn những khó khăn không nhỏ đối với thực hiện vấn đề dân tộc hiện nay, từ đó gợi mở các

giải pháp phù hợp nhằm củng cố khối ĐĐKDT, tăng cường niềm tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước và bảo đảm QP-AN vùng biên giới. Với cách tiếp cận hệ thống, tổng hợp và gắn liền với thực tiễn, cuốn sách là nguồn tài liệu tham khảo quan trọng đối với việc xây dựng chiến lược phát triển vùng DTTS, xây dựng khối ĐĐKDT ở là khu vực biên giới Tây Bắc Việt Nam.

Cuốn sách “*Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam*” (2005) của Lê Ngọc Thắng [105] tác phẩm có giá trị góp phần hệ thống hóa quan điểm nền tảng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối của Đảng ta về vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc (CSDT). Tác phẩm phân tích những vấn đề lý luận của công tác dân tộc trong hệ tư tưởng cách mạng nước ta, đồng thời phân tích thực hiện CSDT qua các thời kỳ, từ đó chỉ ra những kết quả và tồn tại, hạn chế. Thông qua việc đánh giá thực trạng triển khai CSDT đã nêu giải pháp cơ bản cho CSDT trong giai đoạn mới. Các giải pháp nổi bật bao gồm: hoàn thiện hệ thống pháp luật về dân tộc; nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với công tác dân tộc; bảo tồn bản sắc văn hóa của người dân vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách. Đặc biệt, với những phân tích cụ thể về đặc điểm địa lý, dân cư và văn hóa vùng biên, cuốn sách có giá trị định hướng cao đối với các tỉnh biên giới Tây Bắc.

Cuốn sách “*Công bằng và bình đẳng xã hội trong quan hệ tộc người ở các quốc gia hiện nay*” (2006) của Nguyễn Quốc Phẩm [80] trình bày hệ thống cơ sở lý luận về công bằng, bình đẳng của các tộc người trên các lĩnh vực KT-CT, VH-XH. Tác phẩm cũng phân tích kinh nghiệm quốc tế trong việc giải quyết vấn đề dân tộc, từ đó đề xuất định hướng chính sách cho Việt Nam trong xây dựng khối ĐĐKDT. Những luận điểm và giải pháp được đưa ra có ý nghĩa thiết thực ở các tỉnh biên giới Tây Bắc như Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La - nơi có sự đa dạng về thành phần dân tộc. Tác phẩm góp phần định hướng chính sách nhằm giảm thiểu khoảng cách phát triển giữa các vùng, tăng cường sự gắn kết cộng đồng và bảo đảm ổn định CT-XH.

Cuốn sách “*Học tập phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh*” (2006) của Hoàng Chí Bảo [6]. Trong đó tác giả nêu rõ lý luận về phương pháp

tuyên truyền cách mạng của Hồ Chí Minh. Tác giả đi sâu và làm rõ hệ thống cơ sở lý luận, nguồn gốc và đặc điểm phương pháp tuyên truyền cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tác giả chỉ rõ sự kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, giữa ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu với khả năng khơi dậy lòng yêu nước, tinh thần tự lực và ý thức cộng đồng. Mặc dù cuốn sách không trực tiếp bàn trong công tác củng cố sức mạnh mềm - là một trong những yếu tố cơ bản nhằm củng cố và xây dựng ĐĐKDT. Việc vận dụng sáng tạo nhằm khơi dậy tinh thần gắn bó giữa các dân tộc. Qua đó, đóng vai trò thiết yếu trong việc xây dựng và giữ vững tinh thần dân tộc, đảm bảo trật tự CT-XH và định hướng phát triển bền vững cho vùng biên giới Tây Bắc.

Cuốn sách *“Những vấn đề cơ bản về chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay”* (2006) của tác giả Phan Xuân Sơn và Lưu Văn Quảng [166], đã hệ thống và khảo cứu thực thi CSĐT của Đảng và Nhà nước qua các thời kỳ cách mạng, đặc biệt nhấn mạnh vai trò của CSĐT trong xây dựng khối ĐĐKDT. Đồng thời chỉ ra hạn chế trong việc triển khai CSĐT trong giai đoạn 1976-2006, trên các phương diện KT-XH trong đó đáng chú ý là những tồn tại liên quan đến điều kiện tự nhiên tác động cho vùng DTTS. Từ phân tích đến kiến nghị giải pháp hay nhằm khắc phục tình trạng biệt lập, giảm dần chênh lệch của các dân tộc, hướng tới bảo đảm sự tôn trọng, ĐĐKDT và thúc đẩy trong lẫn nhau giữa các cộng đồng.

Bài viết *“Nâng cao hiệu quả công tác Mặt trận, phát huy truyền thống đoàn kết các dân tộc miền núi phía Bắc hiện nay”* (2008) của Huỳnh Đảm [18], đã nhấn mạnh vai trò trung tâm của vai trò của MTTQ Việt Nam trong công tác tập hợp và đoàn kết đồng bào các DTTS ở miền núi phía Bắc. Theo tác giả, để phát huy hiệu quả truyền thống đoàn kết của dân tộc, MTTQ cần đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước và các cuộc vận động mang tính toàn dân, qua đó tạo sự lan tỏa và gắn kết trong cộng đồng, đặc biệt là ở những vùng có điều kiện KT-XH còn khó khăn. Tác giả đồng thời khẳng định rằng, việc nâng cao nhận thức của HTCT và toàn xã hội về tầm quan trọng của ĐĐKDT, về công tác dân tộc và

vai trò của MTTQ trong bối cảnh mới là yêu cầu cấp thiết. Cung cấp những luận về MTTQ có vai trò trong xây dựng khối ĐĐKDT.

Cuốn sách *“Đảm bảo bình đẳng và tăng cường hợp tác giữa các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay”* (2009) của Hoàng Chí Bảo [7]. Tác phẩm tập trung phân tích thực trạng phát triển KT-XH tại các miền núi - nơi có đông đồng bào DTTS sinh sống và chỉ ra lý do của sự chênh lệch phát triển giữa các dân tộc. Đề xuất các giải pháp nhằm bảo đảm công bằng, bình đẳng, thúc đẩy hợp tác và hỗ trợ giữa các dân tộc trong tiến trình phát triển. Cuốn sách cung cấp những luận cứ quan trọng để tham khảo về chính sách phù hợp, thu hẹp sự phát triển không đều, tăng cường gắn kết cộng đồng và bảo vệ Tổ quốc.

Cuốn sách *“Nhận thức, thái độ, hành vi của cộng đồng các dân tộc thiểu số đối với chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay - Thực trạng và giải pháp”* (2010) của Nguyễn Đình Tấn [98] là một công trình có giá làm rõ những yếu tố tác động đến việc triển khai CSĐT. Tác giả đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về CSĐT và tiến hành khảo sát thực trạng về hiểu biết, quan điểm và cách ứng xử của người DTTS trong quá trình tiếp cận, thực thi các chính sách của Đảng và Nhà nước. Công trình chỉ ra một số hạn chế của người dân, phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao nhận thức chính trị, điều chỉnh thái độ và tác động đến sự tham gia thực hiện tốt CSĐT- những kết quả nghiên cứu từ công trình này có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Công trình có giá trị không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách, mà còn là cơ sở quan trọng để củng cố niềm tin của nhân dân, tăng cường xây dựng khối ĐĐKDT, nhất là trong vùng biên giới chiến lược Tây Bắc.

Cuốn sách *“Phát triển nguồn cán bộ dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta hiện nay (2010)”* của Lô Quốc Toàn [112]. Tác giả đã phân tích nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về công tác cán bộ, xem xét thực trạng phát triển nguồn cán bộ DTTS ở miền núi phía Bắc. Tác giả chỉ ra được những khó khăn, hạn chế về kinh tế, về trình độ, đời sống của cán bộ là

người DTTS miền núi trong quá trình công tác. Tác giả đã nêu phương hướng và giải pháp nhằm phát triển nguồn cán bộ DTTS phía Bắc nước ta. Là tài liệu tham khảo về đánh giá cán bộ là người DTTS ở vùng biên giới Tây Bắc.

Cuốn sách *“Vấn đề về dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay”* (2011) của Đậu Tuấn Nam [67] đã phân tích, tổng hợp và đánh giá các CSDT của nước ta qua từng giai đoạn. Tác giả làm rõ đặc điểm của các DTTS ở nước ta, trong đó nhấn mạnh đến tình hình DTTS tại một số khu vực trọng điểm, bao gồm cả vùng biên giới Tây Bắc. Theo đó, các DTTS ở khu vực này có số lượng dân cư không đồng đều, cư trú phân tán và đan xen; trình độ phát triển còn nhiều hạn chế; mỗi dân tộc mang bản sắc văn hóa. Tuy nhiên, điểm nổi bật là truyền thống đoàn kết, tôn trọng lẫn nhau và sự phong phú trong đời sống văn hóa các DTTS vùng Tây Bắc. Tác phẩm cung cấp những luận cứ lý luận và thực tiễn quan trọng trong việc nghiên cứu CSDT nói chung và đặc điểm của các DTTS vùng biên giới Tây Bắc nói riêng - đây là luận cứ cho việc vận dụng vào xây dựng ĐĐKDT ở khu vực chiến lược này.

Cuốn sách *“Vấn đề về dân tộc và công tác dân tộc”* (2011) của Bế Trường Thành [101] tác giả đã khẳng định đây là vấn đề mang tính chiến lược của nước ta, đồng thời là đường lối của Đảng trong lãnh đạo đất nước. Theo tác giả, chính nhờ phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT mà nhân dân ta đã gặt hái được thắng lợi vẻ vang trong sự nghiệp thống nhất nước nhà và từng bước xây dựng CNXH. Tác phẩm cũng đề cao vai trò của MTTQ Việt Nam như lực lượng cơ bản trong, tập hợp quần chúng, góp phần củng cố và phát huy sức mạnh ĐĐKDT. Những nội dung này có giá trị to lớn, là cơ sở tham khảo hữu ích cho việc nghiên cứu và vận dụng trong xây dựng khối ĐĐKDT mang tính chiến lược cao.

Cuốn sách *“Phát triển nguồn nhân lực ở vùng DTTS Việt Nam đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước”* (2012) của Nguyễn Đăng Thành [102], đã phân tích một cách hệ thống về khái niệm DTTS, đặc điểm của các cộng đồng DTTS ở Việt Nam cũng như thực trạng phát triển

nguồn nhân lực tại khu vực này trong giai đoạn đổi mới. Tác giả cũng khái quát và hệ thống các chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nguồn nhân lực DTTS, nhằm đáp ứng yêu cầu của DTTS hiện nay. Đối với khu vực biên giới Tây Bắc - nơi lực lượng lao động DTTS chiếm tỷ lệ lớn - những phân tích và định hướng được trình bày trong cuốn sách có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Chú trọng nâng cao trình độ của người dân vừa giúp rút ngắn khoảng cách sự khác biệt, chênh lệch cao của các vùng miền, vừa tạo cơ hội để các DTTS được tham gia bình đẳng, chủ động và hiệu quả vào đời sống KT-XH và lấy được sự tin tưởng của nhân dân góp phần xây dựng khối ĐĐKDT nhất là ở Tây Bắc, đồng thời giữ vững ổn định CT-XH và bảo đảm QP-AN biên giới

Luận án tiến sĩ “Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thực hiện chính sách dân tộc ở một số tỉnh Tây Bắc từ năm 1996 đến năm 2006” (2012) của Trần Thị Mỹ Hương [46] đã tập trung nghiên cứu quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc của Đảng tại khu vực Tây Bắc, với mục tiêu xây dựng mối quan hệ bình đẳng - đoàn kết - hỗ trợ lẫn nhau của các dân tộc. Tác giả nhận định Tây Bắc là địa bàn chiến lược quan trọng về KT-XH, QP-AN, nơi cư trú tập trung của đồng bào DTTS, sinh sống trong điều kiện địa lý phức tạp. Trên cơ sở đó, luận án nhấn mạnh việc triển khai CSDT theo các nguyên tắc: bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và tương trợ là yêu cầu tất yếu nhằm thúc đẩy sự phát triển toàn diện khu vực này. Đồng thời, luận án cũng đánh giá những thành tựu, chỉ ra một số hạn chế và đề xuất bài học lịch sử từ thực hiện CSDT tại một số tỉnh Tây Bắc giai đoạn 1996-2006.

Cuốn sách “*Một số vấn đề cơ bản về kinh tế - xã hội ở các vùng biên giới Việt Nam*” (2013) của Bùi Xuân Đính, Nguyễn Ngọc Thanh [26]. Tác giả đã dày công nghiên cứu đặc điểm tự nhiên, KT-XH các vùng biên giới của Việt Nam, trong đó đã đề cập đến vùng giáp Trung Quốc, Lào trong đó có khu vực biên giới Tây Bắc. Chỉ ra các đặc điểm về KT-XH các dân tộc ở các miền núi phía Bắc và giáp biên giới. Đây là nguồn tài liệu tham khảo về đặc điểm văn hoá tộc người, sự phát triển KT-XH để nghiên cứu ở các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay.

Cuốn sách *“Chính sách phát triển vùng dân tộc thiểu số phía Bắc Việt Nam hiện nay”* (2014) của Nguyễn Lâm Thành [104], tác giả đã chỉ ra những lý luận cơ bản CSDT ở khu vực miền núi phía Bắc nước ta, trên cơ sở đó tác giả đánh giá tình hình, đưa ra những quan điểm, nguyên tắc đổi mới cách tiếp cận chính sách phát triển vùng DTTS ở nước ta. Công trình đã phân tích những thành tựu nổi bật của việc triển khai CSDT, nhất là trong phát triển KT-XH. Đây là tài liệu tham khảo cho nghiên cứu xây dựng khối ĐĐKDT ở biên giới Tây Bắc.

Cuốn sách *“Nét đẹp phong tục các dân tộc Việt Nam”* (2016) của Vi Hồng Nhân, Lưu Minh Thư [64]. Nhóm tác giả đã nghiên cứu và giới thiệu về một số phong tục đẹp của một số DTTS sống ở vùng miền núi biên giới Tây Bắc như đã giới thiệu nét đặc sắc trong phong tục thờ cúng tổ tiên của người Bô Y ở Lào Cai. Đánh giá được đây là dân tộc ít người và giữ gìn lễ thờ cúng tổ tiên giáo dục cho con cháu các đức tính biết ơn và tạo nên sự gắn kết trong gia đình, dòng họ. Ngoài ra, trong cuốn sách cũng nêu lên những văn hoá của Người La Hủ ở huyện Mường Tè, Lai Châu; phong tục cưới hỏi của người Thái vùng Tây Bắc ở Điện Biên, Lai Châu. Đây là những phân khái quát đặc điểm văn hoá của một số DTTS. Là nguồn tài liệu tham khảo cho phần về đặc điểm văn hoá các dân tộc trong xây dựng khối ĐĐKDT vùng biên giới Tây Bắc.

Cuốn sách *“Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số ở miền núi phía bắc Việt Nam hiện nay”* (2018) của tác giả Hoàng Thị Hương [45]. Tác giả đánh giá được vai trò kinh tế gắn với giữ gìn bản sắc văn hoá DTTS ở phía Bắc nước ta. Chỉ ra được sự tác động đến kinh tế đến giữ gìn bản sắc văn hoá của các DTTS phía Bắc hiện nay. Có những giải pháp vừa phát triển kinh tế song song với việc gìn giữ các bản sắc, truyền thống của các DTTS miền núi hiện nay. Cuốn sách có giá trị cho nghiên cứu nội đặc thù người dân sống ở biên giới phía Tây Bắc và là tài liệu tham khảo cho phần giải pháp xây dựng khối ĐĐKDT gắn với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa.

Luận án “Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo thực thi đại đoàn kết dân tộc từ năm 1996 đến 2015” (2020) của Hoàng Thị Trang [109]. Nội dung nghiên cứu về Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (giai đoạn 1996 đến 2015) trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện ĐĐKDT, tập hợp, phát huy chính sách ĐĐKDT trong 22 dân tộc anh em sống hòa thuận, phát triển KT-XH. Là tài liệu tham khảo nghiên cứu về khu vực có nhiều đồng bào DTTS sinh sống để xây dựng khối ĐĐKDT

Cuốn sách *“Phòng ngừa hoạt động móc nối, lôi kéo người có uy tín trong dân tộc Mông các tỉnh Tây Bắc”* (2021) của Phan Hải Dương và Lê Văn Quang [15] là công trình tập trung phân tích một vấn đề mang tính thời sự và đặc thù: hoạt động móc nối, lôi kéo người có khả năng nói và được tôn trọng trong đồng bào Mông tại các tỉnh Tây Bắc. Tác giả làm rõ tính chất, phương thức và mức độ nguy hiểm của các hoạt động này, nhấn mạnh vai trò của công tác phòng ngừa, đồng thời phân tích đặc điểm địa hình, điều kiện KT-XH và văn hóa đặc trưng của khu vực Tây Bắc. Tác phẩm thể hiện sự nghiên cứu sâu sắc về đặc điểm xã hội, vai trò của người có uy tín là dân tộc Mông, cũng như nhận diện rõ các thủ đoạn của các thế lực thù địch và những khó khăn trong xử lý tình huống thực tế. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất các giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn hiệu quả, củng cố niềm tin người Mông vào chính quyền, bảo đảm QP-AN tại các tỉnh biên giới Tây Bắc. Công trình này là tài liệu tham khảo thiết thực trong nghiên cứu và xây dựng khối ĐĐKDT ở biên giới Tây Bắc.

Bài viết “Chính sách dân tộc của Việt Nam qua 35 năm đổi mới” (2021) của Nguyễn Thị Thu Thanh [94]. Bài viết nêu lên các CSDT của Việt Nam thời kỳ đổi mới. Đề ra những giải pháp thực hiện tốt CSDT hiện nay. Trong đó tác giả chỉ ra giải pháp trong thực hiện các CSDT là công việc quan trọng, thường xuyên, lâu dài. Việc thực hiện CSDT cần có lộ trình hợp lý, được tiến hành kiên trì, nhất quán, đồng thời đổi mới và hoàn thiện hơn. CSDT không chỉ là công cụ quản lý xã hội, mà còn phải trở thành động lực trực tiếp thúc đẩy sự bình đẳng, tăng cường ĐĐKDT. Từ cách tiếp cận của tác giả cung cấp luận cứ trong xây

dựng và thực hiện CSDT cần gắn với mục tiêu xây dựng toàn diện, bền vững, phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT.

Cuốn sách *“Văn hoá dân tộc vùng cao với chủ quyền và an ninh biên giới quốc gia Việt Nam trong thế giới toàn cầu hoá”* (2022) của Lê Kim Bình [9]. Tác giả đã đánh giá sự tác động của văn hoá tộc người vùng cao đến việc đảm bảo an ninh biên giới và chủ quyền lãnh thổ đất nước trong quá trình toàn cầu hoá hiện nay ở hai góc độ tiếp cận là xuất phát từ những thành tố bên trong văn hoá tộc người vùng cao và góc độ thứ hai là từ khái niệm để xác định các yếu tố nào của văn hoá tộc người vùng cao tác động vào. Điểm mới của tác giả là đánh giá ở góc độ chính trị - pháp lý, góc độ KT-CT; góc độ văn hóa, tư tưởng. Đây là những góc độ phân tích khá đầy đủ và khái quát về góc độ tiếp cận. Đặc biệt trong chương 3 tác giả làm rõ văn hoá tộc người vùng cao với chủ quyền, an ninh biên giới, quốc gia Việt Nam trong bối cảnh mới: Khái quát được đặc điểm văn hóa vùng cao ở Việt Nam, nhấn mạnh văn hoá tộc người vùng cao là nhân tố tạo nên khối ĐĐKDT và là sức mạnh để đảm bảo sự toàn vẹn và thống nhất về ở biên giới cũng như sự toàn vẹn về QP-AN. Tác giả đã có những giải pháp cơ bản trong việc giữ gìn và phát huy văn hoá tộc người trong đảm bảo QP-AN biên giới của Việt Nam.

Cuốn sách *“Phát huy truyền thống đại đoàn kết dân tộc xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc”* (2023) của Nguyễn Phú Trọng [116], là một cuốn sách nghiên cứu giàu giá trị to lớn, thể hiện tư duy nhất quán và hệ thống trong việc nghiên cứu về ĐĐKDT. Khẳng định truyền thống đoàn kết là một đặc trưng nổi bật, trải dài trong lịch sử đấu tranh dựng nước và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, tác phẩm nhấn mạnh vai trò nền tảng về sức mạnh quốc gia, cũng như sự vận dụng sáng tạo trong đường lối lãnh đạo dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhất là trong giai đoạn đổi mới. Tác phẩm đề cập nhiều giải pháp hướng tới việc khơi dậy và phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT, trong đó phân tích MTTQ, các tổ chức CT-XH sâu sắc. Tác phẩm được cấu trúc thành ba phần: 1, trình bày cơ sở lý luận, khẳng định ĐĐKDT là sức mạnh nội

sinh, là yếu tố then chốt bảo đảm sự thành công trong đổi mới nước ta. Nguyên Tổng Bí thư nhấn mạnh vai trò nòng cốt của MTTQ và các tổ chức CT-XH trong xây khối ĐĐKDT. Đi sâu vào phân tích các giải pháp nhằm phát huy hiệu quả hoạt động của MTTQ và các tổ chức thành viên, coi đó là cầu nối quan trọng trong việc tăng cường sự gắn kết giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân trong công cuộc xây dựng đất nước. Tác giả đề cao vai trò của việc phát huy tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm và tính chủ động của nhân dân trong sự nghiệp phát triển dân tộc ta. Với sự kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, cuốn sách không chỉ tổng kết những vấn đề cốt lõi trong bối cảnh hiện nay, mà còn là nguồn tài liệu khoa học có giá trị, góp phần định hướng nghiên cứu tại các tỉnh biên giới Tây Bắc - khu vực có ý nghĩa chiến lược cả về QP-AN bền vững.

Đề tài cấp bộ “Đối ngoại nhân dân trong bảo vệ chủ quyền, biên giới quốc gia ở các tỉnh biên giới phía bắc ở nước ta hiện nay” (2023) của Nguyễn Thị Thuý Hà [31]. Tác giả và cộng sự đã có sự đầu tư nghiên cứu về ngoại giao nhân dân trong bảo vệ chủ quyền, biên giới phía Bắc nước ta. Đã phân tích quan điểm chỉ đạo của Đảng trong thực hiện đối ngoại. Hoạt động triển khai và thực thi nhiệm vụ của địa phương, đánh giá thực trạng hoạt động đối ngoại nhân dân với công tác quản lý biên giới, trật tự an ninh ở biên giới của đất nước. Đã đánh giá được hiệu quả phối hợp công tác đối ngoại ở các tỉnh biên giới phía Bắc. Ngoài ra, trong chương 3 nhóm tác giả đưa ra yêu cầu cần thiết trong thực hiện đối ngoại nhân dân và có những giải pháp trong việc thực hiện đối ngoại nhằm góp phần đảm bảo QP-AN và tiếp tục phát triển toàn diện về KT-XH. Là cơ sở để đánh giá tinh thần, trách nhiệm của nhân dân trong xây dựng khối ĐĐKDT và bảo QP-AN biên giới nước ta.

Cuốn “*Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở vùng Tây Bắc*” (2001-2021) (2024) của Phạm Minh Thế [106], đã tập trung nghiên cứu sâu sắc về đặc điểm tộc người, điều kiện địa lý, KT-XH đặc thù của Tây Bắc - một vùng lãnh thổ có nhiều yếu tố đặc thù, nơi sinh sống của các DTTS. Trên nền tảng đó, tác giả tiến hành phân tích việc thực hiện CSDT từ năm 2001 đến năm 2021, với

điểm nhấn là giai đoạn 2001-2006, được trình bày với sự công phu và có chiều sâu về dữ liệu thực tiễn. Đáng chú ý, tác giả không chỉ xem xét những kết quả nổi bật mà còn chỉ rõ những thách thức nổi lên trong quá trình thực thi CSDT. Các vấn đề như buôn lậu, ma túy, hoạt động tôn giáo cực đoan, hủ tục của các tộc người được xem là những yếu tố tiềm ẩn ảnh hưởng khối ĐĐKDT nếu không được nhận diện kịp thời. Tài liệu có giá trị tham khảo góp phần bổ sung cơ sở lý luận trong xây dựng ĐĐKDT tại các tỉnh Tây Bắc - khu vực có vai trò chiến lược về QP-AN, KT-XH.

Bài viết *“Hệ thống chính trị cơ sở giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc Việt Nam hiện nay”* (2023) của Nguyễn Tú Anh [2], tác giả chỉ ra những tính đặc sắc trong văn hoá của DTTS vùng này. Tổng kết những kết quả đạt được trong gìn giữ văn hoá của DTTS và chỉ ra hạn chế về các hoạt động và vai trò của tổ chức trong công tác gìn giữ và phát huy giá trị văn hoá DTTS tại đây. Nêu các giải pháp mang tính định hướng, trong đó, nhấn mạnh đến vai trò của văn hóa dân tộc trong phát triển bền vững; tăng cường trách nhiệm, nâng cao năng lực và bản lĩnh cho cán bộ, công chức trong gìn giữ văn hoá dân tộc; đồng thời chủ động đấu tranh, bài trừ quan điểm sai trái, thù địch lợi dụng vấn đề văn hóa DTTS để chống phá chính quyền, chế độ ta. Những đề xuất này là những gợi mở có giá trị góp phần cung cấp thêm căn cứ tham khảo trong quá trình nghiên cứu, triển khai.

Bài viết *“Gìn giữ, phát huy vai trò khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng,,* (2023) của Đặng Quang Định [17], bài viết nhấn mạnh rằng đại ĐĐKDT là nền tảng quan trọng trong phát huy toàn diện trí tuệ, tinh thần sáng tạo, ý chí tự lực tự cường cùng lòng tự hào, tự tôn dân tộc và là động lực lớn. Trong bài tác giả đã nhấn mạnh giữ gìn và đề cao giá trị kết nối, phục vụ mục tiêu “xây dựng đất nước giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng là nhiệm vụ lớn lao của toàn thể cán bộ, nhân dân, của toàn dân tộc. Tác giả đã nhấn mạnh đến vai trò của Đảng Cộng,

Nhà nước và MTTQ trong vào quá trình bảo vệ, xây dựng, phát triển dân tộc. Là tài liệu có giá trị khoa học trong nghiên cứu các chủ thể trên đóng góp vào xây dựng khối ĐĐKDT.

Bài viết *“Một số nhận thức lý luận về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa gắn với tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc qua tác phẩm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng”* (2023) của Vũ Trọng Lâm [72], đánh giá việc phát huy dân chủ XHCN gắn với việc củng cố và phát huy khối ĐĐKDT tộc trên cơ sở giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, dân làm chủ là quan điểm lý luận lớn của Đảng ta. Trong những tác phẩm công bố gần đây, cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã góp phần hoàn thiện và phát triển lý luận về phát huy dân chủ XHCN gắn với tăng cường khối ĐĐKDT vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Bài viết bàn đến ba vấn đề: Một là, dân chủ là bản chất, mục tiêu căn bản và sức mạnh thúc đẩy sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta; hai là, dân chủ XHCN chỉ thực sự được bảo đảm trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền định hướng XHCN. Đặc biệt là thực hiện dân chủ phải gắn liền với xây dựng khối ĐĐKDT: Dân chủ thực chất sẽ thúc đẩy đoàn kết thực chất để đi tới đồng thuận xã hội là động lực phát triển đất nước.

Bài viết *“Bối cảnh quốc tế và trong nước tác động đến thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc hiện nay,,* (2024) của Bùi Thị Ngọc Lan [71], sau 40 năm nhờ phát huy toàn diện sức mạnh khối ĐĐKDT, nhân dân ta đã giành được nhiều thành tựu to lớn, mang ý nghĩa lịch sử. Tác giả đồng thời phân tích những tác động từ bối cảnh quốc tế và trong nước hiện nay theo hướng tiếp cận toàn diện và hệ thống cả hai chiều tích cực và tiêu cực. Ở khía cạnh quốc tế, nghiên cứu tập trung đánh giá tác động của toàn cầu cùng với sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc và bảo hộ. Về trong nước, tác giả nêu rõ ba yếu tố chính: đường lối đoàn kết đúng đắn; mặt trái nền kinh tế thị trường; sự yếu kém trong một số tổ chức đảng, chính quyền... Bài viết cũng nhấn mạnh nguy cơ từ “diễn

biến hòa bình” và biểu hiện chống phá của thế lực phản động trời dậy... Những phân tích này có giá trị gợi mở quan trọng đối với các tỉnh biên giới Tây Bắc, giúp nhận diện đầy đủ các yếu tố quốc tế và trong nước đang tác động tới khối sự phát triển bền vững. Đây là cơ sở để đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm tăng cường những tác động tích cực, khắc phục các ảnh hưởng tiêu cực trong ĐĐKDT và bảo đảm ổn định CT-XH.

Bài viết “*Sức mạnh của đoàn kết*” (2025) của tác giả Tô Lâm [73] đã thể hiện lý luận quan trọng, mang giá trị định hướng sâu sắc đối với xây dựng khối ĐĐKDT. Tác giả khẳng định ĐĐKDT là nền tảng vững chắc là “bức tường thành” kiên cố bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, cũng là nguồn lực cốt lõi bảo đảm cho quá trình phát triển KT-XH, tăng cường niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Trong bối cảnh vùng biên giới Tây Bắc có vị trí địa chính trị đặc biệt, địa hình phức tạp, dân cư đa tộc người và đang đối mặt với những thách thức như khoảng cách phát triển, nghèo đói, nguy cơ chia rẽ dân tộc, cùng với tác động từ quá trình hội nhập quốc tế, Tổng Bí thư khẳng định rằng việc xây dựng, củng cố sức mạnh ĐĐKDT là sức mạnh nội sinh không chỉ là nhiệm vụ chiến lược - là điều kiện để phát triển bền vững. Bài viết đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ, toàn diện: từ nâng cao hiệu quả thực thi CSĐT, đẩy mạnh phát triển kinh tế đi đôi với gìn giữ văn hóa truyền thống, đến củng cố hệ thống chính trị cơ sở, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ là người DTTS, phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng. Đồng thời, tác giả nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác dân vận, giáo dục truyền thống yêu nước và cảnh giác với âm mưu chia rẽ, cũng như phát động mạnh mẽ các phong trào thi đua yêu nước, gắn kết giữa phát triển kinh tế với bảo vệ chủ quyền lãnh thổ. Về phương diện lý luận, bài viết tiếp tục kế thừa, kế thừa và phát triển theo hướng sáng tạo, đồng thời cụ thể hóa các nội dung tư tưởng đó trong điều kiện thực tiễn của vùng biên giới Tây Bắc hiện nay. Việc khẳng định khối ĐĐKDT là “nguồn sức mạnh nội sinh quyết định”, giữ vị trí kép mục tiêu phấn

đầu và động lực phát triển của sự nghiệp cách mạng, có tính chiến lược ở khu vực biên giới - nơi có nhiều DTTS sinh sống, giữ vai trò trọng yếu của đất nước.

Như vậy, khi tổng hợp các công trình nghiên cứu đã chỉ ra rằng, tình hình xây dựng ĐĐKDT đã được tiếp cận từ nhiều chiều cạnh và phương diện khác nhau. Các công trình này không chỉ cung cấp những luận cứ khoa học có giá trị, mà còn góp phần làm sáng tỏ những yếu tố tác động đến sự gắn kết khối ĐĐKDT trong bối cảnh hiện nay. Đây chính là nền tảng lý luận và thực tiễn quan trọng để luận án kế thừa, vận dụng trong việc phân tích, đánh giá một cách toàn diện thực trạng xây dựng tại các tỉnh biên giới Tây Bắc. Trên cơ sở đó, luận án sẽ làm rõ các vấn đề đặt ra trong thực tiễn, từ đó đề xuất những định hướng nhằm củng cố và phát triển ở khu vực đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và giữ vững ổn định CT-XH trong tình hình mới.

1.1.2. Những nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Cuốn “Chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh” (1995) của Phùng Hữu Phú [83] là một công trình có giá trị lớn, nghiên cứu, nhấn mạnh tính chiến lược của tư tưởng này trong cách mạng Việt Nam. Tác phẩm được cấu trúc thành 5 phần, lần lượt làm rõ: cơ sở hình thành và phát triển chiến lược ĐĐKDT; sự vận dụng tư tưởng đoàn kết trong cách mạng giải phóng dân tộc; vai trò của khối đại đoàn kết trong tiến trình kiến thiết và bảo vệ CNXH Việt Nam; những nội dung cơ bản của chiến lược ĐĐKDT và sự kế thừa, phát triển chiến lược ấy trong bối cảnh mới. Tác giả khẳng định rằng trong di sản Hồ Chí Minh không chỉ là sách lược chính trị nhất thời mà mang tính chiến lược lâu dài, là nền tảng để xây dựng ĐĐKDT, trong đó nhấn mạnh đến tính toàn dân, toàn diện và linh hoạt trong tập hợp lực lượng. Những luận điểm này không chỉ có giá trị sâu sắc đối với việc xây dựng và củng cố trong thời kỳ đổi mới hiện nay. Tác phẩm cung cấp cơ sở lý luận vững chắc để tiếp cận khu vực cư trú tập trung của nhiều DTTS. Phần thứ hai của cuốn sách, với nội dung phân tích nguyên tắc và phương pháp đoàn

kết, đặc biệt có giá trị trong việc xây dựng các giải pháp thực tiễn nhằm tăng cường ở khu vực biên giới.

Cuốn *“ Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết với vấn đề huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ đổi mới ”* (2004) của Nguyễn Khánh Bật [8]. Tác giả đã nghiên cứu những vấn đề chung về đại đoàn kết. Vấn đề ĐĐKDT, đoàn kết các DTTS trong đất nước ta. Tác giả nêu rõ được thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phát huy khối. Qua đó đánh giá tinh thần ĐĐKDT trong xây dựng và bảo vệ biên giới hiện nay trong thời kỳ đổi mới. Nêu ra các giải pháp tiếp tục phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT hiện nay ở nước ta. Cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc từ góc nhìn tư tưởng Hồ Chí Minh.

Cuốn sách *“ Hồ Chí Minh với vấn đề đoàn kết các dân tộc ”* (2005) của Lê Ngọc Thắng [99]. Tác giả đã giới thiệu một cách tổng thể và toàn diện cơ sở hình thành, cũng như những giá trị cốt lõi. Tác giả làm sáng tỏ cả khía phương diện ĐĐKDT nói chung và đoàn kết giữa các dân tộc thiểu số trong bối cảnh đẩy mạnh thực hiện CNH, HĐH đất nước. Những luận điểm trong công trình là căn cứ khoa học để nghiên cứu, đánh giá và gắn với thực tiễn xây dựng và phát huy tại các tỉnh biên giới Tây Bắc - nơi có vị trí chiến lược đặc biệt, có cộng đồng các DTTS sinh sống đan xen, giữ vai trò trọng yếu trong phát triển KT-XH, bảo vệ chủ quyền và an ninh biên giới.

Cuốn sách *“ Nguồn gốc cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh ”* (2012) của Trần Minh Trường (chủ biên) [114]. Tác giả phân tích sâu về truyền thống ĐĐKDT là hạt nhân cội nguồn trong tư tưởng ĐĐKDT của Hồ Chí Minh. Tác giả đã nhấn mạnh đoàn kết là truyền thống quý báu của cả dân tộc Việt Nam gắn liền với công cuộc dựng nước và giữ nước. Truyền thống đoàn kết được xuất phát từ các lý do: Thứ nhất là, từ ý thức cộng đồng dân tộc; thứ hai là, xuất phát từ điều kiện địa lý của nước ta; thứ ba là, đoàn kết để chống giặc ngoại xâm. Từ đó, tác giả khẳng định tinh thần đoàn kết cộng đồng là truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam. Sức mạnh ĐĐKDT là cơ sở nền tảng, là nhân tố

cốt lõi trong hệ giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam. Tác giả đã phân tích từ tiếp thu truyền thống ĐĐKDT, cùng với quá trình hoạt động cách mạng và trong thực tiễn nhiều lần đề cập đến tính cộng đồng dù cách nói, viết khác nhau đều thể hiện sâu sắc, trọn vẹn tình cảm cộng đồng, ĐĐKDT chính là lẽ sống của dân tộc Việt Nam, là sức mạnh để xây dựng và bảo vệ đất nước. Đây là phân phân tích khá kỹ về truyền thống ĐĐKDT là hạt nhân ĐĐKDT.

Cuốn *“Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng thiên tài”* (2011) của Trần Nhâm [65] là một công trình chuyên sâu, góp phần làm sáng tỏ trên nhiều phương diện, trong đó nổi bật là nội dung về chiến lược- được tác giả trình bày chi tiết tại chương VII. Tác giả đã khái quát những luận điểm cốt về ĐĐKDT, bao gồm vấn đề lực lượng, phương pháp ĐĐKDT, cũng như vai trò của MTDTTN - hình thức tổ chức tiêu biểu cho sức mạnh ĐĐKDT. Đặc biệt, cuốn sách nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc xây dựng và phát huy, thể hiện qua mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng và nhân dân - yếu tố được Hồ Chí Minh coi là “nguồn gốc của mọi thắng lợi”. Tác giả khẳng định chiến lược phát huy sức mạnh của khối ĐĐKDT không chỉ là một trong những nội dung cơ bản, mà còn là một hệ thống lý luận hoàn chỉnh, được đúc kết từ thực tiễn cách mạng Việt Nam và những bài học kinh nghiệm từ phong trào cách mạng thế giới. Đáng chú ý, tác phẩm còn chỉ rõ rằng tư tưởng ĐĐKDT của Hồ Chí Minh đã vượt khỏi phạm vi lý luận thuần túy, trở thành sức mạnh vật chất có tổ chức, được hiện thực hóa sinh động trong quá trình cách mạng và phát triển đất nước. Với cách tiếp cận có hệ thống và lập luận chặt chẽ, công trình này là tài liệu tham khảo có giá trị đối xây dựng khối ĐĐKDT.

Cuốn *“Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc”* (2013) của Giảng Seo Phử (Chủ biên) [85]. Trong cuốn sách, tác giả đã làm rõ các văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề ĐĐKDT. Đặc biệt, phần thứ hai của cuốn sách tác giả đi sâu vào nghiên cứu về vấn đề ĐĐKDT. Qua các bài viết, bài nói, bức thư của Hồ Chí Minh cho vùng đồng bào các DTTS như bức thư gửi đồng bào Lào Cai, bức thư gửi đồng bào và cán bộ Lai Châu; bức

thư gửi đồng bào cán bộ Tây Bắc... trong đó, Người đều nhấn mạnh về đề lao động sản xuất và bảo vệ Tổ quốc.

Cuốn *“Nghiên cứu, tổng kết làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về thực hiện đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”* (2014) của Nguyễn Viết Thảo [97]. Trong đề tài tác giả đã nghiên cứu những vấn đề lý luận về ĐĐKDT trên cơ sở lý luận từ quan điểm của C.Mác - Ph. Ăngghen và V.I.Lênin về dân tộc và đoàn kết dân tộc. Nghiên cứu cơ sở lý luận ĐĐKDT trong công cuộc đổi mới đi lên CNXH ở Việt Nam. Đánh giá được sức mạnh của ĐĐKDT mà nhân dân là sức mạnh to lớn nhất đã đoàn kết và đạt được trong quá trình xây dựng CNXH. Công trình có giá trị lý luận cho nghiên cứu xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc nước ta.

Bài viết *“ Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc ”* (2015) của Lê Mậu Hãn [32], đã phân tích vị trí, vai trò của ĐĐKDT trong tiến trình cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và khẳng định thắng lợi của chiến lược này trong hơn 75 năm qua. Tác giả nhấn mạnh rằng, sau khi thống nhất đất nước, tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh tiếp tục là nền tảng để củng cố MTTQ, huy động sức mạnh ĐĐKDT trong xây dựng Nhà nước ta. Những phân tích và luận giải của tác giả không chỉ có giá trị lý luận mà còn là cơ sở quan trọng để vận dụng vào thực tiễn xây dựng khối ĐĐKDT các tỉnh biên giới Tây Bắc; đặt ra yêu cầu tăng cường gắn kết cộng đồng để phát triển ổn định và bảo vệ Tổ quốc.

Như vậy, qua tìm hiểu các công trình nghiên cứu ở trên, các tác giả đã làm rõ những nội dung cốt lõi cả trong giai đoạn cách mạng giải phóng dân tộc và trong sự nghiệp bảo vệ CNXH. Một điểm chung nổi bật là việc nhấn mạnh vai trò chiến lược, xuyên suốt của ĐĐKDT, coi đây là động lực và nền tảng của mọi thắng lợi cách mạng. Bên cạnh đó, các nghiên cứu cũng phân tích sâu sắc MTTQ Việt Nam là tổ chức giữ vai trò nòng cốt trong việc tuyên truyền sức mạnh đoàn kết và xây dựng khối ĐĐKDT. Qua đó, thể hiện rõ sự kế thừa, vận dụng linh hoạt và sáng tạo của Đảng ta trong từng giai đoạn lịch sử của cách mạng Việt Nam, nhằm phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT trong điều kiện mới.

1.1.3. Những nghiên cứu về sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Cuốn sách *“Xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên”* (2008) của Trương Minh Dục [12]. Tác giả đã đi sâu vào phân tích về truyền thống ĐĐKDT ở Tây Nguyên từ trong quá trình củng cố và xây dựng khối ĐĐKDT ở Tây Nguyên trong cách mạng dân tộc dân chủ và xây dựng CNXH, đặc biệt là tiếp tục xây dựng ĐĐKDT ở Tây Nguyên trong thời kỳ đổi mới. Cuốn sách đồng thời phân tích những xu hướng xuất hiện trong quan hệ dân tộc; thực trạng khối ĐĐKDT ở Tây Nguyên. Tác giả đã đề xuất một số giải pháp hay nhằm góp phần hoàn thiện, bổ sung các CSDT góp phần xây dựng và củng cố khối ĐĐKDT ở Tây Nguyên như giải pháp cơ bản phát triển kinh tế bền vững, củng cố và tăng cường HTCT trong đó đề cập về việc xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận cấu thành HTCT như tổ chức Đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể nhân dân ... cuốn sách là nguồn tư liệu tham khảo gợi mở cho đề ra các nhóm giải pháp cơ bản trong quá trình xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới ở Tây Bắc hiện nay.

Trong bài viết *“Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa”* (2012), tác giả Văn An [3] phân tích sâu sắc về xây dựng khối ĐĐKDT từ góc độ lý luận gắn với các yếu tố thực tiễn như: Giải quyết hài hòa lợi ích giữa các thành phần xã hội, phát huy tinh thần yêu nước và mở rộng thực hành dân chủ. Theo tác giả, đây chính là những yếu tố quyết định trong việc củng cố khối ĐĐKDT vững chắc, nhằm bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia và thúc đẩy phát triển KT-XH theo định hướng XHCN. Bài viết cung cấp cơ sở lý luận và gợi mở phương pháp tiếp cận phù hợp vào việc xây dựng khối ĐĐKDT ở vùng biên giới.

Cuốn sách *“Phát huy các nguồn lực của dân làm lợi cho dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh”* (2012) của Phạm Ngọc Anh [1] đã trình nghiên cứu rất hệ thống những nội dung cốt lõi và giá trị thực tiễn sâu sắc về vai trò của nhân dân trong sự nghiệp cách mạng. Tác giả khẳng định quan điểm xuyên suốt của Hồ Chí

Minh: cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân tiến hành và vì lợi ích của nhân dân. Cuốn sách đề xuất một số định vào thực tiễn hiện nay, trong đó nhấn mạnh yêu cầu phát huy tối đa các nguồn lực trong nhân dân, coi con người là trung tâm và mục tiêu của phát triển, đồng thời bảo đảm thực hiện các chính sách xã hội một cách công bằng, nhân văn, vì sự phát triển toàn diện và bền vững của mỗi cá nhân trong cộng đồng. Tư tưởng này có ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh đổi mới và hội nhập, góp phần định hướng cho việc xây dựng vững chắc, nhất là ở những vùng có điều kiện KT-XH đặc thù như khu vực biên giới Tây Bắc.

Cuốn sách *“Lời dạy của Bác Hồ mãi mãi soi đường cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai”* (2015) của Tỉnh ủy Lào Cai [126]. Trong cuốn sách đã phân tích và làm rõ việc thực hiện theo lời dạy của Bác về xây dựng khối ĐĐKDT các dân tộc của tỉnh Lào Cai trong phát triển KT-CT, VH-XH và QP-AN. Trong chương III về ĐĐKDT thi đua yêu nước: đã đánh giá và tổng kết quá trình nhân dân các dân tộc tiếp tục phát huy khối ĐĐKDT thực hiện thi đua yêu nước theo Bác nhất là trong thời kỳ đổi mới hiện nay. Đánh giá kết quả của việc thực hiện theo lời dạy của Người về thi đua yêu nước và phát huy khối ĐĐKDT các dân tộc tỉnh Lào Cai trên các lĩnh vực KT-XH, QP-AN ở tỉnh Lào Cai.

Luận án tiến sĩ *“Nguyên tắc, phương pháp đại đoàn kết trong tư tưởng Hồ Chí Minh”* (2015) của Lê Thị Hà [29] tập trung nghiên cứu một cách chuyên sâu về những quan điểm cốt lõi liên quan đến nguyên tắc và phương pháp ĐĐKDT. Tác giả đã phân tích cơ sở lý luận, thực tiễn hình thành cũng như những nội dung trọng tâm thể hiện phương pháp tổ chức, quy tụ sức mạnh ĐĐKDT phục vụ cho sự nghiệp giành độc lập Tổ quốc. Luận án đồng thời khẳng định tính khoa học và giá trị ứng dụng về đại đoàn kết trong bối cảnh hiện nay. Mặc dù chưa triển khai toàn diện các nội dung cụ thể, cách tiếp cận này là cơ sở tham khảo vận dụng vào việc làm rõ nguyên tắc và phương pháp xây dựng ĐĐKDT tại các tỉnh biên giới Tây Bắc, phù hợp với đặc điểm khu vực và trong định hướng của Đảng.

Luận án Tiến sĩ “Vấn đề xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở Tây Bắc hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh (qua thực tế ở Sơn La)” (2017) của Dương Văn Mạnh [75] là một công trình nghiên cứu chuyên sâu, tập trung về ĐĐKCDT. Luận án đã phân tích một cách có hệ thống về ĐĐKCDT ở Sơn La, từ đó đánh giá mức độ vận dụng tư tưởng này trong thực tiễn xây dựng khối ĐĐKCDT ở khu vực Tây Bắc với trọng tâm khảo sát tại tỉnh Sơn La. Trên cơ sở khảo cứu thực tiễn ở một tỉnh, tác giả chỉ ra những vấn đề nổi bật trong quá trình xây dựng, đặc biệt là các mâu thuẫn tiềm ẩn giữa các nhóm dân cư và những thách thức đối trong xây dựng khối ĐĐKCDT. Luận án cũng đặt vấn đề tiếp cận các mâu thuẫn các dân tộc ở Sơn La dưới góc độ triết học. Từ đó có những thông tin tham khảo mới nhằm tiếp tục hoàn thiện lý luận và giải pháp thực tiễn cho việc tăng cường sự đoàn kết nhất trí giữa các đồng bào, góp phần xây dựng ĐĐKDT cho cả vùng biên Tây Bắc.

Viện Hồ Chí Minh (2001), Kỷ yếu Hội thảo: *“Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người khơi nguồn và phát huy thành công sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong cách mạng Việt Nam”*, nhân kỷ niệm 111 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (5/2001). Tập hợp nhiều bài viết phân tích sâu sắc sức mạnh ĐĐKDT đến thành công qua các thời kỳ; ĐĐKDT không chỉ là đường lối mà còn là phương thức tổ chức lực lượng cách mạng và xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Đây là cơ sở lý luận quan trọng để vận dụng vào thực tiễn ở các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay - nơi có đặc thù đa dân tộc, địa hình hiểm trở, biên giới dài, yêu cầu phải củng cố khối ĐĐKDT bền vững nhằm phát triển KT-XH gắn với giữ gìn QP -AN và chủ quyền lãnh thổ.

Bài viết “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và miền núi vào thực hiện chính sách dân tộc hiện nay” (2004), của Nguyễn Thị Kim Dung [14] vấn đề dân tộc và xây dựng khối ĐĐKDT là nội dung cốt lõi trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trên cơ sở phân tích những kết quả đạt được cũng như những tồn tại trong quá trình thực hiện CSĐT, tác giả nhấn mạnh yêu cầu phải vận dụng sáng tạo và phù hợp bối cảnh đẩy mạnh CNH,HHH và bảo vệ Tổ quốc. Những luận điểm này có ý nghĩa tham chiếu quan trọng cho việc đánh giá

hiệu quả triển khai CSDT tại khu vực biên giới Tây Bắc - nơi cư trú của đông đảo đồng bào dân tộc thiểu số, đồng thời là địa bàn có vai trò chiến lược về KT-XH, QP-AN. Do đó, việc gắn kết chặt chẽ giữa phát triển KT-XH với nhiệm vụ củng cố khối ĐĐKDT được xem là điều kiện tiên quyết để bảo đảm sự ổn định và phát triển bền vững của khu vực.

Bài viết “Phát huy tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh trong điều kiện nước ta hiện nay” (2005) của Nguyễn Thị Nga [38] đã khái quát những nội dung cốt lõi, trong đó nhấn mạnh: đoàn kết là cội nguồn của sức mạnh; cần chủ động mở rộng khối đại đoàn kết một cách toàn diện và sâu rộng; đồng thời phải giữ vững nguyên tắc “cầu đồng tồn dị” lấy mục tiêu chung làm điểm thống nhất để quy tụ các lực lượng xã hội. Tác giả đề xuất các yêu cầu đối với việc phát huy tư tưởng ĐĐKDT, bao gồm: mở rộng MTTQ, xác định rõ phương pháp tập hợp các lực lượng xã hội, xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh với vai trò là hạt nhân của khối ĐĐKDT; phát huy lòng yêu nước, tinh thần tự lực, tự cường; quan tâm giải quyết hài hòa lợi ích của nhân dân. Những nội dung này là cơ sở quan trọng để vận dụng trong việc xây dựng khối ĐĐKDT trong bối cảnh hiện nay nhất là vùng biên giới Tây Bắc nước ta.

Bài viết “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Sơn La làm theo lời Bác: Xây dựng và tăng cường khối đoàn kết các dân tộc” (2005) của Cẩm Chí Kiên [69] đã khẳng định vai trò quan trọng của MTTQ tỉnh Sơn La trong suốt quá trình thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đặc biệt là trong việc củng cố và phát huy khối ĐĐKDT. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của tỉnh ủy và phối hợp chặt chẽ với UBND tỉnh, MTTQ tỉnh đã chú trọng công tác vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân, nhất là các cá nhân tiêu biểu trong cộng đồng các DTTS, nhằm phát huy sức mạnh ĐĐKDT trên nền tảng lợi ích dân tộc và tinh thần gắn bó cộng đồng. Những nỗ lực đó đã góp phần xây dựng khối ĐĐKDT vững chắc tại địa phương, đóng vai trò lớn trong sự nghiệp phát triển KT-XH, giữ gìn ổn định CT-XH và củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Bài viết “Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc và sự vận dụng của Đảng ta trong công cuộc đổi mới” (2007) của Đoàn Minh Duệ [19]. Trọng tâm của bài

viết là việc xác lập nhận thức mới về mối quan hệ hài hòa giữa các loại lợi ích - bao gồm lợi ích dân tộc, lợi ích giai cấp, lợi ích cá nhân - như là nền tảng để xây trong điều kiện phát triển KTTT định hướng XHCN. Nghiên cứu khá toàn diện mục tiêu, yêu cầu, phương hướng và một số giải pháp nhằm củng cố ĐĐKDT, xem đây là yếu tố quyết định thành công trong sự nghiệp đổi mới của đất nước.

Bài viết “Vai trò và cơ sở của đoàn kết xã hội ở Việt Nam hiện nay” (2008) của Phạm Văn Đức [26] tiếp cận vấn đề từ quan điểm triết học, làm rõ tính tất yếu và vai trò động lực của đoàn kết xã hội đối với tiến trình phát triển của quốc gia. Theo tác giả, sự đồng thuận xã hội - nền tảng của đoàn kết - được hình thành thông qua việc xử lý hiệu quả các mâu thuẫn xã hội trên cơ sở bảo đảm sự ổn định giữa lợi ích cá nhân, lợi ích cộng đồng và lợi ích xã hội. Chính sự dung hòa này là điều kiện cần thiết để tạo lập sự gắn kết trong xã hội, qua đó thúc đẩy phát triển ngày càng sâu rộng.

Luận án tiến sĩ “*Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thực hiện chính sách dân tộc ở một số tỉnh Tây Bắc từ năm 1996 đến năm 2006*” (2012) của Trần Thị Mỹ Hương [46] đã tập trung nghiên cứu quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện CSĐT của Đảng tại một số tỉnh ở khu vực Tây Bắc, với mục tiêu xây dựng mối quan hệ bình đẳng - đoàn kết - hỗ trợ lẫn nhau của các dân tộc. Tác giả nhận định Tây Bắc là địa bàn chiến lược quan trọng về KT-XH, QP-AN, nơi cư trú tập trung của đồng bào DTTS, sinh sống trong điều kiện địa lý phức tạp. Trên cơ sở đó, tác giả nhấn mạnh việc triển khai CSĐT theo các nguyên tắc: bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và tương trợ là yêu cầu tất yếu nhằm thúc đẩy sự phát triển toàn diện khu vực này. Đồng thời, luận án cũng đánh giá những thành tựu, chỉ ra một số hạn chế và đề xuất bài học lịch sử từ thực hiện CSĐT tại một số tỉnh Tây Bắc giai đoạn 1996-2006.

Bài viết “*Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo tư tưởng Hồ Chí Minh*” (2012) của Ngô Quốc Hải và Nguyễn Bình Minh [31] bài viết khẳng định giá trị về ĐĐKDT như một di sản lý luận và thực tiễn có ý nghĩa chiến lược lâu dài đối với cách mạng Việt

Nam. Tác giả cho rằng, trong bối cảnh đất nước hội nhập quốc tế sâu rộng và đứng trước nhiều thách thức về KT-XH việc phát huy những nhận thức đó không chỉ là nhu cầu cấp thiết mà còn là “kim chỉ nam” cho quá trình phát triển bền vững và hướng tới mục tiêu XHCN. Những luận điểm này là cơ sở để tiếp tục kế thừa trong nghiên cứu về xây dựng khối ĐĐKDT.

Cuốn sách *“Giải quyết vấn đề dân tộc - tôn giáo ở Việt Nam hiện nay nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh”* (2022) của Nguyễn Xuân Trung [111]. Đã khái quát nội dung về giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo nhằm phát huy tinh thần tương thân tương ái. Trong đó, tác giả nhấn mạnh đến lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tám nội dung, trong đó phân tích kỹ nội dung về đoàn kết lực lượng tôn giáo nhằm củng cố và phát huy sức mạnh của dân tộc. Trong chương II tác giả đã đánh giá và giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo nhằm phát huy sức mạnh của nhân dân. Tác giả đánh giá tình hình tôn giáo và dân tộc ở Việt Nam hiện nay. Đưa ra yêu cầu cần giải quyết vấn đề dân tộc - tôn giáo nhằm phát huy sức mạnh ĐĐKDT. Ngoài ra, tác giả đã nêu lên các nhóm giải pháp để giải quyết vấn đề nhất là giải pháp chống lại các âm mưu, các luận điệu xuyên tạc lợi dụng vấn đề về tôn giáo, nhân quyền, dân tộc của các thế lực thù địch phá hoại. Là tài liệu có giá trị lý luận và thực tiễn đánh giá đoàn kết dân tộc- tôn giáo ở Việt Nam nhìn từ tư tưởng Hồ Chí Minh. Có giá trị định hướng về mặt lý luận trong phân tích chương 2 phần lý luận.

Trong bài viết *“Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam hiện nay”* (2023) của Lại Quốc Khánh [70], khẳng định đại đoàn kết gắn kết giữa các dân tộc theo Hồ Chí Minh là vấn đề gốc của cách mạng, là phương thức tập hợp và phát huy cao độ sức mạnh ĐĐKDT, góp phần quyết định thắng dân tộc ta; đồng thời là chiến lược lâu dài của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tác giả phân tích sâu các đối tượng và nguyên tắc của Hồ Chí Minh, nhấn mạnh ba yêu cầu then chốt trong giai đoạn hiện nay: (1) ĐĐKDT luôn là quy luật chi phối sự tồn tại và phát triển của quốc gia - dân tộc; (2) Quán triệt quan điểm mở rộng tối đa sự

giúp đỡ lẫn nhau; (3) Giữ vững nguyên tắc “cầu đồng, tồn dị” trong bối cảnh xã hội phân hóa, phân tầng mạnh mẽ. Việc vận dụng quan điểm mở rộng tối đa ĐDKT theo tư tưởng Hồ Chí Minh giúp các địa phương như Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La phát huy sức mạnh cộng đồng, tăng cường gắn bó giữa các dân tộc, tạo nền tảng ổn định xã hội và phát triển KT-XH bền vững. Đồng thời, nguyên tắc “cầu đồng, tồn dị” càng trở nên cấp thiết để hóa giải khác biệt về ngôn ngữ, phong tục, trình độ phát triển, qua đó củng cố ĐDKT.

1.2. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU, GIẢI QUYẾT

1.2.1. Những kết quả đạt được

Các công trình khoa học và các bài viết nghiên cứu liên quan đến đại đoàn kết nói chung, xây dựng khối ĐDKT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc nói riêng, tuy ở góc độ và cấp độ đề cập khác nhau, nhưng kết quả nghiên cứu của các chương trình, đề tài khoa học, đều là nguồn tài liệu phong phú, có giá trị tham khảo cho nghiên cứu luận án. Kết quả nghiên cứu của các công trình trên đã gợi mở, cung cấp thông tin, phương pháp nghiên cứu, cách tiếp cận vấn đề trong nhiều nội dung của đề tài. Qua phân tích tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án, có thể thấy đa số các công trình tiếp cận vấn đề xây dựng khối ĐDKT như là tiền đề để làm rõ cơ về đại đoàn kết nói chung; một số công trình cũng đã bàn về vấn đề ĐDKT ở trong cả nước, hay ở các vùng khác nhau nhưng chưa có công trình nào nghiên cứu cụ thể về xây dựng khối sự nhất trí một lòng ở các tỉnh biên giới Tây Bắc. Trên cơ sở đó, xác định cụ thể những công trình trước đó đã giải quyết được những nội dung liên quan đến lý luận; liên quan đến thực trạng và về các giải pháp để thực hiện tốt hơn.

Các công trình nghiên cứu ở nhiều góc độ khác nhau, trong đó biểu hiện ở nhóm các công trình nghiên cứu về đại đoàn kết là nhóm công trình được đề cập nhiều nhất. Những nội dung cơ bản được đề cập đó là: Tính tất yếu của đoàn kết

trong tiến trình cách mạng Việt Nam; nguồn gốc và đại đoàn kết, ĐĐKDT - dân tộc của các quốc gia, các thời kỳ lịch sử; quá trình hình thành và phát triển của đại đoàn kết; thành công, thất bại khi ... Như vậy, lý luận về đại đoàn kết nói chung và lý luận về ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh miền núi đã được tiếp cận ở góc độ nghiên cứu khác nhau. Còn nghiên cứu về xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc nói riêng chưa được đề cập trực tiếp mà chỉ được đề cập ở những khía cạnh nhỏ hoặc nghiên cứu một tỉnh nhưng lại đánh giá khái quát cho cả vùng biên Tây Bắc. Còn thiếu những nội dung, giải pháp cơ bản, có hệ thống và sự vận dụng trong xây dựng ĐĐKDT cho các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay. Đặc biệt, vấn đề nghiên cứu về ĐĐKDT và vận dụng ở các tỉnh biên giới Tây Bắc vẫn là một khoảng trống, hoặc chưa được đề cập trực tiếp, mà chỉ được đề cập ở những khía cạnh khác nhau (nhất là trong thời gian từ 2015 đến nay).

Một số công trình đã nghiên cứu đã đề cập đến các giải pháp: Giải pháp đối với Đảng, Nhà nước, MTTQ Việt Nam nói chung. Nhưng còn thiếu các công trình nghiên cứu đưa ra giải pháp xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc. Tác giả chỉ đề cập đến ở các góc độ như: Giải pháp CSDT góp phần xây dựng ĐĐKDT, giải pháp thực hiện ĐĐKDT ở trên một lĩnh vực KT-CT, VH-XH, giáo dục, y tế, QP-AN; giải pháp cho các chủ thể vai trò của Đảng bộ địa phương là lãnh đạo trong thực hiện chỉ đạo xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh, vai trò chính quyền địa phương trong tổ chức và thực hiện xây dựng khối ĐĐKDT; vai trò của nhân dân - chủ thể quan trọng nhất. Đánh giá vai trò của cán bộ, đảng viên là những người trực tiếp ở cơ sở thực hiện trong xây dựng khối ĐĐKDT các phương pháp và hình thức để xây dựng ĐĐKDT. Ngoài ra, đề ra giải pháp thực hiện xây dựng ĐĐKDT chung cho các tỉnh biên giới Tây Bắc. Các công trình nghiên cứu về việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc trong thời gian qua nhìn chung còn rất hạn chế cả về số lượng, chiều sâu.

Một số đề tài, bài viết đã đề cập đến việc quán triệt và thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực như xây dựng HTCT cơ sở, phát triển KT-XH, củng cố QP-AN và xây dựng đời sống văn hóa ở vùng đồng bào DTTS. Tuy nhiên, các công trình này chủ yếu tiếp cận theo hướng tổng kết thực tiễn hoặc mô tả kết quả triển khai chủ trương, chính sách cụ thể, chưa đi sâu luận giải cơ sở lý luận và phương pháp vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT một cách toàn diện, có hệ thống. Đặc biệt, trong lĩnh vực xây dựng khối ĐĐKDT, hầu hết các nghiên cứu mới dừng lại ở mức độ khái quát, chưa có công trình chuyên sâu nào phân tích mối quan hệ biện chứng giữa đặc điểm KT-XH, văn hóa, dân tộc, tôn giáo của vùng Tây Bắc với việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT. Việc đánh giá hiệu quả, mô hình, hay các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình vận dụng còn thiếu tính tổng hợp và so sánh giữa các địa phương nhất là giai đoạn 2015 đến nay.

Do đó, có thể khẳng định rằng, các nghiên cứu hiện có mới chỉ phản ánh bước đầu việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐĐKDT trong thực tiễn phát triển vùng biên giới Tây Bắc mà chưa hình thành được một công trình có tính chuyên sâu, hệ thống và toàn diện về vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng khối ĐĐKDT tại các tỉnh biên giới khu vực này. Đây chính là khoảng trống khoa học cần được tiếp tục nghiên cứu, nhằm làm rõ giá trị lý luận và đề xuất những định hướng, giải pháp cụ thể, phù hợp với điều kiện đặc thù của các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay.

1.2.2. Những vấn đề đặt ra luận án cần tập trung giải quyết

Một là, luận án tập trung nghiên cứu, đánh giá, làm rõ nội dung, giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT và xây dựng khối ĐĐKDT nhìn từ tư tưởng Hồ Chí Minh. Đánh giá sự vận dụng vào xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay. Trong đó khái quát về đặc điểm, tình hình về vấn đề xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc lựa chọn nghiên

cứu; xây dựng các khái niệm trung tâm về xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay. Đánh giá về sự cần thiết phải xây dựng ĐĐKDT ở biên giới Tây Bắc với đặc thù đặc biệt là giáp biên giới- là nơi có nhiều đồng bào DTTS sinh sống gần 80%; xây dựng cụ thể về vấn đề nghiên cứu.

Hai là, luận án tiến hành phân tích, đánh giá thực trạng xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc giai đoạn từ năm 2015 đến tháng 6 năm 2025. Luận án chỉ ra nguyên nhân của những kết quả, hạn chế trong xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh và nêu ra vấn đề luận án cần giải quyết và làm rõ hơn trong thời kỳ hiện nay.

Ba là, trên cơ sở đưa ra những dự báo những thuận lợi, khó khăn có khả năng ảnh hưởng đến xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay. Chỉ ra những dự báo tác động đến việc thực hiện xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh; qua đó, đề ra phương hướng và các nhóm giải pháp cơ bản sát thực để thực hiện tốt xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045.

Tiểu kết chương 1

Đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu đã trình bày các vấn đề chủ yếu liên quan đến ĐĐKDT nói chung, xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở trong cả nước hay cụ thể ở địa phương, khu vực. Trong đó, các công trình đã được các nhà khoa học, các học giả nghiên cứu khá sâu rộng về nhiều vấn đề, nhiều khía cạnh về ĐĐKDT. Đây là những công trình nghiên cứu về ĐĐKDT hết sức có giá trị cao cũng như thực tiễn để tác giả có thêm nhiều kiến thức cũng như có được nhiều bài học kinh nghiệm trong việc nhìn nhận, đánh giá, phân tích, luận giải những kiến thức chuyên môn và vận dụng vào trong thực tế tại các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay.

Để nghiên cứu sâu sắc các nội dung và vận dụng vào thực tiễn cần tìm hiểu vấn đề này cả về vấn đề lý luận, thực tiễn để từ đó có cơ sở lý luận đánh giá đúng thực trạng và đề xuất các giải pháp có giá trị để xây dựng ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc. Những nội dung về lý luận, những số liệu, tài liệu thực tế được đề cập rất phong phú, đa dạng cập nhật và tin cậy, phù hợp với thực tiễn trong các công trình khoa học đã công bố có giá trị tham khảo, mang tính ứng dụng phổ biến góp phần củng cố, định hướng trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả luận án có thể kế thừa, phát triển các luận điểm để giải quyết các vấn đề có liên quan đến luận án nghiên cứu ở các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay.

Trong bối cảnh mới việc lựa chọn nghiên cứu về *"xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay"* là vấn đề chưa được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, tìm hiểu chuyên sâu về việc về ĐĐKDT tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc trong thời gian qua. Do đó, tác giả đã lựa chọn đề tài này vừa có ý nghĩa nhằm hệ thống hóa các kiến thức có liên quan cũng như vừa có giá trị thực tiễn trong việc phân tích thành tựu cũng như các vấn đề đang nảy sinh trong quá trình xây dựng và phát triển khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay.

Chương 2

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI TÂY BẮC

2.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM LIÊN QUAN

2.1.1. Dân tộc

Khái niệm dân tộc thường được nghiên cứu và tiếp cận theo hai nghĩa: dân tộc theo nghĩa hẹp là tộc người và dân tộc theo nghĩa rộng là quốc gia. Qua đó, khái niệm dân tộc được hiểu:

Theo nghĩa rộng: khái niệm *Dân tộc* (nation), *dân tộc quốc gia*, theo từ điển Bách khoa Việt Nam: Là cộng đồng CT-XH được chỉ đạo bởi một Nhà nước, được thiết lập trên một lãnh thổ nhất định, ban đầu được hình thành do sự tập hợp của nhiều bộ lạc và liên minh bộ lạc, về sau của nhiều cộng đồng mang tính tộc người của bộ phận tộc người. Tính chất của dân tộc phụ thuộc vào những phương thức sản xuất. Bước vào giai đoạn phát triển công nghiệp, rõ rệt nhất ở các nước phương Tây, do yêu cầu xóa bỏ tính cát cứ của các lãnh địa trong một dân tộc, nhằm tạo ra một thị trường chung, nên cộng đồng dân tộc được được kết cấu chặt chẽ hơn. Kết cấu của cộng đồng dân tộc rất đa dạng và phụ thuộc vào hoàn cảnh lịch sử, VH-XH trong khu vực [40, tr.819].

Theo nghĩa hẹp, khái niệm *Dân tộc - tộc người* (ethnie), ở Việt Nam thường được dùng để chỉ cộng đồng các DTTS, ví dụ dân tộc Tày, dân tộc Thái, dân tộc Mông, Nùng... Nhìn nhận ở góc độ nghiên cứu Dân tộc học thì “cộng đồng này có thể là bộ phận chủ thể hay thiểu số của một dân tộc (nation) sinh sống ở nhiều quốc gia - dân tộc khác nhau được liên kết với nhau bằng những đặc điểm ngôn ngữ, văn hóa và nhất là ý thức tự giác tộc người” [40, tr.819]

Theo quan điểm lý luận Mác - Lênin: dân tộc là sản phẩm của một quá trình phát triển lâu dài của xã hội loài người, tuy sự hình thành dân tộc ở mỗi quốc gia, mỗi khu vực và từng châu lục có đặc thù riêng, song nhìn chung quá trình ấy xét trong tiến trình phát triển của các hình thức cộng đồng vẫn mang tính phổ

quát nhất. Loài người đã trải qua những hình thức cộng đồng khác nhau phát triển từ thấp đến cao: đó là thị tộc, bộ lạc và bộ tộc. Thị tộc và tiếp sau đó là bộ lạc là những hình thức cộng đồng người đầu tiên trong lịch sử. Tiếp sau đó là bộ tộc được hình thành từ sự liên kết của nhiều bộ lạc sống trên một lãnh thổ nhất định. Trong cộng đồng bộ tộc, những nhân tố tộc người được phát triển từ những hình thức cộng đồng dân tộc trước đó, nhưng đã chịu sự chi phối của các nhân tố khác nhau. Tuy nhiên, những mối liên hệ đó còn chưa mạnh mẽ, bộ tộc này chưa phải là dân tộc.

Như vậy, khái niệm dân tộc theo nghĩa rộng và khái niệm dân tộc theo nghĩa hẹp có quan hệ mật thiết với nhau nhưng lại không phải là một bởi nó không đồng nhất. Bởi dân tộc theo nghĩa rộng là quốc gia: là một cộng đồng CT-XH được thiết lập trên một lãnh thổ nhất định được quản lý bởi một nhà nước, có chung nguồn gốc lịch sử, chung mục tiêu, khát vọng dân tộc, chung chữ viết, chung tiếng nói, chung văn hoá, chung một nền kinh tế.

2.1.2. Đoàn kết, đại đoàn kết, đại đoàn kết dân tộc

2.1.2.1. Đoàn kết

Có nhiều cách tiếp cận về khái niệm đoàn kết và ở các lĩnh vực khác nhau, các tài liệu nghiên cứu có cách tiếp cận khác nhau, cho nên có cách định nghĩa không hoàn toàn giống nhau:

Theo *Từ điển Chính trị văn tắt*: “Đoàn kết là hợp nhiều người thành một khối vững chắc, cùng một lòng một dạ nhất trí với nhau; sự ủng hộ các phong trào, các tổ chức hoặc cá nhân trên cơ sở quan điểm và lợi ích gần nhau hoặc thống nhất. Sự phối hợp hoạt động và hành động” [62, tr.128]

Theo *Đại từ điển tiếng Việt*: “Đoàn kết là kết thành một khối thống nhất ý chí, không mâu thuẫn, chống đối nhau” [124, tr.645].

Như vậy, có thể hiểu đoàn kết là phải dựa trên tập hợp lực lượng nhất định, có chủ thể xây dựng đoàn kết, phương pháp, mục đích của đoàn kết tạo thành một khối thống nhất, vì khát vọng, lý tưởng, mục đích, lợi ích chung.

2.1.2.2. Đại đoàn kết

Theo cách định nghĩa của một số từ điển: “Đại đoàn kết là sự tập hợp, kết thành một khối thống nhất trên quy mô rộng rãi, bao gồm nhiều thành phần, tầng lớp khác nhau, đồng thuận cùng nhau thực hiện mục tiêu chung”. Có thể hiểu: “Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân, là cội nguồn sức mạnh và động lực chủ yếu cho mọi thắng lợi trong cách mạng cũng như công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc”. Nói cách khác, đại đoàn kết “là chiến lược tập hợp, xây dựng, củng cố, mở rộng, tăng cường lực lượng cách mạng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc - giải phóng giai cấp - giải phóng con người”.

Trong bài nói chuyện tại Hội nghị đại biểu Mặt trận Liên - Việt toàn quốc, Hồ Chí Minh đã khẳng định đại đoàn kết: “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác” [55, tr.244]. Người xác định lực lượng nền tảng nòng cốt là công, nông và các tầng lớp nhân dân lao động là nền gốc “đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây” [55, tr.244]. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác. [55, tr.244]. Người yêu cầu “Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ” [55, tr.244].

2.1.2.3. Đại đoàn kết dân tộc

ĐĐKDT là sự liên kết, gắn bó của tất cả các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, tôn giáo, giai cấp trong xã hội Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhằm mục đích tạo nên sức mạnh tổng hợp để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

ĐĐKDT là sự nghiệp của toàn dân tộc; chăm lo bồi đắp, bảo vệ, gìn giữ khối đại đoàn kết là trách nhiệm của HTCT và của mỗi người dân. Trong đó đoàn kết trong Đảng là hạt nhân lãnh đạo để xây dựng ĐĐKDT của HTCT và khối ĐĐKDT. Đây là cội nguồn sức mạnh to lớn và động lực chủ yếu của cách mạng Việt Nam.

2.1.2.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

Trong nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm về “đại đoàn kết dân tộc” là nền gốc của sức mạnh nội lực của trong khối đại đoàn kết nói chung.

Nhìn từ tư tưởng Hồ Chí Minh về “*đại đoàn kết dân tộc*”, thấy được hai góc độ tiếp cận:

Một là, sự gắn bó, liên kết bền chặt giữa dân tộc đa số với các dân tộc thiểu số, cũng như giữa các dân tộc thiểu số với nhau - đoàn kết các dân tộc với nhau. Hồ Chí Minh nhiều lần nhấn mạnh về sức mạnh của đại đoàn kết dân tộc: “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công*”. Người nêu rõ: “Đảng ta đã khéo tập hợp mọi lực lượng yêu nước và tiến bộ trong *Mặt trận dân tộc thống nhất*, thực hiện đoàn kết dân tộc để đấu tranh chống đế quốc và phong kiến” [58, tr.417]. Người khẳng định “Dân tộc Việt Nam là một”, “Nước Việt Nam là một” thì khái niệm *dân tộc* trong ngữ cảnh này được hiểu theo nghĩa quốc gia - dân tộc, nhằm nhấn mạnh tính thống nhất, toàn vẹn và không thể tách rời của cộng đồng các dân tộc Việt Nam trong một quốc gia độc lập, có chủ quyền. Đây là cách hiểu mang tính khái quát cao, phản ánh tư duy chính trị và chiến lược cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, từ nhận thức sâu sắc về tính tất yếu của việc xây dựng ĐĐKDT trong một quốc gia đa tộc người như Việt Nam, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc, kết hợp chặt chẽ với thực tiễn lịch sử - xã hội của đất nước, để từng bước hình thành và phát triển chiến lược xây dựng khối ĐĐKDT hiệu quả.

Ngay từ rất sớm Hồ Chí Minh xác định ĐĐKDT là sức mạnh to lớn nhất và là động lực mạnh mẽ nhất đóng vai trò quyết định trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quan điểm này được Người lý giải trên cơ sở cả lý luận và thực tiễn: ĐĐKDT phải được xây dựng trên nền tảng thống nhất về lợi ích của toàn thể dân tộc: đó là độc lập, tự do cho Tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho mọi người dân. Trong đại gia đình 54 dân tộc anh em, mỗi thành viên đều được xem là ruột

thịt, gắn bó máu thịt với nhau, cùng chia sẻ ngọt bùi, hoạn nạn, tạo nên một cộng đồng gắn kết. Từ góc độ lịch sử của dân tộc ta cho thấy sức mạnh ĐĐKDT thực sự là kết quả tất yếu của công cuộc đấu tranh dựng nước và nhiệm vụ giữ nước. Trong suốt chiều dài lịch sử nhân dân ta đã nhất tâm, đoàn kết thật sự để có sức mạnh để vượt qua ngoại xâm, thiên tai và thử thách, qua đó xây dựng được nền tảng tinh thần vững chắc khối ĐĐKDT.

Do đó, mặc dù Hồ Chí Minh không đưa ra định nghĩa, khái niệm cụ thể về “đại đoàn kết dân tộc”, nhưng từ những nghiên cứu lý luận và hoạt động, chỉ đạo thực tiễn của Người, có thể xác định khái niệm: *“**Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc là hệ thống quan điểm về chiến lược, sách lược về đại đoàn kết dân tộc gồm chủ thể lãnh đạo và lực lượng tham gia khối đại đoàn kết dân tộc; về nguyên tắc, phương châm, phương pháp tổ chức tập hợp, nhằm đoàn kết rộng rãi các lực lượng trong Mặt trận dân tộc thống nhất, tạo thành sức mạnh dân tộc phục vụ sự nghiệp cách mạng**”*.

Hiểu theo cách diễn đạt khác, khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết: *là một hệ thống quan điểm về vị trí, vai trò, nguyên tắc, phương pháp, hình thức tập hợp, tổ chức lực lượng cách mạng, nhằm phát huy đến mức cao nhất sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa*.

2.1.2.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên trong bối cảnh đất nước bị thực dân Pháp đô hộ, triều đình phong kiến tay sai suy yếu, khiến đời sống nhân dân lâm vào cảnh cùng cực. Hệ thống chính trị thực dân - phong kiến phản động trở thành rào cản lớn; tình trạng lạc hậu kéo dài, nhất là ở vùng đồng bào DTTS, dẫn đến khoảng cách phát triển có sự chênh lệch giữa các vùng, miền, dân tộc, làm suy yếu sức mạnh nội lực của dân tộc ta. Các phong trào yêu nước của nông dân, sĩ phu, văn thân nổi lên khắp nơi, phản ánh yêu cầu khách quan của lịch sử về việc phải liên kết lực lượng toàn dân để đấu tranh cho độc lập dân tộc, dân sinh và dân chủ. Chính hiện thực đó đặt ra nhu cầu cấp thiết về một khối ĐĐKDT rộng

lớn, toàn diện và vững chắc, làm nền tảng để tập hợp mọi lực lượng yêu nước đấu tranh vì mục tiêu, khát vọng độc lập, tự do, hạnh phúc.

Mặt khác, thực dân Pháp thi hành chính sách “chia để trị” nhằm chia rẽ khối đoàn kết dân tộc. Chúng cố tình kích động sự khác biệt, gây thù hằn, mâu thuẫn giữa các dân tộc nhằm phá hoại sự thống nhất quốc gia, ngăn chặn phong trào cách mạng. Chính sách phản động của chế độ thực dân - phong kiến bị Hồ Chí Minh lên án: “Đế quốc và phong kiến cố tình phá hoại tình đoàn kết và sự bình đẳng giữa các dân tộc, gây thù hằn giữa các dân tộc, thi hành chính sách chia để trị” [58, tr.371]. Từ thực tiễn đó, với nhãn quan chính trị sắc bén, Người sớm nhận thức được yêu cầu khách quan và cấp thiết phải củng cố, xây dựng khối ĐĐKDT. Những cách diễn đạt tuy khác nhau nhưng đều thống nhất về nội dung, thể hiện rõ tư tưởng xuyên suốt của Người về sự cần thiết và tính chiến lược của việc xây dựng khối ĐĐKDT của một dân tộc gồm nhiều tộc người sinh sống trong khối ĐĐKDT chung.

Như vậy, có thể khái quát: Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT *“Là hệ thống quan điểm về vị trí, vai trò, nội dung, nguyên tắc, phương châm, phương pháp tổ chức tập hợp lực lượng xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc (trong đại gia đình dân tộc Việt Nam), nhằm tạo ra sức mạnh dân tộc làm động lực thực hiện mục tiêu “độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”*.

2.1.2.6. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở các tỉnh biên giới Tây Bắc theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Các tỉnh biên giới Tây Bắc là những tỉnh thuộc vùng Tây Bắc của Việt Nam có đường biên giới tiếp giáp với các nước láng giềng là Trung Quốc và Lào. Là các tỉnh ở phía Tây Bắc của miền Bắc Việt Nam, chủ yếu là khu vực miền núi, nhiều đồng bào DTTS sinh sống, khó khăn về giao thông, trình độ còn thấp, là vùng kinh tế khó khăn, có địa hình hiểm trở nhưng lại là vùng giữ vai trò chiến lược, trong yếu và rất quan trọng về bảo vệ QP-AN, KT-XH vùng biên giới phía Tây Bắc nước ta.

Xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới

Tây Bắc là sự vận dụng sáng tạo và linh hoạt tư tưởng của Người về xây dựng khối ĐĐKDT vào điều kiện cụ thể của khu vực. Đây là quá trình cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng bằng những nội dung, phương pháp, nguyên tắc và hình thức phù hợp với đặc điểm KT-CT, VH-XH, dân cư và QP-AN của vùng. Mục đích là tạo dựng khối liên kết bền chặt giữa các dân tộc, trên cơ sở bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và tôn trọng lẫn nhau, từ đó củng cố “thế trận lòng dân”, tăng cường QP-AN, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia và thúc đẩy phát triển bền vững khu vực Tây Bắc. Đồng thời, góp phần tạo lập nguồn sức mạnh nội sinh phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ, nội dung, mục đích của việc xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc, có thể xác định khái niệm: *“Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc là sự vận dụng, phát triển sáng tạo hệ thống quan điểm của Người về chủ thể lãnh đạo, lực lượng xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức vận động tập hợp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, nhằm tạo lập và huy động nguồn động lực phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại ở các tỉnh biên giới Tây Bắc”*.

Về mục đích: là nhằm củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, phát huy sức mạnh tổng hợp của khối cộng đồng trong phát triển toàn diện KT-XH, giữ gìn bản sắc văn hóa, bảo đảm QP-AN, góp phần giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia. Đồng thời, thông qua thực tiễn xây dựng khối đại đoàn kết, mục đích còn hướng đến bồi dưỡng tinh thần yêu nước, ý thức tự lực, tự cường, tạo nền tảng CT-XH vững chắc cho công cuộc CNH, HĐH vùng biên giới Tây Bắc. Đây cũng là cách thức hiện thực hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”, biến đoàn kết dân tộc thành động lực nội sinh của sự phát triển bền vững và ổn định lâu dài.

Về chủ thể lãnh đạo: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ thể lãnh đạo xây dựng khối ĐĐKDT là Đảng Cộng sản Việt Nam - lực lượng duy nhất có đủ

bản lĩnh, trí tuệ và uy tín để quy tụ, dẫn dắt nhân dân. Ở khu vực Tây Bắc, nơi có nhiều dân tộc cùng sinh sống, vai trò lãnh đạo của Đảng càng có ý nghĩa quan trọng trong việc định hướng, tổ chức và phát huy sức mạnh đoàn kết. Như vậy, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng vừa là chủ thể lãnh đạo, vừa là hạt nhân đoàn kết, giữ vai trò quyết định trong việc xây dựng và phát triển khối ĐĐKDT ở Tây Bắc. Đảng lãnh đạo thông qua HTCT, đặc biệt là MTTQ và các đoàn thể, nhằm gắn kết dân tộc, tôn trọng phong tục, chăm lo đời sống nhân dân, củng cố niềm tin vào đường lối của Đảng. Bên cạnh đó, Đảng còn phát huy vai trò HTCT, của người dân và đặc biệt là vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín để tạo sự đồng thuận trong cộng đồng.

Về lực lượng: thực hiện theo tư tưởng Hồ Chí Minh “đại đoàn kết là đoàn kết tất cả những ai có thể đoàn kết được”; lực lượng đại đoàn kết ở các tỉnh biên giới Tây Bắc vì thế bao gồm toàn dân, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính hay tầng lớp xã hội. Trong đó, đồng bào các DTTS là lực lượng trọng yếu, trực tiếp gắn bó với sự nghiệp phát triển và bảo vệ biên cương Tổ quốc. Việc phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng: từ cán bộ, đảng viên, già làng, trưởng bản đến trí thức, doanh nhân, thanh niên, phụ nữ. Đây chính là quá trình chuyển hóa tinh thần đoàn kết thành nguồn lực CT-XH to lớn phục vụ phát triển bền vững vùng biên.

Về nguyên tắc: Theo Hồ Chí Minh, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc phải dựa trên các nguyên tắc: bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, đoàn kết chân thành, lâu dài và trên cơ sở lợi ích chung của dân tộc. Vận dụng vào vùng Tây Bắc, các nguyên tắc này thể hiện qua việc bảo đảm quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong phát triển KT-XH, tôn trọng bản sắc văn hóa, phong tục tập quán, đồng thời kiên quyết đấu tranh với mọi biểu hiện chia rẽ, kỳ thị dân tộc. Việc giữ vững nguyên tắc này giúp củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, tạo sự thống nhất ý chí và hành động trong toàn vùng biên giới Tây Bắc.

Về phương pháp: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp xây dựng khối ĐĐKDT phải lấy dân làm gốc, vừa vận động, giáo dục, vừa đấu tranh,

xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa các lực lượng trong xã hội. Ở các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay, việc xây dựng khối ĐĐKDT cần được thực hiện trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa ba chiều tác động: lực lượng cách mạng, lực lượng trung gian và lực lượng phản cách mạng. Với lực lượng cách mạng, phương pháp trọng tâm là củng cố niềm tin, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, già làng, trưởng bản trong tuyên truyền, vận động quần chúng. Đối với lực lượng trung gian, cần tăng cường công tác dân vận, thuyết phục, giúp họ nhận thức rõ lợi ích gắn bó giữa cá nhân, cộng đồng và quốc gia, từ đó lôi cuốn họ tham gia vào khối ĐĐKDT. Riêng lực lượng phản cách mạng hoặc có biểu hiện chống đối, phải kiên quyết đấu tranh, cảm hóa, kết hợp biện pháp pháp lý với giáo dục, vừa đảm bảo ổn định CT-XH, vừa ngăn ngừa âm mưu chia rẽ dân tộc, kích động ly khai từ bên ngoài. Phương pháp ấy thể hiện sâu sắc quan điểm Hồ Chí Minh về đoàn kết gắn liền với đấu tranh, thống nhất giữa mục tiêu dân tộc, dân chủ và CNXH trong quá trình xây dựng khối ĐĐKDT vùng biên giới Tây Bắc phát triển toàn diện.

Về hình thức: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, hình thức tổ chức cao nhất của khối ĐĐKDT là MTDDTN, được xây dựng trên nền tảng liên minh công - nông - trí thức, đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam và hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ. Ở các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay, hình thức đó được thể hiện thông qua việc củng cố và phát huy vai trò của MTTQ và các đoàn thể CT-XH trong HTCT cơ sở. MTTQ Việt Nam các cấp trở thành trung tâm liên hiệp, tập hợp các dân tộc, tôn giáo, giai tầng xã hội khác nhau, hướng tới mục tiêu chung là phát triển bền vững, củng cố QP-AN và bảo vệ biên cương Tổ quốc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, MTTQ ở các tỉnh biên giới Tây Bắc đã chủ động mở rộng khối liên minh, tăng cường đối thoại, hiệp thương dân chủ, lắng nghe và phản ánh tâm tư, nguyện vọng của đồng bào DTTS. Chính quá trình đó đã thể hiện rõ bản chất “dân chủ - đoàn kết - đồng thuận”, chuyển hoá tư tưởng Hồ Chí Minh về MTDDTN thành sức mạnh hiện thực, góp phần giữ vững ổn định chính trị và phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT vững chắc nơi phen dậu Tây Bắc.

2.2. NỘI DUNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

2.2.1. Về vị trí, vai trò, mục đích, yêu cầu của xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

2.2.1.1. Về vị trí, vai trò

Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, là nhân tố cơ bản quyết định trong mọi thắng lợi của dân tộc ta.

Tư tưởng ĐĐKDT của Hồ Chí Minh là một tư tưởng cơ bản, nhất quán, xuyên suốt tiến trình của cách mạng của dân tộc ta. Người đã quy tụ, xây dựng được tinh thần của mọi người dân từ đấu tranh thống nhất đất nước và là sức mạnh vững bước đi lên CNXH. Người đã thể hiện tinh thần kiên định xây dựng khối ĐĐKDT từ những ngày đầu ra đi tìm đường cứu nước cho đến khi trở về lãnh đạo dân tộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cho đến lúc Người trở về với cõi vĩnh hằng. ĐĐKDT luôn được Người khẳng định là vấn đề sống còn của cách mạng, là chiến lược bất di bất dịch. Trong từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng, trước những yêu cầu và nhiệm vụ khác nhau, có thể và cần thiết có sự điều chỉnh chính sách và phương pháp tập hợp lực lượng cho phù hợp với những đối tượng khác nhau, nhưng đại đoàn kết luôn được nhận thức là vấn đề sống còn của cách mạng. Trước năm 1945 với khẩu hiệu: “Đánh đổ thực dân, phong kiến giành độc lập dân tộc chia ruộng đất cho dân cày” và khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến: “Đánh đuổi thực dân giành độc lập cho dân tộc”, có sự khác biệt đó là vì khi đó ta cần phải lôi kéo thêm tầng lớp phong kiến ủng hộ cho cách mạng để vừa bót kẻ kháng thù đồng thời thu hút được của cải để có tiền để làm cách mạng.

Muốn cách mạng thành công thì phải có lực lượng, lực lượng phải đủ mạnh để chiến thắng kẻ thù. Muốn có lực lượng to lớn phải thực hiện ĐĐKDT, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, đảng phái... Người khẳng định: “Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”[56, tr.453]. Hơn thế, sức mạnh ấy sẽ dẫn đến thành công “đại

đoàn kết là then chốt của thành công”. Sức mạnh ấy biết quy tụ, phát huy và chặt chẽ thì thắng lợi càng to lớn. “Nhờ đại đoàn kết mà nhân dân Việt Nam đã đánh thắng chủ nghĩa thực dân, làm Cách Mạng Tháng Tám thành công và đã kháng chiến đến thắng lợi” [57, tr.272]. Người đã khái quát thành chân lý về vai trò của khối đại đoàn kết: Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi và “Đoàn kết đoàn kết, đại đoàn kết, Thành công, thành công, đại thành công”[59, tr.455]

Đại đoàn kết là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng cách mạng

Đại đoàn kết là nhu cầu của Đảng, là điều kiện để Đảng đảm bảo vai trò lãnh đạo cách mạng. Chức năng của một Đảng chính trị là nắm bắt được đặc điểm dân tộc, xu thế thời đại lựa chọn con đường phát triển của dân tộc, của đất nước, vạch ra chiến lược, sách lược đúng đắn cho dân tộc phát triển đáp ứng nguyện vọng của quần chúng nhân dân. Đảng có đường lối rồi nhưng chưa đủ, phải đưa đường lối đó vào thực tiễn, thành hiện thực vì vậy cần phải có lực lượng, phải đoàn kết. Theo Người “Giang sơn và Chính phủ là giang sơn và Chính phủ chung của chúng ta. Vậy nên tất cả các dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, để ủng hộ chính phủ ta” [50, tr.249]. Đó chính là nhiệm vụ, mục đích của dân tộc để tập hợp lực lượng, quy tụ sức mạnh ĐĐKDT lại để bảo vệ đất nước và bảo vệ chế độ cũng như là lợi ích của dân tộc.

2.2.1.2. Về mục đích, yêu cầu

Thứ nhất là về mục đích: là cái đích để đạt đến, còn nhiệm vụ là nghĩa vụ là trách nhiệm phải thực hiện mục tiêu đó. Nhận thức được tinh thần của người dân trong ĐĐKDT là mục đích, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng nên trong tư tưởng của Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “đoàn kết thật sự nghĩa là mục đích phải nhất trí và lập trường cũng phải nhất trí” [57, tr.362]. ĐĐKDT phải vì mục tiêu độc lập dân tộc, Tổ quốc được tự do, nhân dân được no ấm, hạnh phúc “chúng ta góp chung lực lượng lại để giữ gìn quyền tự do, độc lập cho Tổ quốc ta”[50, tr.250]. Bên cạnh đó, Người cũng giải thích đoàn kết thực sự phải vì nước, vì nhân dân, biết phát huy điểm mạnh và chỉ ra cái sai của nhau “Đoàn kết thật

sự nghĩa là vừa đoàn kết, vừa đấu tranh, học những cái tốt của nhau, phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái, vì nước, vì dân” [57, tr.362]. Trong đó Người xác định Đảng là nhân tố, lực lượng, là hạt nhân duy nhất, cho nên việc thực hiện ĐĐKDT phải được quán triệt trong tất cả mọi lĩnh vực mà việc đầu tiên đó là đoàn kết trong Đảng “Đoàn kết là sức mạnh của Đảng. Đoàn kết chặt chẽ và kỷ luật nghiêm khắc, hai điều đó không thể tách rời nhau” (Phải theo đúng kỷ luật Đảng, 1954). Theo Người, đại đoàn kết không đơn thuần là phương pháp tập hợp, tổ chức lực lượng cách mạng mà cao hơn đó là mục đích, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng cách mạng. Người cũng lưu ý ĐĐKDT ở đây không phải là một thủ đoạn chính trị mà đoàn kết phải vì lợi ích của dân tộc, nhân dân vì khát vọng của cả dân tộc “Đoàn kết là một chính sách dân tộc, không phải là một thủ đoạn chính trị. Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc; ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà” [55, tr.224]. Người nhắc nhở “Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ” [55, tr.224].

Chính vì vậy, ngày 3/3/1951, Người đã nêu mục đích của Đảng Lao động Việt Nam đại thể gồm 8 chữ: “”ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, PHỤNG SỰ TỔ QUỐC” [53, tr.49]. Suốt cuộc đời của Hồ Chí Minh đều phục vụ cho chân lý là lợi ích của Tổ quốc và nhân dân là trên hết “Chân lý là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân. Cái gì trái với lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân tức là không phải chân lý” [56, tr.378]. Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu phải “Ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân - tức là phục tùng chân lý” [56, tr.378]. Như vậy, xây dựng khối ĐĐKDT theo Người phải xác định được mục đích, khát vọng chính đáng và chỉ khi thực hiện xây dựng ĐĐKDT vì nước vì dân mới là chân lý

Thứ hai là về yêu cầu của xây dựng khối ĐĐKDT

Người cho rằng, ĐĐKDT là phương tiện, nhưng cao hơn phương tiện nó trở thành mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng cách mạng. Bởi mục tiêu của Đảng, của cách mạng, của toàn dân là thống nhất. Để thực hiện sự nghiệp lãnh đạo của mình, Đảng phải thông qua hàng loạt những hoạt động quan trọng là: Xây dựng đường lối chiến lược. Tuy nhiên đường lối, chiến lược đó có thành

công hay không, người dân có được giác ngộ lý tưởng hay không thì phải có ĐĐKDT. Do đó, xây dựng khối ĐĐKDT không chỉ là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng.

Xây dựng khối ĐĐKDT là sức mạnh to lớn nhất quyết định sự thành công, là nguồn sức mạnh tổng hợp, nội sinh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời vận dụng phù hợp vào thực tiễn nước ta. Theo Người, để cho cách mạng thành công thì phải thu hút các lực lượng quần chúng tham gia đông đảo. Muốn thực hiện được thì tất yếu phải xây dựng ĐĐKDT thành một khối thống nhất vững chắc. Theo Người “Đồng tâm hợp lực. Muôn người một lòng. Nhân cơ hội này mà khôi phục lại Tổ quốc, mà làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập”[49, tr.246]. Trong tiến trình cách mạng của dân tộc Việt Nam đã luôn luôn sức mạnh của khối ĐĐKDT thể hiện trong cuộc sống với tinh thần yêu thương, chia sẻ khó khăn, hoạn nạn, cùng nhau chống lại tự nhiên và xã hội để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ chủ quyền, bảo vệ thành quả cách mạng của cha ông và tiếp tục kiên định đi lên CNXH “Trước kia các dân tộc để giành độc lập phải đoàn kết, bây giờ để giữ lấy nền độc lập càng cần đoàn kết hơn nữa” [50, tr.130]. Nói cách khác, người yêu cầu phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT không những trong đấu tranh giải phóng dân tộc mà khi giành được độc lập thống nhất phải tiếp tục xây dựng khối ĐĐKDT để tổ chức và xây dựng xã hội- đất nước vì mục tiêu CNXH.

Từ thực tiễn lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc ta hàng ngàn năm lịch sử đã chứng minh chỉ khi kết hợp mọi tầng lớp, mọi dân tộc thành ý chí và hành động thống nhất của cả dân tộc thì mới giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Với nhận thức sâu sắc đó, Hồ Chí Minh đã xác định rõ cách mạng là công việc của cả dân tộc chứ không phải của cá nhân hay một giai cấp, tầng lớp tách rời. “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chứ không phải là sự nghiệp của cá nhân anh hùng nào” [58, tr.672]. Thực hiện xây dựng khối ĐĐKDT không chỉ nhằm khơi dậy sức mạnh truyền thống ngàn đời của dân tộc ta trong dựng nước và giữ nước, mà còn là chiến lược lâu dài, đóng vai

trò hạt nhân tập hợp sức mạnh ĐĐKDT. Đây chính là nền tảng vững chắc để huy động toàn dân tộc tham gia vào sự nghiệp phát triển đất nước, vượt qua mọi thách thức, tận dụng mọi cơ hội. Vì vậy, có thể khẳng định rằng: Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT có giá cả về lý luận và thực tiễn. Là nền tảng soi đường để tiếp tục phát huy sức mạnh ĐĐKDT hiện nay. Do đó, xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh chính là tạo lập sức mạnh nội lực lớn nhất đưa đất nước ta vững bước đi lên CNXH.

2.2.2. Về chủ thể lãnh đạo khối đại đoàn kết dân tộc

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, ĐĐKDT là sức mạnh to lớn nhất để thực hiện mọi nhiệm vụ cách mạng. Tuy nhiên, để khối ĐĐKDT ấy có tổ chức, định hướng đúng đắn và phát huy hiệu quả, cần có một lực lượng tiên phong lãnh đạo - đó chính là Đảng Cộng sản Việt Nam. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Đảng có vững cách mạng mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy” [48, tr.289]. Đảng là người lãnh đạo, đồng thời là hạt nhân quy tụ, tổ chức và phát huy sức mạnh ĐĐKDT. Vai trò lãnh đạo của Đảng chính là nhân tố quyết định để biến sức mạnh to lớn trong nhân dân thành sức mạnh hiện thực, thống nhất hành động vì mục tiêu chung của dân tộc mà Người đã khẳng định “Thành công của Đảng ta là ở nơi Đảng ta đã tổ chức và phát huy lực lượng cách mạng vô tận của nhân dân, đã lãnh đạo nhân dân phấn đấu dưới lá cờ tất thắng của chủ nghĩa Mác - Lênin” [58, tr.672].

Theo Hồ Chí Minh, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, nhưng “Đã phụng sự nhân dân, thì phải phụng sự cho ra trò” [52, tr.432]. Do đó, Đảng phải là người nhận thức, tập hợp, hướng dẫn và tổ chức lực lượng quần chúng thành một ĐĐKDT vững mạnh. Nhiệm vụ xây dựng khối ĐĐKDT không chỉ là yêu cầu trước mắt mà là “là sự nghiệp của quần chúng”. Đảng giữ vai trò chủ thể lãnh đạo trong quá trình đó - không chỉ phát động phong trào đoàn kết mà còn định hướng, dẫn dắt để sức mạnh ấy phục vụ cho mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc” [55, tr.244]. Với Người, ĐĐKDT phải được đặt

dưới sự lãnh đạo của Đảng, bởi chỉ có Đảng mới đủ bản lĩnh, trí tuệ và kinh nghiệm để thống nhất tư tưởng, hành động của toàn dân. “Đảng ta có cơ sở khắp cả nước, Đảng đã thu hút những người cách mạng nhất, ưu tú nhất của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc” [53, tr.395]. Đồng thời, Người khẳng định phương thức lãnh đạo sáng suốt của Đảng bằng đường lối, chủ trương “Đảng có chính cương, đường lối đúng. Đảng lãnh đạo toàn dân đoàn kết kháng chiến, tranh được nhiều thắng lợi” [53, tr.395]. Thực tế cho thấy, trong mọi giai đoạn cách mạng, Đảng luôn là trung tâm quy tụ và phát huy sức mạnh của ĐĐKDT. Vai trò ấy không chỉ thể hiện ở năng lực lãnh đạo chính trị, mà còn ở khả năng nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, biến khát vọng của dân tộc thành hành động cách mạng có tổ chức, có định hướng. Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng mối quan hệ giữa đoàn kết trong Đảng và đoàn kết toàn dân. Người căn dặn trong Di chúc: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình” [61, tr.622]. Theo Người, muốn lãnh đạo được khối ĐĐKDT thì trước hết Đảng phải là tấm gương sáng về đoàn kết, thống nhất. Sự đoàn kết trong nội bộ Đảng là điều kiện tiên quyết để củng cố niềm tin của nhân dân, bảo đảm cho vai trò lãnh đạo của Đảng đối với khối ĐĐKDT được bền vững và hiệu quả.

Đảng Cộng sản Việt Nam, theo Hồ Chí Minh “Đảng ta là một Đảng cầm quyền” [61, tr.622]. Người khẳng định “Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng” [58, tr.406]. Thực tiễn cách mạng đã khẳng định: Từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ trường kỳ và công cuộc đổi mới ngày nay càng khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng trong tập hợp lực lượng, xây dựng khối ĐĐKDT.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam là chủ thể duy nhất có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín để lãnh đạo, quy tụ và phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT. Đảng không chỉ là người khởi xướng, mà còn là người tổ chức,

dẫn đường, bảo đảm cho khối khối ĐĐKDT trở thành nguồn sức mạnh vô địch, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

2.2.3. Về lực lượng xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Bàn về lực lượng xây dựng khối ĐĐKDT theo Hồ Chí Minh gồm: đoàn kết các giai cấp, tầng lớp trong xã hội, giữa các dân tộc, đoàn kết tôn giáo, tất cả mọi người ở Việt Nam và người Việt Nam ở nước ngoài; đoàn kết trong Đảng, nhân dân và đội ngũ cán bộ... Cụ thể:

Đoàn kết tất cả mọi người Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài: Trong quan điểm Hồ Chí Minh, tất cả mọi người Việt Nam dù ở trong nước hay ở nước ngoài đều là con Rồng cháu Tiên, con Lạc cháu Hồng, do đó đều là đối tượng tập hợp trong khối ĐĐKDT. Theo Người “Đoàn kết là lực lượng mạnh nhất của chúng ta. Chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi” [55, tr.90].

Đoàn kết các giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định: “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác”[47, tr.612]. Như vậy, lực lượng ĐĐKDT bao gồm toàn thể nhân dân trong xã hội. Sức mạnh ĐĐKDT là nhân dân “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân” [56, tr.453]. Trong đó, không chỉ đoàn kết giữa các giai cấp, tầng lớp với nhau, mà còn đoàn kết trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp “Lực lượng chủ yếu trong khối đoàn kết dân tộc là công nông, cho nên liên minh công nông là nền tảng của Mặt trận dân tộc thống nhất” [47, tr.612].

Đoàn kết các dân tộc: Việt Nam là một quốc gia thống nhất, gồm nhiều dân tộc cùng chung sống. Cộng đồng các dân tộc Việt Nam được hình thành và phát triển cùng với tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước, tạo nên một dân tộc Việt Nam thống nhất. Người chủ trương xây dựng ĐĐKDT thành một khối thống nhất, không phân biệt miền núi hay miền xuôi, đồng bào các dân tộc đa số hay thiểu số; không chỉ đoàn kết các dân tộc với nhau, mà trong nội bộ từng dân tộc cũng phải đoàn kết “Đoàn kết giữa dân tộc mình, đoàn kết giữa các dân tộc”. Người yêu cầu trong quá trình xây dựng khối ĐĐKDT phải “Phải tăng cường

đoàn kết dân tộc. Đây là một công việc rất quan trọng, có nội dung mới và rộng hơn. Các dân tộc miền núi đoàn kết chặt chẽ, các dân tộc thiểu số đoàn kết với dân tộc đa số” [59, tr.225]. Hồ Chí Minh đặt ra yêu cầu đoàn kết phải đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết, các vùng, miền không phân biệt mà phải đoàn kết trên tinh thần lợi ích và khát vọng chung “Đoàn kết với đồng bào miền xuôi lên phát triển kinh tế miền núi. Tất cả các dân tộc miền núi và miền xuôi phải đoàn kết như anh em, chị em trong một nhà” [60, tr.263]. Làm được như vậy mới góp phần xây dựng khối ĐĐKDT ở Việt Nam.

Đoàn kết các tôn giáo: Là một quốc gia đa tôn giáo, do đó đất nước ta luôn đặt lợi ích của từng tôn giáo gắn chặt với lợi ích chính đáng của dân tộc. Ngay từ rất sớm Hồ Chí Minh đã quan tâm đến đoàn kết tôn giáo. Trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ Cách mạng lâm thời, một trong sáu nhiệm vụ cấp bách được Hồ Chí Minh nêu lên của nước ta là "Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào Giáo và đồng bào Lương, để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: TÍN NGƯỠNG TỰ DO và Lương Giáo đoàn kết" [50, tr.9]. Theo Hồ Chí Minh để có thể tập hợp “Mặt trận sẵn sàng đoàn kết tất cả những người yêu nước, không phân biệt xu hướng chính trị, tín ngưỡng tôn giáo, v.v..” [56, tr.130]. Đây là quan điểm thể hiện sự bình đẳng và tôn trọng đối với các tôn giáo trong khối ĐĐKDT. Trong quan điểm của Hồ Chí Minh "tín ngưỡng tự do, Lương Giáo đoàn kết" là nguyên tắc trọng rất quan trọng về tôn giáo thể hiện tư tưởng tiến bộ của Hồ Chí Minh về nhận thức, tư duy và là phương pháp đoàn kết tôn giáo trên nền tảng khối ĐĐKDT. Nội dung tư tưởng đoàn kết tôn giáo của Người mang tính chất toàn diện, thể hiện và được vận dụng trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa của dân tộc ta.

Đoàn kết trong nội bộ Đảng, trong đội ngũ cán bộ, đảng viên; đoàn kết Đảng - Nhân dân: Trong xây dựng ĐĐKDT thì đoàn kết trong Đảng, cán bộ, đảng viên là vấn đề Người rất quan tâm bởi cán bộ, đảng viên là chỗ dựa, là cơ sở để xây dựng và bảo vệ khối ĐĐKDT. Trong *Di chúc*, Người yêu cầu “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình” [61, tr.622]. Đoàn kết trong Đảng là

đoàn kết giữa đảng viên với đảng viên, giữa đảng viên với tổ chức. Trong đội ngũ cán bộ, đảng viên nếu có người ý kiến thế này, thế khác gây mất đoàn kết, hoang mang trong tổ chức, cơ quan. Không chỉ đoàn kết trong nội bộ Đảng, mà còn đoàn kết giữa Đảng Cộng sản với Nhân dân thể hiện trong mối quan hệ mật thiết, máu thịt không thể tách rời và hướng đến mục tiêu chung của cả dân tộc “Đảng phải liên hệ mật thiết với quần chúng, phải kiên quyết giữ vững liên minh công nông trong các giai đoạn của cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa” [60, tr.608]. Như vậy, theo Hồ Chí Minh muốn phát huy được sức mạnh khối ĐĐKDT cần phải phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, sự gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên và của toàn thể nhân dân.

2.2.4. Nguyên tắc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Theo Người, xây dựng khối ĐĐKDT phải dựa trên cơ sở thống nhất giữa lợi ích của quốc gia dân tộc với quyền lợi cơ bản của các giai tầng trong xã hội: Phải lấy dân làm gốc, luôn tin, dựa, phấn đấu vì quyền lợi của nhân dân. Xây dựng khối ĐĐKDT phải chân thành, thẳng thắn, thân ái; đoàn kết phải gắn với tự phê bình và phê bình.

2.2.4.1. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc phải được xây dựng trên cơ sở thống nhất giữa lợi ích của quốc gia dân tộc với quyền lợi chính đáng của các giai tầng trong xã hội

Xây dựng ĐĐKDT được hay không và ở mức độ nào tùy thuộc vào quá trình nhận thức và thực hiện tốt các mối quan hệ lợi ích giữa các chủ thể: Cá nhân - tập thể; gia đình - xã hội; bộ phận - toàn thể; giai cấp - dân tộc; quốc gia - quốc tế. Những mối quan hệ nói trên luôn luôn chứa đựng những yếu tố đặc thù và phổ biến, những mối quan hệ biện chứng ràng buộc nhau, tác động lẫn nhau.

Người đã rõ ràng về sức mạnh, vị trí của người dân và chỉ ra: Dân là gốc rễ, là nền tảng của nước. Dân là người chủ của nước và là chủ thể ĐĐKDT, là lực lượng lớn nhất làm nên thắng lợi của cách mạng. Vì dân không phải là một khối thuần nhất nên muốn đại đoàn kết phải hiểu dân, tin dân, dựa vào dân và phải phấn đấu vì quyền lợi của nhân dân. Muốn phát huy khối ĐĐKDT phải khai thác được những yếu tố tương đồng, hạn chế những điểm khác biệt trong các

mối quan hệ phức tạp, như: cá nhân - tập thể; gia đình - xã hội; bộ phận - toàn cục; giai cấp - dân tộc. Vì dân không phải là một khối đồng nhất, nên phải xác định rõ vai trò, vị trí của các giai tầng. Theo Hồ Chí Minh, trước hết phải đoàn kết đa số nhân dân, bao gồm công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác - đó là nền gốc của ĐĐKDT.

Nguyên tắc xây dựng khối ĐĐKDT là tôn trọng các yếu tố tương đồng nhưng cũng cần hạn chế, giải quyết dần các yếu tố khác biệt hoặc gây mâu thuẫn dựa trên phương châm: đặt lợi ích của dân tộc, Tổ quốc trên hết và tất cả vì lợi ích chính đáng của con người. Hồ Chí Minh đã tìm ra mẫu số chung để ĐĐKDT là: Độc lập, tự do “Vì có đoàn kết mới có lực lượng, có lực lượng mới giành được ĐỘC LẬP, TỰ DO”[49, tr.595]. Như vậy, để xây dựng khối ĐĐKDT thực sự phải đảm bảo cả về mục tiêu và lợi ích chính đáng của người dân.

Xây dựng khối ĐĐKDT trong một quốc gia phải được xây dựng trên nguyên tắc bình đẳng thực chất, sống trên đất nước ta mọi người dân đều được hưởng bình đẳng về quyền và nghĩa vụ “Đảng và Chính phủ ta luôn luôn kêu gọi các dân tộc xóa bỏ xích mích do đế quốc và phong kiến gây ra, cùng nhau đoàn kết chặt chẽ trên cơ sở bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ” [58, tr.371]. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng bình đẳng dân tộc phải được thực hiện toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ chính trị, kinh tế, văn hóa. Thực chất bình đẳng giữa các dân tộc gắn liền với việc giải quyết hài hòa lợi ích giữa các cộng đồng dân cư, đặc biệt trong các lĩnh vực then chốt như KT-XH. Chỉ khi các dân tộc được hưởng sự công bằng và tôn trọng, bảo vệ thực sự thì mới có thể tạo ra sự đồng thuận, thống nhất ý chí và hành động trong khối ĐĐKDT.

Thực hiện nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc trong kinh tế - chính trị, văn hoá, xã hội cần giải quyết thực hiện như sau:

Thực hiện bình đẳng về kinh tế - có vai trò quyết định trong xây dựng khối ĐĐKDT. Phát triển kinh tế và đảm bảo bình đẳng trong đó nó sẽ quyết định được đời sống và sự tồn tại của các dân tộc. Vì vậy, muốn bình đẳng được trong kinh tế phải quan tâm đến trình độ của người dân, vấn đề việc làm, thu nhập và

khuyến khích người dân tham gia vào hoạt động kinh tế trong các lĩnh vực công - nông nghiệp - dịch vụ và bảo đảm chấp hành nghiêm pháp luật.

Thực hiện bình đẳng về chính trị - đây là điều kiện tiên quyết để thực hiện xây dựng khối ĐĐKDT. Vì đó là sự bình đẳng về quyền, nghĩa vụ người dân thực hiện đối với đất nước, bởi "...tất cả nhân dân các dân tộc đều có quyền làm chủ nước nhà" [62, tr.48]. Ngoài ra, còn là quyền làm chủ Nhà nước và quyết định vận mệnh đất nước thông qua việc thực hiện trực tiếp hoặc gián tiếp làm chủ và là chủ trong cộng đồng, nơi sinh sống. Hồ Chí Minh đã đặc biệt nhấn mạnh vai trò, quyền và nghĩa vụ của mỗi công dân, không phân biệt dân tộc trong việc tham gia xây dựng khối ĐĐKDT. Theo Người, mọi dân tộc trong cộng đồng quốc gia Việt Nam đều bình đẳng, cùng có quyền và trách nhiệm trong sự nghiệp kiến thiết một nước Việt Nam hòa bình, phát triển theo con đường tiến lên CNXH. Không chỉ dừng lại ở quyền lợi, sự bình đẳng còn được Người xác định là nghĩa vụ thiêng liêng và trách nhiệm chung của toàn thể Nhân dân trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc.

Bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực VH-XH: bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực VH-XH không chỉ là biểu hiện của sự công bằng, mà còn là điều kiện căn bản để bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa các cộng đồng trong một quốc gia. Người luôn nhấn mạnh rằng, phát triển văn hóa giữ vai trò then chốt trong việc khẳng định và bảo đảm vị thế bình đẳng của các dân tộc. Theo đó, bình đẳng về văn hóa được thể hiện ở việc tôn trọng, giá trị văn hóa, bao gồm ngôn ngữ, tín ngưỡng, phong tục của mỗi dân tộc, tạo điều kiện để các dân tộc cùng phát triển trên nền tảng gìn giữ bản sắc riêng. Trên cơ sở đó, Hồ Chí Minh yêu cầu phải chú trọng nâng cao dân trí, nhất là nơi có điều KT-XH khó khăn như vùng sâu, vùng xa, miền núi và biên giới. Việc mở rộng mạng lưới giáo dục, khuyến khích học sinh đến trường, nâng cao chất lượng giáo dục là sự bình đẳng cho mọi đối tượng chính là những giải pháp cần thiết.

Bình đẳng trong lĩnh vực xã hội: Xây dựng khối ĐĐKDT phải được triển khai trên cơ sở phát triển các mối quan hệ bình đẳng xã hội. Đây không chỉ là

nguyên tắc nền tảng mà còn là cơ sở để xây dựng môi trường thuận lợi của các DTTS. Những yếu tố VH-XH đặc thù, nếu được giữ gìn, kế thừa và phát triển một cách sáng tạo, phù hợp với yêu cầu của thời kỳ mới, sẽ trở thành nguồn lực quan trọng trong củng cố khối ĐĐKDT. Bên cạnh việc phát huy giá trị truyền thống, cần kiên quyết loại bỏ những tập tục, quan niệm lạc hậu còn tồn tại trong xã hội, trong quan hệ dòng họ, cộng đồng địa phương và trong giao tiếp giữa các dân tộc cùng sinh sống. Bình đẳng dân tộc trong lĩnh vực xã hội là giải quyết đồng bộ các vấn đề bức thiết phát sinh tại vùng DTTS miền núi như: cải thiện thu nhập, tạo việc làm bền vững, xóa đói giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe, phòng chống các tệ nạn xã hội, bảo đảm ASXH, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, quản lý tôn giáo và giải quyết tốt các vấn đề nảy sinh từ tôn giáo, dân số, an toàn thực phẩm, các thế lực thù địch chống phá khối ĐĐKDT, trình độ dân trí, sức khỏe, các quyền cơ bản của người dân... Việc giải quyết hiệu quả những vấn đề nêu trên sẽ góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào các DTTS, từ đó góp phần trực tiếp vào việc xây dựng khối ĐĐKDT.

2.2.4.2. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc phải thực hiện nguyên tắc phải tin vào dân, dựa vào dân, phấn đấu vì quyền lợi của nhân dân

Đây là nguyên tắc dựa trên cơ sở kế thừa truyền thống “trọng dân” của dân tộc; tư tưởng “thân dân” của văn hoá phương Đông và quan điểm “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng” của chủ nghĩa Mác - Lênin. Truyền thống “trọng dân” của dân tộc thể hiện trong văn học dân gian; các triều đại phong kiến Việt Nam... Tư tưởng thân dân của cổ đại Trung Hoa: Sức mạnh của dân theo quan điểm của Mạnh Tử, Khổng Tử, tác phẩm “Kinh thi”. Người đã nêu các khái niệm Dân, Nhân dân có nội hàm rất rộng. Người nhấn mạnh về vai trò của quần chúng nhân dân là sức mạnh vô cùng lớn trong xây dựng khối ĐĐKDT: Việc gì có quần chúng tham gia bàn bạc, khó mấy cũng trở nên dễ dàng và làm được việc thành công “Dễ mười lần không dân cũng chịu. Khó trăm lần dân liệu cũng xong” [49, tr.280]. Sức mạnh to lớn của nhân dân theo Người như gốc của cái cây, nền của ngôi nhà, là cơ sở, nền tảng, là chìa khoá vạn năng trong tập hợp

lực lượng. Chính vì vậy, phải phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT bởi chính nhân dân là chỗ dựa vững chắc của Đảng, của cả HTCT và của cả xã hội trong xây dựng bảo vệ Tổ quốc.

2.2.4.3. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo nguyên tắc tự giác, có tổ chức, có lãnh đạo; đoàn kết lâu dài, chặt chẽ

Một dân tộc chỉ trở thành lực lượng khối ĐĐKDT to lớn, có sức mạnh vô địch khi được tập hợp, tổ chức thành một khối, được giác ngộ về mục tiêu chiến đấu chung và hoạt động theo một đường lối chính trị đúng đắn. Nếu không đủ số lượng người có đông đảo nhưng không tạo thành sức mạnh. Theo Hồ Chí Minh xây dựng khối ĐĐKDT là: ĐĐKDT không phải là một tập hợp lực lượng xã hội ngẫu nhiên, tự phát, nhất thời, mà là một tập hợp rộng rãi, bền vững của các lực lượng xã hội được giác ngộ, tự giác, có tổ chức, có lãnh đạo... hợp thành MTDTTN.

Xây dựng khối ĐĐKDT phải thực hiện trong nguyên tắc dưới sự lãnh đạo của Đảng- đây là nguyên tắc trong xây dựng MTDTTN. Theo Người chỉ có “đấu tranh trên hai mặt trận như thế, thì vai trò lãnh đạo của Đảng trong Mặt trận dân tộc thống nhất mới được đảm bảo”[58, tr.417]. Ngoài ra, về phương pháp, Người yêu cầu Đảng phải tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền..., trên cơ sở lấy thẳng thắn chân thành để đối xử, lấy tin yêu giúp đỡ để cảm hoá; trân trọng phát huy nhân tố tích cực, phát huy cái tốt. Hạn chế, đẩy lùi nhân tố tiêu cực, giúp cho mọi người đều tiến bộ và trưởng thành, đóng góp có hiệu quả vào sự nghiệp cách mạng.

Cán bộ cầu nối, là tiền vốn, là người đưa chính sách đoàn kết của Đảng, Nhà nước đến với các dân tộc và thực hiện nhiệm vụ là “đầy tớ” của Nhân dân. Người yêu cầu cán bộ và đảng viên: “Phải đi đường lối quần chúng, không được quan liêu, mệnh lệnh và gò ép nhân dân. Nhiệm vụ của chính quyền dân chủ là phục vụ nhân dân; tổ chức, giáo dục, động viên nhân dân xây dựng cuộc sống mới” [60, tr.608]. Do đó, Người đã khuyên đồng bào đoàn kết một lòng để thực hiện xây dựng khối ĐĐKDT vững mạnh và đi đến thành công.

2.2.4.4. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc phải chân thành, thẳng thắn, thân ái và phải gắn với tự phê bình và phê bình

Đoàn kết vừa là động lực, mục tiêu và nhiệm vụ quan trọng của cách mạng và ĐĐKDT là chiến lược của cách mạng Việt Nam. Xây dựng khối ĐĐKDT là để nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc và tiến lên CNXH. Do đó, xây dựng ĐĐKDT không phải là một thủ đoạn chính trị mà vừa là mục tiêu, là nhiệm vụ chiến lược mà phải đoàn kết thật sự, vì lợi ích chung “đoàn kết dân tộc không phải là thủ đoạn chính trị”. Thực hiện xây dựng khối ĐĐKDT là vì các thành viên, tầng lớp vừa có nguyện vọng, lợi ích chung, vừa có nguyện vọng lợi ích riêng; bên cạnh những yếu tố tích cực vẫn còn tồn tại những yếu tố tiêu cực cần khắc phục.

Để thực hiện xây dựng khối ĐĐKDT Người đề ra phương châm “cầu đồng tồn dị” [55, tr.556]: tức là lấy cái chung, đề cao cái chung; đồng thời tôn trọng cái riêng, cái khác biệt, cái chung không mâu thuẫn với cái riêng, cái khác biệt. Người yêu cầu phải nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình để học tập những cái tốt, cái hay của nhau đồng thời giúp nhau sửa chữa khuyết điểm; chỉ ra cái sai, hạn chế của nhau và giúp nhau khắc phục những chủ trương và khuynh hướng sai lầm trong tổ chức. Theo Hồ Chí Minh, để đoàn kết được thì thái độ phê bình phải thẳng thắn, tôn trọng, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau; nghiêm túc, khoan dung; chân thành, thân ái, thấu lý mà đạt tình; phải đảm bảo tính khách quan, nội bộ đoàn kết; ưu điểm được phát huy, khuyết điểm được khắc phục và quan trọng nhất là phải vì mục đích chung, khát vọng và lợi ích chung của nhân dân và cả dân tộc. Người khẳng định “Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội, mọi người cần đoàn kết thực sự và giúp nhau cùng tiến bộ. Đoàn kết thực sự nghĩa là mục đích phải nhất trí và lập trường cũng phải nhất trí” [57, tr.362]. Người đã mong muốn đối với MTDTTN phải phát huy được vai trò của mình trong tập hợp lực lượng và động viên nhân dân vì khát vọng chung của dân tộc.

2.2.5. Về phương pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Trong quá trình xây dựng khối ĐĐKDT, Hồ Chí Minh chỉ ra hệ thống phương pháp mang tính toàn diện và linh hoạt, bảo đảm cho đoàn kết trở

thành sức mạnh thực chất, chứ không chỉ là khẩu hiệu. Ba phương pháp cơ bản mà Người thường xuyên vận dụng là: Phương pháp tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục nhằm giác ngộ, khơi dậy tinh thần yêu nước, tinh thần dân tộc và ý thức cộng đồng. Phương pháp tổ chức, bảo đảm cho sự thống nhất ý chí và hành động được thể chế hóa thành phong trào, thành sức mạnh vật chất cụ thể. Phương pháp xử lý, giải quyết các mối quan hệ, thể hiện nghệ thuật lãnh đạo mềm dẻo, dung hòa giữa các lực lượng xã hội, giữa lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc, giữa trung ương và địa phương, tạo nên sự đồng thuận bền vững trong khối ĐĐKDT. Cụ thể như sau:

2.2.5.1. Phương pháp tuyên truyền, vận động giáo dục, thuyết phục

Về đối tượng: Theo Người để thực hiện thành công CSDT và xây dựng khối ĐĐKDT cần xác định đối tượng và phương pháp cho phù hợp; tuyên truyền phải căn cứ vào thực tiễn, từ người dân thì mới đúng, mới hay “Tuyên truyền huấn luyện phải xuất phát từ chỗ nào? Xuất phát từ nhiệt tình cách mạng, tình thương yêu chân thành đồng bào các dân tộc, từ tinh thần hết lòng phục vụ đồng bào các dân tộc” [60, tr.159] tức là phải lấy dân làm gốc, phải vì dân.

Hồ Chí Minh yêu cầu nội dung tuyên truyền phải vừa đáp ứng những nguyện vọng, quyền lợi cơ bản của mỗi dân tộc, mỗi giai cấp, vừa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Trong đó phải tùy theo hoàn cảnh cụ thể của từng giai đoạn cách mạng mà đề ra nội dung tuyên truyền như thế mới đáp ứng được mong muốn của người dân. Nhân dân bao gồm nhiều thành phần, giai cấp, đối tượng khác nhau sẽ có những yêu cầu về nguyện vọng và quyền lợi khác nhau ... Chính vì vậy, nội dung phải sát hợp với từng vùng, từng miền và nguyện vọng của dân.

Theo Người, miền núi đồng bào sinh sống khó khăn nhưng lại có vai trò quan trọng trong lĩnh vực KT-XH và QP-AN đối với đất nước cho nên cần dẫn cán bộ khi công tác ở những vùng này phải luôn ý thức được điều ấy “Các chú đều biết là miền núi nước ta chiếm một vị trí quan trọng đối với quốc phòng, đối với kinh tế” [60, tr.166]. Do đó, Người yêu cầu “Vì vậy Trung ương Đảng và Chính phủ, mà trực tiếp là các cấp ủy đảng, các ủy ban địa phương, các cô, các chú, phải làm sao nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của đồng bào các dân

tộc.”[60, tr.166]. Người đã yêu cầu cán bộ cấp ủy địa phương phải thấy rõ trách nhiệm trong quá trình công tác ở miền núi. Người đặc biệt nhấn mạnh quan tâm trên tất cả các lĩnh vực để phải vận động, tuyên truyền cần toàn diện, thiết thực đối với đời sống của đồng bào “cần thật sự chú ý vận động, giúp đỡ đồng bào về các công tác sản xuất, văn hoá, vệ sinh, phòng bệnh để đồng bào vùng cao cải thiện dần đời sống của mình” [48, tr.231]. Đồng thời phải chú ý xây dựng văn hoá dân tộc, quan tâm chăm sóc sức khỏe cho người dân có như vậy người dân mới đủ sức lao động sản xuất tốt.

Về QP-AN phải luôn luôn đề cao cảnh giác, thường xuyên giáo dục nâng cao tinh thần đấu tranh, niềm tin cách mạng và nhận diện rõ với các luận điệu thù địch, lực lượng phản cách mạng trong các tỉnh miền núi biên giới nhằm giữ gìn ổn định ở địa phương... Người chỉ dạy đối với cán bộ, đảng viên công tác ở miền núi muốn xây dựng khối ĐĐKDT phải: góp phần đưa miền Bắc tiến dần lên CNXH - Đó là mong muốn của Người và cũng là khát vọng của toàn dân tộc nói chung và ở miền núi nói riêng.

Hồ Chí Minh xác định phương pháp tuyên truyền đạt hiệu quả cần phải sử dụng các hình thức tuyên truyền, vận động phù hợp: Tuyên truyền qua sách báo; đài, tivi, cử cán bộ trực tiếp xuống địa phương; các buổi tuyên truyền, vận động trực tiếp. Khi đề cập đến cách viết, Người yêu cầu: Viết phải ngắn gọn, dễ hiểu, vừa trí thức, bình dân, sâu sắc và giản dị; phải bằng ngôn ngữ thông thường gần gũi với mọi người dân Việt Nam để khi nói thì mọi người ai cũng hiểu được, ai cũng hiểu được thì nhớ được và khi đã nhớ được thì sẽ làm được. Người yêu cầu trong quá trình tuyên truyền cán bộ cần phải nhận thức được công tác tuyên truyền rất quan trọng và bản thân cán bộ, đảng viên khi thực hiện phải trả lời được các câu hỏi: Viết cho ai, để làm gì, viết như thế nào “Công tác tuyên truyền phải cụ thể, thiết thực. Tuyên truyền cái gì? Tuyên truyền cho ai? Tuyên truyền để làm gì? Tuyên truyền cách thế nào?” [60, tr.159] và “Tuyên truyền cũng thế, huấn luyện cũng thế. Phải làm sao dễ hiểu, nói sao để người ta hiểu được, hiểu để làm. Vì thế nên tuyên truyền phải thiết thực.” [60, tr.159]

Về cán bộ tuyên truyền: Theo Hồ Chí Minh, cán bộ là gốc của mọi công việc, muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém. Hơn thế nữa, cán bộ là công bộc của dân, thay mặt nhân dân xử lý công việc nhà nước. Chính vì vậy, cán bộ làm phải đi sâu, đi sát đồng bào và phải nêu gương. Cán bộ phải nắm vững chủ trương, đường lối đi sâu, đi sát đồng bào bởi người đi tuyên truyền vận động mà không am hiểu, không nắm vững nội dung sẽ không thuyết phục được người nghe và nếu tuyên truyền không đúng thì mục đích tuyên truyền không đạt được, sẽ hỏng việc. Trong tác phẩm “Dân vận” người nhắc nhở cán bộ phải có: “cần phải óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm” [52, tr.233-234] để phục vụ nhân dân, vì lợi ích của Tổ quốc. Ngoài ra, người chỉ rõ cán bộ khi làm việc luôn ý thức trách nhiệm của mình với dân nên phải học hỏi, tôn trọng, lấy ý kiến nhân dân, căn cứ vào thực tế địa phương “bất cứ việc gì đều phải bàn bạc với dân, hỏi ý kiến và kinh nghiệm của dân, cùng với dân đặt kế hoạch cho thiết thực với hoàn cảnh địa phương, rồi động viên và tổ chức toàn dân ra thi hành” [52, tr.233].

2.2.5.2. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc phải thực hiện được phương pháp tổ chức

Muốn xây dựng khối ĐĐKDT theo Hồ Chí Minh cần phải có phương pháp tổ chức khoa học.

Đảng phải đề ra được đường lối đại đoàn kết đúng đắn, thống nhất, chặt chẽ, có kỷ luật, tự giác. Đảng là hạt nhân lãnh đạo, là linh hồn khối ĐĐKDT. Muốn vậy, Đảng được xây dựng trong sạch vững mạnh. Đảng phải sáng suốt, trí tuệ, phải thống nhất và phải có tổ chức kỷ luật chặt chẽ, tự giác, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, lấy tự phê bình và phê bình là vũ khí xây dựng Đảng. Mỗi đảng viên phải gương mẫu, phải chăm lo giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng.

Nhà nước ta phải xây dựng và thực hiện ĐĐKDT theo đúng nguyện vọng của nhân dân và phù hợp với thực tiễn. Nhà nước là người tổ chức, quản lý điều hành mọi hoạt động xã hội. Mọi chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước đều có giá trị và quyết định đến cuộc sống của nhân dân, đến lợi ích chính đáng

của từng người dân. Vì vậy, nhà nước phải thật sự trung thành, tận tụy phục vụ nhân dân, là công bộc của dân.

MTTQ, các đoàn thể CT-XH cần phải làm tốt vai trò của mình; thể hiện rõ vai trò gắn kết Đảng với Nhân dân. Có thể nói: Uy tín và sức mạnh của Đảng một phần lớn phụ thuộc vào hiệu quả hoạt động của các đoàn thể quần chúng. Muốn vậy, các đoàn thể quần chúng phải được xây dựng phù hợp với trình độ và nhận thức của quần chúng, hình thức tổ chức phải đa dạng, phong phú; chương trình hành động phải rõ ràng, thiết thực; cán bộ đoàn thể phải thực sự yêu quý dân, thì dân mới tin theo; phải thực hiện tốt “3 cùng”.

2.2.5.3. Phương pháp xử lý và giải quyết các mối quan hệ

Để xây dựng khối ĐĐKDT của Hồ Chí Minh đã khéo léo giải quyết, xử lý khoa học mối tương quan ba chiều giữa: Cách mạng - trung gian - phản cách mạng, nhằm mở rộng đến mức cao nhất trận tuyến cách mạng và thu hẹp đến mức thấp nhất trận tuyến thù địch. Phương pháp xử lý và giải quyết vấn đề đặt ra đòi hỏi làm rõ mối tương quan 3 chiều giữa: Cách mạng - trung gian - phản cách mạng.

Trong ĐĐKDT của Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý là phải tranh thủ lôi kéo được các lực lượng trung gian đứng về phía cách mạng, cương quyết không cho kẻ địch có thể lợi dụng. Lực lượng trung gian này thường bao gồm các tầng lớp trên, các nhân sĩ, trí thức có danh vọng, các viên chức cao cấp, người đứng đầu các tôn giáo, người có uy tín trong các DTTS anh em, kể cả những người đã nhất thời lầm lạc... nhất thiết không để cho kẻ thù kích động, lôi kéo họ để chống lại cách mạng.

Tóm lại: Ba phương pháp trong xây dựng khối ĐĐKDT của Chủ tịch Hồ Chí Minh có giá trị trong thực tiễn xây dựng khối ĐĐKDT hiện nay. Đặc biệt là vận dụng các phương pháp của Hồ Chí Minh vào thực tiễn 4 tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay. Phương pháp xử lý khoa học được thể hiện ở việc các tỉnh Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La chủ động dựa trên số liệu, điều kiện KT-XH, đặc điểm văn hóa dân tộc để hoạch định chính sách phát triển KT-XH, giảm nghèo bền vững, phát triển VH-XH, đảm bảo QP-AN. Phương pháp trung gian

được vận dụng linh hoạt trong công tác dân vận, hòa giải mâu thuẫn ở cơ sở, xây dựng tinh thần xây dựng khối ĐĐKDT giữa các dân tộc ở biên giới với các lực lượng chức năng, tạo thế trận QP-AN vững chắc nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Phương pháp xử lý và giải quyết lực lượng phản cách mạng được thể hiện rõ trong đấu tranh chống lại các phương thức phá hoại, kích động nhằm chia rẽ dân tộc, tôn giáo từ các thế lực thù địch, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia. Nhờ vận dụng nhuần nhuyễn ba phương pháp các tỉnh biên giới Tây Bắc không chỉ củng cố khối ĐĐKDT mà còn tạo nền tảng cho sự ổn định CT-XH.

2.2.6. Về hình thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

ĐĐKDT không chỉ là khẩu hiệu hành động mà còn là một chiến lược cách mạng mang tính xuyên suốt, đóng vai trò nền tảng trong lịch sử Việt Nam. Tư tưởng này không dừng lại ở lý luận, mà đã được Người cụ thể hóa thành một sức mạnh vật chất, một lực lượng xã hội có tổ chức - đó chính là MTDTTN. Theo Hồ Chí Minh, MTDTTN là hình thức tổ chức tập hợp rộng rãi nhất các lực lượng yêu nước, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, thành phần xã hội hay giai tầng, nhằm thực hiện mục tiêu tối cao là thống nhất đất nước đi lên CNXH. Tùy theo từng thời kỳ lịch sử, gắn với yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng trong mỗi giai đoạn cụ thể, MTDTTN có những tên gọi, nội dung, hình thức và phương thức hoạt động khác nhau, nhưng đều thống nhất về bản chất: là biểu hiện sinh động của khối ĐĐKDT.

Việc xây dựng MTDTTN luôn gắn liền với nhiệm vụ tập hợp, phát huy vai trò của mọi tầng lớp, mọi tổ chức CT-XH, cá nhân yêu nước, nhằm hình thành ĐĐKDT chặt chẽ, toàn diện, tạo nên sức mạnh tổng hợp để phục vụ sự nghiệp cách mạng. Tùy vào nhiệm vụ cách mạng và từng giai đoạn cách mạng MTDTTN có những tên gọi khác nhau, nhằm tập hợp đông đảo mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp, mọi ngành nghề, các tổ chức và cá nhân yêu nước vào một khối thống nhất phục vụ cho mục tiêu của cách mạng, như: Mặt trận phản đế (1931), Mặt trận dân chủ (1936), Mặt trận Việt Minh (1941), Mặt trận Liên - Việt

(1951), MTTQ Việt Nam (1955), Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (1960). MTDTTN giữ vai trò là một trong những lực lượng nòng cốt trong cách mạng Việt Nam. Lịch sử đã khẳng định rõ vai trò này qua các giai đoạn phát triển của cách mạng dân tộc. Cụ thể, trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, việc xây dựng khối ĐĐKDT trong khuôn khổ Mặt trận Việt Minh đã tạo nên sức mạnh to lớn, dẫn đến thắng lợi của cuộc cách mạng và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tiếp đó, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, khối đoàn kết được củng cố và phát huy trong Mặt trận Liên Việt làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến giải phóng hoàn toàn miền Bắc. Trong thời kỳ khôi phục và phát triển đất nước sau hòa bình, tinh thần đại đoàn kết tiếp tục được phát huy mạnh mẽ thông qua MTTQ Việt Nam, góp phần quan trọng vào thắng lợi trong xây dựng CNXH ở miền Bắc.

Xây dựng MTDTTN Hồ Chí Minh yêu cầu:

Yêu cầu thứ nhất, mặt trận lấy liên minh công - nông - trí thức làm nền tảng. Người nói “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác”[55, tr.244]. Các lực lượng này nền tảng của đại đoàn kết. Nhưng 3 giai cấp tầng lớp ấy mới chỉ là điều kiện cần, còn điều kiện đủ trong xây dựng khối ĐĐKDT phải đoàn kết với các tầng lớp nhân dân khác. Người luôn luôn quan tâm và nhấn mạnh trong xây dựng ĐĐKDT cần chống lại tư tưởng kỳ thị, hẹp hòi, chỉ thấy vai trò của các lực lượng tham gia khác. Người nhắc nhở cán bộ phải thực hiện đoàn kết và xây dựng khối ĐĐKDT trong thực hiện công tác của mình và cần tránh căn bệnh hẹp hòi, ích kỷ, cô độc hoặc đoàn kết không có nguyên tắc. Trong thực hiện nhiệm vụ luôn luôn phải thực hiện đoàn kết lên hàng đầu “Trong chính sách đoàn kết cần phải chống hai khuynh hướng sai lầm: cô độc hẹp hòi và đoàn kết vô nguyên tắc. Phải lấy công tác mà củng cố đoàn kết. Phải lấy đoàn kết mà đẩy mạnh công tác”[55, tr.244]

Yêu cầu thứ hai, MTDTTN do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo: Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: Xây dựng khối ĐĐKDT phải dưới sự lãnh đạo của

Đảng và Người khẳng định đây là một nguyên tắc trong xây dựng MTDDTN. Người cũng nhắc nhở Đảng phải phát huy vai trò lãnh đạo, hoạt động có hiệu quả, thực chất chứ không thể tự MTDDTN công nhận “Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất”[49, tr.168].

Mặt khác, về phương pháp, Đảng phải tăng cường công tác vận động, giáo dục, thuyết phục, cán bộ phải làm gương..., lấy thẳng thắn nhưng phải có tình người để giải quyết công việc, lấy tin yêu giúp đỡ để cảm hoá; trân trọng phát huy nhân tố tích cực; hạn chế, đẩy lùi nhân tố tiêu cực, giúp cho mọi người đều tiến bộ và trưởng thành, đóng góp có hiệu quả vào sự nghiệp cách mạng. Không chỉ chăm lo xây dựng khối ĐĐKDT trong MTDDTN. Trong quá trình bôn ba tìm đường cứu nước và giải phóng dân tộc, chính bản thân Hồ Chí Minh là hiện thân, là tấm gương sáng ngời tiêu biểu của chủ nghĩa yêu nước chân chính vì dân tộc, vì nhân dân.

Theo Người khi có Đảng lãnh đạo, có tổ chức, có phương pháp và đường lối, hình thức tập hợp lực lượng là MTDDTN thì phải thông qua việc đề ra chính sách phù hợp, đúng đắn với từng thời kỳ, từng giai đoạn, nhiệm vụ đặt ra và thực hiện bằng phương pháp tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục thông qua cán bộ, đảng viên trong thực tế thực hiện nhiệm vụ. Do đó, Đảng phải thực hiện sự lãnh đạo đó theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ. Người yêu cầu Đảng phải luôn luôn yêu cầu không ngừng tự chỉnh đốn và đổi mới, phải nâng cao năng lực và gương mẫu về mọi mặt.

2.3. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

2.3.1. Giá trị lý luận

2.3.1.1. Giá trị lý luận đối với dân tộc Việt Nam

Là kết tinh của trí tuệ, bản lĩnh cách mạng, tinh thần nhân văn sâu sắc và sự thấu hiểu thực tiễn Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT đã nâng tầm truyền thống đoàn kết của dân tộc lên thành một hệ thống lý luận khoa học và

cách mạng hoàn chỉnh. Tư tưởng đó không chỉ kế thừa và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, mà còn mang giá trị to lớn trong việc bổ sung, phát triển lý luận cách mạng Việt Nam, làm sáng tỏ quy luật hình thành, tổ chức và phát huy sức mạnh của khối ĐĐKDT. Những giá trị lý luận cơ bản được thể hiện qua các khía cạnh sau:

Thứ nhất, đã kế thừa và phát triển sáng tạo học thuyết Mác - Lênin về vai trò của quần chúng nhân dân trong cách mạng. Chủ nghĩa Mác - Lênin nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân trong sự nghiệp giải phóng xã hội. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh, từ thực tiễn cách mạng Việt Nam - một xã hội có cơ cấu giai cấp, dân tộc, tôn giáo rất phức tạp - đã mở rộng đối tượng đoàn kết, khẳng định khối ĐĐKDT phải bao gồm tất cả các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, kiều bào... miễn là họ yêu nước, vì nhân dân. Đây là sự phát triển tư duy lý luận sáng tạo, khẳng định sức mạnh của nhân dân là yếu tố quyết định mọi thắng lợi.

Thứ hai, đã phát triển lý luận cách mạng về chiến lược tập hợp lực lượng. Nếu như trong lý luận Mác - Lênin xác định liên minh công - nông là hạt nhân của cách mạng thì Người đã bổ sung và phát triển thêm thành một học thuyết hoàn chỉnh về xây dựng khối ĐĐKDT là một chiến lược cơ bản, nhất quán, không chỉ trong thời kỳ đấu tranh giành độc lập mà cả trong công cuộc kiến thiết đất nước. Theo Hồ Chí Minh, xây dựng khối ĐĐKDT không phải là một biện pháp tình thế hay “thủ đoạn chính trị”, mà là chiến lược xuyên suốt, có tính chất sống còn đối với dân tộc.

Thứ ba, là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn. Tư tưởng của Người về xây dựng khối ĐĐKDT được hình thành từ thực tiễn cách mạng phong phú, gắn bó chặt chẽ với đời sống nhân dân. Những quan điểm về đại đoàn kết của Người không phải là những lý luận trừu tượng mà là kết quả tổng kết kinh nghiệm thực tế cách mạng thế giới và thực tiễn cách mạng Việt Nam. Xây dựng khối ĐĐKDT không chỉ phản ánh khát vọng cháy bỏng của cả dân tộc mà còn trở thành một mẫu số chung về sức mạnh, lợi ích, là nền tảng lý luận - thực tiễn để quy tụ mọi lực lượng trong khối ĐĐKDT.

Thứ tư, đã góp phần hình thành cơ sở lý luận cho việc xây dựng mô hình MTDTTN ở Việt Nam. Từ quan điểm rộng mở về đối tượng xây dựng khối ĐĐKDT, Người đã chỉ rõ MTDTTN phải là nơi quy tụ mọi lực lượng yêu nước, không phân biệt... Nguyên tắc tổ chức MTDTTN nhất là lấy liên minh công - nông - trí thức là nòng cốt, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng thời thể hiện tính chủ động của quần chúng và đã được thực tế lịch sử chứng minh là phù hợp và hiệu quả.

Thứ năm, tư tưởng ĐĐKDT của Hồ Chí Minh đặt nền móng cho sự phát triển lý luận về xây dựng khối ĐĐKDT của dân tộc ta trong mọi thời kỳ. Cùng với sự phân hóa lợi ích xã hội ngày càng rõ nét, thì yêu cầu về một nền tảng lý luận để quy tụ các lực lượng vẫn mang tính cấp thiết. Những quan điểm của Hồ Chí Minh như: ĐĐKDT trên cơ sở lợi ích dân tộc, giữa dân tộc và giai cấp; chủ trương khoan dung, xóa bỏ định kiến, phát huy điểm tương đồng... vẫn giữ nguyên giá trị định hướng và trở thành cơ sở lý luận quan trọng để xây dựng khối ĐĐKDT trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường định hướng CNXH và mở cửa hội nhập như hiện nay.

Tóm lại, tư tưởng xây dựng khối ĐĐKDT của Hồ Chí Minh là một cống hiến to lớn cho dân tộc mang một giá trị lý luận có tính nền tảng, làm giàu thêm kho tàng lý luận cách mạng Việt Nam, góp phần bổ sung, phát triển học thuyết Mác - Lênin trên cả phương diện nội dung và phương pháp, lực lượng ĐĐKDT. Những giá trị lý luận đó không chỉ có ý nghĩa trong đấu tranh dựng nước, mà còn có vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước ta vững bước đi lên CNXH trong thời đại mới hiện nay.

2.3.1.2. Giá trị lý luận của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc gắn với thực tiễn các tỉnh biên giới Tây Bắc

Thứ nhất, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT là sự vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng lực lượng cách mạng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam. Những quan điểm của Người về xây dựng khối ĐĐKDT không chỉ là sự kế thừa những nguyên lý

cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của quần chúng trong sự nghiệp cách mạng, mà là một hệ thống quan điểm hoàn chỉnh, giàu tính nhân văn, phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hóa của dân tộc. Trên ý nghĩa đó, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT không chỉ là sự tiếp thu, kế thừa lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về xác định lực lượng cách mạng, xây dựng liên minh công - nông làm nền tảng, mà tư tưởng Hồ Chí Minh đã mở rộng phạm vi ĐĐKDT, trong đó có đoàn kết với các DTTS, đoàn kết các lực lượng tôn giáo, đoàn kết với bộ phận người Việt Nam sinh sống, làm việc, học tập ở nước ngoài v.v..

Thứ hai, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT là kim chỉ nam cho Đảng, Nhà nước trong định hướng chỉ đạo hoạch định chủ trương, đường lối, trong tổ chức, triển khai thực hiện tập hợp, xây dựng lực lượng cách mạng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong mỗi giai đoạn lịch sử, đưa đến thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đối với các tỉnh biên giới Tây Bắc - địa bàn tập trung gần 80% các DTTS sinh sống, tư tưởng của Người về xây dựng khối ĐĐKDT là cơ sở lý luận quan trọng cho Đảng, Nhà nước hoạch định chủ trương, đường lối, chính sách đặc thù để xây dựng, củng cố khối ĐĐKDT, tạo nên sức mạnh toàn dân tộc, đưa đến thành công của sự nghiệp cách mạng. Mặt khác, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT còn thể hiện sự phát triển sáng tạo về xác định lực lượng đại đoàn kết - trong xây dựng khối ĐĐKDT. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng bào DTTS được đặt ở vị trí trung tâm và với những nguyên tắc, phương pháp... trong thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc cụ thể, dựa trên cơ sở bình đẳng về quyền lợi chính trị - kinh tế; tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển.

Thứ ba, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT khẳng định và phát huy vị trí, vai trò quan trọng của MTDTTN - cơ quan đại diện cho đông đảo các tầng lớp nhân dân; đại diện cho các tôn giáo, đảng phái, các tổ chức chính trị, đoàn thể xã hội mà hạt nhân là Đảng Cộng sản. Đối với các tỉnh biên giới Tây Bắc, MTTQ Việt Nam các cấp thực sự là người đại diện cho các hội,

đoàn thể quần chúng và các tổ chức CT-XH, trong việc lắng nghe, tiếp thu ý kiến, phản ánh tâm tư nguyện vọng của nhân dân đến với Đảng và chính quyền các cấp. Điều đó rất phù hợp với điều kiện đặc thù của các tỉnh biên giới Tây Bắc - nơi có đông đồng bào DTTS, mỗi dân tộc có phong tục tập quán, bản sắc văn hóa riêng, có mặt bằng trình độ phát triển đặc thù của các tỉnh biên giới Tây Bắc.

Thứ tư, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT đã chỉ ra những nguyên tắc cơ bản về bình đẳng dân tộc và giải quyết hài hòa mối quan hệ lợi ích giữa các tầng lớp, giai cấp, dân tộc. Trong điều kiện các tỉnh biên giới Tây Bắc còn nhiều khó khăn về điều kiện phát triển KT-CT, VH-XH; còn chênh lệch lớn về mức sống và hạ tầng cơ sở đảm bảo cho giáo dục, y tế, giao thông... tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT là cơ sở lý luận để xây dựng, thực hiện các CSXH, (chính sách ưu tiên phát triển KT - VH khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới...). Tạo tiền đề cho việc bảo tồn các giá trị văn hóa các dân tộc; phát huy yếu tố văn hóa của mỗi dân tộc làm yếu tố nòng cốt để xây dựng khối ĐĐKDT.

Thứ năm, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT là cơ sở lý luận để “xóa bỏ mặc cảm, định kiến và bệnh hẹp hòi” trong quan hệ giữa các dân tộc đa số và các DTTS, đối với đồng bào các dân tộc ở các tỉnh biên giới Tây Bắc, điều này rất có ý nghĩa, bởi những hạn chế về nhận thức và hạn chế lịch sử để lại nhiều rào cản, nhất là sự chia rẽ bởi tính đố kỵ, so bì giữa các dân tộc. Bên cạnh đó, tàn dư của chế độ thực dân, phong kiến để lại (cục bộ địa phương, bảo thủ, mê tín dị đoan...) đã ăn sâu vào nhận thức người dân chưa dễ xóa bỏ. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT chính là cơ sở lý luận, là nội dung, nguyên tắc, phương pháp... để xây dựng khối ĐĐKDT.

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT không chỉ là di sản tinh thần vô giá của cách mạng Việt Nam, mà còn có giá trị lý luận quan trọng định hướng cho Đảng, Nhà nước trong xây dựng chủ trương, đường lối, chính sách ĐĐKDT nhất là trong bối cảnh tình hình hiện nay. Đối với các tỉnh

biên giới Tây Bắc, giá trị lý luận của tư tưởng Hồ Chí Minh còn chỉ đạo xây dựng chính sách phát triển KT-XH bền vững, góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, đường biên mốc giới của Tổ quốc, giữ gìn QP-AN biên giới và cuộc sống bình yên của nhân dân.

2.3.2. Giá trị thực tiễn

2.3.2.1. Đối với dân tộc Việt Nam

Thứ nhất, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT, dưới sự lãnh đạo của Đảng, lực lượng dân tộc đã được tổ chức, tập hợp thành một khối thống nhất trong MTDTTN, tạo nên sức mạnh để hoàn thành thắng lợi sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ hai, vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT và xây dựng khối ĐĐKDT, tạo nên sự đoàn kết trong xã hội. Các chính sách về bình đẳng dân tộc, quyền tự do tín ngưỡng, bảo tồn văn hóa, nâng cao dân trí, chăm lo phát triển vùng DTTS, nâng cao đời sống và mức hưởng thụ cho nhân dân ... đều bắt nguồn từ tư tưởng ĐĐKDT của Hồ Chí Minh.

Thứ ba, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT là nền tảng để xây dựng sức mạnh dân tộc lớn nhất kể cả những người trước đây lầm đường, miễn là họ có lòng yêu nước, hướng về mục tiêu chung, lợi ích chung của dân tộc Việt Nam. Là cơ sở, nền tảng hình thành MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH các cấp thực hiện việc tập hợp lực lượng, bảo vệ lợi ích của nhân dân và tạo nên thể trận lòng dân vững chắc.

Thứ tư, tư tưởng xây dựng khối ĐĐKDT của Hồ Chí Minh giúp hình thành một xã hội ổn định, vững chắc, no ấm, đoàn kết, tạo điều kiện cho dân chủ thực sự; luôn luôn đảm bảo được công bằng phân đấu là một dân tộc văn minh, phát triển, giàu mạnh. Bằng việc tôn trọng sự khác biệt và hướng tới những điểm chung, Người đã giúp hóa giải xung đột tiềm ẩn, tạo nên sức mạnh ĐĐKDT, sự tin tưởng của nhân dân đối với chế độ XHCN và tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng, tự nguyện theo Đảng. Qua đó, thu hút được lực lượng tạo nên sức mạnh

“vô địch” đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược nước ta và là sức mạnh để dân tộc ta tiến lên xây dựng CNXH thành công.

2.3.2.2. Đối với các tỉnh biên giới Tây Bắc

Các tỉnh Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La - là khu vực có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng cả về chính trị, QP-AN và kinh tế, văn hoá. Nơi đây cũng là nơi sinh sống phần lớn của đồng bào các DTTS như: Nùng, Mông, Thái, Dao, Hà Nhì, Tày... Với đặc thù đoàn kết trong đấu tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử cũng như trong thời kỳ đổi mới hiện nay việc tiếp tục vận dụng sáng tạo về xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh có giá trị đặc biệt sâu sắc và thực tiễn trên nhiều phương diện:

Thứ nhất, là nền tảng để xây dựng ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh phát triển toàn diện vùng có nhiều đồng bào DTTS sinh sống; là cơ sở xóa bỏ mặc cảm, thu hẹp khoảng cách giữa các dân tộc. Từ quan điểm “lấy dân làm gốc” của Hồ Chí Minh, các tỉnh biên giới Tây Bắc đã vận dụng sáng tạo và đẩy mạnh thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế nhằm giảm nghèo gắn với XDNTM phát triển hạ tầng, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe, phát huy tính dân chủ... chăm lo tốt hơn cho nhân dân vùng biên Tây Bắc.

Thứ hai, tư tưởng của Người về xây dựng khối ĐĐKDT tiếp tục được cụ thể hóa trong việc gắn chặt lợi ích cá nhân - cộng đồng - dân tộc. Điều này đã và đang phát huy hiệu quả ở vùng biên Tây Bắc và thúc đẩy lao động sản xuất gắn với lợi thế của từng địa phương. Qua đó, có những phương pháp tuyên truyền, giáo dục người dân không di cư tự do, không vượt biên trái phép, không tiếp tay cho các hành vi vi phạm pháp luật; đồng thời chủ động tham gia bảo vệ an ninh biên giới, trật tự an toàn xã hội và luôn chủ động cảnh giác với các luận điệu của các thế lực thù địch.

Thứ ba, trong việc củng cố QP-AN, trở thành cốt lõi để phát triển thế trận “quốc phòng toàn dân” và “an ninh nhân dân” vững mạnh. Vai trò của người dân trong vùng biên cương Tây Bắc ngày càng được khẳng định qua các mô hình tự

quản, tổ chức quần chúng như: “Bản an toàn”, “Già làng, trưởng bản gương mẫu”... thể hiện tinh thần gắn bó đoàn kết cộng đồng, giữ gìn biên giới.

Thứ tư, xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh còn là động lực để thúc đẩy KT-XH bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Khuyến khích nhân dân tham gia vào sản xuất với các mô hình kinh tế. Ngoài ra, các tỉnh đều chú trọng khôi phục và bảo tồn lễ hội, gìn giữ trang phục, nhà ở truyền thống, các làng nghề truyền thống, khơi dậy tinh thần yêu nước, tinh thần đoàn kết, trách nhiệm của người dân đối với gia đình, cộng đồng, xã hội... kết hợp với mô hình du lịch cộng đồng, góp phần tạo sinh kế cho người dân, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân đồng thời góp phần gìn giữ di sản văn hóa và tăng cường xây dựng khối ĐĐKDT.

Thứ năm, từ tư tưởng của Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT các tỉnh biên giới Tây Bắc đã tiếp tục nhận thức và vận dụng để phát huy tinh thần, trách nhiệm của Đảng bộ địa phương, chính quyền địa phương, MTTQ Việt Nam các cấp ở địa phương, các tổ chức CT-XH và tính chủ động, trách nhiệm của người dân. Ngoài ra, đã quan tâm phát triển đội ngũ cán bộ công tác dân vận tại địa phương. Thực hiện quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc vững vàng về tư tưởng, đủ đức đủ tài, “vừa hồng vừa chuyên” trong thực hiện xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh, các địa phương đã có nhiều chính sách về đào tạo cán bộ tại chỗ, cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng về lý luận và nghiệp vụ cho cán bộ cơ sở gắn bó với dân, hiểu dân và vì dân.

Tiểu kết chương 2

Đất nước ta đang đứng trước những vận hội và thách thức đó tác động hàng ngày, hàng giờ đến khối ĐĐKDT. Trong điều kiện hiện nay, đã xuất hiện những thuận lợi và những vấn đề mới, thách thức trong khu vực, nhất là tình hình Biển Đông hiện nay. Cho nên, tiếp tục nhận thức và phát huy truyền thống khối ĐĐKDT trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ tạo nền tảng lý luận, giúp nhìn nhận, đánh giá đúng vai trò của sức mạnh khối ĐĐKDT.

Việc kế thừa và phát triển lý luận về xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay cần bài bản, nghiêm túc, toàn diện và sâu sắc về mọi lĩnh vực của đời sống KT-XH trong nước, cũng như những tác động từ môi trường quốc tế. Quán triệt một cách kiên định và vận dụng sáng tạo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về ĐĐKDT không chỉ là đòi hỏi của sự nghiệp đổi mới của đất nước mà còn là yếu tố quyết định. Trong điều kiện mới, tư tưởng xây dựng khối ĐĐKDT của Hồ Chí Minh cần được tiếp tục cụ thể hóa, đổi mới cả về phát huy chủ thể, lực lượng, nội dung, phương pháp, hình thức, nguyên tắc tổ chức thực hiện nhằm thích ứng với sự vận động không ngừng của thực tiễn khu vực biên giới Tây Bắc, của đất nước và thế giới. Đây là quá trình vận dụng sáng tạo, có chọn lọc, linh hoạt những giá trị nền tảng mà tư tưởng của Người để lại. Việc học tập và làm theo Người về xây dựng khối ĐĐKDT không chỉ góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng một nhiệm vụ có ý nghĩa, thường xuyên và liên tục trong toàn Đảng, của HTCT, toàn dân. Chiến lược xây dựng khối ĐĐKDT và tổ chức MTĐTTN của Hồ Chí Minh trong từng giai đoạn lịch sử đã tạo nên sức mạnh to lớn, huy động hiệu quả mọi lực cùng tham gia vào nhiệm vụ độc lập dân tộc, kháng chiến chống ngoại xâm, xây dựng CNXH và ngày nay tiếp tục kiên định con đường đi lên CNXH, phát triển vì mục tiêu của nhân dân và dân tộc “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Chương 3

THỰC TRẠNG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI TÂY BẮC (NHÌN TỪ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH) VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. KHÁI QUÁT VỀ ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, TRUYỀN THỐNG VĂN HOÁ, LỊCH SỬ, KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH TÁC ĐỘNG ĐẾN XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI TÂY BẮC HIỆN NAY

3.1.1. Đặc điểm tự nhiên

Một là, đặc điểm địa hình

Các tỉnh biên giới Tây Bắc Việt Nam bao gồm các tỉnh Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La có điểm chung là có biên giới chung đường biên giới với Lào hoặc Trung Quốc. Các tỉnh này đều là vùng đất có vị trí quan trọng của Tây Bắc và phía Bắc nước ta. Các tỉnh này được coi là “địa đầu” và là “phên dậu” của Tổ quốc. Với vị trí địa lý rất hiểm trở, đa phần là đồi núi đá cao, xen kẽ những bản làng ở sườn núi. Các tỉnh biên giới Tây Bắc có địa hình phức tạp, bị cắt xẻ bởi những dãy núi đá vôi nằm trong dãy Hoàng Liên Sơn chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam và vòng cung sông Mã chảy từ Đông sang Tây. Trong đó có hai cao nguyên lớn: Cao nguyên Sơn La hay còn gọi là cao nguyên Mộc Châu và Cao nguyên Sìn Hồ ở Lai Châu. Do sự đan xen giữa những dãy núi đá vôi hiểm trở với các dãy núi đất và các sông, suối lớn nhỏ đã tạo nên các thung lũng, đất đai màu mỡ, phì nhiêu thuận tiện cho canh tác, sản xuất. Hầu hết các tỉnh có diện tích rộng, đất dốc nhiều, địa hình đồng bằng ít, có đường biên giới với Lào và Trung Quốc. Trước đây, các tỉnh vì địa hình và đường đi khó khăn nên hầu như biệt lập và chưa được nghiên cứu đầy đủ và toàn diện. Ngoài ra, do địa hình núi cao, bị chia cắt bởi nhiều sông suối, đường giao thông không thuận lợi nên việc đi lại, giao lưu, buôn bán của đồng bào các dân tộc ở khu vực các tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, là những tỉnh có các xã biệt khó khăn. Đó là những yếu tố bất

lợi đối với công tác tuyên truyền, vận động đồng bào tham gia xây dựng khối ĐĐKDT của các địa phương.

Hai là, về sông ngòi

Các tỉnh biên giới Tây Bắc có các con sông lớn đó là Sông Đà và Sông Thao (Sông Hồng), sông Mã. Các dòng thủy lưu chủ đạo để góp phần làm nên bản sắc văn hóa vùng đất biên viễn miền Tây Bắc đó là: Sông Hồng chảy từ Trung Quốc vào Việt Nam, điểm đầu tiên là xã A Mú Sung (huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai) - con sông có vai trò trong lịch sử trong đấu tranh dựng nước và giữ nước. Dòng sông Đà: Từ biên giới Việt - Trung vào nước ta là núi Ma Su trên bình đồ 1.500m (thuộc xã Mù Cả, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu). Với 543km dòng chảy trên lãnh thổ Việt Nam, sông Đà đi qua 4 tỉnh Tây Bắc (Lai Châu, Điện Biên, Sơn La...). Sông Đà cung cấp 31% lượng nước lớn nhất của hệ thống sông Hồng. Dòng sông thứ ba là con sông Mã (thường gọi sông Mẹ) với chiều dài 512km dọc biên giới Việt - Lào, qua các xã phía nam huyện Điện Biên Đông (tỉnh Điện Biên), chảy xuống huyện Sông Mã (tỉnh Sơn La). Thượng nguồn của sông Mã cũng ở trên vùng đất Tây Bắc và lưu vực sông Đà và Sông Thao đã tạo cho các tỉnh biên giới Tây Bắc bao quanh là các dãy núi cao và cao nguyên nên đã hình thành một vùng tự nhiên phong phú, khí hậu mát mẻ, đất đai màu mỡ và hệ thực vật rừng phong phú, đa dạng tạo nên cảnh đẹp cho vùng đất này; là nơi người dân sinh sống, lao động đoàn kết bảo vệ Tổ quốc. Ngoài 03 con sông chính, các tỉnh biên giới Tây Bắc còn có nhiều con suối lớn, nhỏ chảy qua những đồi thấp thuận lợi cho việc trồng lúa nước, hoa màu (đậu tương, ngô, khoai, sắn...; phù hợp với trồng các loại cây ăn quả như: Lê, mận, dứa, chuối, na... và phát triển chăn nuôi như trâu, bò, lợn, gà, cá.

Ba là, về khí hậu

Ở các tỉnh có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, nắng nóng mưa nhiều “Mùa khô và lạnh từ khoảng tháng 10 đến tháng 4 năm sau; mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 9. Nhiệt độ trung bình từ 23- 25 độ C”. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt ở Tây Bắc Bộ là gió Lào (gió Phơn Tây Nam) và gió địa phương (còn gọi là gió Ô

Quy Hồ). Chính vì vậy, mưa đá thường xuyên xuất hiện trong mùa hè. Mùa đông khí hậu khắc nghiệt: Lạnh, nhiều sương muối và băng giá thường xuất hiện trong mùa đông; thậm chí là có tuyết rơi như ở SaPa, Lào Cai. Với điều kiện địa hình, sông ngòi và khí hậu nêu trên, bên cạnh những thuận lợi cũng còn tồn tại những khó khăn nhất định về đi lại, thông tin liên lạc của các dân tộc ở các tỉnh biên giới Tây Bắc; giữa tỉnh thành với trung ương; giữa các tỉnh trong vùng với nhau, từ tỉnh xuống các địa phương... hạn chế không nhỏ đến xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc.

Bốn là, về hệ thống hạ tầng giao thông ở các tỉnh

Hệ thống hạ tầng giao thông trong những năm gần đây đã có nhiều chuyển biến tích cực, song vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế do đặc điểm địa hình hiểm trở, núi non chia cắt và mật độ dân cư thấp. Các tuyến quốc lộ huyết mạch như QL4D, QL6, QL279, QL2 và QL34 đã được đầu tư, nâng cấp đồng bộ, góp phần quan trọng tăng cường khả năng kết nối giao thông giữa các tỉnh Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên và Sơn La, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương, phát triển KT-XH và bảo đảm QP-AN khu vực biên giới, trung tâm vùng và các tỉnh miền xuôi. Tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế vùng, đặc biệt là thương mại biên giới và du lịch. Sự phát triển sân bay như Điện Biên Phủ đang hoạt động và được mở rộng; sân bay mới như SaPa đang được xây dựng nhằm tăng cường khả năng kết nối vùng sâu, vùng xa. Giao thông hiện nay thuận lợi tạo điều kiện cho con người vùng đất biên giới Tây Bắc giao lưu văn hoá, phát triển kinh tế và thuận lợi đi lại tạo đà cho sự phát triển của cả vùng. Tuy nhiên, hệ thống giao thông vẫn còn thiếu đồng bộ, nhiều tuyến đường xuống cấp nhanh do thiên tai. Chất lượng thi công, trong khi hệ thống giao thông đường sắt và logistic tại các cửa khẩu vẫn nhiều vấn đề đặt ra. Việc đầu tư phát triển hạ tầng giao thông không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế mà còn mang tính chiến lược về QP-AN, góp phần quan trọng phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và góp phần xây dựng khối ĐĐKDT. Cùng với những yếu tố thuận lợi, những vấn đề phức tạp về quốc phòng và vấn đề kiểm soát an ninh khu vực

biên giới, nhất là sự tuyên truyền kích động, chia rẽ khối ĐĐKDT của các thế lực thù địch, gây bất ổn chính trị và ảnh hưởng đến việc xây dựng khối ĐĐKDT.

3.1.2. Đặc điểm văn hoá và truyền thống lịch sử

Thứ nhất, đặc điểm về văn hoá

Một là, có truyền thống văn hóa đậm đà bản sắc

Các tỉnh biên giới Tây Bắc gồm Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên và Sơn La là địa bàn cư trú của nhiều DTTS như Thái, Mông, Khơ Mú, Hà Nhì, Dao, Nùng, Tày... Trong quá trình sinh sống, các dân tộc nơi đây đã sáng tạo nên những giá trị văn hóa độc đáo, được lưu giữ qua nhiều thế hệ đã trở thành bản sắc văn hóa của các dân tộc. Kho tàng văn hóa dân gian phong phú và chiều sâu văn hóa bản địa. Các dân tộc đều có bản sắc riêng, thể hiện trong ngôn ngữ, trang phục, lễ nghi, nghi lễ, nghệ thuật trình diễn, trò chơi dân gian... đã tạo nên bức tranh văn hóa đa sắc màu vùng biên giới Tây Bắc.

Các tỉnh biên giới Tây Bắc có di sản văn hóa đặc sắc: Văn hóa của đồng bào các DTTS thể hiện đậm nét trong cả vật thể và phi vật thể. Văn hóa vật thể bao gồm kiến trúc nhà ở, trang phục truyền thống, đồ dùng sinh hoạt, công cụ sản xuất và các sản phẩm thủ công như thêu, dệt, làm khèn, rèn... Văn hóa phi vật thể thể hiện như các nghi lễ trong của người dân như: sinh con, đặt tên, cưới hỏi, ma chay, làm nhà... cũng như các hoạt động văn nghệ dân gian, lễ hội truyền thống, trò chơi dân gian vào các ngày lễ, tết, cơm mới... Người Thái nổi bật với các điệu múa xòe, múa sạp, múa quạt và trò chơi ném còn - biểu tượng của sự sinh sôi, gắn kết cộng đồng. Người Mông nổi tiếng với nghệ thuật múa khèn, thổi khèn đã được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Không gian văn hóa của các tộc người có sự mở rộng, giao lưu giữa các vùng miền, tạo nên sự giao thoa, tiếp biến nhưng vẫn giữ gìn bản sắc riêng của dân tộc ở vùng biên giới Tây Bắc vừa đậm đà bản sắc vừa truyền thống xen lẫn hiện đại nhưng lại rất đặc trưng.

Trong bối cảnh đổi mới, văn hóa của các DTTS ở vùng biên giới Tây Bắc không chỉ mang giá trị lịch sử lâu đời, mà còn được nhìn nhận như một nguồn

lực mềm có vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững khu vực. Việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, nhất là trong điều kiện đô thị hóa, hiện đại hóa và toàn cầu hóa đang tác động sâu rộng tới các vùng miền. Các dân tộc vùng biên giới Tây Bắc đã có những nỗ lực trong việc gắn kết giữa bảo tồn văn hóa dân tộc với phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái. Những hoạt động này không chỉ tạo thêm sinh kế cho người dân mà còn góp phần lan tỏa các giá trị văn hóa đặc sắc của các tộc người ra cộng đồng rộng lớn hơn, qua đó thúc đẩy giao lưu văn hóa. Đồng thời giữ vững tính đa dạng trong thống nhất của nền văn hóa Việt Nam. Văn hóa, trong dòng chảy lịch sử và phát triển, không chỉ là “hồn cốt” của một dân tộc mà còn là động lực tinh thần quan trọng đối với sự phát triển KT-XH, quá trình XDNTM và bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia. Do đó, việc giữ gìn và phát huy di sản văn hóa của các dân tộc ở các tỉnh cần được quan tâm và đòi hỏi phải có sự vào cuộc của cả Đảng, HTCT, MTTQ và của cả xã hội.

Hai là, truyền thống xây dựng khối ĐĐKDT

Truyền thống xây dựng khối ĐĐKDT là một giá trị cốt lõi trong đời sống văn hóa của đồng bào các dân tộc. Sự hòa thuận, đoàn kết giữa các dân tộc thể hiện ngay trong sinh hoạt đời thường và được khẳng định trong lịch sử lâu đời dân tộc. Từ thế kỷ XIII, nhân dân vùng Quy Hóa (nay thuộc Lào Cai, Lai Châu) đã tổ chức phục kích giặc, góp phần vào chiến thắng quân Nguyên - Mông cùng với cả nước. Đầu thế kỷ XV, trong cuộc kháng chiến chống quân Minh, đồng bào các dân tộc Tây Bắc đã thành lập đội quân “áo đỏ”, phối hợp với nghĩa quân Lam Sơn. Khởi nghĩa Hoàng Công Chất tại Điện Biên đã khẳng định tinh thần yêu nước, chống ngoại xâm mạnh mẽ. Đến cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, Nhân dân vùng Sơn La, Lai Châu tiếp tục đứng lên chống thực dân Pháp. Trong thời kỳ cách mạng (1930-1945), dưới sự lãnh đạo của Chi bộ nhà ngục Sơn La, các tổ chức như “Đội Thanh niên Cứu quốc”, “Hội Người Thái Cứu quốc” đã ra đời, khơi dậy phong trào đấu tranh mạnh mẽ, góp phần vào thắng lợi của Cách

mạng Tháng Tám 1945 và các cuộc kháng chiến sau đó. Đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 - biểu tượng của sức mạnh ĐĐKDT. Đây là một yếu tố thuận lợi, cần tăng cường nhận thức về giá trị lịch sử để phát huy trong xây dựng khối ĐĐKDT.

Thứ hai, đặc điểm về truyền thống lịch sử

Các tỉnh biên giới Tây Bắc có tiềm năng to lớn về kinh tế, là cửa ngõ quan trọng trong giao thương với các quốc gia láng giềng như Trung Quốc và Lào, mà còn đóng vai trò đặc biệt chiến lược về QP-AN, nhất là trong bối cảnh đảm bảo vững chắc lãnh thổ hiện nay. Vùng đất này từng là địa bàn trọng yếu trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đồng thời giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN. Mặc dù có nhiều thế mạnh về tài nguyên, văn hóa và con người, nhưng hiện nay các tỉnh vẫn còn là vùng khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao, thu nhập bình quân đầu người thấp, kết cấu hạ tầng còn hạn chế, trình độ dân trí chưa đồng đều, và tập quán sản xuất lạc hậu vẫn còn phổ biến ở nhiều nơi. Giữa các nhóm dân cư cũng tồn tại rõ nét về khoảng cách giàu nghèo, trong đó tầng lớp có thu nhập cao thường tập trung vào người Kinh, Thái, Nùng, Mường, Mông, Tày... Cơ cấu kinh tế đang có sự chuyển biến, nhưng vẫn chậm, chủ yếu dựa vào nông - lâm nghiệp; các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ... đã phát triển nhưng vẫn chưa thực sự tương xứng với tiềm năng, lợi thế của vùng.

Việc xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc là cấp thiết, là nhiệm vụ chiến lược có ý nghĩa lâu dài đối với sự ổn định và phát triển bền vững của khu vực vùng biên cương. Xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh vừa là nền tảng tư tưởng, chính trị, vừa là nguồn động lực nội sinh quan trọng góp phần phát triển KT-XH, giữ vững QP-AN, bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc và tăng cường sự gắn kết cộng đồng trong điều kiện đất nước đang đổi mới. Với những đặc điểm đặc thù về điều kiện tự nhiên, dân cư, trình độ phát triển KT-XH và đa dạng văn hóa của vùng biên Tây Bắc thì việc hoạch định và triển khai các chính sách nhằm xây dựng khối

ĐĐKDT cần được gắn liền các yếu tố nội sinh của khu vực, địa phương. Trong đó, yêu cầu đặt ra là phải phát huy hiệu quả các nguồn lực tại chỗ, đồng thời nâng cao nhận thức chính trị, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân - đặc biệt là đồng bào DTTS - qua đó tạo nền tảng vững chắc để xây dựng ĐĐKDT một cách thực chất và bền vững. Việc xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay không chỉ là nhiệm vụ mang tính chiến lược, mà còn là công việc thường xuyên, lâu dài của toàn bộ HTCT, MTTQ và toàn xã hội, nhưng trong đó nhân dân giữ vai trò trung tâm, là chủ thể và cũng là lực lượng then chốt để xây dựng khối ĐĐKDT.

3.1.3. Đặc điểm kinh tế - xã hội và dân cư

3.1.3.1. Về kinh tế- xã hội

Về nông nghiệp: Nông nghiệp ở các tỉnh biên giới Tây Bắc như Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên và Sơn La chịu sự chi phối mạnh mẽ của các yếu tố địa hình, thổ nhưỡng, khí hậu và hệ thống sông ngòi. Chính điều kiện tự nhiên đa dạng và phân hóa rõ rệt theo độ cao đã tạo nên sự phân bố khác biệt về không gian sản xuất nông nghiệp giữa vùng thấp và vùng cao, đồng thời hình thành nên những thế mạnh riêng của từng dân tộc. Ở vùng thấp, bao gồm các cánh đồng nhỏ như Mường Thanh (Điện Biên), Than Uyên (Lai Châu), Mường Tấc, Tông Lệnh, Chiềng Ly, Chiềng Hặc (Sơn La), cư dân chủ yếu canh tác lúa nước. Mặc dù diện tích ruộng nước tại khu vực này khá hạn chế do địa hình chia cắt, nhưng nhờ vào kinh nghiệm sản xuất được tích lũy qua nhiều thế hệ, người dân đã sáng tạo, sử dụng phân bón hữu cơ và áp dụng kỹ thuật truyền thống. Lúa gạo vẫn là cây trồng chủ lực và giữ vai trò quan trọng đảm bảo lương thực. Trong khi đó, vùng cao - chiếm phần lớn diện tích tự nhiên của khu vực - với địa hình chủ yếu là núi đá và núi đất, khí hậu mát mẻ, thích hợp cho canh tác trên nương rẫy và phát triển chăn nuôi. Đây là nơi người dân trồng các loại cây hoa màu như ngô, sắn, đậu tương, cây dược liệu, cây ăn quả ôn đới (mận, đào, lê...) đồng thời chăn nuôi trâu, bò, lợn, gà theo phương thức bán chăn thả. Ngoài trồng trọt và chăn nuôi - hai ngành sản xuất nông nghiệp chính - đời sống của người dân vùng cao còn dựa vào các hoạt động như khai thác lâm sản... Các hoạt động này vừa phục

vụ sinh hoạt hằng ngày, vừa tạo thêm nguồn thu nhập cho người dân. Trong nông nghiệp có sự đa dạng, phong phú như cây trồng, vật nuôi cùng với điều kiện sinh thái phù hợp và trình độ canh tác đặc thù theo các dân tộc đã tạo nên những lợi thế và thế mạnh riêng biệt trong kinh tế nông nghiệp ở các tỉnh. Trong đó nổi bật như dân tộc Thái có kinh nghiệm trong trồng lúa nước; người Mông với kinh nghiệm và kỹ thuật trồng ngô, đậu, lúa nương và nuôi đại gia súc; người Dao giỏi về trồng dược liệu và thế mạnh về lâm sản... những đặc điểm nổi bật của các dân tộc phản ánh hoạt động cộng đồng gắn với môi trường sống ở miền biên giới Tây Bắc mà đó còn là lợi thế, tiềm năng lớn trong phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

Về công - thương nghiệp: So với các khu vực khác và so với cả nước còn chậm phát triển: sản xuất thủ công nghiệp và thương nghiệp chưa tách khỏi nông nghiệp để trở thành một ngành kinh tế độc lập... Ở một số xã đã có những ngành nghề thủ công truyền thống mang tính điển hình như: làm gốm ở Mường Chanh (Mai Sơn - Sơn La), Mường Sại (Thuận Châu - Sơn La), Bình Lư (Lai Châu)... Ngoài ra, các nghề dệt thổ cẩm, đan lát mây tre, nghề mộc đã trở thành phổ biến trong vùng. Điển hình như tỉnh Lào Cai hiện có 30 làng nghề, trong đó có 20 làng nghề truyền thống, chủ yếu là thêu dệt thổ cẩm, chạm khắc bạc, làm hương, mây tre đan, rèn đúc, nấu rượu ... Việc giữ gìn và phát triển các làng nghề và nghề truyền thống không những góp phần phát huy giá trị văn hóa đặc sắc của mỗi dân tộc, mỗi vùng miền mà còn cải thiện đời sống người dân và đóng góp phát triển KT-XH. Một số nghề, làng nghề truyền thống ở Lào Cai đã trở thành thương hiệu, nổi tiếng như dệt may, thổ cẩm, nấu rượu, rèn đúc ... Còn ở tỉnh Lai Châu lại có lợi thế về đồ gia dụng thủ công được sản xuất tại các thôn, bản không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, góp phần tạo nên sự phong phú và đa dạng các sắc màu dân tộc. Các nghề thủ công với sản phẩm tinh xảo như đồ gia dụng, dệt may, đan lát, các loại nhạc cụ của đồng bào các DTTS. Ngoài ra, với địa thế lưu vực rất cao, lòng sông chính và rất dốc có nhiều ghềnh thác đã tạo cho các tỉnh biên giới Tây Bắc có nguồn nước rất lớn ở phía Bắc Việt Nam. Ngành công nghiệp các tỉnh còn chậm phát triển, có tính chất địa phương như chế biến mía đường, chế biến chè,

chế biến sữa, khai thác than. Ở vùng cao, sản xuất còn mang nặng tính tự, nhiên tự túc, tự cấp. Các tỉnh chiếm 43,26% diện tích và 9,41% trữ lượng gỗ của rừng toàn quốc. Nếu sự trao đổi hàng hóa thuận lợi, chắc chắn vùng này có điều kiện phát triển các ngành chuyên môn hóa riêng của mình về nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp.

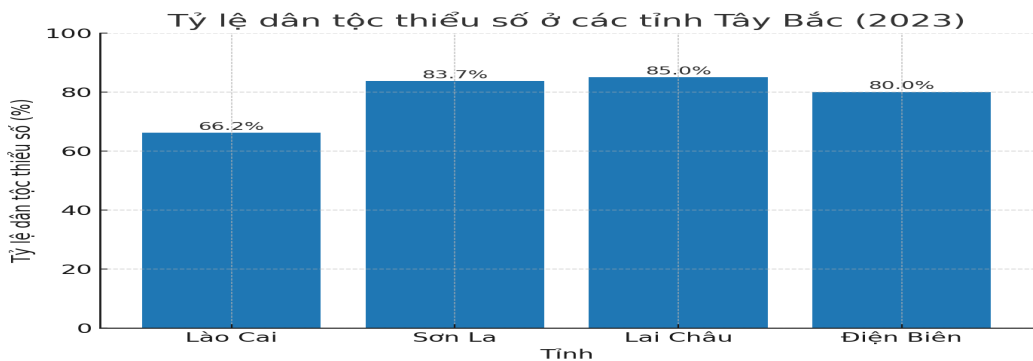
Về dịch vụ: Các tỉnh biên giới Tây Bắc của Việt Nam có sự phát triển đa dạng trong các ngành dịch vụ, gắn liền với đặc điểm địa lý, văn hóa và tiềm năng kinh tế - du lịch của từng địa phương. Trong đó: Tại tỉnh Lào Cai nổi bật với lợi thế lớn về dịch vụ thương mại biên giới nhờ có cửa khẩu quốc tế Lào Cai - nơi giao thương sôi động với Trung Quốc. Các dịch vụ logistics, xuất nhập khẩu, vận tải, kho bãi phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là tại khu vực thành phố Lào Cai. Đồng thời, dịch vụ du lịch tại SaPa, Bắc Hà, Y Tý với cảnh quan thiên nhiên kỳ vĩ và văn hóa đa dân tộc, hay du lịch Tâm linh Đền Bảo Hà, Đền Thượng Lào Cai đã thu hút được lượng lớn khách du lịch và mang lại nguồn thu lớn, tạo lợi thế vượt trội cho ngành du lịch, dịch vụ của tỉnh Lào Cai. Trong khi đó, tỉnh Lai Châu tuy còn nhiều khó khăn về hạ tầng nhưng lại có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái và cộng đồng tại các địa phương như Tam Đường, Phong Thổ, Sìn Hồ... Sự vào cuộc và hỗ trợ sản xuất nông - lâm nghiệp và thương mại vùng cao đang dần được mở rộng. Tỉnh đang khai thác thế mạnh về thiên nhiên nguyên sơ, nét văn hóa dân tộc độc đáo để phát triển các mô hình Homestay, du lịch trải nghiệm, tạo ra động lực mới cho ngành dịch vụ địa phương. Tỉnh Sơn La có lợi thế nổi bật về du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và du lịch nông nghiệp. Khu vực Mộc Châu là trung tâm dịch vụ du lịch phát triển nhất của tỉnh, với hệ thống khách sạn, nhà hàng, khu nghỉ dưỡng, nông trại kết hợp du lịch. Ngoài ra, các dịch vụ thương mại, vận tải và tiêu thụ nông sản cũng tăng trưởng mạnh nhờ vào việc mở rộng vùng chuyên canh cây ăn quả, chè, sữa bò... Đối với Điện Biên, thế mạnh dịch vụ nằm ở du lịch lịch sử và văn hóa với trọng điểm là hệ thống di tích chiến thắng Điện Biên Phủ nổi tiếng. Các dịch vụ du lịch kết hợp tham quan, tìm hiểu lịch sử - truyền thống dân tộc được đầu tư phát triển. Ngoài ra, tỉnh còn có lợi thế về dịch vụ biên mậu qua cửa khẩu Tây Trang giáp Lào, góp phần thúc đẩy hoạt động giao lưu, buôn bán, vận tải hàng hóa khu vực

biên giới. Dịch vụ y tế, dịch vụ, giáo dục ở Điện Biên cũng được chú trọng nhằm nâng cao chất lượng sống cho người dân vùng sâu, vùng xa.

Như vậy, các tỉnh biên giới Tây Bắc với những đặc điểm chung và riêng có của tỉnh mình, hiện nay đang từng bước phát huy lợi thế địa lý, văn hóa và tài nguyên thiên nhiên; phát triển ngành công nghiệp, dịch vụ theo hướng đa dạng, gắn với tiềm năng nội tại đã làm tạo đà cho việc chủ động hội nhập kinh tế vùng và trong cả nước.

3.1.3.2. Về dân cư

Là vùng đất không chỉ phức tạp về địa hình, có chiều dài đường biên giới giáp với Lào và Trung Quốc mà còn đa dạng về thành phần dân tộc. Về cơ cấu và số lượng dân cư: Tỉnh Lào Cai gồm 25 dân tộc sinh sống trong đó các DTTS chiếm 66,2% [131]. Tỉnh Sơn La gồm 12 dân tộc (tỉnh Sơn La có các nhóm DTTS sau: Thái, H.Mông, Mường, Xinh mun, Dao còn lại là các dân tộc khác như: Kháng, La Ha, Lào, Tày..) trong đó DTTS chiếm 83,7%; Tỉnh Lai Châu gồm 20 dân tộc sinh sống trong đó chiếm 85% [153]. Tỉnh Điện Biên gồm 19 dân tộc, trong đó DTTS chiếm trên 80%. Dân số của tỉnh năm 2023 là 646.182 người, gồm 19 dân tộc cùng sinh sống (trong đó: Mông 38,12%; Thái 35,69%; Kinh 17,38%; Khơ Mú 3,3%; Dao 1,11%; Kháng 0,87%; Lào 0,86%; Hà Nhì 0,76%; Hoa 0,49%; Xinh Mun 0,39%; Tày 0,28%; Mường 0,22%; Cống 0,19%; Nùng 0,15%; Thổ 0,05%; Phù Lá 0,04%; Si La 0,04%; Sán Chay 0,03% còn lại là các dân tộc khác 0,3%) [161]



Hình 3.1. Tỷ lệ dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới Tây Bắc năm 2023

Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam [176]

Qua Hình 3.1 cho thấy tỷ lệ DTTS ở các tỉnh biên giới Tây Bắc chiếm hơn 78,72% trong tổng dân số của cả 4 tỉnh. Ngoài ra, các tỉnh biên giới Tây Bắc là nơi an cư của nhiều DTTS có địa bàn rộng khắp và dân cư phân bố theo quy luật tự nhiên và có mối quan hệ mật thiết với điều kiện địa hình, khí hậu, thổ nhưỡng tài nguyên. Sự phân bố dân cư ở khu vực này không chỉ tạo nên đặc điểm VH-XH đa dạng, mà còn có ý nghĩa đặc biệt về QP-AN và đôi nhưng không quên nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Dân cư phân bố theo các vùng đặc trưng riêng. Ở các vùng thung lũng thấp, lòng chảo hoặc bồn địa giữa núi - nơi có điều kiện đất đai màu mỡ, nguồn nước dồi dào - là nơi sinh sống lâu đời của các dân tộc như Thái, Mường, Mông, Dao, Tày, Nùng... Các dân tộc này chủ yếu làm ruộng nước, phát triển nghề thủ công và có đời sống văn hóa tương đối ổn định, phong phú. Ở vùng núi cao trung bình hoặc các sườn núi, là nơi cư trú của các dân tộc ... Đây là khu vực sản xuất nương rẫy, chăn nuôi gia súc và phụ thuộc nhiều vào tài nguyên rừng. Vùng biên giới là không gian sinh sống của các dân tộc như Mông, Dao, Hà Nhì, La Hủ... Các dân tộc này cư trú thưa thớt và xa trung tâm, cuộc sống khó khăn về cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục và dịch vụ xã hội.

Sự đa dạng về dân tộc và địa bàn cư trú đã tạo nên một bức tranh VH-XH phong phú, đậm đà bản sắc tại các tỉnh. Các dân tộc không chỉ mang đến một sắc thái riêng trong tập quán, lễ hội, tín ngưỡng, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc giữ gìn văn hóa truyền thống, góp phần xây dựng khối ĐĐKDT tại địa phương. Sự khác biệt về trình độ, nhận thức và phong tục giữa các nhóm dân cư cũng đặt ra nhiều thách thức trong xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Một bộ phận dân cư còn gặp khó khăn về sinh kế, trình độ dân trí chưa cao, vẫn tồn tại những hủ tục lạc hậu. Còn có sự phân hóa giàu nghèo, chênh lệch vùng miền và có nguy cơ chia rẽ dân tộc do những mâu thuẫn nhỏ trong văn hóa - phong tục văn tiềm ẩn. Đây cũng là những rào cản, khó khăn trong quy tụ và phát huy khối ĐĐKDT hiện nay.

3.1.4. Về quốc phòng - An ninh

Từ trong chiều dài lịch sử cho đến nay, các tỉnh Lào Cai, Lai Châu, Sơn La và Điện Biên luôn mang vị trí chiến lược đặc biệt về QP-AN. Trong kháng chiến

chống Pháp, đây là địa bàn hoạt động quan trọng của lực lượng vũ trang cách mạng, nơi ghi dấu Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 làm chấn động địa cầu, kết thúc ách đô hộ thực dân. Trong chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc năm 1979, Lào Cai đã trở thành một trong những chiến trường khốc liệt, nơi quân và dân ta anh dũng chiến đấu, bảo vệ từng tấc đất biên cương, thiêng liêng của Tổ quốc. Khu vực biên giới Tây Bắc đã luôn luôn đoàn kết vững chắc, lấy dân làm gốc, phát huy tinh thần ĐĐKDT, lấy địa bàn làm căn cứ chiến lược lâu dài. Ngày nay, trước bối cảnh hội nhập và tình hình an ninh khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, các tỉnh tiếp tục giữ vai trò là “phên dậu” nơi biên giới. Với đường biên giới dài giáp Trung Quốc và Lào khu vực này không chỉ là lá chắn phòng thủ từ xa, mà còn là cầu nối quan trọng trong giao lưu quốc tế, đối ngoại nhân dân và hợp tác quốc phòng. Lực lượng bộ đội biên phòng, công an, dân quân tự vệ được tổ chức chặt chẽ, thường xuyên tuần tra bảo vệ chủ quyền, đấu tranh với các loại tội phạm xuyên biên giới, đồng thời phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương tham gia xây dựng nông thôn mới, hỗ trợ nhân dân phát triển KT-XH. Công tác đối ngoại quốc phòng, giao lưu hữu nghị biên giới cũng được đẩy mạnh. Với sự gắn bó mật thiết giữa lực lượng vũ trang và đồng bào các dân tộc, QP-AN của vùng ngày nay không chỉ là thế trận vững chắc trên bản đồ chiến lược quốc gia, mà còn là biểu tượng của sức mạnh khối ĐĐKDT nơi biên cương.

Tóm lại, vùng biên giới Tây Bắc giữ vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, QP-AN và đối ngoại. Địa hình chủ yếu là núi cao, hiểm trở, khí hậu phân hóa sâu sắc, hệ thống giao thông còn gặp nhiều khó khăn, song khu vực này lại giàu tài nguyên thiên nhiên và đa dạng về bản sắc văn hóa dân tộc. Đây là không gian cư trú lâu đời của nhiều DTTS, mỗi dân tộc đều có truyền thống yêu nước, đoàn kết và gắn bó với cộng đồng dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, khu vực này cũng tiềm ẩn không ít yếu tố phức tạp do địa bàn rộng, phân tán, trình độ dân trí không đồng đều, điều kiện KT-XH còn nhiều hạn chế, đồng thời chịu ảnh hưởng từ các vấn đề tôn giáo, dân tộc và các hình thức an ninh phi truyền thống.

Với vị trí tiếp giáp Trung Quốc và Lào không chỉ là tuyến phòng thủ trọng yếu nơi biên giới, mà còn là địa bàn giữa nhiệm vụ bảo đảm AN-QP, giữ gìn ổn định chính trị và xây dựng khối ĐĐKDT. Trong bối cảnh mới, phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là giải pháp then chốt để thúc đẩy phát triển KT-XH, mà còn là điều kiện tiên quyết nhằm góp phần giữ vững chủ quyền, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia ngày càng vững chắc. Nguyên tắc, hình thức xây dựng khối ĐĐKDT của Hồ Chí Minh chính là kim chỉ nam định hướng cho nhiệm vụ xây dựng khối ĐĐKDT ở biên giới Tây Bắc không chỉ bắt nguồn từ yêu cầu khách quan của thực tiễn phát triển địa phương, mà còn là một nhiệm vụ chiến lược có ý nghĩa quan trọng, lâu dài trong bảo vệ vững chắc Tổ quốc và phát triển đất nước trong thời kỳ hội nhập hiện nay.

3.2. THỰC TRẠNG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI TÂY BẮC TỪ 2015 ĐẾN THÁNG 6 NĂM 2025

3.2.1. Khái quát về thực trạng xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở các tỉnh biên giới Tây Bắc

Vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT, Đảng và Nhà nước ta đã xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện nhiều Nghị quyết, Chỉ thị liên quan đến xây dựng khối ĐĐKDT nhằm tháo gỡ những khó khăn trên các lĩnh vực KT-CT, VH-XH, thể hiện sự quan tâm sâu sắc đối với nhân dân các dân tộc ở các tỉnh biên giới Tây Bắc. Cụ thể:

Ban hành Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 về công tác dân tộc, tạo khung pháp lý quan trọng với 12 nhóm chính sách thiết thực trên các lĩnh vực KT-XH, QP-AN. Tiếp đó, còn có một số văn bản pháp luật; Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng khối ĐĐKDT, thực hiện Chiến lược công tác dân tộc (đến năm 2020). Đặc biệt, để triển khai Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị, Chính phủ đã xây dựng và trình Quốc hội thông qua Đề án Tổng thể phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, đồng thời ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển

KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030. Đây là chương trình riêng biệt dành cho vùng đồng bào DTTS và miền núi, thể hiện quyết tâm chính trị cao và tinh thần "ý Đảng, lòng dân". Chính phủ cũng đã ban hành Nghị quyết số 12/NQ-CP, xây dựng kế hoạch, thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương để tổ chức thực hiện chương trình một cách đồng bộ. Những quyết sách này đã tác động và tạo chuyển biến mạnh mẽ về đời sống KT-CT, mà còn góp phần tăng cường niềm tin, sự gắn bó giữa các dân tộc, xây dựng vững chắc khối ĐĐKDT, đảm bảo cho ổn định chính trị, QP-AN, phát triển KT-XH của vùng.

Nhận được sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của Đảng, Nhà nước thông qua các chính sách về xây dựng khối ĐĐKDT, thể hiện rõ sự quan tâm sâu sắc đối với vùng chiến lược biên giới Tây Bắc. Quán triệt sự chỉ đạo của Trung ương, cấp ủy, chính quyền địa phương các tỉnh biên giới Tây Bắc đã chủ động ban hành nhiều chương trình, kế hoạch cụ thể, lãnh đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc và củng cố, xây dựng khối ĐĐKDT. Nhờ đó, các địa phương biên giới đã có những chuyển biến rõ nét: đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào không ngừng được cải thiện; mặt bằng dân trí ngày càng nâng cao; các giá trị truyền thống, văn hóa đặc sắc và tốt đẹp của các dân tộc được gìn giữ và phát huy. Trong lĩnh vực phát triển kinh tế (công - nông nghiệp và dịch vụ), đào tạo nguồn nhân lực, tạo việc làm và đảm bảo ASXH, dù còn nhiều thách thức, chưa đạt như kỳ vọng của Đảng, song những kết quả đạt được đã tạo chuyển biến tích cực, từng bước nâng cao đời sống của người dân vùng biên giới Tây Bắc.

Quan điểm xuyên suốt của cấp ủy là lấy việc xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng vững chắc cho phát triển, trong đó nhấn mạnh việc tiếp tục thực hiện và phát huy dân chủ, đẩy mạnh thực hiện, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao dân trí và kịp thời giải quyết những vấn đề bức xúc trong nhân dân. Các đảng bộ tỉnh cũng xác định rõ trách nhiệm của mình trong xây dựng khối ĐĐKDT, yêu cầu cán bộ, đảng viên phải gần dân, sát dân, lắng nghe và tôn trọng ý kiến của nhân dân, thể hiện tinh thần phục vụ, nhất là trong việc tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo, giải quyết điểm nghẽn... đặt lợi ích của nhân dân là quan trọng nhất.

Đặc biệt, chủ trương phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức CT-XH đã góp phần làm cho các tổ chức này thực sự trở thành nơi thể hiện quyền làm chủ của nhân dân, là công cụ tập hợp khối ĐĐKDT và là cầu nối vững chắc giữa Đảng với nhân dân. Các tổ chức CT-XH thực hiện bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, giữ gìn AN-QP tại nơi sinh sống. Bên cạnh đó, đã thực hiện quan tâm, lắng nghe và tạo điều kiện phát huy vai trò của đội ngũ nhân sĩ, trí thức, người tiêu biểu trong các cộng đồng DTTS của làng, bản, xã của các tỉnh này cũng ngày càng được chú trọng, nhân rộng. Thông qua việc tiếp xúc, đối thoại thường xuyên với nhân dân, đội ngũ cán bộ lãnh đạo ở địa phương đã nắm bắt được mong muốn, những tâm tư, khó khăn, nguyện vọng chính đáng từ cơ sở, qua đó có chính sách sát thực tiễn, góp phần hiện thực hóa vào thực tế.

3.2.2. Thành tựu đạt được và nguyên nhân

3.2.2.1. Thành tựu

Một là, sự lãnh đạo, chỉ đạo trong xây dựng khối ĐĐKDT của Đảng, Nhà nước.

Nhận thức được tầm quan trọng về ĐĐKDT trong đấu tranh giành độc lập cho đến thống nhất đất nước và vững bước đi lên CNXH. Đảng ta thực hiện theo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT vào thực tế của đất nước, từng địa phương. Đảng bộ của các tỉnh biên giới Tây Bắc nước ta đã nhận thức sâu sắc phát huy sức mạnh ĐĐKDT ở địa phương thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh, vùng biên giới. Qua đó, đã tạo được đẩy phát ở vùng, tỉnh và ở đặc biệt ở các xã giáp biên giới, VH-XH, chăm lo đời sống cho nhân dân. Cụ thể là:

Địa phương đã nhận thức, chỉ đạo, triển khai đúng, kịp thời chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng khối ĐĐKDT

Thực hiện xây dựng khối ĐĐKDT tiếp tục là chủ trương xuyên suốt trong hai kỳ Đại hội XII, XIII của Đảng bộ các tỉnh. Tỉnh ủy, cấp ủy các cấp chú trọng lãnh chỉ đạo, nghiêm túc triển khai, quán triệt, tuyên truyền rộng rãi, có hiệu quả các quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về xây dựng khối ĐĐKDT và nâng cao nhận thức cho công chức, viên chức và nhân dân về vai trò của việc xây dựng, củng cố khối ĐĐKDT tạo nên thống nhất về tư tưởng và hành động.

Ngoài ra, đã nghiêm túc triển khai, cụ thể hóa thành các Nghị quyết chuyên đề, đề án để đưa vào thực tế địa phương.

Đã thực hiện nghiêm túc, tăng cường xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Chỉ đạo quyết liệt trong nâng cao hiệu quả lãnh chỉ đạo của chính quyền các cấp; chú trọng chỉ đạo phát triển KT-XH gắn với thực hiện tốt các chính sách góp phần xây dựng khối ĐĐKDT, giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, từng bước nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của nhân dân. Qua đó, tạo động lực cho nhân dân đoàn kết và phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT. Ngoài ra, cần đẩy mạnh công tác dân vận của cả HTCT, chú trọng công tác dân vận của chính quyền, cơ quan Nhà nước trong xây dựng khối ĐĐKDT. Tăng cường sự lãnh đạo và quan tâm sát sao hơn trong công tác giáo dục đạo đức công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức gắn với thực hiện phương châm thực hiện đúng nguyên tắc đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết “Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với nhân dân”. Phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH nhằm để tập hợp lực lượng vào trong các tổ chức ấy.

Bước sang thế kỷ XXI, trước các diễn biến hết sức phức tạp của sự khủng hoảng kinh tế, bất ổn ở các châu lục và những vấn đề cần giải quyết ở trong nước. Đảng ta luôn kiên định với con đường đi lên CNXH. Trong thời kỳ đổi mới, Đảng và nhà nước ta về xây dựng khối ĐĐKDT luôn được khẳng định. Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX xây dựng và ban hành ra Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003 về thực hiện xây dựng và phát huy sức mạnh ĐĐKDT với mục tiêu vì nước, vì dân, với mục đích xây dựng khối ĐĐKDT “là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, liên quan đến sự vận mệnh của đất nước và hướng đến sự phát triển Việt Nam. Tại hội nghị này, Đảng ta sử dụng thuật ngữ “đại đoàn kết toàn dân tộc” thay cho thuật ngữ “đại đoàn kết toàn dân” với ý nghĩa mở rộng đại đoàn kết bao gồm các dân tộc ở trong nước và cả cộng đồng người Việt Nam sống, lao động, học tập ở nước ngoài. Hội nghị đã khẳng định vai trò của MTTQ và xây dựng khối ĐĐKDT lên tầm cao mới và được chỉ đạo quyết liệt.

Tiếp tục chủ trương thực hiện nghiêm túc trong xây dựng khối ĐĐKDT ở nước ta đã được xác định trong các kỳ đại hội của Đảng ta. Trong đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (năm 2006) đã nhấn mạnh vấn đề phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT ở Việt Nam, coi đó là một trong bốn thành tố của chủ đề Đại hội: Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Để xây dựng xã hội đồng thuận, Đảng ta chủ trương thực hiện đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ tương trợ giữa các dân tộc, giữa các vùng miền nhằm phát huy thế mạnh mỗi vùng miền trong phát triển KT-CT, VH-XH; chú trọng thực hiện chiến lược phát triển tất cả các lĩnh vực ở vùng sâu, ở vùng xa của nước ta... Trong đó, việc xây dựng, triển khai các chính sách và pháp luật của Nhà nước phải nhằm phát huy mạnh mẽ hơn dân chủ (bao gồm thực hiện gián tiếp thông qua người đại diện, dân chủ trực tiếp và chế độ tự quản của cộng đồng dân cư). Trong thực hiện xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh cần thực hiện nhất quán, nghiêm túc tất cả các chính sách trong tôn trọng và bảo đảm quyền tự do của người dân. Tôn trọng người dân có theo hoặc không theo tôn giáo là quyền cá nhân, quyền con người; tôn trọng các hoạt động sinh hoạt tôn giáo được pháp luật cho phép, có giáo lý, giáo luật, có nơi sinh hoạt và thờ tự hợp pháp. Thực hiện xây dựng đoàn kết của người dân theo các tôn giáo khác nhau góp phần vào khối ĐĐKDT Việt Nam. Chủ động nhận diện, cảnh giác và kịp thời có các biện pháp đấu tranh ngăn chặn các hành vi lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật, kích động, chia rẽ dân tộc, tôn giáo, chia rẽ, gây mâu thuẫn khối ĐĐKDT làm ảnh hưởng đến lợi ích chung của địa phương, vùng và đất nước.

Triển khai học tập sâu rộng về tiếp tục phát huy sức mạnh của khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc với chủ đề “Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”. Đại hội XI (năm 2011) của Đảng chỉ rõ mục tiêu đại đoàn kết “Lấy mục tiêu xây

dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm điểm tương đồng” [21] và cần lưu ý “xóa bỏ mặc cảm, định kiến về quá khứ, thành phần giai cấp, chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung... để tập hợp, đoàn kết mọi người vào MTTQ, tăng cường đồng thuận xã hội” [21]. Đảng ta đã nêu rõ quan điểm vai trò của MTTQ và đoàn thể “Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể nhân dân tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, thực hiện tốt vai trò là người đại diện, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của đoàn viên, hội viên” [21] và “đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, hướng về cơ sở, tập trung cho cơ sở, phù hợp với trình độ dân trí và đặc điểm, tình hình cụ thể của từng giai tầng xã hội, trong từng giai đoạn cách mạng” [21]. Như vậy, Đại hội XI của Đảng đã xác định MTTQ, các đoàn thể cần đổi mới phương pháp, nội dung và đại diện bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân, có như vậy mới phát huy được vai trò của mình trong phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT.

Tại Đại hội XII, Đảng ta đã nhấn mạnh về nội dung, nhiệm vụ xây dựng, củng cố khối ĐĐKDT; chỉ đạo tổ chức triển khai học tập Nghị quyết của Đảng về tiếp tục vận dụng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về ĐĐKDT trong xây dựng khối ĐĐKDT trong thời kỳ đổi mới; khẳng định đường lối chiến lược của Đảng “đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [22]. Từ quan điểm về ĐĐKDT đã đề ra nhiệm vụ, phương hướng, nhiệm vụ tăng cường khối ĐĐKDT trên nền tảng liên minh giai cấp và do Đảng lãnh đạo. Phát huy, thu hút tất cả các mọi nguồn lực, tiềm năng có sẵn trong Nhân dân vào khối ĐĐKDT.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện phải luôn tôn trọng những điểm khác nhau của các dân tộc những trên cơ sở không mâu thuẫn, ảnh hưởng đến lợi ích chung của Tổ quốc. Ngoài ra, tuyên truyền, đề cao tinh thần đoàn kết, tình yêu quê hương, yêu đất nước, sống nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, thu hút khối các lực lượng đoàn kết trong nước và người dân Việt Nam ở ngoài nước; tăng cường quan hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới

của khối ĐĐKDT. Các tỉnh đã triển khai các văn bản của Trung ương về ĐĐKDT như: Kết luận số 65-KL/TW, ngày 30-10-2019, của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới.

Truyền thống đoàn kết và sức mạnh khối ĐĐKDT rất quan trọng, quý báu, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Đảng ta xác định sức mạnh khối ĐĐKDT là nguồn sức mạnh to lớn, là nền tảng vững chắc quyết định đến những thắng lợi trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc quá trình đổi mới nước ta. Do đó, đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định quan điểm nhất quán về sức mạnh ĐĐKDT “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc...” [23, tr.110] nhằm đáp ứng những yêu cầu và đòi hỏi của đất nước trong thực CNH, HĐH gắn với nền kinh tế tri thức hiện nay. Trên cơ sở tổng kết, đánh giá những kết quả đã đạt được, những hạn chế, nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế sau 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23 - NQ/ TW ngày 12-3-2003 của Hội nghị Trung ương 7 khóa IX “về phát huy sức mạnh ĐĐKDT vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” và thực hiện quan điểm chỉ đạo của Đảng ta trong Văn kiện Đại hội XIII về phát huy tinh thần khối ĐĐKDT, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đề ra Nghị quyết số 43- NQ/TW, ngày 24/11/2023 về tiếp tục phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT.

Hiện nay, là đường lối chiến lược, là mục tiêu, động lực, nguồn lực to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việc thực hiện Nghị quyết ở khu vực biên giới Tây Bắc đồng thời là sự kế thừa, phát triển sáng tạo, phù hợp chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT gắn liền với nhiệm vụ xây dựng HTCT cơ sở vững mạnh, bảo đảm quyền là chủ, làm chủ của Nhân dân, thực hiện dân chủ, đảm bảo kỷ cương, pháp luật trong đời sống xã hội của vùng. Để tăng cường xây dựng khối ĐĐKDT, các tỉnh biên giới Tây Bắc đã triển khai nhiều giải pháp: Trước hết, đã giải quyết hài hòa lợi ích giữa các giai tầng xã hội, bảo đảm sự bình đẳng, đoàn kết và hỗ trợ lẫn nhau giữa các

cộng đồng dân tộc. Cùng với đó, việc thực thi hiệu quả CSĐT, tôn giáo và ban hành những cơ chế đặc thù đã giúp đồng bào DTTS phát triển KT-XH, nâng cao đời sống, tạo nền tảng bền vững cho củng cố và xây dựng ĐĐKDT. Kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu chia rẽ, phá hoại khối ĐĐKDT; đồng thời đảm bảo quyền làm chủ và trách nhiệm của nhân dân trong nâng cao vai trò của MTTQ. Việc đẩy mạnh dân chủ ở cơ sở, công khai minh bạch thông tin và triển khai kịp thời pháp luật phù hợp với đặc thù miền núi, biên giới, qua đó tạo thành động lực xây dựng khối ĐĐKDT.

Các tỉnh biên giới Tây Bắc cần thực hiện có hiệu quả hệ thống chính sách, nghị quyết và chương trình phát triển dành cho vùng đồng bào DTTS, miền núi. Trong đó, nổi bật là việc thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP (15/6/2016) của Chính phủ về phát triển nguồn nhân lực DTTS giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030. Nghị quyết số 88/2019/QH14 (18/11/2019) của Quốc hội khóa XIV phê duyệt Đề án tổng thể phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 24-NQ/TW (12/3/2003) của Hội nghị Trung ương 7 khóa IX về công tác dân tộc; cùng nhiều quyết định quan trọng của Thủ tướng Chính phủ như Quyết định số 2085/QĐ-TTg và Quyết định số 2086/QĐ-TTg (31/10/2016) về hỗ trợ phát triển vùng dân tộc đặc biệt khó khăn và các dân tộc rất ít người giai đoạn 2016-2025. Đặc biệt, Quyết định số 1719/QĐ-TTg (14/10/2021) đã khởi động Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, trong đó giai đoạn I từ 2021 đến 2025. Gần đây, Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2024 về tiếp tục khẳng định yêu cầu phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT, coi đó là nền tảng để xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Nhờ có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và hoạt động hiệu quả của HTCT, nguyên tắc nhất quán là: Xây dựng khối ĐĐKDT phải gắn với việc bảo đảm lợi ích của nhân dân, tin tưởng vào nhân dân, dựa vào sức dân và phân đấu vì quyền lợi chính đáng của nhân dân. Chính vì vậy, đồng bào các dân tộc ở biên giới Tây Bắc ngày càng củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành của chính quyền các cấp. Trong đời sống hằng ngày, họ không chỉ đoàn kết, tương

trợ lẫn nhau, mà còn chia sẻ kinh nghiệm, mô hình hay trong phát triển kinh tế hộ gia đình; động viên nhau thi đua lao động sản xuất. Nhờ đó, ở các tỉnh biên giới Tây Bắc đã xây dựng được nhiều vùng nông nghiệp hàng hóa tập trung, chất lượng cao, góp phần tạo chuyển biến tích cực trong phát triển kinh tế nông nghiệp và nâng cao đời sống nhân dân.

Cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương các tỉnh biên giới Tây Bắc đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định và xây dựng kế hoạch triển khai với những mục tiêu từng tỉnh. Cụ thể:

Chủ trương của Đảng bộ của các tỉnh về CSDT, đặc biệt là trong phát triển KT-XH, được xác định là một nội dung trọng tâm nhằm xây dựng ĐĐKDT theo quan điểm của Hồ Chí Minh. Các tỉnh đã tập trung huy động mọi nguồn lực đầu tư vào vùng đồng bào DTTS và vùng đặc biệt khó khăn, coi đây là giải pháp căn bản để thu hẹp khoảng cách phát triển, nâng cao đời sống nhân dân. Trên cơ sở tình hình thực tế, các tỉnh biên giới Tây Bắc đã căn cứ từ thực tế của tỉnh, xây dựng đề án, kế hoạch và chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn cho địa phương, tạo động lực thúc đẩy phát triển KT-XH trên toàn tỉnh nói chung và trong vùng đồng bào DTTS nói riêng. Ví dụ: tỉnh Lào Cai Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 4/12/2020, quy định về một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp đã góp phần hỗ trợ người dân đổi mới phương thức sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng nông sản và tạo thêm việc làm và thu nhập cho đồng bào. Qua đó, chủ trương của tỉnh Lào Cai vừa mang ý nghĩa phát triển kinh tế gắn kết lợi ích của các dân tộc hiện nay. Ngoài ra, đã thông qua Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 4/12/2020 về chính sách đầu tư xây dựng đường giao thông, xây dựng nông thôn mới gắn với thực hiện giảm nghèo bền vững. Các chính sách của tỉnh đã thực có hiệu quả và là giải pháp kịp triển khai đến địa phương qua đó làm giảm bớt áp lực về ngân sách cho cấp huyện (cũ), cấp xã hiện nay. Vì vậy, đã đáp ứng kịp thời nhu cầu thiết yếu của người dân, đặc biệt là các hộ nghèo, hộ chính sách và các địa bàn đặc biệt khó khăn.

Tại tỉnh Lai Châu: Xác định là nhiệm vụ chính trị quan trọng của cả HTCT và toàn xã hội, gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KT-XH, QP-AN trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Tỉnh ủy Lai Châu đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 05/7/2022 về việc tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với việc thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030. HĐND tỉnh ban hành 32 Nghị quyết; UBND tỉnh ban hành 34 kế hoạch, 37 quyết định và các văn bản khác để chỉ điều hành thực hiện các Chương trình MTQG, trong đó có Chương trình MTQG phát triển vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh ban hành 04 văn bản quy phạm pháp luật và nhiều văn bản hướng dẫn, chỉ đạo khác về ĐĐKDT. Giai đoạn 2015 đến đầu 2025: UBND tỉnh Lai Châu đã ban hành các Quyết định, thực hiện các chương trình, chính sách nhằm xây dựng khối ĐĐKDT trên địa bàn, nhất là vùng DTTS của tỉnh Lai Châu như: triển khai tốt Kế hoạch thực hiện chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Ban hành Quyết định bổ sung, thay thế danh sách người có uy tín trong đồng bào DTTS; kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới và nhiều văn bản khác về công tác dân tộc. Đặc biệt, tỉnh ủy Lai Châu đã tập trung chỉ đạo và triển khai thực hiện tốt Chương trình hành động số 47-CTr/TU, ngày 03/4/2024 của Tỉnh Ủy Lai Châu về thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh ĐĐKDT, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Triển khai nghiêm túc chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước dành cho vùng đồng bào DTTS và miền núi, nhân dân các dân tộc trong tỉnh luôn đoàn kết, hỗ trợ, giúp đỡ nhau vượt khó, vươn lên thoát nghèo, phát triển kinh tế, như đồng bào dân tộc Mông, Thái ở huyện Phong Thổ làm giàu từ cây chuối; đồng bào dân tộc Hà Nhì, La Hủ ở huyện Mường Tè tích cực trồng và chiết xuất tinh dầu sả; đồng bào Mông, Thái, Kinh, Dao... ở các huyện Tân Uyên, Than Uyên, Tam Đường làm kinh tế từ cây chè... Nhờ đó, ở nhiều nơi trong tỉnh đời sống của người dân nâng lên, ổn định hơn, thu nhập cao hơn tạo được sự tin tưởng của Nhân dân với chính quyền địa phương. Kết quả, từ năm 2015 đến nay, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh giảm gần 5%/năm. Năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh còn

dưới 17%; năm 2019, hai huyện Tân Uyên, Thuận Uyên được Chính phủ công nhận thoát nghèo giai đoạn 2016 - 2020. Đến đầu năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo giảm 4,42% so với cuối năm 2023

Tại tỉnh Điện Biên: Các chương trình, dự án, đề án và chính sách đối với đồng bào DTTS, vùng đặc biệt khó khăn đã được triển khai thực hiện hiệu quả, góp phần ổn định sản xuất, giữ gìn an ninh trật tự, nâng cao đời sống cho Nhân dân. Có thể kể đến một số chính sách và đề án tiêu biểu như: Đề án hỗ trợ phát triển KT-XH đối với các DTTS số rất ít người giai đoạn 2016-2025. Đề án phát triển KT-XH dành riêng cho đồng bào dân tộc Công; các chính sách đặc thù thúc đẩy phát triển vùng đồng bào DTTS, miền núi giai đoạn 2017-2020; cùng với cơ chế đãi ngộ, tôn vinh và phát huy vai trò của đội ngũ người có uy tín trong cộng đồng. Những chính sách này không chỉ giải quyết những vấn đề cấp thiết về KT-XH, mà còn khẳng định sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào DTTS, xây dựng khối ĐĐKDT. Đặc biệt, phát triển giữa kinh tế với bảo tồn, gìn giữ văn hóa, nâng cao dân trí, xóa bỏ hủ tục, cùng việc đề cao vai trò tiên phong của người có uy tín. Tỉnh ủy Điện Biên đã ban hành Nghị quyết số 09/NQ/TU ngày 19/10/ 2017 về chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền KTTT định hướng XHCN. Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 29/7/2021 của Tỉnh ủy Điện Biên về bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc gắn với phát triển KT-XH giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Triển khai và thực hiện nghiêm túc Kết luận, thực hiện Nghị quyết UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 968/KH-UBND ngày 08/3/2024 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TU ngày 22/11/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc trong tình hình mới. Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG của tỉnh. HĐND, UBND tỉnh kịp thời ban hành các nghị quyết, quyết định, đề án về cơ chế, chính sách để tổ chức thực hiện CSDT theo thẩm quyền.

Đảng bộ và chính quyền địa phương, MTTQ, các sở ban, ngành chức năng của các cấp nhất là các xã vùng đồng bào DTTS thường xuyên quan tâm công

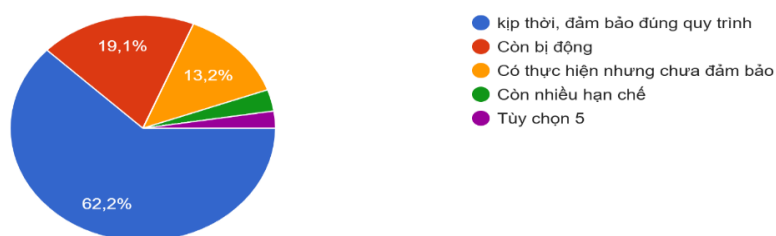
tác phổ biến, tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Tại tỉnh Sơn La: Từ năm 2015 đến nay, đã ban hành rất nhiều Nghị quyết để triển khai các nhiệm vụ nhằm phát triển KT-XH, QP-AN, tăng cường xây dựng Đảng và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng toàn diện tại địa phương. Đồng thời, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo để thực hiện tốt 28 chỉ tiêu mà Đảng bộ tỉnh đã đề ra trong nhiệm kỳ. Trên cơ sở các xây dựng chỉ tiêu KT-XH, tỉnh Sơn La đã tập trung khắc phục những khó khăn nội tại, tận dụng mọi thời cơ, lợi thế có sẵn của địa phương để xây dựng tỉnh phát triển theo hướng xanh, nhanh và bền vững. Trong đó, Sơn La chú trọng đầu tư hạ tầng, đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất và luôn luôn tạo môi trường thuận lợi nhất để phát triển KT-VH ổn định xã hội tại các huyện, các xã, vùng đặc biệt khó khăn và các xã vùng biên giới. Đảng bộ và chính quyền địa phương đã xác định động lực quan trọng nhất là thúc đẩy kinh tế của tỉnh với cách làm mới mà tỉnh đã quyết tâm nỗ lực trong phát huy lợi thế của tỉnh. Tỉnh uỷ, UBND tỉnh đã nghiên cứu và cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, CSDT cho đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh nhằm xây dựng khối ĐĐKDT trong tỉnh. Đồng thời đẩy mạnh phát triển KT-XH, tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng biên, vùng núi khó khăn nhất của tỉnh để phục vụ sản xuất và nâng cao đời sống của Nhân dân. Đã tăng cường nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển KT-XH của toàn tỉnh, nhất là vùng đồng bào DTTS sinh sống. Thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc gắn với thúc đẩy phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch vùng đồng bào DTTS đảm bảo lợi ích chính đáng của nhân dân.

Chỉ đạo phát triển giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Thực hiện tốt công tác y tế - dân số, chăm sóc sức khỏe nhân dân; công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS. Thực hiện đảm bảo ASXH và giảm nghèo bền vững, ổn định CT-XH. Tập trung giải quyết có hiệu quả những mâu thuẫn ngay từ cơ sở; kiên quyết không để xảy ra

các “điểm nóng”, “điểm phức tạp” về các vấn đề xã hội phức tạp. Việc nâng cao năng lực lãnh đạo của đảng ở cấp xã gắn liền với nhiệm vụ củng cố hệ thống chính trị cơ sở, xây dựng ĐĐKDT. Trên cơ sở quán triệt và thực hiện nghiêm túc chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và định hướng phát triển của tỉnh, đồng bào các dân tộc Sơn La tiếp tục phát huy khối ĐĐKDT thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh hướng tới xây dựng Sơn La phát triển theo hướng xanh, nhanh và bền vững.

Qua khảo sát cho thấy người dân cho thấy thực hiện các chính sách xây dựng khối ĐĐKDT ở địa phương như sau:



Hình 3.2. Mức độ triển khai các chính sách xây dựng khối ĐĐKDT ở địa phương của các tỉnh biên giới Tây Bắc

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ khảo sát

Quá trình nghiên cứu thực tế (xem hình 3.2), trong giai đoạn từ 2015 đến 2025 cho kết quả là đa số ý kiến của người dân (62,2%) đánh giá việc triển khai các xây dựng khối ĐĐKDT ở địa phương được thực hiện kịp thời, bảo đảm đúng quy trình, phản ánh sự chỉ đạo tốt của các cấp ủy, chính quyền trong quá trình thực hiện. Tuy nhiên, vẫn còn 19,1% cho rằng việc triển khai còn bị động, 13,2% nhận định chính sách có thực hiện nhưng chưa bảo đảm hiệu quả và 3,1% cho rằng vẫn còn nhiều hạn chế, bên cạnh 2,5% có ý kiến khác. Điều này cho thấy, mặc dù chính sách đã đi vào đời sống và đạt hiệu quả tích cực, song ở một số nơi ở các tỉnh biên giới Tây Bắc với điều kiện KT-XH còn khó khăn, công tác triển khai chưa thật đồng bộ, chất lượng và tính bền vững chưa cao. Do đó người dân chưa thực sự hài lòng. Yêu cầu đặt ra là phải bổ sung giải pháp phù hợp nhằm thực hiện kịp thời các chính sách để phát huy khối ĐĐKDT ở các tỉnh này.

Đặc biệt, các Sở Dân tộc và tôn giáo (mới) của các tỉnh đã xây dựng được bộ dữ liệu các DTTS tỉnh góp phần đảm bảo ổn định, thúc đẩy KT-XH của các tỉnh biên giới Tây Bắc phát triển, nâng cao đời sống của người dân. Ban Dân tộc (cũ) đã tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh tổ chức nhiều hoạt động đã khơi dậy lòng tự hào dân tộc, tạo không khí vui vẻ phấn khởi, củng cố, xây dựng khối ĐĐKDT; khẳng định đường lối nhất quán của Đảng và Nhà nước về CSDT, công tác dân tộc... Hiện nay, các sở Dân tộc và tôn giáo (mới) của các tỉnh biên giới Tây Bắc là cơ quan thường trực đang phối hợp với các sở, ban, ngành tích cực tham mưu triển khai thực hiện các chính sách của Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS. Việc thực hiện đầy đủ, hiệu quả các chủ trương, chính sách của Trung ương và của địa phương, cùng với sự nỗ lực vươn lên của người dân, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc trong tỉnh đã được cải thiện và nâng lên rõ rệt. Trong quá trình triển khai thực hiện các CSDT, các sở dân tộc và tôn giáo (mới) của các tỉnh biên giới Tây Bắc đã tham mưu đề xuất UBND các cấp chỉ đạo kịp thời tháo gỡ những vướng mắc ở cơ sở, chấn chỉnh những tồn tại, bất cập. Cụ thể: Qua đó, thấy được cấp uỷ Đảng và chính quyền các tỉnh đã nghiên cứu chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng khối ĐĐKDT và thực hiện tốt địa phương. Do đó, có quan điểm chỉ đạo cụ thể hoá trong xây dựng khối ĐĐKDT cho địa phương. Thực hiện triển khai và kiểm tra thường xuyên trong quá trình vận dụng vào trong thực tế ở cơ sở. Các chủ chương và đề án, nghị quyết về phát triển KT-CT, VH-XH của các tỉnh đã từng bước nâng cao đời sống cho Nhân dân. Qua đó, người dân được thụ hưởng các lợi ích chính đáng trên các lĩnh vực, tạo sự công bằng, dân chủ, giảm nghèo bền vững thúc đẩy sự phát triển trên các lĩnh vực của các tỉnh nơi đây.

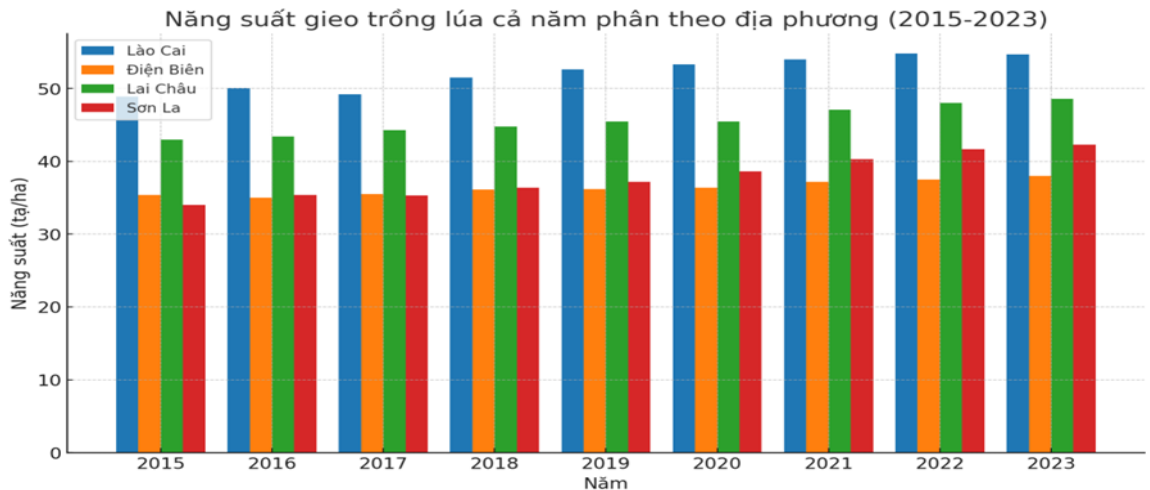
Hai là, thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc trên các lĩnh vực ở các tỉnh biên giới Tây Bắc

Ở các tỉnh biên giới Tây Bắc: đều có đặc điểm là chủ yếu các DTTS sinh sống. Do đó, việc đảm bảo tôn trọng và bình đẳng là rất quan trọng để phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT ở các tỉnh vùng biên Tây Bắc. Trên cơ sở xây dựng khối

ĐĐKDT, Đảng bộ và cấp uỷ đảng các cấp ở các tỉnh đã thực hiện từng bước nguyên tắc ĐĐKDT là: Bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết. Những kết quả của các tỉnh đạt được thể hiện rõ sự quan tâm của Đảng và nhà nước. Công tác lãnh chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền các cấp của các tỉnh; sự vào cuộc của MTTQ và các tổ chức CT-XH và đặc biệt là khối ĐĐKDT của các tỉnh biên giới Tây Bắc thể hiện ở toàn diện trên các lĩnh KT-CT, VH-XH:

Trước hết là về kinh tế: Từ năm 2015 đến đầu năm 2025 kinh tế của các tỉnh biên giới Tây Bắc thời gian qua là phát triển ổn định nông - lâm và thủy sản. Cùng với việc khai thác tối đa tiềm năng đất trồng cây lương thực kết hợp với việc sử dụng giống mới đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất nên vấn đề lương thực trong toàn vùng biên giới cơ bản đã được đảm bảo. Các vùng chuyên canh tập trung gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm tiếp tục phát triển và mang lại hiệu quả khá cao. Các phong trào nhân dân thi đua sản xuất ở các tỉnh biên giới Tây Bắc tạo nên sản phẩm chất lượng.

Trong nông nghiệp: Dưới sự lãnh chỉ đạo toàn diện của Đảng bộ, quản lý của bộ máy chính quyền địa phương tạo nên sự thông suốt của các cơ quan, ban, ngành và chính quyền địa phương gắn với tinh thần chủ động, sáng tạo của người dân trong sản xuất lúa ở bốn tỉnh biên giới Tây Bắc đã đạt được nhiều kết quả trong giai đoạn 2015 đến đầu 2025. Đã thực hiện đồng bộ các giải pháp như: hỗ trợ sản xuất, nghiên cứu và đưa vào canh tác các giống lúa mới có năng suất, chất lượng cao. Ngoài ra, các tỉnh đã đầu tư, mở rộng diện tích lúa nước thực hiện cấy hai vụ và canh tác tiên tiến cho người dân và đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất đem lại năng suất cao hơn. Qua đó, nhân dân đã được tiếp thu và cập nhật kiến thức, tích cực áp dụng tiến bộ kỹ thuật, kết hợp kinh nghiệm truyền thống lâu đời với phương pháp canh tác mới làm cho nâng cao hiệu quả sản xuất được nâng lên. Nhờ vậy, năng suất lúa ở Lào Cai tăng từ 48,9 tạ/ha năm 2015 lên 54,7 tạ/ha năm 2023; Lai Châu từ 43,0 lên 48,6 tạ/ha; Điện Biên từ 42,2 lên 46,9 tạ/ha; Sơn La từ 39,5 lên 45,2 tạ/ha, góp phần quan trọng vào đảm bảo cung cấp lương thực, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho người lao động của vùng biên giới Tây Bắc (xem Hình 3.3)



Hình 3.3. Năng suất lúa cả năm phân theo địa phương từ 2015 đến 2023

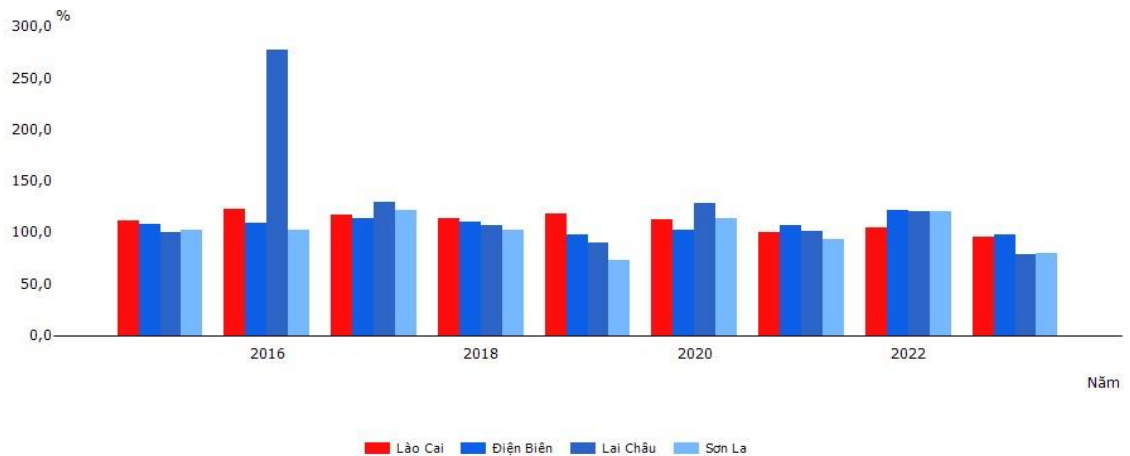
Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam [176]

Đặc biệt, các tỉnh bắt đầu phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa đã hình thành một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung như chè, cây ăn quả, cà phê trên; quế, sa nhân... Tính đến giữa năm 2025, các tỉnh đã có hàng trăm sản phẩm OCOP được công nhận, góp phần giới thiệu văn hóa đặc trưng của các DTTS và cho người dân trong vùng. Thông qua các mô hình kinh tế ở các tỉnh gắn với các sản phẩm ở địa phương đã nâng cao đời sống của nhân dân các dân tộc. Đàn trâu bò thịt bò sữa phát triển khá nhanh nhiều địa phương đạt tốc độ tăng trưởng hàng năm trên 3%. Nhiều mô hình kinh tế trang trại được triển khai ở nhiều nơi. Một số địa phương đã nuôi thành công cá hồi, cá tầm trong môi trường nước lạnh đạt hiệu quả kinh tế rất cao như Lào Cai, Lai Châu. Công tác trồng rừng đạt kết quả tích cực; phát triển chăn nuôi đại gia súc, cây dược liệu, mía đường, quế, cà phê... bước đầu đã đưa cây cao su vào trồng ở các tỉnh: Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai.

Trong công nghiệp: Các tỉnh biên giới Tây Bắc trong từ năm 2015 đến đầu năm 2025 ở lĩnh vực công nghiệp đã có sự chuyển dịch gắn với lợi thế, tài nguyên là thế mạnh của vùng, tỉnh. Nhiều dự án công nghiệp trọng điểm được triển khai nhiều dự án đã hoàn thành góp phần quan trọng và sự phát triển KT-XH như: Nhà máy thủy điện Sơn La, Lai Châu, nhà máy chế biến gang thép Lào

Cai nhà máy tuyển quặng Apatit Cam Đường... Công nghiệp khai khoáng và chế biến cũng phát triển khá mạnh. Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với phát triển vùng nguyên liệu phát triển nhanh đang tạo vị thế mới cho đầu tư kinh doanh nông - lâm nghiệp (xem hình 3.4.)

Chỉ số sản xuất công nghiệp phân theo địa phương (*) chia theo Tỉnh, thành phố và Năm



Hình 3.4. Chỉ số sản xuất công nghiệp phân theo địa phương, tỉnh, thành phố

Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam [176]

Trong lĩnh vực thủy sản: Do có thuận lợi về hệ thống sông suối dày đặc, với nguồn nước dồi dào và lưu lượng nước ổn định quanh năm đã tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển nuôi trồng thủy sản; đặc biệt là các loài cá nước lạnh, cá lồng bè và nuôi ao hồ nhỏ ven sông. Việc tận dụng lợi thế tự nhiên này đã giúp nhiều địa phương xây dựng được những mô hình nuôi cá hiệu quả đem lại thu nhập cao cho nhiều hộ dân, vừa đáp ứng nhu cầu thị trường, vừa góp phần bảo vệ môi trường của tỉnh và vùng Tây Bắc. Ngoài ra, trong giai đoạn 2015 đến 2025, địa phương các tỉnh đã thể hiện sự quan tâm và khuyến khích người dân làm giàu thông qua việc ban hành các chương trình hỗ trợ giống, vốn, kỹ thuật, hỗ trợ của chuyên gia và liên kết tiêu thụ sản phẩm; đồng thời khuyến khích các mô hình nuôi thủy sản theo hướng an toàn sinh học, hữu cơ, gắn với phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng. Nhờ đó, nhiều hộ dân đã mạnh dạn chuyển

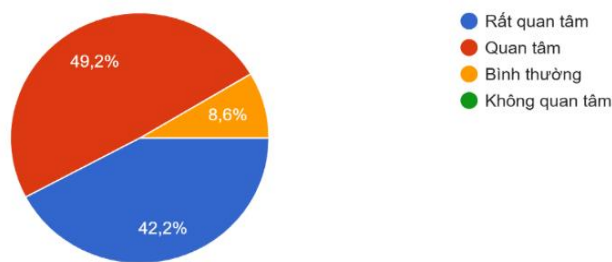
đổi từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang nuôi trồng thủy sản, dịch vụ và tạo ra sản phẩm đặc trưng mang thương hiệu địa phương. Sản lượng thủy sản của 4 tỉnh biên giới Tây Bắc đều có xu hướng tăng trưởng, phản ánh sự phát triển ổn định và mở rộng quy mô nuôi trồng, khai thác. Nhìn chung, xu hướng tăng trưởng của các tỉnh cho thấy tiềm năng lớn của ngành thủy sản các tỉnh biên giới Tây Bắc, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế địa phương. Góp phần động viên người dân ổn định lao động, kinh doanh và tạo được sự tin tưởng vào chính quyền địa phương.

Trong thương mại, dịch vụ: Trong giai đoạn từ năm 2015 đến đầu năm 2025, các tỉnh biên giới Tây Bắc với lợi thế đều là các tỉnh giáp biên nên đã có những khởi sắc mới đó là kinh tế biên mậu. Kinh tế cửa khẩu trong thời gian qua phát triển rất nhanh như cửa khẩu Lào Cai, Điện Biên. Các loại hình dịch vụ vận tải, tài chính ngân hàng, bưu chính viễn thông có bước phát triển mạnh nhất là tại các đô thị trung tâm của các tỉnh tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất trao đổi hàng hóa. Thương mại - dịch vụ đang có sự ưu tiên đầu tư khai thác các điểm du lịch Điện Biên Phủ, SaPa, Mộc Châu, Lào Cai ... theo hướng đa dạng loại hình nhất là du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng ngày càng phát triển từ những lợi thế có sẵn gắn với du lịch thông qua sản phẩm của địa phương.

Hiện nay, tình hình kinh tế trở nên sinh động việc quan tâm xây dựng kết cấu hạ tầng để đảm bảo cho sự phát triển KT-XH của vùng được đặc biệt quan tâm, trong đó tập trung cao cho các dự án giao thông thủy lợi, thủy điện trọng điểm để đẩy nhanh tiến độ. Dự án cao tốc Hà Nội - Lào Cai đã thông tuyến. Các tuyến đường huyết mạch như quốc lộ 2,3,6. Các tuyến vành đai 37, 279 hệ thống Quốc lộ 4D cũng đang được nâng cấp nhiều tuyến đã hoàn thành. Quốc lộ đường liên huyện đường đến trung tâm xã được mở rộng nâng cấp 95% xã đã có đường ô tô vào trung tâm. Điện lưới đạt tới 97% số xã. Hệ thống kết cấu hạ tầng được cải thiện đã thúc đẩy các dịch vụ thương mại; vận tải du lịch phát triển. Doanh thu dịch vụ hàng năm toàn vùng đã tăng đáp ứng

ngày càng tốt cho nhu cầu thiết yếu, nâng cao thu nhập, đời sống và tăng năng sản xuất lao động.

Trong giai đoạn 2015 đến đầu 2025 cho thấy kinh tế của các tỉnh biên giới Tây Bắc còn nảy sinh nhiều khó khăn, rào cản song bức tranh kinh tế của các tỉnh này hiện nay đã có những thành tựu, kết quả khởi sắc. Đó là kết quả của sự đoàn kết của các dân tộc, nhờ có sự lãnh đạo sáng suốt của các cấp ủy Đảng, điều tiết của chính quyền các cấp trong tỉnh và là kết quả thống nhất về tư tưởng, hành động trong xây dựng khối ĐĐKDT, huy động sức của nhân dân các địa phương gắn với việc biết tận dụng, phát huy tiềm năng thế mạnh của địa phương mình thúc đẩy phát triển KT-XH.



Hình 3.5. Mức độ quan tâm của Cấp ủy, chính quyền địa phương với những khó khăn trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ khảo sát

Dựa trên kết quả khảo sát (Hình 3.5) có 327 người dân ở cả 4 tỉnh, có thể thấy rằng phần lớn người dân đánh giá cao mức độ quan tâm của cấp tỉnh và cấp xã đối với những khó khăn ở địa phương. Cụ thể, 49,2% người tham gia cho rằng chính quyền “quan tâm” và 42,2% đánh giá là “rất quan tâm”, chiếm tổng cộng 91,4% số người được hỏi. Điều này phản ánh một tín hiệu tích cực của người dân vào vai trò của chính quyền trong việc thúc đẩy sự đoàn kết cộng đồng. Đáng chú ý, không có người nào chọn phương án “không quan tâm”, cho thấy sự hiện diện và nỗ lực của chính quyền đã ít nhiều được ghi nhận. Tuy nhiên, vẫn có 8,6% đánh giá mức độ quan tâm là “bình thường”, cho thấy vẫn còn một bộ phận người

dân cảm thấy chưa được hỗ trợ đầy đủ. Đây là cơ sở để các cấp chính quyền tiếp tục lắng nghe, cải thiện phương thức tiếp cận và tăng cường các hoạt động gắn kết nhằm xây dựng khối ĐĐKDT vững mạnh trong tỉnh và cả vùng.

Một số kết quả của các tỉnh cụ thể như sau:

Lai Châu đến nay: Sự nghiệp phát triển KT-XH, giảm nghèo đạt được kết quả nổi bật, nhất là ở địa bàn KT-XH đặc biệt khó khăn tại thời điểm năm 2019 có 66 xã, 696 bản khó khăn trên địa bàn tỉnh, tới năm 2024 giảm còn 54 xã, 557 bản đặc biệt khó khăn của tỉnh. Đời sống của người dân được nâng lên rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh và bền vững hơn. Kinh tế của tỉnh phát triển, đạt được nhiều kết quả vượt bậc. Năm 2015: Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân 7,9%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp: 23,55%; công nghiệp - xây dựng: 29,48%; dịch vụ: 46,97%. GRDP bình quân đầu người năm 2015 đạt 18,2 triệu đồng. Từ năm 2015 đến 2020: Kinh tế tiếp tục phát triển nhanh và khá toàn diện, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp. Đến năm 2024 toàn tỉnh còn 25.426 hộ nghèo, chiếm 23,88%. Kinh tế tiếp tục phục hồi và tăng trưởng, trung bình giai đoạn 2021- 2023 ước đạt 3,91%/năm tổng sản phẩm (GRDP) bình quân đầu người ước đạt 47,45 triệu đồng. Giá trị tổng sản phẩm toàn ngành tăng bình quân 4,5%/năm, chiếm khoảng 15% trong cơ cấu GRDP. An ninh lương thực được đảm bảo, tổng lương thực có hạt đạt 225,1 nghìn tấn. Hình thành 3.859 ha lúa hàng hóa tập trung với các giống lúa chất lượng cao và đặc sản 5, 9.811 ha chè, 1.666 ha cây ăn quả các loại; 3.594 ha cây mắc ca, 4.433 ha quế; tiếp tục chăm sóc, bảo vệ 12.944 ha cây cao su và đã khai thác 8.375 ha. Cây dược liệu quý phát triển nhanh, toàn tỉnh có 11.053 ha, trong đó có 35 ha sâm, 10,8 ha cây bảy lá một hoa.

Bên cạnh đó, tỉnh Sơn La luôn giữ được mục tiêu tăng trưởng dương, cụ thể: năm 2021 là 2,2%; năm 2022 là 8,7%; năm 2023 là 0.75% và 6 tháng đầu năm 2024 tăng trưởng 0.67%, cuối năm 2024, công nghiệp thương mại, dịch vụ, mức tăng trưởng lên đến 7,26%. Như vậy cả 3 năm 2021, 2022, 2023 là

4,8%/năm cộng với 2024 này cũng như cuối nhiệm kỳ của 2025 đã đảm bảo mục tiêu tăng trưởng của tỉnh Sơn La. GDP/người của năm 2023 đã tăng 51,7 triệu/người/năm, năm 2024 đạt 55,5 triệu/người/năm và cuối năm 2025 sẽ phấn đấu đạt 60 triệu/người/năm. Tỉnh Sơn La cũng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia gồm chương trình giảm nghèo bền vững, chương trình nông thôn mới, Nghị quyết 88... nhằm phát triển đồng bộ KT-XH giữa các vùng trong tỉnh, nhất là ưu tiên các vùng đặc biệt khó khăn, vùng cao biên giới và vùng đồng bào DTTS.

Tỉnh Lào Cai: Mặc dù phải đối diện với nhiều thách thức nhưng với tinh thần đoàn kết, nhất trí, quyết tâm của chính quyền, sự đồng lòng của mỗi cán bộ và người dân, sự quan tâm của Trung ương, của tỉnh cho thấy: tiếp tục có bước phát triển khá với nhiều gam màu sáng và cán đích một số mục tiêu quan trọng. Tỉnh đã sớm xác định các nhiệm vụ “Giai đoạn 2015 - 2020, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của Lào Cai đạt 9,08%; GDP bình quân của người dân đến năm 2020 đạt 77,7 triệu đồng” Lào Cai ưu tiên cho phát triển sản xuất nông nghiệp, tăng cường đầu tư cho khu vực nông thôn, vùng khó khăn, vùng DTTS. Đến 2020, “tỉnh Lào Cai có 61/127 xã hoàn thành nông thôn mới, 100% số xã và 98% thôn” [117] đời sống mọi mặt của người dân có nhiều đổi thay tích cực, tốc độ giảm nghèo trung bình 5,17%/năm, dẫn đầu các tỉnh trong khu vực miền núi phía Bắc nói chung và các tỉnh biên giới Tây Bắc nói riêng. Đến nay, KT-XH tỉnh Lào Cai tiếp tục ghi nhận nhiều điểm sáng. GRDP tăng 7,38% (năm 2023 đạt 5,11%), GRDP bình quân đầu người đạt 97,5 triệu đồng, tăng 8,9 triệu đồng; quy mô kinh tế đạt 78.000 tỷ đồng, tăng 11,8%. Kim ngạch xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu đạt 3,625 tỷ USD, tăng 68%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9,65%; du lịch đón 7,8 triệu lượt khách, tăng 8%. Tổng nguồn vốn tín dụng đạt 70.800 tỷ đồng, tăng 10%. Ngành nông, lâm, thủy sản hoàn thành kế hoạch dù chịu tác động bão số 3. Lào Cai nằm trong nhóm tỉnh có tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công cao nhất cả nước (120,6% kế hoạch). Thu ngân sách ước 12.800 tỷ đồng, vượt 39,5% dự toán trung ương và tăng 35,9% so

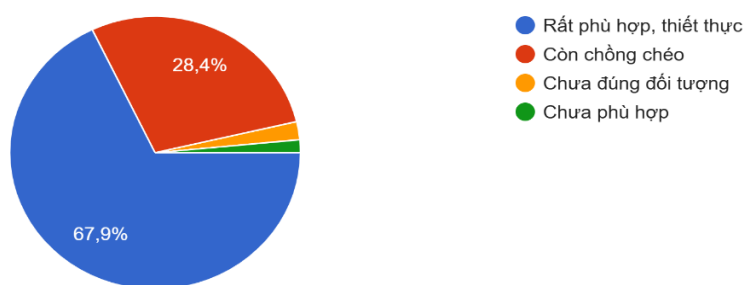
với năm trước. Công tác phát triển nhà ở xã hội đạt kết quả tích cực với 6 dự án (4.851 căn hộ), hoàn thành 63% mục tiêu đến 2030; đồng thời, chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát, nhà bị bão số 3 ảnh hưởng đã thực hiện 5.397 nhà, đạt 50% kế hoạch.

Tỉnh Điện Biên: Trong những năm qua, Đảng bộ, nhân dân các dân tộc tỉnh phát huy truyền thống cách mạng, đồng sức, đồng lòng, phấn đấu vượt qua gian khổ, khôi phục, phát triển kinh tế, VH-XH, ổn định đời sống nhân dân, bảo vệ vững chắc QP-AN; KT-CT được quan tâm đầu tư, diện mạo đô thị, nông thôn có nhiều đổi mới, các dự giao thông trọng điểm, các dự án phát triển đô thị, dịch vụ, điểm nhấn quan trọng như: Cảng hàng không Điện Biên Phủ; đường 60m và hạ tầng kỹ thuật khung; Đèn thờ liệt sĩ tại Chiến trường Điện Biên Phủ, Bức tranh Panorama trong Bảo tàng Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ,... Chính trị ổn định, QP-AN được bảo đảm giữ vững. Tăng cường mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác toàn diện với các tỉnh Bắc Lào; duy trì và mở rộng quan hệ với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc; mở rộng quan hệ với các nước Angiêri, Nhật Bản, Pháp, Thái Lan, các nước vùng Caribe... GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2024 đạt 9,33%/năm. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ và giảm dần tỷ trọng nông, lâm nghiệp. Tổng sản lượng lương thực năm 2023 đạt 285 nghìn tấn, tăng 1,68 lần so với năm 2004. Thu ngân sách trên địa bàn đạt 1.640 tỷ đồng, tăng hơn 17,4 lần so với năm 2004, thu nhập bình quân đầu người năm 2023 đạt 48,6 triệu đồng.

Đến nay, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của tỉnh Điện Biên tăng 8,51% so với năm 2023, nằm trong nhóm địa phương có tốc độ tăng trưởng cao của các tỉnh miền núi phía Bắc. Đầu năm 2025, tỉnh đặt mục tiêu tăng trưởng GRDP trên 10,5% và định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng nông - lâm - thủy sản, tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Trong 6 tháng đầu năm 2025, GRDP của tỉnh đạt gần 7.982 tỷ đồng, tăng 5,11% so với cùng kỳ. Tỉnh Điện Biên đã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, giải ngân

vốn đầu tư công đạt trên 42,84% kế hoạch, phát triển mắc ca, cà phê, quế gắn với chương trình OCOP và triển khai các dự án trọng điểm về hạ tầng, năng lượng tái tạo, du lịch cộng đồng. Tỉnh ngày càng khẳng định vị thế là điểm đến hấp dẫn đối với các nhà đầu tư tạo nền tảng quan trọng để hoàn thành và có thể vượt mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2025.

Về văn hoá - xã hội: Địa phương luôn quan tâm phát triển VH-XH ở các tỉnh: Nhiều phong trào lớn được toàn dân hưởng ứng nhiệt tình như phong trào xóa đói, giảm nghèo đi đôi với khuyến khích làm giàu chính đáng, hợp pháp: phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc những người có công với đất nước. Các hoạt động tình nguyện, từ thiện giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, phát huy truyền thống xây dựng khối ĐĐKDT trong vùng ngày càng phát triển sâu rộng. Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đặc biệt công cuộc phát triển KT-XH ở các tỉnh biên giới Tây Bắc bằng các chính sách, chương trình cụ thể: Chương trình 135 hướng tới các xã đặc biệt khó khăn. Chương trình 134 thực hiện hỗ trợ đồng bào DTTS nghèo theo 4 danh mục: đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt. Chương trình 167 đã hỗ trợ người dân về nhà ở, Chương trình 30^a... tuy nhiên chương trình, đề án nhằm phát triển kinh tế vẫn còn hạn chế, chồng chéo và có nơi vẫn chưa thực sự hợp lý.



Hình 3.6. Các chương trình, đề án phát triển kinh tế nhằm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ khảo sát

Qua khảo sát ở 4 tỉnh biên giới Tây Bắc (xem hình 3.6) cho thấy: Người dân đánh giá các chương trình, đề án kinh tế ở mức rất phù hợp, thiết thực: 67,9% (chiếm đa số tuyệt đối, gần 7/10 người). Còn chông chéo: 28,4% (gần 3/10 người, vẫn có những hạn chế nhất định). Chưa đúng đối tượng: khoảng 2% (màu vàng). Chưa phù hợp: khoảng 1,5% (màu xanh lá). Đa số người dân (gần 70%) đánh giá cao tính phù hợp và thiết thực của các chương trình, đề án - điều này cho thấy chủ trương, chính sách ở các tỉnh biên giới Tây Bắc nhìn chung đang bám sát nhu cầu thực tế. Còn khoảng 28% cho rằng các chương trình còn chông chéo, có thể do trùng lặp nội dung, đối tượng thụ hưởng hoặc thiếu sự phối hợp. Đáng chú ý là còn một bộ phận nhỏ (~3,5%) cho rằng chính sách chưa đúng đối tượng hoặc chưa phù hợp, phản ánh khả năng vẫn còn trường hợp bỏ sót hoặc triển khai chưa sát thực tế từng nhóm dân cư.

Kết quả ở từng tỉnh như sau:

Tại Điện Biên, đến nay, được quan tâm, sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, cùng với sự quyết tâm cao, nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong tỉnh, KT-XH của tỉnh có những chuyển biến tích cực. Trên địa bàn tỉnh GRDP (theo giá so sánh) năm 2024 đạt 15.414,82 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 46,51 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ nghèo đa chiều toàn tỉnh đến năm 2023 là 36,97%, trong đó, tỷ lệ hộ nghèo DTTS chiếm đa số trên 99,3%; hệ thống cơ sở hạ tầng của tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, chưa đồng bộ, đặc biệt là hệ thống hạ tầng giao thông, hệ thống cấp điện sinh hoạt (trên địa bàn tỉnh còn khoảng 5.868,2 km đường cấp phối, đường đất, chiếm 59,1% và khoảng 8,2% số hộ gia đình chưa được sử dụng điện lưới quốc gia).

Công tác GD - ĐT tiếp tục được quan tâm thực hiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có trên địa bàn tỉnh cơ bản đáp ứng nhu cầu tối thiểu phục vụ dạy và học; toàn tỉnh hiện có 7.349 phòng học, 1.500 phòng học chức năng, 3.513 phòng nội trú học sinh, 1.812 phòng công vụ giáo viên, trong đó có 9.101/14.174 phòng kiên cố (*chiếm tỷ lệ 64,21%*). Các chính sách hỗ trợ học sinh vùng khó khăn, con hộ nghèo ... được các địa phương tổ chức thực hiện tốt. Tỷ lệ huy

động trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt khá cao, tỷ lệ học sinh là DTTS bỏ học giảm dần.

Hệ thống y tế từ tỉnh đến xã và thôn, bản được mở rộng, tiếp tục được đầu tư xây dựng, toàn tỉnh hiện có 22 đơn vị gồm: 12 đơn vị tuyến tỉnh; 10 đơn vị sự nghiệp tuyến huyện với tổng số 2.467 giường bệnh và đạt tỷ lệ 12,52 bác sĩ/vạn dân; có 122/129 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã, đạt tỷ lệ 94,6%; tiếp tục nâng cao chất lượng công khám bệnh, chữa bệnh cho người dân và được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu tốt hơn.

Bản sắc văn hoá của các dân tộc tiếp tục được bảo tồn và phát huy, bước đầu gắn với phát triển du lịch, 02 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (“Nghệ thuật xòe Thái”, “Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái”), đã được công nhận nhiều di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, như: Nghệ thuật Xòe Thái tỉnh Điện Biên, Tết Nào Pê Châu của người Mông đen (bản Nậm Pọng, xã Mường Đăng, huyện Mường Ảng), lễ hội đền Hoàng Công Chất (Thành Bản Phủ, xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên), lễ Tủ cái (Lễ đặt tên âm - tên thứ hai cho người con trai đã trưởng thành) của người Dao quần chẹt (bản Huổi Lóng, xã Huổi Sớ, huyện Tủa Chùa). Toàn tỉnh hiện có 02 trung tâm Văn hóa cấp tỉnh, 01 Đoàn nghệ thuật cấp tỉnh. Các lĩnh vực QP-AN, KT-CT đều ổn định xã hội trong vùng DTTS và miền núi, đặc biệt là khu vực biên giới tiếp tục được bảo vệ và giữ vững.

Tỉnh Lai Châu: Đã triển khai các chương trình như: Chương trình 186, 120, 134, 135-II, Chương trình MTQG; Dự án 600; Dự án cây cao su. Chương trình 500 bản của tỉnh. Chương trình 661... Các chương trình, dự án đã đạt nhiều kết quả. Đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc được cải thiện rõ rệt và nâng cao. Kết quả là, trong 5 năm (2011-2015) toàn tỉnh Lai Châu đã có 44.810 nghìn lượt hộ nghèo thoát nghèo. Năm 2015, hộ nghèo giảm còn 20,48%. Trong giai đoạn này, công tác giảm nghèo ở các tỉnh biên giới Tây Bắc đạt kết quả cao, hộ nghèo trong vùng DTTS năm 2015 còn 26,2%, giảm 2,72% so với năm 2014. Thực hiện tốt công tác y tế dự phòng, không có dịch xảy ra, tổ chức

khám bệnh cho trên 737,7 nghìn lượt người đạt 71,2% kế hoạch. Tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 93,5% tổng dân số toàn tỉnh. Đến năm 2020, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 11,55%/ năm; tổng sản phẩm năm 2020 đạt 20.486 tỷ đồng, tăng 95,72% so với năm 2015; GRDP bình quân đầu người đạt trên 40 triệu đồng, tăng 11,9%/ năm, tăng hơn 2 lần so với năm 2015. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp.

Ở Sơn La, từ năm học 2015, toàn tỉnh có 837 cơ sở giáo dục, đào tạo; tổng số học sinh mầm non, phổ thông, bổ túc là 312.892 học sinh. Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sơn La, năm học 2023 - 2024, tỉnh Sơn La có 610 trường mầm non, phổ thông, GDTX với 379.737 học sinh. Trong đó có: 230 trường mầm non, 98 trường tiểu học, 144 trường liên cấp TH-THCS, 81 trường THCS, 03 trường liên cấp THCS-THPT, 01 trường liên cấp TH-THCS-THPT 11 trường PTDTNT THCS&THPT, 30 trường THPT, 12 trung tâm Giáo dục thường xuyên (có 15 trường mầm non, 01 trường tiểu học, 01 trường TH-THCS-THPT ngoài công lập). Toàn ngành Giáo dục tỉnh Sơn La có 23.516 người, trong đó có 1.674 cán bộ quản lý, 19.846 giáo viên và 1.996 nhân viên (tính cả nhân viên hợp đồng thời vụ). Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục (02 PGS, 03 Tiến sĩ, 430 Thạc sĩ, 16.920 Đại học, 4.046 Cao đẳng, 1.476 Trung cấp). Tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn và trên chuẩn ở cấp mầm non đạt 94,83%, cấp tiểu học đạt 89,63%, cấp THCS đạt 89,16%, cấp THPT và giáo dục thường xuyên (GDTX) đạt 100%. Tỉnh còn đặc biệt chú trọng đến việc phát huy các giá trị văn hóa trên địa bàn: đã tổ chức thực hiện ở 100% số khu dân cư trong tỉnh. Tính đến năm đầu năm 2025 toàn tỉnh có 7 nhà văn hóa cấp huyện, thành phố; 180 nhà văn hóa cấp xã, phường, thị trấn 1.924 nhà văn hóa bản.

Tỉnh Lào Cai, sự nghiệp giáo dục, đào tạo đạt được nhiều chỉ tiêu đạt cao so với khu vực. Phổ cập giáo dục tiếp tục được củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng. Toàn tỉnh cơ bản đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học cấp độ 3. Tỷ lệ học

sinh trung học cơ sở lên học THPT, trung học chuyên nghiệp, học nghề đạt trên 80%. Đội ngũ được chuẩn hóa về chất lượng, 100% giáo viên đạt chuẩn trở lên. Mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo được sắp xếp phù hợp theo hướng tinh gọn đầu mối, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng dạy và học. Cơ sở vật chất trường, lớp học, nhà công vụ cho giáo viên và nhà ở bán trú, nhà vệ sinh cho học sinh được đầu tư. Trường học đạt chuẩn Quốc gia là 62,5%. Các trường chuyên nghiệp của tỉnh, trung tâm dạy nghề được sắp xếp lại. Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai được thành lập năm 2015. Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2020 đạt 55%. Đến đầu năm 2025, đào tạo, bồi dưỡng nghề cho 10.000 lao động, cung ứng 6.000 lao động làm việc trực tiếp các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, kinh tế tập thể tập trung ở các lĩnh vực, ngành nghề: du lịch - dịch vụ, điện, công nghệ ô tô, chăm sóc sắc đẹp, điều dưỡng, nông nghiệp công nghệ cao... Phối hợp, liên kết trên 40 kết nối, tư vấn giới thiệu giải quyết việc làm cho trên 10.000 lao động đi làm việc trong và ngoài tỉnh.

Phát triển văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở được đầu tư phát triển và phát huy hiệu quả. Nhiều di sản văn hóa được sưu tầm, phục dựng, hoàn thiện; di tích lịch sử văn hóa được bảo vệ, tôn tạo. Triển khai tốt các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” và đạt được kết quả thành công, gắn với XDNTM, đô thị văn minh thúc đẩy kinh tế phát triển, khơi dậy nhiều giá trị nhân văn trong cộng đồng. Văn hóa doanh nhân đồng hành với sự phát triển KT-XH của tỉnh được phát huy. Thể thao đạt được nhiều thành tích cao, các môn thể thao dân tộc được chú trọng. Công tác huấn luyện, đào tạo và phát triển thể thao thành tích cao được đổi mới theo hướng chuyên nghiệp, đạt kết quả cao so với giai đoạn trước, đã có vận động viên đạt huy chương khu vực và châu lục. Một số môn thể thao đã đạt trình độ cao so với trong nước và đóng góp nhiều vận động viên xuất sắc cho các đội tuyển quốc gia. Các loại hình báo chí phát triển đáp ứng theo xu thế hiện đại, nội dung và hình thức ngày càng phong phú, hấp dẫn, bảo đảm chất lượng, bám sát nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

Công tác xóa đói, giảm nghèo tiếp tục được đẩy mạnh, thực hiện đồng bộ

đạt kết quả cao. Đề án giảm nghèo bền vững và nhiều cơ chế, chính sách ASXH được quan tâm, tập trung triển khai kịp thời, hiệu quả. Mạng lưới y tế phát triển từ tỉnh đến thôn bản; cơ sở vật chất, trang thiết bị được tăng cường đầu tư, các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện được đầu tư nâng cấp, các trạm y tế cơ bản đáp ứng được bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế năm 2020 đạt 99%. Số bác sĩ trên 01 vạn dân đạt 12,3; giường bệnh trên 01 vạn dân đạt 41,1; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,2%. Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 16/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025, Nghị quyết số 03-NQ/TU của Đảng bộ tỉnh Lào Cai và thực hiện Đề án 07-ĐA/TU về “Bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số tỉnh Lào Cai trong tình hình mới giai đoạn 2020-2025” (Đề án số 07), Ngành Y tế Lào Cai đã tích cực tham mưu, chỉ đạo và triển khai thực hiện các hoạt động thuộc lĩnh vực, hướng tới hoàn thành các chỉ tiêu của Đề án, xây dựng ngành Y tế Lào Cai hiện đại, đồng bộ, góp phần nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trong và ngoài tỉnh. Đến đầu năm 2025 tổng số nhân lực y tế toàn tỉnh Lào Cai là 5.496 người (1.130 bác sĩ, đạt 14,2 bác sĩ /vạn dân; 319 dược sĩ /vạn dân), trong đó nhân lực y tế ngành: 4.170 người (926 bác sĩ, 177 dược sĩ đại học). Làm tốt công tác triển khai hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe, nâng cao chất lượng dân số.

Tỉnh Lai Châu: Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề đã được quan tâm và có bước phát triển: Năm học 2024-2025, toàn ngành GD&ĐT Lai Châu có 337 trường, 5.310 lớp, 149.949 học sinh. Ngành GD&ĐT Lai Châu đã chủ động, tích cực tham mưu với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành các chương trình, nghị quyết ... phù hợp với chủ trương, kế hoạch của ngành và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch nhiệm vụ năm học đảm bảo tiến độ và chất lượng. Các cơ sở giáo dục chủ động, linh hoạt và tích cực đổi mới hình thức, phương pháp tổ chức dạy học, kiểm

tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Về đào tạo nghề của tỉnh: Đến năm 2024, Sở LĐ-TBXH tỉnh Lai Châu các chỉ tiêu chủ yếu như mức giảm tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh đạt 3,78%; đào tạo nghề cho 8.000 người; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60,6%; giải quyết việc làm mới cho 8.920 người lao động; tỷ lệ xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em đạt 63,2%, tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc đạt 75%. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân: đến nay, ngành y tế còn nhiều khó khăn nhưng sự đồng lòng, quyết tâm của cán bộ, nhân viên ngành y tế, phối hợp của các bộ, ngành, địa phương, nhân dân ủng hộ, các tổ chức trong nước và quốc tế hỗ trợ, công tác y tế đã đạt được: Ngành Y tế thực hiện vượt 3/3 chỉ tiêu KT-XH chủ yếu được Quốc hội giao năm 2023 (đạt 12,5 bác sĩ trên 10.000 dân; 32 giường bệnh trên 10.000 dân; 93,2% dân số tham gia bảo hiểm y tế). Đại dịch Covid - 19 được kiểm soát, điều chỉnh từ bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A sang nhóm B từ tháng 10/2023. Các dịch bệnh truyền nhiễm khác được kiểm soát tốt; hoạt động khám bệnh, chữa bệnh thông thường đã phục hồi. Ngành Y tế đẩy mạnh triển khai các đề án: bác sĩ gia đình, khám chữa bệnh từ xa, chỉ đạo tuyến và y tế đã đạt trên 90%. Bên cạnh đó, lĩnh vực văn hóa, thông tin, truyền thông tiếp tục được quan tâm đầu tư phát triển về cả số lượng và chất lượng, góp phần nâng cao mặt bằng dân trí và chất lượng nguồn nhân lực. Bảo đảm QP-AN, chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững. Niềm tin của đồng bào DTTS đối với sự lãnh đạo của địa phương không ngừng góp phần xây dựng khối ĐĐKDT vững chắc hơn. Từ năm 2015 đến nay đã triển khai, thực hiện các chương trình, CSDT, đời sống của đồng bào các DTTS từng bước được nâng lên, cơ sở hạ tầng vùng DTTS đã dần hoàn thiện, cơ bản đáp ứng được nhu cầu về đời sống, sản xuất, học tập của nhân dân các dân tộc.

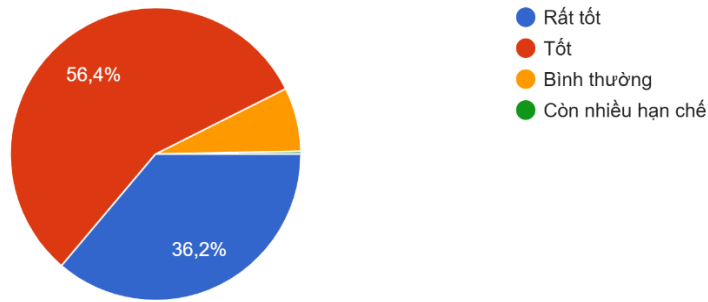
Tỉnh Điện Biên: Giữ vững và phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT trong tỉnh, thực hiện thống nhất trong Đảng bộ tỉnh là vấn đề có tính nguyên tắc quyết định đến thành công trong công cuộc xây dựng tỉnh phát triển bền vững. Đảng bộ tỉnh đã thống nhất, lãnh đạo chính quyền và nhân dân hoàn

thành tốt mọi nhiệm vụ. Trong lĩnh vực VH-XH có nhiều tiến bộ, ASXH được quan tâm và triển khai có hiệu quả. Công tác XĐGN được triển khai quyết liệt, tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh qua các năm, từ 44% năm 2005 xuống còn 25,68% năm 2023. Chất lượng cuộc sống của người dân được nâng lên rõ rệt. GD - ĐT của tỉnh Điện Biên chuyển biến cả về quy mô và chất lượng; duy trì, củng cố và nâng cao kết quả, tiêu chí đạt chuẩn phổ cập giáo dục. Công tác đào tạo nghề: tỉnh Điện Biên đã quan tâm, ưu tiên dành nguồn vốn và sự chỉ đạo từ các ngành, các cấp, nhằm tổ chức đào tạo nghề và tư vấn việc làm phù hợp, tạo công ăn việc làm, phát triển kinh tế gia đình ngay tại địa phương. Những năm gần đây, các lớp đào tạo nghề cho người dân ở nông thôn và giải quyết việc phân nào giải quyết được việc làm tại chỗ cho lao động hiệu quả. Nhiều hộ gia đình, người lao động tại địa phương đã tham gia các lớp đào tạo nghề và áp dụng vào thực tế thành công trong việc phát triển kinh tế, du lịch, dịch vụ, nghề truyền thống với những kiến thức học được, đào tạo. Qua đánh giá của Sở LĐ-TB&XH Điện Biên: Đến cuối năm 2024 toàn tỉnh đã tạo việc làm mới cho khoảng 9.001 lao động, đạt 97,84% kế hoạch. Trong đó: giải quyết việc làm là 1.903 lao động; cung ứng lao động cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh khoảng 3.717 người (doanh nghiệp ngoài tỉnh 3.349 lao động); đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 198 lao động; tuyển dụng vào các cơ quan đảng, đoàn: là 3.183 lao động. Trong đó, số lao động trong độ tuổi thanh niên được tạo việc làm chiếm 75,5%/tổng số lao động được tạo việc làm. Ngoài ra, công tác chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ, cơ sở vật chất của ngành y tế được đầu tư nâng cấp: 100% số xã, phường có trạm y tế, tỉnh hiện có 818 bác sĩ; đạt 12,66 bác sĩ/1 vạn dân, tăng 0,39 bác sĩ/1 vạn dân so với năm 2020.

Ba là, phát huy sức mạnh của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng khối ĐĐKDT vùng biên Tây Bắc

Thực hiện chỉ dạy của Hồ Chí Minh: Chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ các tầng lớp nhân dân, phải đoàn kết tốt các đảng phái, các đoàn thể, các nhân sĩ.

Công tác vận động, tập hợp, củng cố khối ĐĐKDT. MTTQ và các tổ chức thành viên đã góp phần nâng cao đồng thuận trong Nhân dân, giữ vững ổn định QP-AN. Qua đó, đem lại kết quả thiết thực trong xây dựng và củng cố khối ĐĐKDT ở các tỉnh. Qua khảo sát thực tế, người dân đánh giá về các tổ chức CT-XH thực hiện vai trò của mình trong xây dựng khối ĐĐKDT ở địa phương (xem hình 3.8)



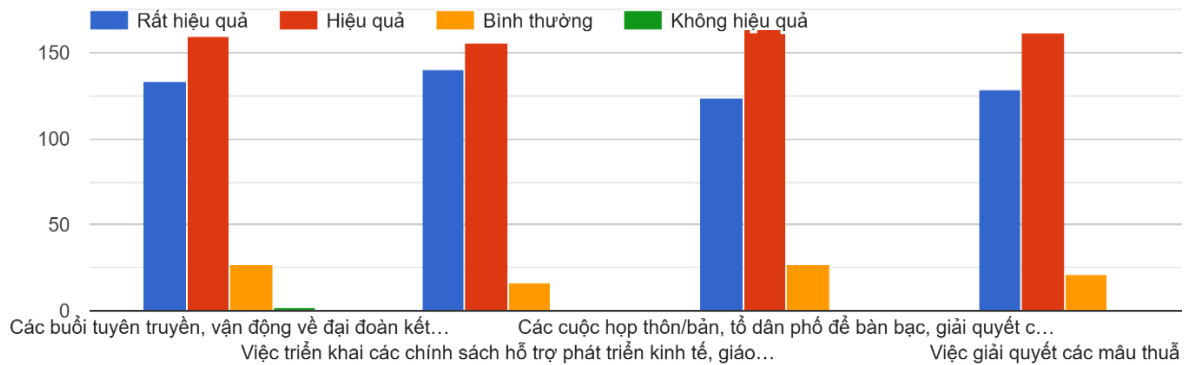
Hình 3.7. Mức độ các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ khảo sát

Kết quả khảo sát (xem hình 3.7) về mức độ người dân đánh giá vai trò của các tổ chức CT-XH cho thấy phần lớn người dân đánh giá cao các tổ chức CT-XH trong góp phần xây dựng khối ĐĐKDT ở địa phương. Trong tổng số 326 người tham gia, có 56,4% cho rằng các tổ chức đã thực hiện “tốt” vai trò của mình, và 36,2% đánh giá là “rất tốt”. Điều này phản ánh sự ghi nhận tích cực từ cộng đồng đối với những hoạt động tuyên truyền, vận động và kết nối mà các tổ chức CT-XH đã triển khai. Các tỉnh biên giới Tây Bắc - nơi có đông DTTS sinh sống và điều kiện địa lý, KT-XH còn nhiều thách thức - vai trò của các tổ chức CT-XH càng trở nên quan trọng. Những tổ chức này không chỉ là cầu nối giữa chính quyền và người dân, mà còn là lực lượng nòng cốt trong việc gìn giữ văn hóa và ngày càng gắn kết giữa các dân tộc. Việc người dân đánh giá cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức cho thấy niềm tin đang được củng cố vững chắc cho sự ổn định và phát triển bền vững ở khu vực biên giới Tây Bắc.

Các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển KT-XH, tăng cường QP-AN, đối ngoại về ĐĐKDT vai trò, nhiệm vụ của MTTQ đã kịp thời tuyên truyền đến các tầng lớp nhân dân thông qua sách báo, thông tin đại chúng, truyền thông của Đảng, Nhà nước. Công tác thông tin, tuyên truyền của MTTQ và các tổ chức thành viên đã kịp thời và hiệu quả tại các địa phương. Ủy ban MTTQ các cấp và các tổ chức thành viên của các tỉnh biên giới Tây Bắc đã đổi mới về nội dung, đa dạng về phương thức tuyên truyền, từng bước phối hợp thống nhất để tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục và vận động có hiệu quả, có trọng tâm gắn với chủ đề chung theo năm, theo nhiệm kỳ và theo nhiệm vụ cụ thể như: Vai trò của MTTQ trong xây dựng khối ĐĐKDT được nhấn mạnh.

Khảo sát thực tế về phương thức tuyên truyền nhằm xây dựng khối ĐĐKDT được người dân đánh giá như sau: (Biểu đồ khảo sát từ Câu 12) phản ánh đánh giá của người dân về mức độ hiệu quả của các phương thức xây dựng khối ĐĐKDT tại địa phương. Các phương thức được khảo sát bao gồm: Tuyên truyền, vận động; triển khai chính sách hỗ trợ kinh tế, giáo dục; tổ chức họp dân cư để bàn bạc, giải quyết vấn đề; và xử lý mâu thuẫn trong cộng đồng. Nhìn chung, phần lớn người dân đánh giá các phương thức này là “rất hiệu quả” hoặc “hiệu quả”, với số lượng người chọn hai mức này vượt trội so với các lựa chọn “bình thường” và “không hiệu quả”. Các tỉnh biên giới Tây Bắc, các buổi tuyên truyền, vận động không chỉ giúp nâng cao nhận thức mà còn tạo sự đồng thuận trong cộng đồng. Việc triển khai chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - giáo dục là nền tảng để cải thiện đời sống, thu hẹp khoảng cách vùng miền và tăng cường sự gắn kết. Các cuộc họp dân cư là không gian dân chủ, nơi người dân được tham gia bàn bạc, thể hiện tiếng nói và cùng nhau giải quyết vấn đề. Đặc biệt, việc xử lý mâu thuẫn một cách kịp thời và khéo léo giúp duy trì sự ổn định, tránh chia rẽ trong cộng đồng (xem hình 3.8).



Hình 3.8. Hiệu quả của phương pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ khảo sát

Các hoạt động tuyên truyền đã góp phần cung cấp thông tin mọi mặt đời sống xã hội đến với các tầng lớp nhân dân, nâng cao ý thức chăm lo xây dựng khối ĐĐKDT, tạo sự tin tưởng trong nhân dân hướng đến thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KT-XH, giữ vững QP-AN của đất nước.

Xây dựng, củng cố MTTQ và các đoàn thể ở các xã biên giới thực sự đóng vai trò nòng cốt trong xây dựng khối ĐĐKDT và thực hiện tốt Luật dân chủ ở cơ sở đảm bảo hoạt động có chất lượng, tham gia giải quyết có hiệu quả những vụ việc xảy ra ở địa bàn, nhất là những mâu thuẫn, bất đồng trong lao động và sinh hoạt của người dân. Đặc biệt, không để xảy ra các "điểm nóng" về QP-AN, trật tự an toàn xã hội. Đẩy mạnh chương trình xóa nhà tạm, xây dựng nhà đại đoàn kết cho những hộ gia đình khó khăn ở vùng DTTS. Ủy ban MTTQ tại các tỉnh biên giới Tây Bắc chính sách vận động các dân tộc phù hợp với đặc điểm từng địa phương, huy động sức mạnh của khối ĐĐKDT, trong đó:

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Lai Châu tập trung trọng điểm vào việc "Tổ chức tập huấn xây dựng xã mẫu" đi đầu trong các tuyên truyền công tác Mặt trận. Các phong trào do MTTQ, các đoàn thể phát động, tập trung tuyên truyền và tổ chức thực hiện đúng đường lối của Đảng, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân và vận động người dân tích cực lao động, sản xuất, phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, thực hiện các cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng

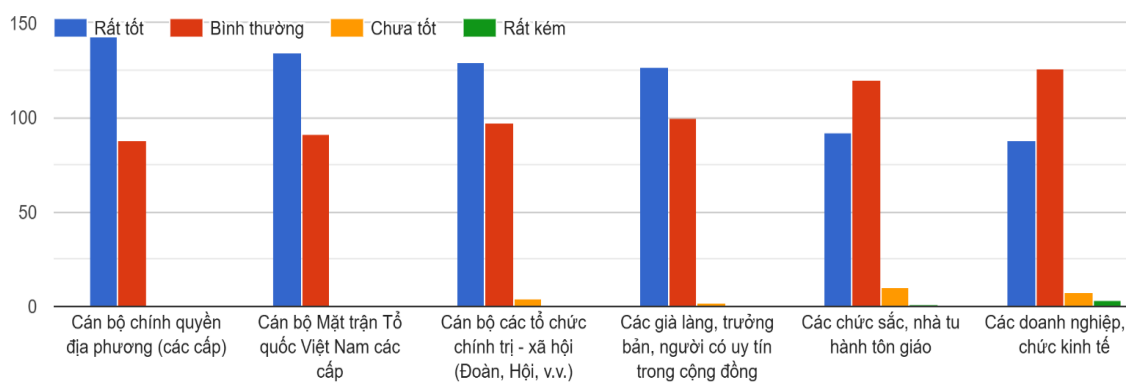
đời sống văn hóa gắn với XDNTM. Ủy ban MTTQ tỉnh Lào Cai đã tạo được sự đồng thuận giữa Mặt trận với các cấp chính quyền, và sự quan tâm của các cấp chính quyền từ tỉnh xuống cấp xã, thôn, bản đẩy mạnh trong phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" gắn với xây dựng nông thôn mới. Điểm đổi mới của công tác MTTQ các cấp ở Lào Cai là xây dựng được hệ thống bài giảng về việc xây dựng chính quyền, đặc biệt công tác vận động cho việc bảo vệ môi trường từ cấp tỉnh, xã, thôn bản ... được thực hiện rất hiệu quả. MTTQ các cấp đã mở rộng, thu hút các tổ chức thành viên và tích cực hướng dẫn cơ sở và khu dân cư triển khai các hoạt động, phát huy dân chủ. Tích cực tham gia xây dựng, giám sát; mở rộng và đổi mới hoạt động đối ngoại nhân dân, thu hút đông đảo nhân dân tham gia.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Sơn La nổi bật về hoạt động nhân dân, tuyên truyền phong trào trồng cây cao su, công tác XDNTM, xóa đói giảm nghèo. Mặt khác, thực hiện Chỉ thị 06/CT- TTg ngày 01/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ về "Phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào các DTTS trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc". MTTQ Việt Nam tỉnh tăng cường phối hợp với các cấp, các ngành, thực hiện công tác vận động đối với già làng, trưởng bản nhằm thông qua đó vận động đồng bào giáp biên chấp hành tốt về Luật biên giới quốc gia, Hiệp định biên giới, Quy chế biên giới. Bên cạnh việc đẩy mạnh tuyên truyền, MTTQ các cấp còn phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể các xã biên giới có chung đường biên giới với tỉnh Luông Pha Băng và tỉnh Hủa Phăn tích cực vận động nhân dân tham gia xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị. Tuyên truyền cho nhân dân vùng biên giới ổn định đời sống, không vượt biên trái phép, di cư tự do, xâm canh, xâm cư, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, biểu hiện mê tín dị đoan hoặc lợi dụng để truyền đạo trái phép; đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm ở địa phương và cách nhận biết ... Đồng thời, tổ chức tốt "Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc", tổ chức văn nghệ, thể thao giữa các địa phương; giúp nhau phát triển kinh tế hộ gia đình, mạnh dạn đưa các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao và phát triển sản xuất.

Mặt trận Tổ quốc tỉnh Điện Biên: Từ năm 2015 đến nay MTTQ Tỉnh đã chú trọng hỗ trợ các địa bàn khó khăn, biểu dương vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng. Để phát huy sức mạnh ĐĐKDT, MTTQ các cấp không ngừng đổi mới tổ chức hướng về cơ sở, bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân và tham gia xây dựng Đảng, chính quyền. MTTQ còn đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các chương trình phát triển KT-XH, xóa bỏ hủ tục, tư tưởng lạc hậu, bảo thủ góp phần ĐĐKDT. Ngoài ra, thường xuyên nắm bắt tâm tư chính đáng của người dân, đề xuất giải pháp tháo gỡ bức xúc trong dân chúng. Hàng năm, ban công tác MTTQ tại các thôn, bản, tổ dân phố đã làm tốt việc tổ chức “Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc” tại khu dân cư, thu hút đông đảo người dân tham gia. Từ đó, tạo ra đợt sinh hoạt cộng đồng rộng lớn, sâu sắc và ý nghĩa góp phần củng cố vững chắc ĐĐKDT. Cùng với việc tuyên truyền, tập hợp nhân dân, MTTQ Việt Nam các cấp đã triển khai thực hiện hiệu quả các phong trào thi như tham gia các cuộc vận động thời điểm hiện tại, MTTQ Việt Nam các cấp đang tích cực vận động nhân dân, huy động nguồn lực triển khai làm nhà ở cho hộ nghèo theo Đề án vận động hỗ trợ làm nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo tỉnh. MTTQ Việt Nam các cấp đã phát huy dân chủ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân thông qua hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng và chính quyền. Các hội nghị tiếp xúc cử tri, đối thoại trực tiếp giữa cấp ủy, chính quyền với nhân dân được duy trì, qua đó kịp thời lắng nghe, giải quyết những kiến nghị chính đáng của người dân, phát huy hiệu quả dân chủ cơ sở. Đồng thời, kịp thời biểu dương, động viên những tập thể, cá nhân tiêu biểu.

Việc xây dựng khối ĐĐKDT là trách nhiệm chung của toàn bộ HTCT và từng người dân. Muốn làm được điều đó, cần đặt lợi ích của nhân dân ở vị trí trung tâm, bảo vệ quyền chính đáng, đồng thời chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần để mọi người đều được thụ hưởng thành quả phát triển. Sự đoàn kết trong Đảng chính là nền tảng để quy tụ sức mạnh khối ĐĐKDT. Những nỗ

lực này góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, tạo động lực để tăng cường sức mạnh khối ĐĐKDT trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Khi được hỏi về đánh giá năng lực và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của các lực lượng, tổ chức tham gia xây dựng khối ĐĐKDT (xem hình 3.9) cơ bản người dân đánh giá ở mức độ rất tốt và bình thường trên 90%. Vẫn có những đánh giá về các tổ chức CT-XH khi thực hiện chưa tốt hoặc chưa thực sự hiệu quả.



Hình 3.9. Đánh giá năng lực và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của các lực lượng, tổ chức tham gia xây dựng khối ĐĐKDT

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ khảo sát

Hội Liên hiệp Phụ nữ của các tỉnh biên giới Tây Bắc: Trong giai đoạn 2015 đến đầu năm 2025, thấm nhuần theo lời dạy của Bác “Đoàn kết là sức mạnh. Đồng bào miền núi, trước hết là chị em phụ nữ, cần phải đoàn kết chặt chẽ, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau”. Trong những năm qua ở các tỉnh biên giới Tây Bắc. Hội đã thực hiện tốt các chương trình trọng tâm như: Phụ nữ tham gia tích cực vào XDNTM. Thực hiện Cuộc vận động xây dựng gia đình "5 không, 3 sạch"... Qua đó, đã thu hút được đông đảo chị em phụ nữ tham gia tích cực, hiệu quả và ghi nhận những kết quả đáng khích lệ trong xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, phát triển kinh tế gia đình.

Trong những năm qua tổ chức Công đoàn các tỉnh biên giới Tây Bắc trong những năm 2015 đến đầu năm 2025 đã phát huy vai trò của mình: phát động

nhiều phong trào thi đua như: "Lao động giỏi", "Lao động sáng tạo" phát huy cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, thực hành tiết kiệm, giỏi việc nước, đảm việc nhà... Các phong trào đã thu hút đông đảo đoàn viên tham gia và đã đạt hiệu quả cao, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế của các tỉnh biên giới Tây Bắc những năm qua.

Trong những năm qua, *Hội Nông dân* các tỉnh không ngừng phát triển cả về số lượng hội viên và chất lượng hoạt động. Hội đã triển khai nhiều hình thức vận động nông dân sản xuất, lao động, kinh doanh giỏi; đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, phát triển kinh tế hộ gia đình; tích cực tham gia các chương trình xóa đói, giảm nghèo, XDNTM. Các phong trào như "Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững" đã lan tỏa sâu rộng, khơi dậy vai trò chủ thể của người dân trong tham gia xây dựng và phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng đời sống văn hóa mới. Công tác tuyên truyền tập trung vinh danh, nhân rộng các điển hình chia sẻ kinh nghiệm, phổ biến các mô hình sản xuất hiệu quả, tạo động lực, niềm tin và khát vọng vươn lên làm giàu, góp phần củng cố khối ĐĐKDT và xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh, đoàn kết, thống nhất.

Trong những năm qua, *Đoàn Thanh niên* ở các tỉnh biên giới Tây Bắc đã xung kích, tình nguyện là lực lượng nòng cốt tập hợp, đoàn kết thanh niên tham gia phát triển KT-XH, bảo đảm QP-AN ở cơ sở. Các phong trào "Thanh niên lập nghiệp", "Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới", "Thanh niên tình nguyện vì cộng đồng", "Đền ơn đáp nghĩa", "Tuổi trẻ với biển đảo quê hương", "Tuổi trẻ học tập và làm theo lời Bác"... được triển khai sâu rộng, phù hợp với đặc thù vùng biên giới, vùng đồng bào DTTS, tạo sức hút mạnh mẽ đối với đoàn viên, thanh niên. Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng được chú trọng, góp phần nâng cao nhận thức, bồi đắp lý tưởng cách mạng, tinh thần đoàn kết và ý chí vươn lên của thế hệ trẻ. Nhiều mô hình thanh niên phát triển kinh tế, khởi nghiệp sáng tạo đã trở thành điểm sáng, củng cố khối ĐĐKDT.

Trong những năm qua, *Hội Cựu chiến binh* các tỉnh biên giới Tây Bắc đã phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, đoàn kết, gương mẫu, hội viên nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, tích cực phát triển kinh tế, XDGN, XDNTM, bảo vệ an ninh trật tự vùng biên, tham gia nghiêm túc phong trào “Cựu chiến binh gương mẫu”, “Giúp nhau giảm nghèo, làm kinh tế giỏi” được triển khai sâu rộng, tạo động lực cho hội viên vươn lên, đồng thời lan tỏa tinh thần đoàn kết, tương trợ trong cộng đồng. Nhiều hội viên đã trở thành tấm gương điển hình trong lao động sản xuất, giáo dục con cháu, giữ gìn bản sắc văn hóa và tham gia các hoạt động khác của địa phương tổ chức. Qua đó, Hội Cựu chiến binh đã góp phần quan trọng vào xây dựng HTCT ở cơ sở, tăng cường khối ĐĐKDT.

Ngoài ra thực hiện chủ trương đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, số hội quần chúng đã tăng nhanh chưa kể các hội, các quỹ, các ban liên lạc, các câu lạc bộ được thành lập ở các địa phương. Các hội nghề nghiệp phát triển đa dạng, đáp ứng được nguyện vọng của hội viên.

Bốn là, Nhân dân các dân tộc - chủ thể phát huy vai trò trong xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc

Đồng thuận, phấn khởi, thống nhất rất cao với chủ trương của Đảng, Nhà nước dành cho nhân dân các dân tộc trong các tỉnh đoàn kết, hỗ trợ, giúp đỡ, tôn trọng nhau vượt khó, vươn lên xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế, như đồng bào dân tộc Mông, Thái... Trong 10 năm qua, các tỉnh biên giới Tây Bắc làm giàu từ sản xuất, lao động: ở *Lai Châu*: nhân dân các dân tộc đã chủ động quyền làm chủ của mình, nhân dân các dân tộc đã tích cực trồng rừng, cây ăn quả, làm kinh tế từ cây chè ... Nhờ đó, ở nhiều nơi, đời sống của đồng bào các dân tộc ngày càng được nâng lên; đến nay, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh giảm nhanh, bình quân gần 5%/năm. Hiện tại, tỷ lệ hộ nghèo ở các tỉnh còn cao. Đến nay, vùng biên giới Tây Bắc chưa thoát ra khỏi vùng “lỗi nghèo” mặc dù ngày càng nâng lên.

Các dân tộc trong các tỉnh biên giới Tây Bắc tích cực hưởng ứng và tham gia cùng cấp ủy, chính quyền cấp xã thực hiện có hiệu quả Chương trình XDNTM; đồng đạo đồng bào các dân tộc tự nguyện đóng góp công lao động,

hiến đất để xây dựng đường giao thông liên bản, nội đồng, nội bản, các công trình công cộng của bản, làng, khu phố, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn, đô thị về mọi mặt. Tại các địa phương trong các tỉnh biên giới Tây Bắc đã duy trì tổ chức các hoạt động lễ hội văn hóa truyền thống; xây dựng bản, làng trở thành những điểm du lịch cộng đồng hấp dẫn, thu hút du khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan, góp phần quảng bá văn hóa truyền thống độc đáo của các dân tộc và thúc đẩy phát triển du lịch của tỉnh.

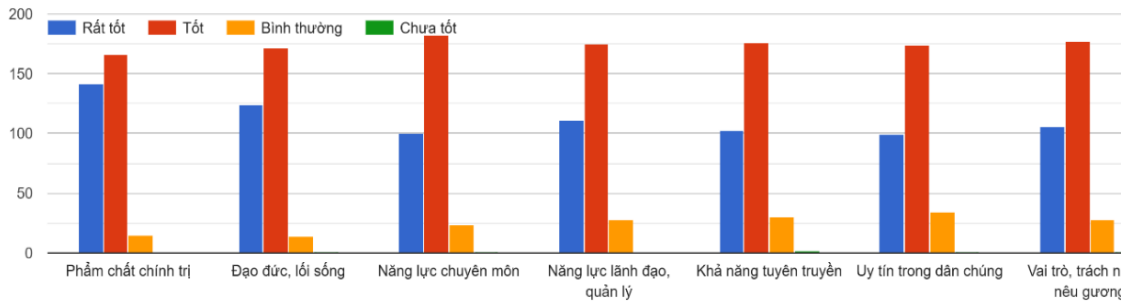
Cùng với việc phát triển KT-XH, nhân dân các dân tộc trong các tỉnh biên giới Tây Bắc còn phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT thông qua sự lãnh đạo chính quyền trong thực hiện tốt nhiệm vụ bảo đảm QP-AN, phát triển KT-XH trên địa bàn. Qua đó, nâng cao cảnh giác, không tin, không nghe theo các luận điệu tuyên truyền của kẻ xấu. Nhân dân các dân tộc hiện nay đã tích cực lao động, định canh, định cư, bám đất, bám bản. Ngoài ra, được sự hỗ trợ, giúp đỡ cấp ủy, chính quyền địa phương, các lực lượng vũ trang trên địa bàn các tỉnh biên giới Tây Bắc từ năm 2015 đến nay đã làm tốt tham gia bảo vệ đường biên giới, bảo vệ và giữ vững biên cương của Tổ quốc. Nhờ có xây dựng khối ĐĐKDT vững chắc mà trong những năm qua, mặc dù trên địa bàn các tỉnh biên giới Tây Bắc đã xảy ra nhiều đợt mưa lũ lớn, dịch bệnh, gây thiệt hại lớn về người và tài sản của nhân dân, song cấp ủy, chính quyền, nhân dân các dân tộc trong các tỉnh biên giới Tây Bắc đã chung sức, đồng lòng, trách nhiệm và giúp đỡ đồng bào khắc phục khó khăn về nhà ở, về vật chất tinh, thần nhằm ổn định đời sống, lao động sản xuất.

Điển hình như ở tỉnh Điện Biên: Nhân dân các dân tộc luôn ý thức được trách nhiệm của mình trong quá trình xây dựng quê hương, đất nước. Từ năm 2015 đến nay người dân phát huy vai trò làm chủ và là chủ trong các lĩnh vực KT-CT, VH-XH. Đến nay, có 1.244 người có uy tín giai đoạn 2023 - 2025, tổ chức thực hiện chính sách với người có uy tín; giữa chính quyền cơ sở cùng các tổ chức tôn giáo, điểm nhóm sinh hoạt tôn giáo tiếp tục được quan tâm, bảo vệ. Ở tỉnh Lào Cai: Đến tháng 6 năm 2025,

với tỷ lệ DTTS chiếm trên 66,2%, 25 tộc người cùng chung sống, Lào Cai có nhiều giá trị văn hóa tộc người cần bảo tồn và phát huy nhằm văn hóa bản sắc; đồng thời góp phần lan tỏa các giá trị văn hóa tộc người vào phát triển KT-XH của tỉnh. Một trong những lực lượng quan trọng tham gia tích cực vào quá trình bảo tồn và phát huy văn hóa tộc người là những người có uy tín. Đến năm 2024, Lào Cai có 1.117 người có uy tín. [131]. Tỉnh Điện Biên, năm 2024, vẫn là tỉnh nghèo, tỷ lệ hộ nghèo chiếm 25,68%; chiếm trên 80% dân tộc ít người sinh sống [129].

Như vậy, quyền là chủ, làm chủ và phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT. Nhân dân các dân tộc ở các tỉnh biên giới Tây Bắc đã nâng cao trình độ nhận thức, phát huy tình yêu nước, xây dựng khối ĐĐKDT kết và phát huy vai trò là chủ và là chủ trong xây dựng quê hương đất nước. Qua đó, xây dựng khối ĐĐKDT được thực hiện trong thời kỳ hiện nay của nước ta và tình hình thực tiễn của mỗi tỉnh cũng như cả khu vực biên giới Tây Bắc hiện nay.

Năm là, cán bộ công tác tại các tỉnh biên giới Tây Bắc đã thực hiện tốt nhiệm vụ trong xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc: Chất lượng cán bộ ở khu vực này cơ bản đáp ứng nhiệm vụ xây dựng khối ĐĐKDT về đạo đức, năng lực công tác, chuyên môn, thực hiện nêu gương và có trách nhiệm trong công việc được giao; có ý thức nâng cao trình độ và nêu cao tinh thần phục vụ nhân dân. Đa số cán bộ có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức lối sống trong sáng, có uy tín với nhân dân và giữ vai trò nêu gương tốt; tinh thần đoàn kết, trách nhiệm cao trong công việc, nhiệm vụ. Tuy nhiên, trong thực tế còn có những khó khăn: Năng lực chuyên môn, kỹ năng tuyên truyền, vận động quần chúng ở một bộ phận cán bộ, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa, chưa đáp ứng yêu cầu; còn chênh lệch về chất lượng giữa các tỉnh, các xã giáp biên giới. Do đó, cần tiếp tục đào tạo, cử đi học, khuyến khích tự nâng cao trình độ và kỹ năng tiếp cận cộng đồng; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở mỗi cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo ở địa phương.



Hình 3.10. Chất lượng của đội ngũ cán bộ tham gia xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ khảo sát

Qua kết quả khảo sát (xem 3.10) cho thấy, chất lượng cán bộ tham gia xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc nhìn chung được đánh giá cao, với tỷ lệ “Tốt” và “Rất tốt” chiếm ưu thế trên 84% ở hầu hết các tiêu chí, đặc biệt là phẩm chất chính trị, lối sống, uy tín, đạo đức trong dân chúng và vai trò nêu gương. Ở Lào Cai và Sơn La, mức đánh giá “Rất tốt” về phẩm chất và đạo đức, lối sống cao hơn so với Lai Châu và Điện Biên, phản ánh sự ổn định của HTCT và hiệu quả công việc ở hai địa phương này. Tuy nhiên, hạn chế nổi bật ở cả bốn tỉnh là năng lực chuyên môn và khả năng tuyên truyền chưa đồng đều như Lai Châu và Điện Biên có tỷ lệ “Chưa tốt” cao hơn so với Lào Cai và Sơn La, nhất là về kỹ năng tuyên truyền, vận động nhân dân vùng sâu, vùng xa. Điều này cho thấy bên cạnh việc giữ vững những ưu điểm về đạo đức và uy tín trong xã hội, các tỉnh cần tiếp tục đầu tư bồi dưỡng kiến thức chuyên môn và khả năng giao tiếp, xử lý công việc của cán bộ đặc biệt ở những địa bàn còn bất cập, hạn chế.

Sáu là, thực hiện nghiêm các chương trình về dân tộc, tôn giáo góp phần vào khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc

Từ năm 2015 đến đầu năm 2025, các tỉnh biên giới Tây Bắc đã thực hiện kịp thời nhiều đề án, chính sách đối với vùng miền núi, biên giới, thực hiện dân chủ, công khai và có sự tham gia trực tiếp của người dân trong việc lựa chọn đối

tượng, nội dung đầu tư cũng như giám sát quá trình thực hiện. Nguồn vốn được bố trí kịp thời, cơ chế quản lý - điều hành phân cấp rõ ràng, công tác hướng dẫn triển khai cụ thể, kịp thời tháo gỡ khó khăn góp phần bảo đảm tiến độ và chất lượng các chương trình, dự án. Việc quy hoạch, lựa chọn địa điểm xây dựng công trình luôn gắn với quy hoạch phát triển KT-XH và đáp ứng nhu cầu thiết thực của đồng bào, được nhân dân đồng thuận, ủng hộ, giúp sử dụng hiệu quả nguồn lực, đúng đối tượng, đúng tiến độ.

Các CSDT đã tạo nguồn lực quan trọng thúc đẩy phát triển KT-XH, giảm nghèo; công trình hạ tầng thiết yếu được đầu tư đồng bộ, nhiều mô hình sản xuất, kinh tế mới được triển khai hiệu quả. Đặc biệt, chính sách đối với người có uy tín trong cộng đồng đã phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, trở thành cầu nối giữa nhân dân với Đảng; tích cực tham gia phát triển kinh tế, giữ gìn bản sắc văn hóa, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh trật tự vùng biên.

Nhờ thực hiện nghiêm túc các chính sách này, các tỉnh biên giới Tây Bắc đã hoàn thành nhiều mục tiêu giai đoạn 2021-2025, từng bước thay đổi diện mạo nông thôn, bảo đảm ASXH, giảm ngh bền vững, thu hẹp khoảng cách về thu nhập giữa đồng bào dân tộc và mức bình quân toàn tỉnh, đồng thời củng cố khối ĐĐKDT, giữ vững QP-AN, KT-XH xây dựng đời sống văn hóa mới ở vùng biên giới. Nhận thức sâu sắc ý nghĩa chiến lược đoàn kết, cụ thể hóa các quan điểm của Đảng. Đảng bộ các tỉnh biên giới Tây Bắc luôn quan tâm xây dựng và đổi mới việc thực hiện tốt CSDT, giải quyết thành công vấn đề dân tộc, góp phần củng cố vững chắc khối ĐĐKDT ở nơi đây.

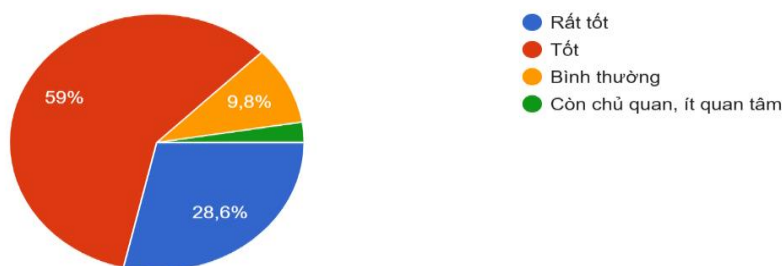
3.2.2.2. Nguyên nhân

Một là, sự quan tâm lãnh chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương: Các tỉnh Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên và Sơn La luôn đặt nhiệm vụ củng cố khối ĐĐKDT là trọng tâm trong chiến lược hiện nay, bảo đảm củng cố QP-AN. Từ tỉnh ủy đến cấp cơ sở, hệ thống chính trị được kiện toàn, bảo đảm năng lực lãnh đạo, quản lý, xây dựng cơ chế phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể. Chính sự quan tâm nhất quán này tạo nền tảng định hướng rõ ràng và nguồn lực ổn định để triển khai các hoạt động nhằm góp phần vào ĐĐKDT.

Hai là, kịp thời ban hành nghị quyết, quyết định và kế hoạch phù hợp với từng tỉnh và từng khu vực: Mỗi tỉnh biên giới Tây Bắc đều có điều kiện tự nhiên, dân cư, văn hóa và thế mạnh riêng, nên cấp ủy, chính quyền đã ban hành nghị quyết, chương trình hành động và kế hoạch cụ thể cho từng vùng, từng giai đoạn. Cụ thể như tỉnh Lào Cai chú trọng phát triển kinh tế cửa khẩu, du lịch với bảo tồn văn hóa dân tộc. Tỉnh Lai Châu tập trung vào giảm nghèo bền vững vùng đồng bào các dân tộc. Tỉnh Điện Biên gắn xây dựng đoàn kết với bảo đảm an ninh biên giới. Tỉnh Sơn La phát huy lợi thế là xây dựng, phát triển nông nghiệp hàng hóa gắn với xây dựng bản làng văn hóa. Những định hướng trúng và đúng này giúp phát huy tối đa lợi thế từng địa phương và khu vực.

Ba là, vai trò của MTTQ và các tổ chức CT-XH: Ở cả 4 tỉnh, MTTQ và các đoàn thể như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên... đã trở thành cầu nối giữa cấp ủy, chính quyền các cấp. Các phong trào như “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, “Ngày vì người nghèo”, hay các mô hình kinh tế cộng đồng đều được triển khai sâu rộng. Điều này không chỉ tăng cường gắn kết cộng đồng mà còn củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng, vào bộ máy chính quyền ở cơ sở.

Bốn là, phát huy vai trò chủ thể của nhân dân: Người dân ở các tỉnh đã tin tưởng, tích cực xây dựng khối ĐĐKDT thông qua việc bảo tồn và phát huy văn hoá, tham gia các hoạt động phát triển KT-XH, và giữ gìn QP-AN ở trên địa bàn. Tinh thần tương trợ, đoàn kết các giữa các dân tộc được thể hiện rõ trong lao động, học tập, sinh sống đã tạo nên sức mạnh to lớn vượt qua khó khăn, thách thức trong những năm qua. Bản thân người dân nhận thức vai trò của mình là chủ thể thực hiện ĐĐKDT. Nhận thức được điều đó, những năm qua, nhân dân trên địa bàn các tỉnh biên giới Tây Bắc đã quyết tâm, đồng thuận, đồng hành cùng với chính quyền xã chủ động tham gia thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn. Tích cực vận động người thân, hàng xóm thực hiện. Nhiều hộ gia đình vay vốn, tham gia các khóa tập huấn và chủ động thực hiện các dự án, các mô hình phát triển KT-XH.



Hình 3.11. Ý thức, tính tự giác của người dân khi tham gia vào xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ khảo sát

Qua điều tra xã hội học (xem hình 3.11) với 234 người dân ở cả 4 tỉnh, kết quả cho thấy ý thức và tinh thần của người dân khi tham gia vào xây dựng khối ĐĐKDT: đa số người dân (59%) nhận định ý thức và tính tự giác tham gia xây dựng khối ĐĐKDT của cộng đồng địa phương ở mức tốt, bên cạnh đó có tới 28,6% đánh giá là rất tốt. Điều này phản ánh sự đồng thuận xã hội, sự gắn bó cộng đồng và tinh thần trách nhiệm của người dân trong việc tham gia vào các hoạt động đoàn kết, gắn với lợi ích chung của địa phương. Tuy nhiên, vẫn còn 9,8% cho rằng ý thức ở mức bình thường và 2,6% nhận định người dân còn chủ quan, ít quan tâm, cho thấy vẫn tồn tại một bộ phận chưa thực sự tích cực, còn thụ động trong các hoạt động chung. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, phát huy vai trò của các tổ chức CT-XH nhằm nâng cao hơn nữa ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm của mỗi người dân, nơi đoàn kết cộng đồng giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với phát triển bền vững và bảo đảm ổn định QP-AN.

Năm là, thực hiện nghiêm các chính sách dân tộc, tôn giáo: Chính quyền các tỉnh đã triển khai đầy đủ, kịp thời và đúng đối tượng các chính sách hỗ trợ của Đảng và Nhà nước nhằm phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi, chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, đất kinh doanh, hỗ trợ nước sinh hoạt và thực hiện đúng bảo đảm quyền tôn giáo, tín ngưỡng. Việc thực hiện nghiêm

túc sẽ tạo được tin của nhân dân, đồng thời phát hiện và đấu tranh loại bỏ biểu hiện chia rẽ mất đoàn kết dân tộc tạo ổn định xã hội.

3.2.3. Hạn chế, nguyên nhân của hạn chế trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở các tỉnh biên giới Tây Bắc

3.2.3.1. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh còn một số tồn tại, hạn chế như: Tỷ lệ hộ nghèo là người DTTS còn cao: Cụ thể như tỉnh Lào Cai năm 2024 là (trên 95%) [118] nhất là ở các xã đặc biệt khó khăn của tỉnh. Tỉnh Điện Biên có 10 huyện, thị xã, thành phố (trong đó có 07 huyện nghèo) với 129 xã, phường, thị trấn (trong đó: 29 xã biên giới; 126 xã, phường, thị trấn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; 93 xã đặc biệt khó khăn). Tỉnh Lai Châu đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào tuy đã được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều khó khăn. Thu nhập của đồng bào DTTS ở nông thôn còn thấp so với mặt bằng chung của tỉnh. Một số tập quán lạc hậu chưa được cải tạo triệt để; kết cấu hạ tầng đã được đầu tư xây dựng song chưa đồng bộ, xuống cấp, chưa đáp ứng nhu cầu phục vụ mục tiêu phát triển KT-XH. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở một số địa phương còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp; chất lượng nguồn nhân lực vùng DTTS còn thấp. Đội ngũ cán bộ người DTTS trong HTCT tuy đã được quan tâm nhưng cơ cấu vẫn chưa hợp lý, cụ thể:

Một là, công tác lãnh chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện xây dựng khối ĐĐKDT chưa thực sự được quan tâm đúng mức trong những năm qua.

Sự ưu tiên chưa đồng đều trong lãnh đạo, chỉ đạo: Ở một số địa phương vùng biên giới Tây Bắc, việc xây dựng khối ĐĐKDT chưa thực sự được đặt đúng vị trí chiến lược trong phát triển KT-XH. Một số nơi ở vùng khó khăn vẫn còn xem nhẹ nhiệm vụ được giao; chưa thực sự gắn chặt với các mục tiêu XDNTM giảm nghèo hiện nay. Thực tế tại một số xã thuộc xã đặc biệt khó khăn ở các tỉnh Lai Châu và Điện Biên, Lào Cai cho thấy: lãnh đạo địa phương vẫn còn lúng túng khi triển khai các chủ trương, dẫn đến tình trạng trông chờ vào sự hỗ trợ từ Nhà nước, chưa chủ động khai thác tiềm năng sẵn có của các dân

tộc. Một số xã chưa xác định được hết lợi thế của địa phương và chưa tìm được hướng phát triển lợi thế của địa phương trong cả giai đoạn qua.

Một bộ phận cán bộ hạn chế về năng lực quản lý và tham mưu, nhất là cán bộ cơ sở khi tham gia vào xây dựng khối ĐĐKDT. Mặc dù các tỉnh Lào Cai, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên đã có nhiều nỗ lực đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, lý luận chính trị và quản lý nhà nước cho cán bộ, nhưng năng lực cụ thể hóa đường lối và các chính sách của Đảng và Nhà nước vẫn còn hạn chế. Không ít cán bộ xã, nhất là ở vùng biên, chưa chủ động trong công tác tham mưu, đề xuất giải pháp phù hợp với đặc thù từng tỉnh, xã do đó làm giảm hiệu quả trong huy động nguồn lực và phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT để phát triển.

Đôi khi chưa thu hút và khơi dậy được niềm tin và tinh thần tự cường, tự lực của người dân. Ở một số xã, làng vùng sâu của Sơn La, Điện Biên hay Lai Châu tâm lý trông chờ, một phần do cán bộ địa phương chưa có giải pháp truyền thông, vận động hiệu quả để khích lệ người dân tham gia chủ động vào các mô hình sản xuất để giảm nghèo. Thực tế, các tỉnh này còn ít các “mô hình” điển hình hoặc các mô hình tiêu biểu về phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường chưa thực sự được lan tỏa mạnh mẽ, ảnh hưởng tới sự gắn kết bền vững giữa các dân tộc trong tỉnh.

Hai là, còn hạn chế khi thực hiện các chương trình, đề án mang tính kế hoạch mục tiêu quốc gia

Tiến độ giải ngân nguồn vốn thực hiện các Chương trình MTQG còn chậm, nhất là nguồn vốn sự nghiệp. Đặc biệt là các dự án về hỗ trợ đất ở, hỗ trợ nhà ở, hỗ trợ đất sản xuất, hỗ trợ sắp xếp dân cư, phát triển sản xuất nông lâm nghiệp ... gây ảnh hưởng đến hiệu quả của các chính sách cũng như việc thụ hưởng của người dân. Hiện nay, trên địa bàn các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao đều thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia. Tuy nhiên, việc thực hiện các chương còn chậm nhất là thực hiện XDGN và giảm nghèo bền vững.

Các chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai trên địa bàn nhưng cách thức tổ chức thực hiện thời gian đầu còn gặp nhiều khó khăn (do các văn bản hướng dẫn từ các bộ, ngành trung ương chưa đồng bộ; năng lực một bộ cán bộ cấp xã còn

hạn chế...). Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn từ các dự án, chương trình thấp chưa phát huy được hết hiệu quả. Các công trình hạ tầng tại ở các xã đặc biệt khó khăn của các tỉnh biên giới Tây Bắc còn rất nhiều các công trình thiết yếu như đường giao thông nông thôn, cấp nước sinh hoạt, thủy lợi ... chưa được đầu tư kịp thời.

Ba là, chất lượng nguồn nhân lực của các tỉnh biên giới Tây Bắc chưa cao.

Đặc điểm dân cư và cơ cấu dân tộc. Các tỉnh biên giới Tây Bắc có tỷ lệ DTTS rất cao, chiếm tới 78,8% dân số. Phần lớn đồng bào sinh sống phân tán, trên vùng núi cao, điều kiện KT-XH khó khăn, phân bố dân cư không tập trung, xa trung tâm xã.

Tập quán sản xuất và điều kiện kinh tế: Nền kinh tế ở nhiều địa phương thuộc 4 tỉnh chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp tự cung tự cấp, với tập quán canh tác truyền thống, chưa áp dụng được nhiều ứng dụng KH-KT hiện đại vào cuộc sống. Do thiếu vốn, thiếu thông tin, chưa nắm bắt được thị trường và kỹ năng quản lý sản xuất, người dân khó thoát khỏi vòng luẩn quẩn thu nhập thấp - tái sản xuất giản đơn, làm chậm quá trình nâng cao hiệu quả kinh tế.

Hạn chế về đào tạo và kỹ năng tay nghề của người dân tham gia lao động: Thực tế, số lượng người dân được qua đào tạo nghề ở các tỉnh biên giới Tây Bắc còn thấp. Số lượng người tham gia các lớp học về kỹ thuật, tập huấn kiến thức chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ, chủ yếu là các khóa ngắn hạn, tính ứng dụng chưa cao. Lào Cai và Sơn La đã có một số chương trình đào tạo nghề gắn với du lịch cộng đồng hoặc nông nghiệp công nghệ cao, nhưng mức độ bao phủ còn hạn chế và chưa tạo được nguồn lao động chất lượng cao trên diện rộng.

Điều kiện y tế và chất lượng dân số. Khó khăn về địa hình và hạ tầng y tế khiến việc chăm sóc sức khỏe, tiêm chủng và nâng cao thể chất cho người dân gặp trở ngại. Vẫn còn tình trạng thiếu vắc xin cho trẻ dưới 5 tuổi ở một số xã thuộc Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai đã ảnh hưởng đến công tác tiêm chủng định kỳ. Chất lượng dân số chưa được cải thiện đồng đều, thể lực và sức khỏe cộng đồng còn hạn chế, tác động trực tiếp đến hiệu suất và năng suất lao động.

Cơ cấu việc làm và giá trị sức lao động: Do hạn chế về trình độ chuyên môn và kỹ năng, phần lớn lao động ở 4 tỉnh làm việc trong các ngành công

nghiệp giản đơn hoặc nông nghiệp truyền thống, không yêu cầu kỹ thuật cao. Người lao động có thu nhập của họ chỉ đủ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cơ bản, khó tạo ra tích lũy để đầu tư cho học tập, nâng cao kỹ năng hoặc cải thiện điều kiện sống. Nguồn thu nhập chưa thật sự đáp ứng nhu cầu của họ và của gia đình.

Bốn là, công tác dân vận, tuyên truyền chưa được thực hiện đúng nội dung, mục tiêu, phương pháp về xây dựng ĐĐKDT nên hiệu quả chưa cao

MTTQ các tỉnh biên giới Tây Bắc trong thực hiện xây dựng khối ĐĐKDT chưa phát huy hết về vai trò, vị trí của MTTQ và đoàn thể CT-XH ở mỗi cấp; công tác giáo dục luật pháp cho quần chúng nhân dân vẫn còn mang tính hình thức, chưa thường xuyên, sâu sắc. Ngoài ra, trong phát động phong trào MTTQ các tỉnh còn lúng túng về phương pháp, nội dung. Phong trào tồn nhiều tiền của nhưng hiệu quả vào đời sống nhân dân còn hạn chế. Những thiếu sót này ảnh hưởng không nhỏ đến việc tập hợp quần chúng nhân dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Công tác dân vận của các tỉnh biên giới Tây Bắc còn hạn chế như: Một số cán bộ làm công tác dân vận chưa thật sự tâm huyết với công việc, hiệu quả công việc chưa cao. Muốn nâng cao hiệu quả công tác dân vận đáp ứng, của giai đoạn hiện nay, số lượng cán bộ dân vận phải có uy tín cao, thuyết phục giỏi, khéo tuyên truyền còn ít. Mặc dù có nhiều cố gắng nhưng công tác dân vận tại các tỉnh biên giới Tây Bắc chưa làm được như mong muốn đề ra. Vẫn còn không ít tình trạng cán bộ, công chức quan liêu, hách dịch, xa dân, không lắng nghe ý kiến, kiến nghị của người dân, phai nhạt về tư tưởng, đạo đức xuống cấp, thiếu khả năng tuyên truyền, thuyết phục ... Chính vì vậy, cán bộ làm công tác dân vận chưa đi sâu tìm hiểu đời sống của người dân, vận động nhân dân tham gia vào các hoạt động chung của cộng đồng chưa đạt hiệu quả ở một số tỉnh như: Ví dụ như Điện Biên còn tình trạng di cư tự do năm 2023: huyện Mường Chà 01 hộ, 04 nhân khẩu; huyện Nậm Pồ 01 hộ, 07 nhân khẩu; thành phố Điện Biên Phủ 07 hộ, 40 nhân khẩu tăng 04 hộ, 18 khẩu so với năm trước (100% dân di cư tự do đi ngoại tỉnh), địa bàn di cư chủ yếu đến các tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên như Đắk Lắk, Đắk Nông.

Hoạt động chưa thực sự hiệu quả MTTQ, đoàn thể nhân dân ở các tỉnh biên giới Tây Bắc chưa theo kịp những chuyển biến mới của xã hội. MTTQ ở các tỉnh còn chậm trong việc phản ánh các tâm tư, nguyện vọng, vướng mắc của nhân dân có lúc chưa kịp thời, chưa giải quyết được hết những bức xúc của đồng bào đã quan tâm nhưng giải quyết. Công tác hoạt động giám sát, vai trò phản biện xã hội còn chưa thực sự tốt. Hoạt động, vai trò của MTTQ và các tổ chức xã hội có mặt còn tồn tại nhiều vấn đề cần giải quyết như việc tuyên truyền, vận động nhân dân, đoàn viên, hội viên chưa thực sự sâu rộng; nắm bắt và phản ánh tâm tư, nguyện vọng của nhân dân có việc chưa kịp thời.

Năm là, lòng tin vào Đảng, vào vai trò điều tiết, quản lý của Nhà nước và chế độ của nhân dân chưa vững chắc

Tình hình tham nhũng trong thời gian gần đây trên địa bàn các tỉnh biên giới Tây Bắc đã xuất hiện và biểu hiện tinh vi, tính chất vụ việc có những diễn biến phức tạp; tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt khá lớn. Tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự ở địa phương, làm xôn xao dư luận, làm cho nhân dân có phần hoang mang và ảnh hưởng không nhỏ đến hình ảnh đối với chính quyền địa phương. Vấn đề tham nhũng ngày càng tinh vi hơn, xảy ra trên nhiều lĩnh vực, ngành khác nhau. Còn có các hành vi tham ô tài sản, lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ xảy ra ở nhiều lĩnh vực như: Đầu tư xây dựng, quản lý đất đai, thương mại, tài chính, khai thác tài nguyên... Một số vụ án tham nhũng xảy ra ở một số địa phương trong thời gian gần đây như vụ án lợi dụng chức vụ vi phạm pháp luật xảy ra ở Lào Cai, Lai Châu ... đã được xử lý nghiêm minh, đúng người, đúng tội và đã công khai với báo chí, nhân dân.

Sáu là, công tác lãnh chỉ đạo trong vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân vận nhằm củng cố khối ĐĐKDT còn tồn tại nhiều vấn đề phải giải quyết

Từ năm 2015 trở lại đây, tình hình tôn giáo ở các tỉnh biên giới Tây Bắc có nhiều diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng đến khối ĐĐKDT trong vùng và cả nước. Vẫn còn các thế lực thù địch với các luận điệu xuyên tạc, chúng lợi dụng truyền đạo trái phép trong một bộ phận đồng bào dân tộc ít người, đòi ly khai,

thành lập vương quốc Mông, tiềm ẩn những yếu tố có thể gây mất ổn định. Ngoài ra, các tôn giáo tranh giành đức tin từ công chúng, gây ra sự xáo trộn về tư tưởng, tâm lý của một bộ phận đông bào các dân tộc, ảnh hưởng đến giá trị văn hóa truyền thống. Một số chức sắc, tín đồ tôn giáo hoạt động chưa tuân thủ luật pháp.

Hiện nay, các lực lượng thù địch, nhất là ở các nước phương Tây tiếp tục hậu thuẫn, tài trợ cho bọn phản động lưu vong người Mông chuyển lực lượng và hoạt động ở khu vực đông bào sinh sống, nhẹ dạ cả tin. Chúng vẫn đang âm mưu lôi kéo, kích động đòi lập khu tự trị, lập "Vương quốc Mông", lợi dụng đạo Tin Lành nhằm lôi kéo, khống chế quần chúng, tín đồ cuồng tín, mê tín dị đoan để thực hiện ý đồ. Chúng lợi dụng một số tổ chức nước ngoài để tăng cường triển khai hoạt động ở địa bàn các tỉnh biên giới Tây Bắc nhằm cài cắm cơ sở xã hội chống phá lâu dài. Tình hình an ninh trong vùng DTTS như người Mông ở các tỉnh biên giới Tây Bắc, không loại trừ có thể dẫn đến nguy cơ mất ổn định cục bộ ở một số địa bàn trọng điểm. Tình trạng này ảnh hưởng rất lớn đến xây dựng khối ĐĐKDT tại vùng biên giới Tây Bắc.

Công tác tổ chức, quản lý, điều hành của Nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo ở các tỉnh biên giới Tây Bắc còn hạn chế, dễ xảy ra tình trạng truyền đạo trái pháp luật, lợi dụng tôn giáo để xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta làm ảnh hưởng đến văn hóa của các dân tộc. Hoạt động tôn giáo ở các tỉnh biên giới Tây Bắc vẫn còn một số hạn chế như việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà Nước còn chưa thường xuyên. Nhận thức, năng lực của một bộ phận cán bộ làm công tác tôn giáo còn hạn chế dẫn đến việc tham mưu, quản lý các hoạt động tôn giáo còn nhiều bất cập. Việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước về một số công tác đối với đạo Tin lành con chưa thực sự thống nhất. Đặc biệt, hiện nay ở các tỉnh biên giới Tây Bắc có trên 20 đạo lạ (gọi là hiện tượng tôn giáo mới).

Công tác dân tộc còn tồn tại các hạn chế, bất cập: Tỷ lệ hộ nghèo là người DTTS còn cao như Lào Cai là trên 95%; đời sống vật chất, tinh thần của đồng

bào tuy đã được cải thiện nhưng vẫn còn có khó khăn, vướng mắc. Thu nhập của người dân ở nông thôn còn thấp so với mặt bằng chung của toàn tỉnh trong vùng biên Tây Bắc. Một số tập quán lạc hậu chưa được cải tạo triệt để; cơ sở vật chất đã được đầu tư xây dựng, song chưa đồng bộ, xuống cấp, chưa đáp ứng. vấn đề đảm bảo an ninh KT-CT, trật tự, an toàn trong xã hội ở một số địa phương còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp; chất lượng nguồn nhân lực vùng DTTS còn thấp. Lực lượng cán bộ, đảng viên là người dân tộc trong bộ máy chính quyền đã được quan tâm nhưng thực tế vẫn còn khó khăn trong đào tạo và giải quyết vị trí việc làm cho cán bộ.

Công tác MTTQ Việt Nam ở các xã còn hạn chế: Công tác thông tin, tuyên truyền, dự báo, nắm bắt tình hình nhân dân có lúc, có nơi hiệu quả chưa cao, có việc còn bị động; việc tham mưu cấp ủy, phối hợp chính quyền trong thực hiện nhiệm vụ công tác MTTQ ở địa phương có nơi chưa kịp thời. Việc triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước một số nơi còn hình thức, chậm; công tác vận động nhân dân tham gia XDNTM, đô thị văn minh, giảm nghèo, xóa nhà tạm ở một số địa phương còn hạn chế, kết quả chưa bền vững. Công tác giám sát và phản biện xã hội của MTTQ và các tổ chức CT-XH mới chỉ tập trung nhiều tại cấp tỉnh; việc lựa chọn nội dung giám sát, phản biện xã hội ở cơ sở còn lúng túng; việc theo dõi, đôn đốc, xử lý các kiến nghị sau giám sát còn thiếu quyết liệt.

Hoạt động giao lưu, quan tâm đến nhân dân của vùng khi đi lao động ngoài tỉnh hoặc sang nước bạn lao động chưa phong phú, việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, động viên người dân ở nước ngoài tham gia xây dựng quê hương ở các tỉnh biên giới Tây Bắc còn hạn chế. Công tác đổi mới nội dung có mặt còn chung chung, chưa rõ vai trò chủ trì, phối hợp tổ chức thực hiện.

3.2.3.2. Nguyên nhân của hạn chế trong thực hiện xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở các tỉnh biên giới Tây Bắc

Thứ nhất, nguyên nhân khách quan dẫn đến còn tồn tại những hạn chế

Trong xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc trong thời gian qua đã có gặt hái được nhiều mặt khởi sắc ở cả vùng. Bên cạnh đó, quá trình vận

dụng quan niệm của Hồ Chí Minh vào thực tiễn còn chưa giải quyết được hết và còn nảy sinh một số thách thức mới. Trong đó, có nhiều nguyên nhân khác nhau đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thực hiện về xây dựng khối ĐĐKDT tại khu vực này. Các nguyên nhân khách quan có thể được khái quát theo các nhóm vấn đề sau:

Một là, đặc điểm tự nhiên, địa hình khắc nghiệt và cơ sở hạ tầng hạn chế

Địa hình các tỉnh biên giới Tây Bắc phần lớn là núi cao, hiểm trở, chia cắt mạnh, giao thông khó khăn, khí hậu khắc nghiệt, thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai như lũ ống, lũ quét, sạt lở đất. Người dân chủ yếu sinh sống ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa - nơi nguồn nhân lực còn thấp, điều kiện tiếp cận văn hoá, dịch vụ, y tế và khả năng ứng dụng công nghệ vào sản xuất, học hỏi còn hạn chế. Cơ sở hạ tầng - chưa đồng bộ và còn lạc hậu nhất là trong y tế và giáo dục. Nhu cầu đầu tư phát triển hạ tầng lớn nhưng chưa đủ ngân sách để đáp ứng hoặc chậm giải ngân, dẫn đến sự chênh lệch cao trong xây dựng, phát triển giữa vùng và các khu vực khác ngày càng gia tăng, có phần gây ảnh hưởng đến đời sống người dân và sự gắn kết cộng đồng dân cư.

Hai là, bất cập trong thực hiện các cơ chế, thực hiện các chính sách và tổ chức quản lý đất đai

Một số CSĐT còn chồng chéo, thiếu thống nhất và chưa thực sự phát huy được tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, từng dân tộc. Nhiều chính sách vẫn mang tính hỗ trợ, chưa tạo được động lực để người dân chủ động vươn lên thoát nghèo bền vững. Diện tích đất sản xuất tại vùng đồng bào ngày càng bị thu hẹp, thiếu đất canh tác, đặc biệt là ở các xã đặc biệt khó khăn của cả 4 tỉnh. Tình trạng thiếu nước tưới tiêu, hạn chế trong công tác đo đạc để công nhận quyền sử dụng đất cũng ảnh hưởng không nhỏ việc phát triển nông nghiệp, ổn định sinh kế cho đồng bào gặp nhiều khó khăn. Công tác quy hoạch và quản lý đất đai còn nhiều hạn chế. Nhiều dự án quy hoạch treo, giải quyết đất ở cho nhân dân ở một số nơi còn chưa dứt điểm, gây bức xúc trong nhân dân.

Ba là, sự mai một, suy giảm các giá trị văn hóa truyền thống

Nhiều giá trị văn hóa tiêu biểu như tiếng nói, một số nghề truyền thống, trang phục DTTS đang dần bị mai một, nhất là trong giới trẻ. Trình độ dân trí

giữa các vùng không đồng đều, việc tiếp cận dịch vụ về VH-XH còn hạn chế, dẫn đến việc duy trì những phong tục lạc hậu dù được tuyên truyền xong vẫn chưa thay đổi, ảnh hưởng đến quá trình hội nhập và phát triển. Sự chênh lệch về điều kiện sống, nhận thức DTTS cũng đang tạo ra khoảng cách trong tiếp cận thông tin, thụ hưởng chính sách và tham gia vào đời sống CT-XH, từ đó làm suy giảm tính cố kết trong cộng đồng. Ngoài ra, quá trình đô thị hóa gắn với sự phát triển của ngành KH-CN làm cho các giá trị văn hoá đứng trước nguy cơ bị mất đi.

Bốn là, các âm mưu chính trị, thủ đoạn khó nhận diện của thế lực phản động và thù địch đang ngày đêm chống phá với nhiều hình thức nhằm chống phá, gây mâu thuẫn, mất đoàn kết ở các tỉnh biên giới Tây Bắc.

Các thế lực phản động, thù địch luôn luôn âm mưu chống phá khối đại đoàn kết dân tộc, chúng chưa từ bỏ âm mưu gây mất đoàn kết dân tộc, lợi dụng khó khăn kinh tế, sự hạn chế trong nhận thức, trình độ nhận thức hạn hẹp của một số người dân để kích động, lôi kéo. Chúng lợi dụng các vấn đề tôn giáo, nhân quyền, dân chủ, dân tộc với âm mưu thâm độc để truyền bá tư tưởng cực đoan, đòi ly khai, tự trị, xuyên tạc CSDT của Đảng, Nhà nước, gây mất ổn định chính trị, kìm hãm phát triển kinh tế tại khu vực biên giới Tây Bắc. Đặc biệt, thông qua các hoạt động núp bóng “nhân đạo”, “từ thiện” các đối tượng phản động từ lâu đã thâm nhập vào các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều DTTS còn hạn chế về nhận thức. Chúng nhằm mục tiêu là lôi kéo đồng bào DTTS để gieo rắc tư tưởng phản động, xuyên tạc làm cho nhân dân bị kích động, gây mâu thuẫn, hoặc lôi kéo người dân tập trung đông người, tuyên truyền đạo trái phép, âm mưu hình thành tổ chức tôn giáo đối lập và phá hoại khối ĐĐKDT. Thủ đoạn của chúng rất manh động, ngày càng tinh vi, nguy hiểm khi chúng lợi dụng chính những điểm yếu trong việc thực hiện xây dựng ĐĐKDT, khai thác khó khăn trong đời sống của đồng bào để xuyên tạc, gây hoang mang trong tỉnh, vùng biên giới làm suy giảm sức mạnh khối ĐĐKDT. Đây là một trong những nguy cơ khách quan lớn nhất đối với sự ổn định chính trị, QP-AN ở khu vực biên giới Tây Bắc.

Thứ hai, nguyên nhân chủ quan

Không chỉ có những nguyên nhân khách quan mà quá trình xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc còn gặp phải những nguyên nhân chủ quan tác động đến xây dựng khối ĐĐKDT. Các nguyên nhân chủ quan được bắt nguồn từ chính bộ máy chính trị, công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện ở các cấp, phối hợp của sở, ban, ngành cụ thể như:

Một là, nhận thức của một số cấp ủy Đảng, chính quyền hai cấp ở địa phương; của các sở, ban, ngành và đội ngũ cán bộ, đảng viên về xây dựng khối ĐĐKDT còn hạn chế.

Hiện nay, ở một số địa phương chưa thật sự sâu sát, toàn diện trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, rút kinh nghiệm; còn biểu hiện chủ quan, tư duy nhiệm kỳ, thiếu trách nhiệm và chưa đánh giá hết được những khó khăn, tồn tại, thách thức cũng như các tác động tiêu cực đến khối ĐĐKDT. Một bộ phận cán bộ lãnh đạo chưa có tầm nhìn đầy đủ về sức mạnh ĐĐKDT còn thiếu linh hoạt, sáng tạo nên chưa thực hiện hết trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, quản lý. Vẫn có cán bộ, đảng viên có biểu hiện sợ dân, không dám gần dân vì sợ bị chỉ ra khuyết điểm; chưa sâu sát thôn bản để kịp thời nắm bắt tâm tư, đời sống của đồng bào. Bên cạnh đó, bộ máy chính quyền ở cơ sở vẫn còn có những hạn chế trong lãnh đạo, quản lý nên ảnh hưởng không nhỏ đến việc xây dựng ĐĐKDT ở cơ sở. Ngoài ra, tác động của nền KTTT tác động kéo dài và hậu quả của dịch bệnh Covid-19, sự chống phá của các lực lượng thù địch để chia rẽ ĐĐKDT, cộng với khó khăn về đời sống của nhân dân.

Hoạt động của MTTQ và các tổ chức CT-XH còn hạn chế, trong khi đó nhiệm vụ phát sinh ngày càng nhiều. Cấp ủy, chính quyền còn hạn chế, nhận thức chưa đầy đủ về vị trí, vai trò của MTTQ, chưa bố trí cán bộ phù hợp ở các cấp ở một số nơi chưa thực hiện tốt công việc nên dẫn đến hiệu quả chưa cao. MTTQ các cấp có lúc chưa thực sự chủ động tham mưu hoặc tham mưu chưa sát thực tế, phản ánh với cấp ủy lãnh đạo. Công tác chỉ đạo MTTQ, phối hợp với chính quyền đưa ra các giải pháp để khắc phục từng bước giải quyết những khó khăn, những vướng mắc, hạn chế về hoạt động MTTQ tại cơ sở như chưa có nhiều hoạt động

thiết thực, hình thức chưa phong phú, chưa đa dạng và thiếu sức thuyết phục trong đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền. Vẫn còn có cán bộ MTTQ năng lực công tác còn hạn chế, chưa dành thời gian đầu tư, nghiên cứu, tìm tòi, trau dồi kiến thức, kỹ năng, phương pháp tổ chức thực hiện để phục vụ cho công tác MTTQ. Thiếu cán bộ và chuyên gia am hiểu các lĩnh vực để thực hiện nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội, nhất là cơ sở. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng cán bộ chưa được thường xuyên, liên tục.

Hai là, thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, vận động, để xây dựng khối ĐĐKDT còn nhiều hạn chế

Một số nơi trong các tỉnh biên giới Tây Bắc vẫn còn chưa thật sự hiệu quả do cả trình độ nhận thức của các nhân, tổ chức làm công tác tuyên truyền và vận động. Ngoài ra, việc chuẩn bị nội dung đôi khi chưa được chu đáo và đầy đủ. Một số hình thức và phương pháp tuyên truyền và thuyết phục người dân tham gia vào xây dựng khối ĐĐKDT ở vùng đồng bào DTTS chiếm đa số chưa thật sự phù hợp, thiếu tính sáng tạo. Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại một bộ phận cán bộ có đảm nhận vai trò là báo cáo viên để tuyên truyền nhưng lại chưa nêu gương, thiếu kinh nghiệm, còn trẻ hoặc tuyên truyền viên không biết tiếng dân tộc, chưa am hiểu nếp sống, đặc điểm và tập quán người dân. Do đó, chưa thực sự biết khai thác các điểm tương đồng và tạo động lực cho người dân vào khối ĐĐKDT trong thực tế nhất là khu vực của đồng bào DTTS sinh sống.

Ngoài ra, quá trình thực hiện thuyết phục người dân về học tập, lao động, chấp hành pháp luật chưa đa dạng, sâu rộng nên lực lượng tham gia và hiệu quả chưa được như mong muốn. Mặc dù đã vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tế và đã được xác định là nền tảng trong xây dựng CSDT góp phần vào khối ĐĐKDT, nhưng việc tuyên truyền, giáo dục tư tưởng này đến cơ sở còn hình thức, thiếu chiều sâu. Nhiều địa phương chưa lồng ghép nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh vào các chương trình phát triển vùng DTTS một cách hiệu quả. Việc tuyên truyền chưa phù hợp với ngôn ngữ, văn hóa từng dân tộc, vẫn còn thiếu các loại tài liệu bằng tiếng dân tộc, hình thức tuyên truyền chưa phong phú, chủ yếu là hành chính, ít gắn với thực tiễn đời sống đồng bào.

Ba là, Một bộ phận người dân là DTTS thiếu tinh thần tự giác xây dựng đoàn kết, thiếu ý thức tự lực, phấn đấu vươn lên thoát nghèo

Cùng với sự phát triển về khoa học, kỹ thuật, công nghệ gắn với nền kinh tế tri thức 4.0 hiện nay ở trên thế giới. Đất nước ta cùng với lợi thế và tiềm năng có sẵn cũng đã phát huy được sức mạnh khối ĐĐKDT. Tuy nhiên, vẫn chưa có sự phát triển đồng đều nhất là khu vực khó khăn, vùng núi biên giới Tây Bắc lại càng khó khăn hơn về trình độ nhận thức của người dân; khả năng tiếp cận với khoa học công nghệ còn hạn chế, khả năng thích ứng với nền KT- VH còn vô cùng khó khăn. Vẫn còn tồn tại những tư tưởng, biểu hiện ỷ lại vào địa phương, chờ đợi bao cấp của Nhà nước hoặc ỷ lại vào sự bao cấp của chính quyền hai cấp. Ngoài ra, còn người dân có tư tưởng bằng lòng với cuộc sống hiện tại, thiếu tinh thần tự giác và thậm chí chưa có động lực, tự thân vươn lên lao động sản xuất, vượt khó khăn và có biểu hiện không muốn thoát nghèo để được nhận hỗ trợ.

Bốn là, trong thực hiện vẫn còn hạn chế, còn chậm đổi mới, chưa đồng bộ về cơ chế, chính sách cho người dân

Nhiều chính sách lớn của Đảng và Nhà nước nhất là về XDGN, giáo dục, y tế, phát triển vùng DTTS tuy đã ban hành nhưng quá trình triển khai, thực hiện còn chưa có sự đồng bộ và linh hoạt và vẫn mang tính hỗ trợ thụ động, chưa chú trọng phát huy vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng trong phát triển KT-XH. Cụ thể, việc triển khai các Chương trình MTQG nhằm phát triển vùng DTTS và miền núi còn gặp nhiều vướng mắc. Hệ thống văn bản hướng dẫn từ Trung ương còn chồng chéo, nội dung phức tạp, chưa rõ ràng, dẫn đến khó khăn trong quá trình áp dụng tại cơ sở. Đặc biệt là cấp xã - nơi trực tiếp tiếp cận người dân - thường xuyên bị động, lúng túng trong triển khai vì thiếu hướng dẫn chi tiết, thiếu nguồn lực phù hợp hoặc bị chồng chéo trong phân bổ nhiệm vụ.

Qua thực tế triển khai các chương trình phát triển KT-XH vùng biên giới Tây Bắc cho thấy công tác giảm nghèo, xóa nghèo còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhất là việc bố trí, sử dụng, khai thác nguồn lực để đầu tư, xây dựng

và phát triển hạ tầng KT-XH chủ yếu vẫn bị động và còn phụ thuộc vào sự hỗ trợ của Trung ương. Trong khi nguồn hỗ trợ của Trung ương còn hạn chế làm cho vấn đề phát triển KT-XH ở các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao. Mặt khác, các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao thường tập trung ở vùng cao, miền núi, có nhiều đồng bào DTTS sinh sống; đây là nơi có điều kiện khó khăn nhất về mọi mặt, cũng là khu vực có nhiều tiềm ẩn nguy cơ tái nghèo.

Bên cạnh đó, công tác chỉ đạo, quản lý, phân bổ, phối hợp thực hiện chưa thực sự hiệu quả. Một số cấp ủy, chính quyền chưa thực sự coi trọng đúng mức vai trò của ĐĐKDT trong xây dựng và bảo vệ an ninh biên giới. Một số nơi chỉ đạo thực hiện còn hình thức, chưa chủ động rà soát, bổ sung phù hợp với địa phương. Công tác phối kết hợp giữa các ban ngành, đoàn thể và các tổ chức CT-XH trong triển khai xây dựng khối ĐĐKDT theo Hồ Chí Minh còn lỏng lẻo, thiếu sự thống nhất về mục tiêu, phương pháp và nguyên tắc thực hiện. Ngoài ra, có nơi vẫn mang nặng tư duy hành chính, chưa phát huy được sức mạnh ĐĐKDT và sự đồng thuận của nhân dân.

Trong khi thực hiện, còn có những tồn tại, hạn chế về năng lực của cán bộ tham gia vào xây dựng địa phương và chưa thực sự đáp ứng yêu cầu đặt ra. Một nguyên nhân quan trọng khác là năng lực của đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở là người dân tộc còn nhiều hạn chế. Việc quy hoạch, tập huấn, đào tạo sau đại học, bồi dưỡng cho cán bộ chưa theo kịp yêu cầu đặt ra. Một số cán bộ chưa am hiểu văn hóa của đồng bào; thiếu kỹ năng tiếp cận, vận động nhân dân một cách thuyết phục. Trong khi đó, chế độ đãi ngộ, điều kiện công tác còn khó khăn khiến nhiều nơi thiếu hụt cán bộ tâm huyết, gắn bó với vùng sâu, vùng xa.

Tóm lại, những nguyên nhân chủ quan nêu trên đã và đang trực tiếp ảnh hưởng đến hiệu quả của việc xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc, làm giảm tính thống nhất giữa chủ trương và thực tiễn thực hiện. Để khắc phục, đòi hỏi sự đổi mới hơn trong tư duy quản lý, nâng cao khả năng thực thi, kiện toàn bộ máy thực hiện CSDT và đặc biệt là phải thâm nhuần,

vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT trong mọi lĩnh vực từ tỉnh đến xã.

3.3. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI TÂY BẮC HIỆN NAY

Xây dựng khối ĐĐKDT là nhiệm vụ to lớn của cả dân tộc, nhưng ở các tỉnh biên giới Tây Bắc tồn tại nhiều vấn đề cấp thiết đòi hỏi phải giải quyết kịp thời. Trước hết là tư duy nhận thức và năng lực quản lý của một bộ phận cấp ủy, cán bộ, công chức còn hạn chế, thiếu sự sâu sát, chưa thật sự gần gũi nhân dân, dẫn đến tình trạng một số chủ trương, CSĐT chưa phát huy hết hiệu quả.

Bên cạnh đó, kinh tế của khu vực phát triển chưa đồng đều, khoảng cách thu nhập giữa các vùng trong tỉnh còn lớn; tình trạng thiếu đất sản xuất, thiếu việc làm, di cư tự do vẫn tồn tại, gây khó khăn cho sự ổn định và đồng thuận xã hội. Trên lĩnh vực còn nhiều hủ tục lạc hậu như tảo hôn còn diễn ra ở các tỉnh, còn tình trạng hôn nhân cận huyết thống (Lào Cai) chưa được khắc phục triệt để; giáo dục, y tế, đào tạo nghề ở vùng cao còn hạn chế; bản sắc chưa được khai thác, quan tâm đúng mức, chưa phát huy đúng tầm để trở thành nguồn lực phát triển.

Ngoài ra, tình hình QP-AN biên giới còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp khi các thế lực thù địch lợi dụng vào những sơ hở, khoảng trống hoặc sự chủ quan của cán bộ, chính quyền ... để chia rẽ khối ĐĐKDT; tình trạng buôn lậu, tội phạm ma túy qua biên giới gây ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống nhân dân. Cùng với đó, mặt trái của nền kinh tế và quá trình hội nhập làm nảy sinh những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân ngày càng tinh vi, làm suy giảm các giá trị đạo đức truyền thống; sự phân hóa giàu nghèo sâu sắc ...vv. Tất cả những vấn đề trên, đặt ra cho các cấp ủy Đảng, chính quyền và HTCT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc cần có giải pháp khắc phục kịp thời những vấn đề đang đặt ra, đảm bảo ổn định chính trị, KT- XH, tạo điều kiện cho phát triển bền vững.

3.3.1. Yêu cầu không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc và phát triển vùng biên giới giàu mạnh, ổn định ngày càng cấp thiết, trong khi việc đầu tư cho xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở các tỉnh biên giới Tây Bắc còn gặp nhiều khó khăn

Hồ Chí Minh đã khẳng định, nhiệm vụ xây dựng khối ĐĐKDT chỉ có thể bền chặt khi gắn với lợi ích chính đáng của người dân, bảo đảm sự thống nhất giữa lợi ích của các dân tộc ở các tỉnh biên giới Tây Bắc với lợi ích chung của dân tộc. Nâng cao đời sống nhân dân chính là mục tiêu trực tiếp đồng thời cũng là động lực cơ bản để củng cố, xây dựng khối ĐĐKDT, phát huy cao độ sức mạnh của cộng đồng các dân tộc trong công cuộc phát triển ở các tỉnh biên giới Tây Bắc.

Ngoài nâng cao đời sống nhân dân còn phải hướng tới bảo đảm sự bình đẳng, tôn trọng và hỗ trợ giữa các dân tộc cùng phát triển KT-XH, củng cố QP-AN. Đó là quá trình vừa tạo điều kiện cho các dân tộc phát triển bình đẳng; đồng thời củng cố HTCT cơ sở trong sạch, vững mạnh, xây dựng cán bộ là người DTTS đạt chuẩn, có uy tín, phù hợp yêu cầu thời kỳ mới. Với mục tiêu này không chỉ mang ý nghĩa KT-XH mà còn có tầm quan trọng chính trị - chiến lược, giúp các dân tộc xích lại gần nhau và hình thành khối thống nhất bền vững, qua đó đề cao cảnh giác và có biện pháp đập tan các âm mưu chia rẽ, chống phá của các thế lực thù địch để ổn định xã hội nhất là các tỉnh vùng biên giới. Tuy nhiên, mặt bằng kinh tế, VH-XH ở các tỉnh biên giới Tây Bắc còn thấp hơn so với các vùng khác trong cả nước; thiếu nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế vùng.

3.3.2. Vấn đề nhận thức của nhân dân ở các tỉnh biên giới Tây Bắc còn hạn chế, trong khi yêu cầu xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc đòi hỏi phải đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả

Thực hiện nâng cao nhận thức của nhân dân là nhiệm vụ quan trọng, cần thiết trong xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc. Cần làm tốt công tác dân vận để cho nhân dân thấm nhuần và tự nguyện thực hiện theo tư

tưởng của Người về ĐĐKDT. Do đó, việc tuyên truyền, phổ biến CSDT không chỉ dừng ở việc truyền đạt thông tin, mà còn là quá trình thực hiện, biến nhận thức thành hành động, biến ý chí đoàn kết thành sức mạnh cụ thể trong đời sống. Phương pháp tuyên truyền, động viên người dân ở bốn tỉnh biên giới Tây Bắc phải hướng đến việc làm cho đồng bào nhận thức sâu sắc quyền và lợi ích của mình ở lĩnh vực: về kinh tế cần thực hiện XDGN, nâng cao thu nhập, tạo điều kiện khai thác và phát triển sản xuất gắn với bảo vệ rừng. Về chính trị cần phát huy quyền dân chủ, tham gia vào công việc chung của xã hội và chính quyền cơ sở. Về văn hoá phải tự ý thức giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc mình, nâng cao trình độ văn hoá để áp dụng vào cuộc sống. Trong lĩnh vực xã hội cần củng cố thiết chế cộng đồng ở bản, làng, nâng cao phúc lợi, chăm sóc sức khỏe. Trong nhiệm vụ QP-AN cần tiếp tục phát huy trách nhiệm bảo vệ chủ quyền biên giới. Như vậy, nâng cao nhận thức chính là điều kiện để đồng bào các dân tộc ở các tỉnh biên giới Tây Bắc chặt chẽ trong một khối thống nhất, tạo sức mạnh tổng hợp để đảm bảo vững chắc vùng biên góp phần bảo vệ Tổ quốc.

Trong những năm qua, địa phương đã đặc biệt coi trọng thực hiện công tác tuyên truyền, vận động để các dân tộc có nhận thức, tin tưởng vào chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng ĐĐKDT. Trong đó, trọng tâm là thực hiện chính sách về KT-CT, VH-XH để người dân được tham gia đầy đủ đóng góp công sức vào xây dựng khối ĐĐKDT ở địa phương - đây được xem là một trong những yếu tố quyết định sự thành công trong xây dựng khối ĐĐKDT ở khu vực. Công tác tuyên truyền phải được tiến hành làm sao dân nghe và tự nguyện làm theo “nghe đồng bào nói, nói đồng bào hiểu, làm cho đồng bào tin”, nhằm giải thích rõ ràng, thuyết phục các chủ trương CSDT; đồng thời khơi dậy và phát huy quyền làm chủ, tinh thần tự lực, tự cường, ý chí vươn lên của nhân dân. Trên cơ sở đó, đồng bào các dân tộc tích cực tham gia phát triển KT-XH, giữ vững QP-AN, xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc ngày càng bền chặt.

3.3.3. Yêu cầu trình độ, năng lực lãnh đạo của tổ chức Đảng, chính quyền địa phương, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội (các chủ thể thực hiện xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc) đòi hỏi ngày càng cao, trong khi đội ngũ cán bộ chưa kịp đáp ứng

Để tiếp tục thực hiện đẩy mạnh việc vận dụng tư tưởng của Hồ Chí Minh vào xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay, trước hết cần xác định rõ chủ thể của quá trình này. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, việc phát huy sức mạnh ĐĐKDT không chỉ là trách nhiệm của đồng bào các dân tộc mà còn là nhiệm vụ chung của cả HTCT, trong đó hạt nhân lãnh đạo là các cấp ủy Đảng. Điều đó đòi hỏi Đảng, Nhà nước và HTCT địa phương phải nắm vững những nội dung quan trọng vào việc hoạch định các chủ trương, kế hoạch và dự án phát triển hợp đặc điểm của các dân tộc biên giới Tây Bắc. Đây chính là yếu tố mang tính quyết định, bảo đảm cho tính khả thi và hiệu quả của công cuộc xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc trong giai đoạn mới hiện nay.

Phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng. Trước hết, để xây dựng và củng cố khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc, cần phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện của cấp ủy đảng các cấp. Cấp ủy phải nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, cụ thể hóa thành tiêu chí cụ thể phù hợp với đặc thù địa phương; đồng thời lãnh đạo HTCT và người dân thực hiện có hiệu quả. Vai trò lãnh đạo này thể hiện ở chỗ định hướng xây dựng KT-XH, lo cho nhân dân, giữ vững QP-AN gắn kết nhiệm vụ phát triển vùng biên giới để xây dựng khối ĐĐKDT. Bên cạnh đó, cấp ủy đảng các cấp thực sự gắn bó mật thiết với nhân dân, biết khơi dậy sức mạnh khối ĐĐKDT, phát huy trí tuệ, bản sắc văn hóa và ý chí tự lực của đồng bào thì khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc mới trở thành sức mạnh vững chắc.

HTCT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc đóng vai trò chủ thể trực tiếp trong việc triển khai, chỉ đạo xây dựng khối ĐĐKDT. Điều này đòi hỏi mỗi cấp ủy, cơ quan chính quyền phải coi việc xây dựng khối ĐĐKDT là trách nhiệm xuyên suốt, gắn liền với mọi hoạt động lãnh đạo và tổ chức thực tiễn. Trên nền tảng đó, việc triển khai đồng bộ các chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước không

chỉ thúc đẩy phát triển đảm bảo quyền thụ hưởng của đồng bào các dân tộc. Những kết quả này tạo dựng nền tảng vững chắc để củng cố và phát huy khối ĐĐKDT, đồng thời khơi dậy sức mạnh cộng đồng, đóng góp thiết thực vào sự ổn định và phát triển bền vững của vùng biên giới Tây Bắc.

Nhân dân các dân tộc không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là chủ thể trực tiếp xây dựng khối ĐĐKDT. Người căn dặn đồng bào các dân tộc đoàn kết, thống nhất, hiệp lực phát triển KT-XH - là nền tảng to lớn không chỉ mang tính định hướng chiến lược cho sự phát triển Tây Bắc mà còn khẳng định vai trò quyết định của nhân dân trong xây dựng khối ĐĐKDT. Muốn thực hiện tốt thì các dân tộc ở các tỉnh biên giới Tây Bắc cần chủ động phát huy tinh thần bình đẳng, cùng xây dựng ĐĐKDT. Việc vươn lên trong lao động sản xuất và sáng tạo không chỉ giúp cải thiện đời sống cho từng gia đình mà còn góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển KT-XH giữa các dân tộc. Khi các dân tộc thực sự bình đẳng, đoàn kết, thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau, tôn trọng nhau thì khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc mới trở thành sức mạnh to lớn, bền vững là nền tảng cho sự phát triển ấm no và hạnh phúc. Nhân dân ở biên giới Tây Bắc là chủ thể trực tiếp tham gia và quyết định sự bền vững của khối ĐĐKDT. Nhân dân vừa là mục tiêu, vừa là động lực, là chủ thể quan trọng nhất mọi giai đoạn, nhiệm vụ của cách mạng. Vì vậy, phải đoàn kết họ lại, ủng hộ và tích cực tham gia của nhân dân là yếu tố cốt lõi bảo đảm thành công của mọi chủ trương, chính sách. Nhân dân các dân tộc ở biên giới Tây Bắc cần phát huy ý chí quyết tâm, tinh thần đoàn kết, gắn bó, cùng nhau giữ gìn và bảo vệ, lưu giữ bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp, tham gia tích cực vào các phong trào thi đua yêu nước, phát triển KT-XH, giữ vững QP-AN biên giới Tây Bắc. Khi nhân dân thực sự làm chủ và chung sức đồng lòng cùng với HTCT, khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc mới được củng cố vững chắc, trở thành sức mạnh nội sinh to lớn phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

MTTQ và các tổ chức CT-XH phải giữ vai trò nòng cốt trong việc xây dựng khối ĐĐKDT. Đây là lực lượng đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, đồng thời là cầu nối phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng

tới Đảng và Nhà nước. Để phát huy hiệu quả vai trò này, cần không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; nâng cao chất lượng các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước gắn với chức năng giám sát, phản biện xã hội. Chính điều đó sẽ góp phần củng cố mối quan hệ máu thịt giữa nhân dân với Đảng, tăng cường sự đồng thuận xã hội, tạo nền tảng vững chắc cho khối ĐĐKDT. Đòi hỏi cán bộ, đảng viên, già làng, trưởng bản - những người có uy tín trực tiếp hướng dẫn thực hiện chủ trương, chính sách. Khi HTCT cơ sở thực sự là chỗ dựa tin cậy của nhân dân thì sức mạnh khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc mới được nhân lên, bền vững và lan tỏa.

Cán bộ, đảng viên: Thực tiễn cho thấy, cán bộ còn chưa đạt chuẩn về trình độ, năng lực còn hạn chế, nhất là giải quyết công việc hạn chế. Có cán bộ, đảng viên chưa coi trọng việc học tập lý luận chính trị, thậm chí còn có tâm lý ngại học, một bộ phận cán bộ chưa nhận thức toàn diện về xây dựng ĐĐKDT. Kết quả là cán bộ chưa thấy được lợi ích thiết thực; thậm chí có một số người còn bị các thế lực thù địch lợi dụng, mua chuộc để gây mất đoàn kết, gây chia rẽ, đang ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả xây dựng khối ĐĐKDT. Từ thực tiễn trên, cán bộ, đảng viên phải nhận thức đúng đắn, đầy đủ và sâu sắc về ĐĐKDT. Cần vận dụng sáng tạo và linh hoạt vào thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện ở các nhằm nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, giáo dục, củng cố niềm tin của đồng bào vào Đảng và Nhà nước, tạo nền tảng vững chắc để xây dựng và phát huy khối ĐĐKDT trong giai đoạn hiện nay. Cụ thể:

Cần thống nhất quan điểm và nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của ĐĐKDT. Việc xây dựng khối ĐĐKDT không chỉ là nhiệm vụ chiến lược của Đảng và Nhà nước mà còn phải được xác định là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên và lâu dài của cả HTCT cũng như mỗi người cán bộ. Sự thống nhất này là củng cố niềm tin của các dân tộc vào đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước từ đó phát huy các động lực tham gia xây dựng và bảo vệ vững chắc của các tỉnh. trong xây dựng khối ĐĐKDT thì cần tăng cường sự phối hợp hài hoà giữa các cấp, các ngành có tính đồng bộ, thống nhất, tiên phong và chủ động của cán bộ địa phương. Việc triển khai ở địa phương cán bộ phải am

hiểu các chính sách phát triển KT-CT, VH-XH phải gắn với phát huy dân chủ, ý thức tự giác, tinh thần tự chủ, ý thức tự giác và coi đó là nền tảng để thực hiện có hiệu quả việc tổ chức và thực thi chính sách đó.

Phải đẩy mạnh thực hiện thông tin, trang bị pháp luật cho cán bộ thực hiện xây dựng khối ĐĐKDT. Cần đi thực tế địa phương, đi sát cơ sở, nắm chắc tình hình thực tế của người dân, nắm rõ mong muốn, khó khăn của người dân; kịp thời phát hiện, báo cáo và có biện pháp xử lý dứt điểm vấn đề “nóng” nhạy cảm ngay từ cơ sở, không để tích tụ thành điểm nóng phức tạp. Thực tiễn các tỉnh biên giới Tây Bắc cho thấy, đây là điều kiện quan trọng để giữ vững ổn định CT-XH của vùng trong giai đoạn hiện nay. Quan tâm hơn đến công tác xây dựng cán bộ ở địa phương, người địa phương tại chỗ; xây dựng lực lượng cốt lõi, phát huy vai trò những người có uy tín cao, già làng và trưởng bản, trưởng thôn, trưởng dòng họ gương mẫu, là tấm gương và lời nói có trọng lượng trong cộng đồng dân tộc. Nâng cao trình độ, khả năng giải quyết công việc, trang bị kiến thức chuyên môn cho đội ngũ cán bộ người DTTS tại chỗ trong thực hiện nhiệm vụ tham gia vào xây dựng khối ĐĐKDT.

Thường xuyên chăm lo đời sống thường xuyên cho nhân dân, cán bộ đang công tác và sinh sống tại địa phương; tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền mạnh, gọn và thực hiện được nhiệm vụ chính trị đặt ra. Chính quyền địa phương trong sạch, vững mạnh phát huy vai trò lãnh chỉ đạo trong xây dựng khối ĐĐKDT hiện nay. Linh hoạt sử dụng các phương pháp và tổ chức hoạt động của MTTQ, các tổ chức CT-XH ở cơ sở phải hoạt động có hiệu quả và đi đầu trong các phong trào; thực hiện nghiêm luật dân chủ, đề cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu triển khai xây dựng khối ĐĐKDT ở địa phương. Cần phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển KT-XH ở vùng đồng bào DTTS và miền núi, củng cố QP-AN trên địa bàn Tây Bắc. Việc đầu tư đúng trọng tâm, trọng điểm không chỉ mang lại sự chuyển biến rõ rệt trong thực tế mà còn tạo dựng niềm tin, sự đồng thuận xã hội tổ chức thực hiện xây dựng khối ĐĐKDT. Tiếp tục đầu tư phát triển cho các xã có đồng bào

sinh sống, vùng núi, vùng sâu, khó khăn hơn trong tỉnh phải với giữ gìn, bảo tồn các bản sắc văn hóa đậm đà của các dân tộc. Quá trình phát triển cần kết hợp hài hòa giữa tri thức, khoa học kỹ thuật hiện đại, qua đó vừa bảo tồn được nét đặc trưng riêng có, vừa thúc đẩy phát triển toàn diện tỉnh. Đây cũng là yếu tố nền tảng để gắn kết các dân tộc, củng cố niềm tự hào dân tộc, tạo sức mạnh nội sinh trong xây dựng ở các tỉnh biên giới Tây Bắc.

Như vậy, việc phát huy sức mạnh ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc đòi hỏi sự thống nhất về tư tưởng đến hành động, việc làm cụ thể của toàn hệ thống chính trị, của từng người dân, của các giai tầng trong xã hội. Đồng thời quan tâm hơn đến kết hợp đầu tư nguồn lực với phát huy nội lực của nhân dân là cơ sở đảm bảo cho phát triển KT-XH, đảm bảo vững chắc QP-AN biên cương.

3.3.4. Yêu cầu nghiêm túc trong thực hiện các nguyên tắc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở các tỉnh biên giới Tây Bắc, trong khi việc triển khai trong thực tiễn còn sai phạm, lỏng lẻo

Thực hiện nghiêm việc tôn trọng, bình đẳng, ĐĐKDT là sức mạnh to lớn, là nền tảng để xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc. Trong đó, thực hiện đúng nguyên tắc bình đẳng giữ vai trò cốt lõi, bởi vì nếu không thực hiện bảo đảm được bình đẳng thì không thể có đoàn kết lâu dài, thực sự. Ở địa phương, nhất là cấp xã phải thực hiện nghiêm nguyên tắc bình đẳng. Việc bảo đảm bình đẳng về các quyền và thực hiện tốt các nghĩa vụ của người dân là là yêu cầu khách quan để củng cố, phát triển khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc.

Xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc là để thực hiện nguyên tắc bình đẳng, khắc phục chênh lệch về trình độ dân trí; cảnh giác, đấu tranh với các thủ đoạn chia rẽ ĐĐKDT của các thế lực thù địch. Việc xây dựng khối ĐĐKDT phải được triển khai đồng bộ trên các lĩnh vực: về kinh tế là bảo đảm quyền cơ bản của con người, được thụ hưởng thành quả phát triển của đồng bào, ổn định cuộc sống, phát triển nông, lâm nghiệp gắn với thực hiện XDNTM

và ứng dụng KH-KT; về chính trị là phát huy quyền làm chủ của đồng bào, xóa bỏ mọi biểu hiện bất bình đẳng, khuyến khích người dân được bày tỏ quan điểm, tự nguyện đăng ký tham gia công việc của chính quyền và cộng đồng khu dân cư. Trong VH-XH là giữ gìn, phát huy bản sắc, tín ngưỡng, phong tục truyền thống của các dân tộc, đồng thời nâng cao dân trí, chăm lo ASXH, xử lý hài hòa các vấn đề phát sinh là phát huy quyền và nghĩa vụ của người dân trong bảo vệ an ninh, chủ quyền vùng biên giới.

3.3.5. Vấn đề đặt ra đối với công tác “Dân vận” và đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận đối với việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở các tỉnh biên giới Tây Bắc

Theo Hồ Chí Minh: *“Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công”* [52, tr.234]. Gốc rễ của công tác dân vận là “lấy dân làm gốc”; là xây dựng mối liên hệ mật thiết, gắn bó giữa Đảng với dân. Bởi vì: “cách xa dân chúng, không liên hệ chặt chẽ với dân chúng, cũng như đứng lơ lửng giữa trời, nhất định thất bại” [51, tr.286]. Trong quan hệ với nhân dân, cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ làm công tác dân vận phải sâu sát, tìm hiểu kỹ càng: Hiểu nguyện vọng của dân, sự cực khổ của dân. Hiểu tâm lý của dân, học sáng kiến của dân... Phải tôn kính dân, phải làm cho dân tin, phải làm gương cho dân. Cán bộ làm công tác “Dân vận khéo” là cán bộ luôn nêu gương, “Nói đi đôi với làm”; “Nói ít, làm nhiều”, hướng về dân, gần dân, hiểu dân, trọng dân, tin dân, học dân, dựa vào dân để đối thoại, lắng nghe, học hỏi, tiếp thu ý kiến, giải quyết các khó khăn, vướng mắc và yêu cầu chính đáng của nhân dân; những cán bộ trực tiếp làm công tác dân vận phải là những tấm gương sống, bởi nói cho cùng xây dựng khối ĐĐKDT trước hết phải tạo dựng được niềm tin của nhân dân. Muốn vậy, trong công tác cán bộ cần lắng nghe ý kiến của nhân dân để có sự lựa chọn đúng đắn, khách quan; lựa chọn những người cán bộ thật sự tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, đạo đức và lối sống, năng lực trí tuệ và trình độ tổ chức thực tiễn bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo. Mặt khác, kiên quyết loại bỏ những người có biểu hiện thoái hóa về tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống,

toan tính cá nhân, cơ hội, thực dụng, xa dân và sách nhiễu dân; việc xử lý cán bộ thoái hóa, biến chất phải kịp thời, công khai, đúng người, đúng tội, không có “vùng cấm” và được sự giám sát của nhân dân.

Hiện nay, công tác dân vận và đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác dân vận nói chung, đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận ở các tỉnh biên giới Tây Bắc (nói riêng) còn bộc lộ nhiều hạn chế, khuyết điểm. Một bộ phận cán bộ mắc bệnh quan liêu, xa dân, coi thường ý kiến của nhân dân; một số khác yếu kém về trình độ năng lực, công tác vận động tuyên truyền kém hiệu quả. Vấn đề đặt ra đối với công tác dân vận trong thực hiện xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc là cần tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp dân vận; nâng cao nhận thức chính trị, tăng cường thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, nhằm củng cố *niềm tin của nhân dân đối với Đảng*, tin tưởng vào đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Bên cạnh đó, vận động nhân dân tích cực tham gia phòng, chống mọi biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Đặc biệt là vận động nhân dân tham gia vào công cuộc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; ngăn chặn những biểu hiện tha hóa quyền lực như lạm quyền, lạm quyền, trục lợi từ quyền, kéo bè kết cánh, “đầu cơ chính trị”, quan hệ “lợi ích nhóm”, xa rời lý tưởng xã hội chủ nghĩa, sa đọa về đạo đức, lối sống v.v. Đối với đội ngũ cán bộ dân vận, phải thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao trình chuyên môn, “kỹ năng dân vận”, rèn luyện bản lĩnh chính trị phòng và chống sự phai nhạt lý tưởng cách mạng, ngăn ngừa sự dao động trước âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, góp phần xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc vững mạnh, tinh gọn về tổ chức, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Tóm lại, xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ, đúng đắn và sáng tạo các nguyên tắc, phương pháp của Người, đồng thời gắn với đặc thù KT-CT, VH-XH, con người Tây Bắc, qua đó tạo nền tảng vững chắc để phát triển bền vững, củng cố QP-AN và xây dựng vùng Tây Bắc ngày càng giàu mạnh.

Tiểu kết chương 3

Giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2025, các tỉnh biên giới Tây Bắc vận dụng và xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh có được nhiều thành kết quả quan trọng. Người dân nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của ĐĐKDT và từng bước thực hiện vào thực tiễn, gắn với nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Thông qua việc quán triệt và thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về ĐĐKDT, quá trình đoàn kết, tập hợp các dân tộc được triển khai ngày càng đồng bộ và hiệu quả. Đặc biệt, việc phát huy vai trò của các chủ thể, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân đã tạo nên sự gắn bó, đồng thuận trong ĐĐKDT. Trên cơ sở tôn trọng, đoàn kết, giúp đỡ, trên tinh thần ĐĐKDT chính quyền các cấp ở địa phương đã triển khai trong hầu hết các lĩnh vực KT-CT, VH-XH, QP-AN. Nhìn chung, đã thực hiện tuyên truyền đã có niềm tin của nhân dân vào xây dựng khối ĐĐKDT.

Ngoài ra, vẫn còn bộc lộ những hạn chế trong đó cơ bản là các yếu tố chủ quan tại địa phương là chủ yếu như: Trong triển khai và thực hiện còn hạn chế, chậm chạp, có những nơi chưa có tính sáng tạo trong làm nhiệm vụ. Các chủ thể thực hiện xây dựng khối ĐĐKDT ở địa phương chưa thật sự chủ động. Quá trình thực hiện các phương pháp dân vận, phương pháp tuyên truyền, thuyết phục đồng bào tham gia phát triển kinh tế, lao động sản xuất, phát triển VH-XH ở địa phương đôi khi chưa thật sự hiệu quả, chưa tạo được sức hút và sự lan tỏa rộng rãi... đã ảnh hưởng xây dựng khối ĐĐKDT.

Từ thực tiễn đó, có thể thấy cần được chỉ đạo, triển khai: Cần nâng cao trách nhiệm, hiểu biết đối với các chủ thể Đảng, Nhà nước, đoàn thể và người dân khi tham gia xây dựng ĐĐKDT, khắc phục tình trạng còn hạn chế trong nhận thức và vận dụng. Cần phải gắn kết chặt chẽ giữa phát triển toàn diện các nhiệm vụ để xây dựng ĐĐKDT, tránh tình trạng tách rời giữa hai lĩnh vực này. Thứ ba, cần thực hiện thực chất, nghiêm túc nguyên tắc bình đẳng dân tộc, luôn

thực hiện tôn trọng nhau. Phải làm tốt công tác tuyên truyền để phát huy được vai trò chủ động, sáng tạo của đồng bào các dân tộc góp phần quan trọng vào sự ổn định KT-CT, xây dựng VH-XH và giữ vững QP-AN của đất nước.

Trong giai đoạn tới, nhiệm vụ xây dựng ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh cần được triển khai với tầm nhìn chiến lược, toàn diện và bền vững. Trước hết, phải tiếp tục củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương, tin tưởng vào sự lãnh đạo của địa phương, coi đây là nền tảng chính trị vững chắc cho đoàn kết. Cùng với đó, cần ưu tiên đầu tư cho KT-XH gắn với giảm nghèo bền vững ở vùng biên Tây Bắc, tạo động lực thu hút người dân và gắn với lợi ích thiết thực để thực hiện xây dựng khối ĐĐKDT. Đồng thời, tăng cường đầu tư cho cán bộ người DTTS tại cơ sở học tập, nâng cao trình độ và có khả năng giải quyết các công việc ở địa phương.

Chương 4
PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM XÂY DỰNG
KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI TÂY BẮC
HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
(ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2045)

4.1. DỰ BÁO NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆC XÂY
DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI TÂY
BẮC (ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2045)

4.1.1. Tác động của tình hình thế giới

Những thay đổi của tình hình thế giới, khu vực đang và sẽ có những diễn biến nhanh chóng, phức tạp, bất ổn, khó lường. Trong đó, đan xen cả thời cơ và thách thức đối với việc xây dựng khối ĐĐKDT.

Trước hết là tác động hai mặt của cuộc Cách mạng khoa học - công nghệ (4.0), làm cho một bộ phận người lao động thiếu việc làm, thu nhập không ổn định, đời sống gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến tâm tư, tình cảm và niềm tin đối với chế độ, gây khó khăn cho việc xây dựng khối ĐĐKDT, đặc biệt là ở các tỉnh biên giới Tây Bắc - nơi vốn có mặt bằng kinh tế thấp. Bên cạnh đó, trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, Việt Nam được đánh giá là nước đang phát triển, có nhiều cơ hội trong hợp tác phát triển. Tuy nhiên, việc chủ động mở cửa, hội nhập và hợp tác quốc tế (song phương, đa phương), cần phải tính toán kỹ bởi tác động mặt trái của nó đối với sự ổn định kinh tế chính trị, xã hội (nói chung), ảnh hưởng tiêu cực đến xây dựng khối ĐĐKDT (nói riêng).

Bên cạnh những thời cơ và thách thức của cuộc cách mạng 4.0, cần có nhận thức đúng đắn, kịp thời về các cuộc cách mạng số, (nền kinh tế số, chính phủ số, công dân số), từ đó nắm bắt được những yếu tố thuận lợi để nhanh chóng vận dụng trong thực tiễn cuộc sống. Đồng thời, nhận biết những tác động, hệ lụy tiêu cực của nó gây ra sự khủng hoảng cơ cấu ngành nghề (nhiều ngành nghề truyền thống, trình độ công nghệ lạc hậu sẽ dần bị loại bỏ); những ngành nghề mới với

công nghệ tiên tiến hiện đại được thay thế, dẫn đến khủng hoảng về lực lượng lao động, (nguồn lao động chất lượng cao). Nhờ có sự phát triển KT-XH đã làm cho người dân được thụ hưởng các giá trị vật chất và tinh thần đã tạo niềm tin, tạo thêm động lực thực hiện xây dựng khối ĐĐKDT. Thực hiện thu hút được các giai cấp, tầng lớp tham gia; thu hút người tài, gắn với quyền lợi của nhân dân và các giai cấp, tầng lớp lao động khác; tạo động lực cho người dân có ý thức tự nâng cao trình độ, có khả năng cạnh tranh với lao động nước ngoài, có động lực phát huy tài năng, giải phóng sức lao động. Qua đó, là cơ sở để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của địa phương.

Ngoài ra, hiện các thế lực thù địch đã và đang gia tăng những âm mưu, hoạt động chống phá ĐĐKDT nước ta dưới nhiều hình thức tinh vi, nguy hiểm, gieo rắc hận thù, gây mâu thuẫn và xung đột xã hội. Không chỉ dừng lại ở việc kích động biểu tình, tụ tập đông người, gây mất ổn định CT-XH, chúng còn tập trung phá hoại mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, chia rẽ khối ĐĐKDT, các tôn giáo, từ đó làm suy yếu sức mạnh ĐĐKDT. Đặc biệt, ở những địa bàn có đông đồng bào DTTS, biên giới, vùng sâu, vùng xa, âm mưu chống phá càng quyết liệt hơn, đe dọa trực tiếp đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và an ninh biên giới quốc gia. Điều này đặt ra yêu cầu cấp bách phải tăng cường củng cố khối ĐĐKDT, giữ vững sự ổn định CT-XH, bảo đảm QP-AN trong tình hình mới.

Tình hình thế giới có nhiều biến động, phức tạp và khó lường: Sự đe dọa ổn định chính trị, AN-QP, tình hình an ninh phi truyền thống, chính trị khu vực và thế giới còn nhiều bất ổn: Biển đảo, diễn biến hòa bình bạo loạn lật đổ, di cư tự do, xung đột tôn giáo sắc tộc, khủng bố, tội phạm công nghệ cao, tội phạm xuyên quốc gia, toàn cầu hóa và cách mạng KH-CN phát triển mạnh mẽ tác động không nhỏ đến nước ta nói chung và vùng biên Tây Bắc nói riêng. Trong tình hình cạnh tranh gay gắt về kinh tế giữa các nước trên thế giới diễn ra ngày càng gay gắt, khốc liệt. Chính quá trình toàn cầu hoá cũng làm gia tăng phân hoá xã hội, phân hoá giàu nghèo ngày càng rõ; khoảng cách lao động chân tay và trí

óc cũng khác nhau; bất bình đẳng trong xã hội nếu không được giải quyết nó cũng tạo ra nguy cơ tiềm ẩn mất ổn định của xã hội.

Hiện nay, trên thế giới các vấn đề về KT-CT, VH-XH nảy sinh ra mâu thuẫn, xung đột dân tộc quốc gia vẫn tồn tại, thậm trí phức tạp. Các nước lớn tranh giành thị trường, chiến tranh cục bộ, xung đột các nước về lợi ích kinh tế, mâu thuẫn sắc tộc, kích động mâu thuẫn tôn giáo; thực hiện can thiệp chính trị của các cường quốc vào các nước chưa phát triển kinh tế hoặc lệ thuộc; tình hình khủng bố diễn ra căng thẳng ở các châu lục, khu vực trên thế giới. Ngoài ra còn là sự điều chỉnh, xoay trục, chuyển trọng tâm chiến lược sang châu Á. Những dự báo này có ảnh hưởng đến Việt Nam, nhất là các tỉnh giáp biên giới, miền núi chủ yếu các DTTS là chính có trình độ dân trí còn thấp, đời sống còn nghèo khó, kinh tế chậm phát triển, bão lũ xảy ra thường xuyên cũng bị ảnh hưởng rất dễ bị lôi kéo.

4.1.2. Tình hình trong nước

Việt Nam đang trong quá trình hội nhập, phát triển và thực hiện đổi mới toàn diện. Thực tế cho thấy chúng ta đang đứng trước những thời cơ, cơ hội vươn mình nhưng cũng có thách thức lớn đối với sự nghiệp xây dựng CNXH:

Một là, từ quy luật của lịch sử và kinh nghiệm của cha ông ta đã minh chứng, chỉ khi nào phát huy tổng lực sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Những năm qua trong ĐĐKDT có những thách thức: Sự suy thoái về tư tưởng, đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Một số cán bộ là đảng viên ở các cấp vi phạm kỷ luật trong đảng. Công tác tổng kết lý luận và thực tiễn chưa thực sự kịp thời với sự phát triển của đất nước; một số nơi vi phạm lợi ích của người dân; khoảng cách giàu nghèo chưa giải quyết triệt để... Những khó khăn này phần nào làm suy giảm sức mạnh ĐĐKDT. Muốn phát huy được ĐĐKDT trong nước cần phải được phát huy năng lực nội sinh tạo sức mạnh và ý chí của cả dân tộc chúng ta mới có thể giữ gìn, bảo vệ toàn vẹn toàn lãnh thổ của đất nước, tự chủ, tự cường tiến lên CNXH.

Hai là, trong bối cảnh mới, cần tiếp tục đề cao tinh thần tự chủ, tự cường của dân tộc ta. Tư tưởng yêu nước phải trở thành động lực tinh thần to lớn để

quy tụ sức mạnh, khơi dậy niềm tin, tình cảm và trách nhiệm của mỗi người dân đối với Tổ quốc. Muốn xây dựng khối ĐĐKDT, trước hết phải giữ vững vai trò của Đảng. Nhưng muốn phát huy sức mạnh của Đảng không có cách nào khác đó là phải tạo nên được sức mạnh đoàn kết trong Đảng bởi đó là hạt nhân, là chỗ dựa vững chắc cho khối ĐĐKDT và ngược lại, khối ĐĐKDT là cơ sở, là nguồn sức mạnh to lớn để Đảng ta đã phát huy vai trò lãnh đạo sáng suốt đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta trong kỷ nguyên mới hiện nay.

Những thành tựu và kinh nghiệm đạt được sau gần 40 năm đổi mới đã tạo nên cho đất nước Việt Nam một sức mạnh nền tảng to lớn trong thời đại mới. Sức mạnh đó bắt nguồn từ việc Đảng ta luôn kiên định trong nhận thức phát huy khối ĐĐKDT. Trong suốt quá trình đổi mới, Đảng xác định rõ rằng: ĐĐKDT vừa là truyền thống, vừa là đường lối chiến lược quan trọng, xuyên suốt của cách mạng. Nền tảng vững chắc của khối ĐĐKDT chính là liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức cùng các tầng lớp nhân dân lao động khác dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trên nền tảng đó, khối ĐĐKDT còn được củng cố bởi mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, bởi niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ XHCN; là sự đoàn kết trong Đảng, đoàn kết giữa các giai tầng xã hội, đoàn kết trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, giữa đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo, giữa những tín đồ của các tôn giáo khác nhau, cũng như giữa người Việt Nam ở trong nước và cộng đồng kiều bào ở nước ngoài. Như vậy, khối ĐĐKDT đang trở thành sức mạnh nền tảng vững chắc để dân tộc ta đổi mới, hội nhập và phát triển.

Ba là, Việt Nam đối mặt với nhiều thách thức và khó khăn, những diễn biến phức tạp. Các thế lực thù địch tiếp tục âm mưu tìm cách thay đổi chế độ chính trị nước ta. Những biểu hiện xa rời mục tiêu của CNXH, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” vẫn tiềm ẩn nguy cơ phức tạp. Sau hơn 20 năm triển khai Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về phát huy sức mạnh ĐĐKDT, Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2023 về tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết xây dựng đất. Đó không chỉ kế thừa mà còn phát triển, cụ thể hóa các quan điểm

chiến lược của Đảng, đặc biệt là quan điểm của Đảng trong tình hình mới nhằm đáp ứng yêu cầu trong kỷ nguyên mới của dân tộc. Nghị quyết 43 là Nghị quyết ĐĐKDT trong thời kỳ thực hiện khát vọng phát triển đất nước. Trong Nghị quyết đã xác định nước ta phải đạt: *“trở thành nước phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045”* và phải gắn với phát huy dân chủ XHCN, bảo vệ quyền con người, quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực. Giải quyết tốt quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng, nâng cao cuộc sống của nhân dân; bảo đảm công bằng giữa các dân tộc, các giai tầng xã hội và của mỗi người dân được thụ hưởng thành quả phát triển của đất nước. Xây dựng khối ĐĐKDT là sự nghiệp của toàn dân, là trách nhiệm của Đảng và cả HTCT. Trong đó, đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối ĐĐKDT. MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH giữ vai trò trong đoàn kết, tận dụng tiềm năng của người dân cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Như vậy, Đảng ta luôn kiên định con đường Người đã chọn, đồng thời xây dựng khối ĐĐKDT để phát triển và hội nhập.

Bốn là, xây dựng khối ĐĐKDT trong bối cảnh sáp nhập đơn vị hành chính và thực hiện mô hình chính quyền hai cấp ở các tỉnh biên giới Tây Bắc. Việc sáp nhập đơn vị hành chính và triển khai mô hình chính quyền hai cấp (tỉnh - xã) ở Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La là điều kiện thuận lợi cơ bản xây dựng khối ĐĐKDT. Bộ máy chính quyền được tinh gọn, giảm tầng nấc trung gian, qua đó nâng cao tính thống nhất, nhanh chóng trong chỉ đạo, điều hành. Nguồn lực ngân sách và nhân lực tiết kiệm được từ việc tinh giản bộ máy có thể làm cho các lĩnh vực thiết yếu như hạ tầng giao thông, y tế, giáo dục ở vùng sâu, vùng xa - nơi tập trung đông đồng bào dân tộc Mông, Tày, Mường, Dao, Thái, Hà Nhì, Khơ Mú... Việc phân bổ nguồn lực đồng đều hơn giúp phát triển vùng biên giới. Bên cạnh đó, hiệu quả quản lý nhà nước và cơ hội tiếp cận dịch vụ công cũng được nâng cao khi chính quyền cấp tỉnh trực tiếp quản lý xã, thị trấn, rút ngắn quy trình hành chính, giảm thời gian xử lý hồ sơ, đồng thời bảo đảm sự thống nhất trong ban hành và thực thi chính sách phát triển KT-XH, AN-QP trên toàn vùng. Việc kết hợp dịch vụ công trực tuyến với trung tâm hành chính hiện đại

cấp xã thuận lợi cho người dân, đặc biệt là người dân vùng cao biên giới, tiếp cận các dịch vụ công một cách nhanh chóng, hiệu quả. Mô hình này còn thúc đẩy liên kết vùng và giao lưu giữa các cộng đồng dân tộc; khi ranh giới quản lý được mở rộng, các xã vốn thuộc các huyện khác nhau có điều kiện hợp tác chặt chẽ hơn trong phát triển sản xuất nông nghiệp, thương mại biên giới gắn với du lịch cộng đồng. Các hoạt động giao lưu xã, vùng với nhau được tổ chức thường xuyên hơn, góp phần bồi đắp tình đoàn kết, lan tỏa tinh thần “cùng tỉnh, cùng phát triển”. Có thể khẳng định, việc sáp nhập đơn vị hành chính gắn với mô hình chính quyền hai cấp không chỉ nâng cao hiệu quả quản trị mà còn là điều kiện thuận lợi để củng cố, phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT trong giai đoạn mới.

An ninh biên giới được bảo đảm tốt hơn nhờ cơ chế quản lý tập trung. Với đặc thù giáp Trung Quốc (Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên) và Lào (Điện Biên, Sơn La), việc đoàn kết các lực lượng biên phòng, công an, dân quân cần chặt chẽ hơn để kịp thời giải quyết các vấn đề về: trật tự, di cư tự do, buôn lậu, tội phạm xuyên quốc gia. Điều này tạo nền tảng ổn định CT-XH là quan trọng để phát huy khối ĐĐKDT. Việc sáp nhập đơn vị hành chính và thực hiện chính quyền hai cấp ở các tỉnh cũng đặt ra không ít khó khăn: Sự thay đổi ranh giới hành chính có thể tác động đến tâm lý và bản sắc cộng đồng. Nhiều địa danh, đơn vị hành chính gắn liền với lịch sử, truyền thống và phong tục địa phương. Việc sáp nhập có thể tạo cảm giác mất đi bản sắc hoặc vị thế của địa phương, nếu không được giải thích thấu đáo sẽ ảnh hưởng đến sự gắn kết. Người dân ở các xã, bản vùng cao, biên giới - như Mường Tè (Lai Châu), Mường Nhé (Điện Biên), Bắc Hà (Lào Cai) - có thể phải di chuyển xa hơn để tiếp cận trung tâm hành chính mới, gây tốn kém thời gian và chi phí. Khó khăn trong điều kiện giao thông miền núi còn hạn chế, nhất là mùa mưa lũ. Việc sắp xếp lại cán bộ, công chức ở cấp xã tiềm ẩn nguy cơ phát sinh tâm lý tự ti hoặc “tị nạnh” về vị trí việc làm chưa đáp ứng được và quyền lợi. Nếu công tác nhân sự không được tiến hành minh bạch, hài hòa, có thể ảnh hưởng đến sự tin tưởng của nhân dân, thậm chí dẫn tới mâu thuẫn cục bộ. Ngoài ra, có thể có nguy cơ nảy sinh “địa phương chủ nghĩa” hoặc

sự chênh lệch giữa các xã, nhất là khi phân bổ ngân sách, dự án phát triển không đồng đều, có thể ảnh hưởng niềm tin cán bộ vào chính sách sáp nhập.

Có thể thấy, việc sáp nhập đơn vị hành chính và thực hiện mô hình chính quyền hai cấp ở các tỉnh và trong cả nước là một xu thế tất yếu nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước. Quá trình này vừa mở ra nhiều cơ hội thuận lợi để phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT, vừa tiềm ẩn những thách thức về tâm lý, khoảng cách địa lý và lợi ích cục bộ địa phương. Nếu được thực hiện nghiêm, lộ trình hợp lý, gắn với đầu tư hạ tầng, bảo tồn bản sắc văn hóa và xây dựng kế hoạch đối thoại thường xuyên với nhân dân, mô hình mới sẽ không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý mà còn trở thành động lực quan trọng để gắn kết cộng đồng các dân tộc ở cửa vùng, góp phần giữ vững ổn định an ninh biên giới và thúc đẩy phát triển bền vững toàn vùng biên giới Tây Bắc.

Tóm lại, thế giới đang trải qua những biến động phức tạp, khó lường, việc phát huy tối đa sức mạnh nội sinh trở thành yêu cầu cấp bách đối với Việt Nam. Trong đó, xây dựng khối ĐĐKDT giữ vai trò then chốt, nền tảng, là nguồn lực mạnh mẽ nhất để ứng phó hiệu quả với thách thức và tận dụng cơ hội phát triển. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định mục tiêu: tăng cường phát huy truyền thống và sức mạnh khối ĐĐKDT; củng cố niềm tin, ý chí tự cường, niềm tin và khát vọng cống hiến; qua đó xây dựng đất nước ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Đây cũng là điều kiện quan trọng để thực hiện thành công mục tiêu đến năm 2045 “trở thành nước phát triển, thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa”. Với quan điểm: Tiếp tục phát huy sức mạnh nội lực để xây dựng khối ĐĐKDT - là nền tảng, sức mạnh rất quan trọng thực hiện xây dựng đất nước. Bên cạnh đó, cần kết hợp với sức mạnh thời đại mới đã tạo ra nhiều cơ hội, điều kiện thuận lợi để Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình, tranh thủ, tận dụng thời cơ, ủng hộ của quốc tế, các nguồn lực để xây dựng Việt Nam ngày càng mạnh và giàu đẹp, hạnh phúc hơn. Như vậy, xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục là động lực chủ đạo, yếu tố quyết định giúp Việt Nam hiện thực hóa khát vọng phát triển vươn mình.

4.2. PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI TÂY BẮC HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

4.2.1. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở các tỉnh biên giới Tây Bắc là nhiệm vụ, chiến lược quan trọng, là cơ bản, lâu dài

Xiệc xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc - Đây là nhiệm vụ vừa cơ bản, lâu dài, vừa có tính chất quan trọng, nhằm bảo đảm cho vùng Tây Bắc phát triển toàn diện về KT-CT, VH-XH, củng cố QP-AN góp phần xây dựng, phát triển đất nước. Đặc điểm nổi bật của Tây Bắc là địa bàn sinh sống xen kẽ của nhiều DTTS. Do đó, tập hợp nhân dân xây dựng khối ĐĐKDT đã trở thành nền tảng quan trọng để triển khai các chương trình, mục tiêu phát triển bền vững trong khu vực. Tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT chỉ rõ mối quan hệ biện chứng giữa phương tiện và mục tiêu, giữa nhiệm vụ cấp bách trước mắt với nhiệm vụ cơ bản, lâu dài: ĐĐKDT trước hết để giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, đồng thời tạo cơ sở vững chắc cho sự phát triển KT-XH, nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc. Như vậy, việc quán triệt và vận dụng quan điểm của Người vào xây dựng khối ĐĐKDT ở biên giới Tây Bắc không chỉ đáp ứng yêu cầu trước mắt mà còn mang ý nghĩa chiến lược, lâu dài đối với sự nghiệp cách mạng. Đúng như Đảng ta đã chỉ đạo về vai trò, tầm quan trọng và sức mạnh của xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh là vấn đề mang tính chiến lược, quan trọng của Đảng và dân tộc ta trong giai đoạn hiện nay.

Thứ nhất, xây dựng khối ĐĐKDT là nhiệm vụ chiến lược. Bởi lẽ, đây là yếu tố then chốt bảo đảm cho các dân tộc được bình đẳng, luôn đoàn kết, tôn trọng lẫn nhau cùng hướng đến sự phát triển các dân tộc, góp phần thúc đẩy KT-XH, đảm bảo QP-AN trên địa bàn. Chính nhờ có khối ĐĐKDT là sức mạnh làm thất bại các thủ đoạn, âm mưu của các thế lực thù địch đang muốn hòng phá vỡ khối ĐĐKDT. Vì vậy, HTCT các cấp ở các tỉnh biên giới Tây Bắc phải coi trọng việc xây dựng khối ĐĐKDT không chỉ là nhiệm vụ thường xuyên, được cụ thể hóa trong các chủ trương, đường lối, chính sách phát triển KT-XH và trong việc thực hiện CSDT. Tính chiến lược của nhiệm vụ này đòi hỏi mọi quyết sách phát triển

vùng Tây Bắc đều phải gắn với yêu cầu củng cố khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh, được đảm bảo trên mọi lĩnh vực để người dân được phát huy quyền và trách nhiệm của mình. Cán bộ, đảng viên đều phải thấm nhuần và thể hiện bằng hành động cụ thể, nhằm bảo đảm cho người dân bình đẳng, đoàn kết, giúp đỡ và tôn trọng cùng nhau phát triển. Đây là nhiệm vụ không dừng ở lý thuyết, khẩu hiệu, mà phải được thể hiện các chính sách hướng đến xây dựng khối ĐĐKDT phù hợp và sự đầu tư nguồn lực nhằm tạo điều kiện, môi trường và phát triển cả khu vực.

Thứ hai, xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc vừa chiến lược lâu dài, vừa là nhiệm vụ quan trọng cần kíp. Hiện nay, có với diễn biến nhanh chóng, phức tạp, các thế lực thù địch tiếp tục chống phá, gieo rắc tư tưởng ly khai, chia rẽ khối ĐĐKDT. Bên cạnh đó, đời sống của người dân ở một số nơi vẫn còn rất khó khăn; tình trạng khoảng cách giàu nghèo còn tồn tại; các điều kiện hưởng thụ của người dân về KT-XH chưa đồng đều; còn nhiều khó thiếu thốn về thuốc và bác sĩ ở vùng cao, giáp biên; cả khu vực có nguy cơ tụt hậu xa hơn so với cả nước vẫn luôn hiện hữu. Đây là những yếu tố dễ bị lợi dụng để kích động tư tưởng cục bộ, chia rẽ, làm suy giảm niềm tin của nhân dân. Chính vì vậy, việc phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT trở thành yêu cầu cấp thiết hiện nay. Điều này đòi hỏi hệ thống chính trị phải tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, làm cho đồng bào nhận thức sâu sắc về vị trí, ý nghĩa sống còn của khối ĐĐKDT; đồng thời phải cụ thể hóa kịp thời bằng các chính sách ASXH, phát triển KT-XH, chăm lo đời sống đầy đủ cho đồng bào. Chỉ trên cơ sở đó mới có xây dựng khối ĐĐKDT bảo đảm cho sự ổn định, phát triển của xã hội.

4.2.2. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở các tỉnh biên giới Tây Bắc phải dựa trên nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với nâng cao đời sống của nhân dân

Thứ nhất là, xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh là phải dựa trên nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển

Việc hiện thực hóa nguyên tắc này không chỉ là yêu cầu khách quan mà còn là mục tiêu xuyên suốt trong hoạch định và thực hiện chính sách phát triển KT-

XH, QP-AN. Chỉ khi quyền bình đẳng trên các lĩnh vực KT-CT, VH-XH của người dân, người lao động không có sự phân biệt được bảo đảm thì khi đó mới tạo động lực cho họ tham gia và thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của mình - Chính nó là sức mạnh tạo thành nền tảng vững chắc cho việc xây dựng và phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT. Ngược lại, sự chênh lệch quá lớn về đời sống như các dịch vụ thiết yếu, giao thông, thu nhập khoảng cách quá lớn, quyền hưởng các chế độ phúc lợi không đảm bảo, dân trí, khả năng tiếp cận KH-CN hạn chế hoặc chưa theo kịp sẽ dễ nảy sinh tâm lý so bì, tị nạnh, thậm chí hằn học và nếu mắc phải những căn bệnh này các thế lực phản động sẽ lợi dụng vào hòng chia rẽ khối ĐĐKDT - trái với mục tiêu ĐĐKDT của Đảng và Nhà nước. Xây dựng khối ĐĐKDT ở biên giới Tây Bắc hiện nay mang hai chiều gắn bó mật thiết: một mặt chăm lo lợi ích thiết thực của nhân dân, mặt khác bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc. Khi lợi ích và bình đẳng cùng được thực hiện, các dân tộc sẽ càng tự giác gắn bó, cùng nhau xây dựng vùng biên giới giàu mạnh, bảo vệ vững chắc vùng biên.

Thứ hai là, xây dựng khối ĐĐKDT phải kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân.

Thực tế ở các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay, việc xây dựng khối ĐĐKDT vẫn còn hạn chế trong gắn kết với phát triển KT-XH, nâng cao đời sống nhân dân. Mặc dù trên nhiều phương diện, đời sống nhân dân đã từng bước được nâng lên, nhưng còn thiếu ổn định, chưa bền vững. Do đó, để xây dựng khối ĐĐKDT một cách hiệu quả, phải kết hợp với phát triển KT-XH, đảm bảo cho nhân dân có cuộc sống no đủ về vật chất; các dân tộc không có sự phân biệt được hưởng điều kiện học tập tốt nhất, được chăm sóc sức khỏe đặc biệt là người già, trẻ em, đau ốm bệnh tật, người có công với cách mạng... văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy; các mối quan hệ cộng đồng dân tộc phải tạo được sự yêu thương, chia sẻ lẫn nhau trong lao động sản xuất và đời sống thường ngày. Như vậy, xây dựng khối ĐĐKDT ở đây không phải để tạo ra hình thức hay khẩu hiệu, mà để mọi dân tộc đều được hưởng thành quả của sự phát triển của đất nước.

Để đạt được mục tiêu đó, cùng với thúc đẩy phát triển KT-XH, còn phải gắn liền với việc thực hiện CSDT, triển khai đồng bộ cả về KT-XH, QP-AN và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Trong đó, yếu tố then chốt là cán bộ tham gia vào xây dựng khối ĐĐKDT phải có trình độ chuyên môn, năng lực thực thi nhiệm vụ, ý thức trách nhiệm với công việc, gần dân, là người thực sự am hiểu phong tục của từng vùng, gắn bó với nhân dân, kiên định hành động “vì dân”. Đặc biệt, phát triển kinh tế cần được coi là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu, bởi chỉ khi đời sống vật chất được nâng lên thì mới tạo điều kiện để giải quyết hài hòa các lĩnh vực khác. Những định hướng lý luận của Hồ Chí Minh về ĐĐKDT trở thành nền tảng để đoàn kết dân tộc vùng biên ở Tây Bắc cùng nhau củng cố an ninh biên giới, giữ gìn truyền thống, phát huy sức mạnh cộng đồng trong sản xuất và phát triển. Qua đó, không chỉ nâng cao đời sống đồng bào mà còn góp phần tăng cường trách nhiệm của từng dân tộc, mọi người dân trong bảo vệ chủ quyền quốc gia nơi biên cương Tổ quốc.

Tóm lại, xây dựng khối ĐĐKDT, các địa phương cần tập trung đầu tư phát triển KT-CT, VH-XH và đảm bảo QP-AN nhất là vùng sâu, vùng xa, rút ngắn khoảng cách chênh lệch giữa các dân tộc. Đồng thời thực hiện công bằng thông qua bảo đảm cho người dân ở đây có cơ hội học tập, được đào tạo nghề, được tạo điều kiện giải quyết việc làm, nâng cao dân trí và đời sống người dân không ngừng nâng lên; được công bằng trong thăm khám và chữa trị, chăm sóc khỏe. Sự bình đẳng và tôn trọng không chỉ là khẩu hiệu mà phải trở thành hành động thực chất trong mọi chính sách. Khi các dân tộc đều được bảo đảm quyền lợi chính đáng, được hỗ trợ kịp thời và có điều kiện phát triển, thì khối ĐĐKDT ở Tây Bắc mới thực sự bền chặt, góp phần củng cố QP-AN, làm thất bại mọi âm mưu chia rẽ của các thế lực thù địch, đồng thời thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước.

4.2.3. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc phải luôn nâng cao cảnh giác, kiên quyết đấu tranh, ngăn ngừa và khắc phục những biểu hiện mất đoàn kết

Trên thực tế, các thế lực lượng phản cách mạng trong và ngoài nước âm mưu, tìm mọi cách chống phá Đảng, Nhà nước và khối ĐĐKDT với biểu hiện

hết sức tinh vi và khó nhận biết. Chúng lợi dụng sơ hở, sự nhẹ dạ cả tin, thiếu cảnh giác hoặc hạn chế về nhận thức, lập trường tư tưởng thiếu vững vàng của người dân để truyền bá tư tưởng cực đoan, kích động tâm lý ly khai, hẹp hòi, gây chia rẽ giữa các tộc người do văn hoá và phong tục khác nhau. Các thế lực thù địch sử dụng nhiều hình thức chống phá Đảng và Nhà nước và bôi nhọ các lãnh tụ của Đảng. Mục tiêu là nhằm phá vỡ sự ổn định CT-XH trên địa bàn. Điển hình, trong những năm qua, một số phần tử cơ hội chính trị được hậu thuẫn cả về vật chất và tinh thần từ bên ngoài đã tiến hành tuyên truyền, lôi kéo, xuyên tạc chính sách dân tộc để kích động, xúi giục một bộ phận nhân dân tập trung đông người với mưu đồ thành lập “Vương quốc Mông”. Đây là những biểu hiện nguy hiểm, trực tiếp phá hoại khối ĐĐKDT, làm suy giảm sức mạnh cách mạng, đi ngược lại truyền thống yêu nước, đoàn kết của dân tộc ta. Nhận thức sâu sắc điều này, cần quyết liệt đấu tranh chống lại âm mưu, các biểu hiện kỳ thị, hẹp hòi và củng cố khối ĐĐKDT ở vùng biên giới Tây Bắc hiện nay trở thành nhiệm vụ cấp bách, có ý nghĩa chiến lược, bảo đảm cho sự ổn định, phát triển bền vững của khu vực và cả nước.

Do vậy, để xây dựng khối ĐĐKDT, trước hết cần kiên quyết đấu tranh chống lại mọi biểu hiện kỳ thị, coi thường dân tộc khác, đề cao dân tộc mình một cách cực đoan, làm ảnh hưởng lợi ích dân tộc khác, phủ nhận sự đóng góp của họ trong sự nghiệp chung của dân tộc. Song song với đó, phải khắc phục tư tưởng vị kỷ - tức thể hiện bảo thủ, thậm chí bài trừ, thiếu tôn trọng dân tộc khác, không quan tâm, học hỏi, kinh nghiệm và văn hoá tiên bộ từ các dân tộc khác. Như vậy, dễ dẫn tới nghi ngờ, không có sự tôn trọng, gây bè phái, chia rẽ, gây thù ghét giữa các dân tộc, từ đó tiềm ẩn mâu thuẫn, tạo điều kiện cho các thế lực thù địch lợi dụng chống phá. Nhận diện và khắc phục những tư tưởng tiêu cực ấy chính là rất quan trọng để có biện pháp đấu tranh lại các biểu hiện tiêu cực.

Như vậy, việc xây dựng khối ĐĐKDT ở biên giới Tây Bắc theo tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay không chỉ là nhiệm vụ chính trị quan trọng mà còn là phương hướng phát triển của chính dân tộc nơi đây. Mục tiêu cốt lõi là bảo đảm để mỗi dân tộc không những được tự do, được quyền trên lao động và hưởng

thành quả của mình trên các lĩnh vực KT-CT, VH-XH mà còn được đối xử bình đẳng, tôn trọng, đồng thời cùng nhau chia sẻ, hỗ trợ, hợp tác, tôn trọng, đoàn kết giúp nhau cùng phát triển, qua đó tạo thành sức mạnh chung bảo vệ Tổ quốc.

4.3. GIẢI PHÁP XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI TÂY BẮC HIỆN NAY

4.3.1. Nhóm giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và hệ thống chính trị, phát huy vai trò của nhân dân ở các tỉnh biên giới Tây Bắc trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

4.3.1.1. Nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp uỷ Đảng - hạt nhân xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Xây dựng Đảng bộ và chính quyền địa phương trong sạch và vững mạnh. Đẩy mạnh công tác đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, đẩy lùi và ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, tiến hành xử lý nghiêm cán bộ, viên chức, đảng viên bị suy thoái về tư tưởng chính trị, suy đồi, xuống cấp về đạo đức, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; thực hiện nghiêm trách nhiệm người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng và chính quyền các cấp. Cán bộ, đảng viên phải thực sự nêu gương thì dân tin, mới nghe và tự nguyện tham gia vào khối ĐĐKDT nên sức mạnh to lớn xây dựng quê hương. Tiếp tục quan tâm, xây dựng cán bộ, trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, sâu sát ở cơ sở, nêu cao ý thức phục vụ và gắn bó và đặt lợi ích của Đảng của dân lên trên hết; luôn hành động vì lợi ích và hạnh phúc của nhân dân, dựa vào nhân dân để giám sát và đánh giá cán bộ; lấy kết quả sản phẩm công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của nhân dân làm tiêu chí quan trọng đánh giá chất lượng tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên.

Tăng cường xây dựng thống nhất trong Đảng làm nền tảng vững chắc để xây dựng khối ĐĐKDT. Nâng cao trách nhiệm của cấp uỷ Đảng, vai trò của chính quyền địa phương đáp ứng yêu cầu thực tế và bảo vệ quyền lợi của người dân địa phương; giữ vững vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng trong giữ gìn và phát huy truyền thống ĐĐKDT. Thực hiện cụ thể hoá cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ"

Thực hiện nghiêm chế độ định kỳ gặp và đối thoại, lắng nghe người dân, cử lãnh đạo làm việc trực tiếp với của nhân dân; lắng nghe và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc, bức xúc trong nhân dân. Lắng nghe các kiến nghị chính đáng, những vấn đề nhân dân phản ánh, nắm bắt dư luận xã hội quan tâm. Đồng thời phải tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện chương trình, đề án được triển khai trên địa bàn trên các lĩnh vực đời sống, xã hội của nhân dân.

4.3.1.2. Nâng cao vai trò, hoạt động của chính quyền địa phương

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính quyền địa phương hai cấp do Đảng lãnh đạo. Cần thực hiện pháp luật chặt chẽ, đảm bảo đúng, thực hiện minh bạch và bảo vệ lợi ích của nhân dân. Phải căn cứ thực tiễn, từ nguyện vọng, bảo vệ quyền làm chủ của người dân địa phương. Mọi hoạt động của cơ quan chính quyền địa phương đều phải phục vụ dân; lấy ấm no và hạnh phúc làm mục tiêu phấn đấu, thước đo hiệu quả công việc; kịp thời giải quyết các vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân, nhất là những vấn đề nhân dân quan tâm, dư luận bức xúc; thực hiện đúng dẫn CSĐT, tôn giáo.

Chính quyền địa phương cần có chiến lược phát triển KT-XH, không ngừng chăm lo đời sống của dân; tổ chức thực hiện tốt các chính sách xã hội, an sinh, giảm nghèo bền vững gắn với các chương trình MTQG, nhất là đối với vùng đồng bào DTTS, miền núi, biên giới, vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn. Khuyến khích làm giàu chính đáng; có cơ chế, chính sách bảo đảm sự công bằng, bình đẳng, cơ hội tiếp cận cho mỗi người dân trong quá trình phát triển của đất nước và thụ hưởng thành quả phát triển. Tiếp tục nâng cao chính sách phúc lợi. Chính quyền địa phương, xã hội hỗ trợ, giúp đỡ cho người có hoàn cảnh khó khăn, địa bàn KT-XH khó khăn, bảo đảm ASXH. Ngoài ra, chính quyền hai cấp ở địa phương cần thực hiện tốt cơ chế phối hợp và bảo đảm các điều kiện để MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH và các hội quần chúng phản ánh đúng nguyện vọng của nhân dân. Thực hiện vai trò giám sát của MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH.

4.3.1.3. *Đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác vận động nhân dân, tham gia xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc*

Một là, quan tâm xây dựng MTTQ Việt Nam ở các tỉnh thực sự là liên hiệp tự nguyện các tổ chức xã hội bảo vệ quyền và lợi ích của nhân dân. Phát huy tinh thần tự quản của khu dân cư, nâng cao hiệu quả thực hiện luật dân chủ ở cơ sở, hoà giải, giám sát của nhân dân tại địa phương, trong cộng đồng. Cần chú trọng bồi dưỡng, hướng dẫn, huy động người có uy tín trong địa phương. Làm mới các hình thức tổ chức, mở rộng, nâng cao hoạt động nhằm xây dựng ĐĐKDT. Tiếp tục đẩy mạnh vận động, phát huy những lợi thế của các hình thức cộng đồng truyền thống như đồng hương, dòng họ, gia đình... Ngoài ra, cần kịp thời phát hiện, có biện pháp giáo dục truyền thống đoàn kết; có phương pháp đấu tranh với các biểu hiện ích kỷ, lệch lạc hay tư tưởng hẹp hòi, cục bộ địa phương.

Hai là, tăng cường vai trò, trách nhiệm của MTTQ, các tổ chức CT-XH trong xây dựng khối ĐĐKDT bằng cách tập hợp, đoàn kết nhân dân mà trọng tâm là địa bàn các xã. Tiếp tục xây dựng, phát động các cuộc vận động cho các đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia. Nhân rộng, nâng cao hiệu quả mô hình liên kết giữa Nhà nước với doanh nghiệp, nông dân, nhà khoa học tham gia vào lĩnh vực KT-XH, phát triển địa phương. Thực hiện công tác phối hợp giữa MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH và các hội quần chúng với các cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp trong việc lấy ý kiến của người dân về phát triển KT-XH. Hoàn thiện chính quyền địa phương hai cấp góp phần vào xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong giải quyết bức xúc, kiến nghị của nhân dân. MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH và các hội quần chúng ở các tỉnh phải thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao. Tích cực tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Thực hiện tốt hoạt động giám sát người đứng đầu và đảng viên trong rèn luyện đạo đức, lối sống, thực thi công vụ. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân Việt Nam

đang ở nước ngoài yêu quê hương, đất nước và có đóng góp cho đất nước. Chú trọng xây dựng, đào tạo cho cán bộ làm trong MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH, các hội quần chúng đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định; có bản lĩnh, lập trường chính trị, đạo đức tốt; có năng lực lãnh đạo, có uy tín, tâm huyết, trách nhiệm và kinh nghiệm công tác để đóng góp vào xây dựng khối ĐĐKDT hiệu quả hơn. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong hoạt động tuyên truyền, gặp gỡ, trao đổi, nắm bắt và giải quyết những bức xúc, khó khăn của người dân. Chính quyền địa phương, MTTQ và cán bộ đảng viên có trách nhiệm hướng dẫn nhân dân phát huy vai trò là chủ và làm chủ tại địa phương. Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội cần tập hợp đoàn viên, hội viên để nắm bắt kịp thời tâm tư, mong muốn của nhân dân đáp ứng yêu cầu địa phương.

Trong thời đại công nghệ số, các phương thức xây dựng khối ĐĐKDT như tuyên truyền, triển khai chính sách phát triển, hợp dân cư và giải quyết mâu thuẫn đều được người dân đánh giá cao về hiệu quả. Để phát làm tốt hơn các phương thức này cần có những điều chỉnh phù hợp với đặc điểm VH-XH của địa phương. Trước hết, cần đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, sử dụng tiếng dân tộc, hình ảnh trực quan và mạng xã hội để tiếp cận hiệu quả hơn với cộng đồng. Việc triển khai các chính sách phát triển KT-CT, VH-XH đúng nhu cầu thực tế, ưu tiên các chương trình giáo dục nghề, hỗ trợ sinh kế phù hợp với điều kiện vùng cao. Đồng thời, cần tăng cường đối thoại cộng đồng thông qua các cuộc họp và tiếp công dân định kỳ, khuyến khích người dân tham gia giám sát để tạo sự đồng thuận và minh bạch. Thực hiện thường xuyên đối thoại với nhân dân, cán bộ, đảng viên ở cơ sở phát huy vai trò hòa giải ở cơ sở là rất quan trọng. Trong đó, cần chú ý đào tạo kỹ năng cho cán bộ thôn bản, người có uy tín, già làng, các chức sắc tôn giáo về chuyên môn để xử lý mâu thuẫn một cách linh hoạt, nhân văn, góp phần duy trì sự ổn định và gắn kết trong cộng đồng.

4.3.2. Nhóm giải pháp tổ chức thực hiện xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở các tỉnh biên giới Tây Bắc

Một là, cấp ủy đảng, chính quyền hai cấp ở địa phương, các tổ chức CT-XH, MTTQ và nhân dân cần ý thức được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT và xây dựng khối ĐĐKDT. Trên cơ sở đó, nhận thức đúng và coi đây là nguồn sức mạnh to lớn để vượt qua khó khăn. Không những thế, cần nâng cao vai trò toàn thể nhân dân và ý thức được sứ mệnh của mình trong việc củng cố, tăng cường và phát huy sức mạnh ĐĐKDT. Cần khắc phục tư tưởng chủ quan, coi nhẹ, hoặc nhận thức phiến diện về xây dựng ĐĐKDT, đồng thời tạo sự thống nhất trong hành động để biến nhận thức thành động lực cụ thể trong công tác, sinh hoạt hằng ngày. Gắn việc nâng cao nhận thức, trách nhiệm với quá trình đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, vận động nhân dân. Từ đó, từng bước tạo sự cố kết trong xã hội, nâng tầm khát vọng phát triển, góp phần xây dựng đất nước ta càng giàu mạnh, vững chắc về QP-AN và hội nhập bền vững.

Hai là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, đổi mới và đa dạng hóa hình thức, phương pháp giáo dục về truyền thống ĐĐKDT. Cần phát huy tối đa hiệu quả của các phương tiện truyền thông đại chúng, kết hợp linh hoạt với hình thức cho phù hợp, đồng thời bảo đảm sự phối hợp giữa thông tin đối nội và đối ngoại để góp phần củng cố, lan tỏa giá trị của khối ĐĐKDT. Cần gắn nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục truyền thống đoàn kết, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Ngoài ra, hiện nay cần lan tỏa những thành tựu to lớn của đất nước của gần 40 năm đổi mới đồng bộ, toàn diện trên các lĩnh vực đến người dân, nhất là thế hệ trẻ. Qua đó, khẳng định sức mạnh trường tồn của khối ĐĐKDT Việt Nam trong đấu tranh giải phóng dân tộc và trong hòa bình cũng như xây dựng đất nước ta hiện nay; đồng thời quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam với thế giới.

Ba là, cần đặc biệt quan tâm, tăng cường và giữ vững mối liên hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước nhằm kịp thời biết, hiểu nguyện vọng của dân, từ đó có giải pháp phù hợp cho ở cơ sở. Phải thực hiện nghiêm túc, cầu thị việc lắng nghe ý kiến đóng góp của cử tri và nhân dân; chủ động giải quyết thấu

đáo, kịp thời những kiến nghị, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng, nhất là những vấn đề thiết thân gắn với đời sống KT-XH, đảm bảo QP-AN ở địa phương. Đồng thời, cần đề cao trách nhiệm của cán bộ, viên chức HTCT trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng khối ĐĐKDT. Cần phát huy vai trò nòng cốt giảng làng, thường xuyên quan tâm, động viên kịp thời các chức sắc tôn giáo để họ tham gia tích cực vào công tác tuyên truyền, vận động quần chúng - coi họ là cầu nối quan trọng giữa các chủ thể với nhau. Chủ thể của khối ĐĐKDT chính là nhân dân, vì vậy cần tôn trọng, khuyến khích và khơi dậy tinh thần trong phát triển KT-CT, VH-XH, bảo đảm QP-AN và đối ngoại ở địa phương - là nền tảng quyết định để củng cố khối ĐĐKDT góp phần thực hiện nhiệm giữ vững vai trò “phên dậu” của Tổ quốc. Thực hiện theo quan điểm Đại hội XIII của Đảng ta: nhân dân là trung tâm, là chủ thể trong nhiệm vụ đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước “mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu”[23, t1, tr27-28]

Bốn là, cần đặc biệt chú trọng đoàn kết trong Đảng - coi đây là điều sống còn quyết định xây dựng khối ĐĐKDT. Đoàn kết trong Đảng phải được thể hiện bằng việc nâng cao tính kỷ luật, trách nhiệm nêu gương, thực hành tự phê bình và phê bình nghiêm túc, kiên quyết khắc phục tư tưởng bè phái, cục bộ địa phương, lợi ích nhóm; đồng thời chăm lo xây dựng cán bộ có năng lực luôn đặt lợi ích của dân lên trên hết và vì dân, vì nước mà phục vụ. Hiện nay, cần thực hiện công khai, minh bạch công tác nhân sự trong hệ thống tổ chức Đảng. Thực hiện nghiêm quy định để quần chúng, người dân giám sát, đóng góp, xây dựng cán bộ, đặc biệt là người đứng đầu cơ quan đơn vị, cán bộ địa phương, đảng viên nơi cư trú. Đảng cần thực hiện nghiêm nguyên tắc lấy dân làm gốc, dựa vào sức mạnh của dân “Dựa vào dân để xây dựng Đảng”. Tiếp tục quan tâm và tháo gỡ một số “điểm nghẽn” để thực hiện xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Trong bộ máy chính quyền địa phương cần phát huy cơ chế phối hợp đồng bộ, thực hiện dân chủ ở địa phương một cách thực chất, thường xuyên đối thoại với nhân dân, bảo đảm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

Đồng thời, Đảng luôn cảnh giác, chỉ đạo sáng suốt xử lý nghiêm minh, triệt để thủ đoạn của các thế lực thù địch nhằm gây chia rẽ khối ĐĐKDT. Thực hiện tốt nội dung này sẽ tạo nên sự thống nhất rộng rãi, đảm bảo vững chắc QP-AN, giữ gìn ổn định biên giới.

Năm là, thực hiện giảm nghèo bền vững là yếu tố rất quan trọng trong đảm bảo đời sống và xây dựng khối ĐĐKDT - đây là nhiệm vụ vừa cấp bách vừa lâu dài. Đây là vùng có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, hạ tầng còn hạn chế, đời sống một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số vẫn gặp nhiều khó khăn, vì vậy cần ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH, nhất là giao thông, giáo dục, y tế, điện, nước sinh hoạt và cơ sở hạ tầng biên giới. Đồng thời, phải khuyến khích phát triển kinh tế nông - lâm nghiệp bền vững, gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm, phát huy thế mạnh du lịch văn hóa, sinh thái, du lịch cộng đồng để tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho nhân dân. Cần đặc biệt quan tâm bảo đảm sự bình đẳng, ĐĐKDT, không để các thế lực phản động lợi dụng, lôi kéo, gây chia rẽ, tạo khoảng cách dân tộc; không để sự phát triển KT-XH và thu nhập giữa các vùng, các nhóm dân cư ngày càng chênh lệch. Chính sách ASXH, XDGN, vấn đề đào tạo nghề, nhiệm vụ giải quyết việc làm cho lao động nông thôn phải được triển khai đồng bộ, công bằng, minh bạch có như vậy mới tạo động lực để đồng bào yên tâm gắn bó với địa bàn cư trú, tích cực tham gia vào sự nghiệp phát triển chung.

Sáu là, chú trọng giữ gìn bảo vệ văn hóa gắn với việc xây dựng khối ĐĐKDT. Văn hóa chính là sợi dây kết nối cộng đồng, là nền tảng tinh thần của xã hội, vì vậy cần tiếp tục triển khai đồng bộ các chương trình, đề án bảo tồn ngôn ngữ, lễ hội truyền thống, đồng thời đấu tranh, bài trừ tư tưởng, quan điểm còn lạc hậu, các hoạt động mê tín. Cần khuyến khích sáng tạo, giao lưu văn hóa trong bối cảnh hội nhập và vẫn giữ được cốt lõi truyền thống văn hóa của dân tộc. Việc kết hợp giữa bảo tồn văn hóa với du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch tâm linh sẽ vừa tạo sinh kế mới cho nhân dân, vừa góp phần lan tỏa văn hóa của vùng biên Tây Bắc. Cần coi trọng các nghệ nhân, người có uy tín, trưởng bản, người có chức sắc tôn giáo trong việc truyền dạy, quảng bá văn hóa

và xây dựng nếp sống mới ở khu dân cư. Khi văn hoá được trân trọng, gìn giữ cũng là điều kiện gắn bó, ĐĐKDT.

Bây là, giữ vững QP-AN gắn với xây dựng khối ĐĐKDT - Đây là vùng trọng điểm về xây dựng khối ĐĐKDT cần đi đôi với tăng cường nhận thức về QP-AN cho cán bộ và người dân. Cần phát huy tính chủ động, sức mạnh của lực lượng biên phòng, công an và dân quân tự vệ trong việc tuần tra, kiểm soát, bảo vệ biên giới; đồng thời “ba cùng” với nhân dân để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, giải quyết kịp thời các mâu thuẫn, hạn chế nguy cơ bị các thế lực thù địch lợi dụng. Song song đó, các hoạt động giao lưu với nhân dân các nước giáp biên giới cần được thúc đẩy, xây dựng mối quan hệ hợp tác với cộng đồng dân cư bên kia biên giới thông qua các mô hình kết nghĩa, giao lưu văn hóa, du lịch và phát triển kinh tế, tạo điều kiện để đồng bào thấy được giá trị của hòa bình, đoàn kết và hợp tác. Khi QP-AN gắn kết chặt chẽ với sự đồng thuận xã hội, đồng bào các dân tộc sẽ chủ động bảo vệ vùng biên giới, nâng cao ý thức trách nhiệm trong xây dựng khối ĐĐKDT, đồng thời củng cố sức mạnh toàn diện góp phần giữ vững chủ quyền quốc gia và phát triển bền vững vùng biên cương.

4.3.3. Kịp thời tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng và Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc gắn với chăm lo cho Nhân dân ở các tỉnh biên giới Tây Bắc

Đất nước nói chung, các tỉnh biên giới Tây Bắc cần tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm chính sách quan trọng của Đảng và Nhà nước chế độ cho vùng DTTS. Việc triển khai đồng bộ, nghiêm túc các văn bản, nghị quyết này sẽ tạo cơ sở pháp lý và định hướng chiến lược để các tỉnh vùng biên giới tiếp tục xây dựng và phát huy khối ĐĐKDT, đồng thời thúc đẩy phát triển KT-XH, nâng cao đời sống cho nhân dân.

Từ quan điểm của Đảng về xây dựng khối ĐĐKDT trên các lĩnh vực cho Nhân dân các dân tộc ở vùng biên giới Tây Bắc cần tiếp tục triển khai nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương bằng cách cụ thể hóa, đồng bộ và kịp thời phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương. Việc nghiên cứu, xây dựng nghị quyết, đề án, chương trình hành động của tỉnh phải gắn chặt với các

đặc thù địa phương, tận dụng tối đa lợi thế, nội lực ở cả lĩnh vực đối nội, đối ngoại. Qua đó, tạo ra sự đồng thuận, thống nhất chính quyền và nhân dân, nâng cao hiệu quả trong việc xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc

Việc tổ chức triển khai kịp thời, đồng bộ các giải pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở các tỉnh biên giới Tây Bắc sẽ tạo ra sự thống nhất trong cấp ủy, chính quyền, sự đồng thuận của nhân dân, sẽ góp phần nâng cao hiệu quả KT-XH, bảo đảm ASXH và QP-AN; đồng thời phát huy truyền thống đoàn kết, bình đẳng giữa các dân tộc và là nền tảng để khối ĐĐKDT ở vùng này thực hiện phát triển bền vững, xứng đáng là “phên dậu” bảo vệ Tổ quốc đi lên CNXH.

4.3.4. Nhóm giải pháp phát huy vai trò của các lực lượng tham gia vào xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Từ quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vai trò của lực lượng tham gia vào khối ĐĐKDT, sự chỉ đạo của Đảng, chủ trương, chính sách của Nhà nước. Do vậy, xác định xây dựng và phát triển các lực lượng tham gia là nhiệm vụ quan trọng nhằm phát huy truyền thống và sức mạnh của khối ĐĐKDT trong giai đoạn mới. Cấp ủy, chính quyền cần tiếp tục tập hợp mọi giai tầng trong xã hội, đồng thời khơi dậy tối đa tiềm năng, sức sáng tạo của họ nhằm trở thành sức mạnh để Việt Nam phát triển hội nhập sâu rộng trong kỷ nguyên toàn cầu. Đối với mỗi lực lượng có địa vị chính trị và KT-XH riêng nhưng đều tham gia vào xây dựng ĐĐKDT:

Đặc biệt, trong khối liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức: Trong đó, công nhân giữ vai trò nòng cốt, đóng góp vào sự phát triển KT-XH và xây dựng khối ĐĐKDT. Việc xây dựng lực lượng công nhân ở các tỉnh biên giới Tây Bắc cần hướng tới hiện đại, vừa lớn mạnh. Công nhân phải có trình độ chuyên môn, được đào tạo kỹ năng tay nghề cao, luôn có tính kỷ luật, đồng thời luôn có bản lĩnh chính trị, nêu cao ý thức giác ngộ giai cấp và tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc. Do đó, các tỉnh cần có chính sách đãi ngộ lao động, hỗ trợ học tập nâng cao tay nghề, tạo điều kiện để công nhân nói lên nguyện vọng của mình, nâng cao mức sống, điều kiện sinh hoạt văn hoá, thể thao, nhà ở xã hội cho công nhân trên địa bàn. Để đạt được mục tiêu này, cần đổi

mới mạnh mẽ mô hình tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động phù hợp nguyện vọng của người công nhân. Đồng thời, bảo đảm tổ chức người lao động tại doanh nghiệp ra đời và hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, tuân thủ pháp luật; phòng ngừa và kiên quyết xử lý những hành vi lợi dụng tổ chức công đoàn để ảnh hưởng quyền và lợi ích của công nhân. Như vậy, lực lượng công nhân vững mạnh vừa là nòng cốt trong phát triển kinh tế, vừa là nhân tố quan trọng xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới.

Đối với giai cấp nông dân, việc xây dựng khối ĐĐKDT cần hướng tới phát triển toàn diện, nâng cao sản xuất lao động trong nông, lâm, thủy sản và đóng góp cho sự phát triển của địa phương và của cả nước. Các tỉnh cần triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng, ứng dụng KH-CN tiên tiến, đồng thời nâng cao nhận thức của người nông dân. Lao động phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường và chấp hành nghiêm theo pháp luật. Cần quan tâm và bảo vệ nông dân tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội, hạ tầng nông thôn, giáo dục, y tế, tín dụng, giúp họ thụ hưởng thành quả trong lao động. Với vai trò là chủ và làm chủ nên cần huy động sức dân tham gia vào xây dựng quê hương như: Đóng góp và trách nhiệm trong XDNTM và phát triển kinh tế địa phương, tham gia vào xây dựng và gìn giữ văn hoá tộc người, bảo vệ môi trường, góp phần vào xây dựng giáo dục ở địa phương. Thông qua việc khuyến khích liên kết sản xuất, hình thành hợp tác xã, tổ hợp tác nông nghiệp không chỉ nâng cao hiệu quả sản xuất mà còn đóng vai trò tích cực khối ĐĐKDT.

Đối với đội ngũ trí thức, cần gắn chặt nâng cao số lượng và chất lượng, cơ cấu hợp lý và phát huy vai trò quan trọng trong xã hội. Trí thức phải trở thành nhân tố chủ chốt đóng góp vào quá trình thực hiện CNH, HĐH gắn với nền kinh tế tri thức. Ở các tỉnh biên giới Tây Bắc muốn phát triển đội ngũ trí thức phục vụ cho địa phương cần có phải cơ chế thu hút, trọng dụng trí thức cả trong và ngoài nước, tạo điều kiện phát huy khả năng tư vấn, phản biện và tham mưu xây dựng phát triển KT-XH, truyền bá tri thức và nâng cao dân trí cho nhân dân ở trên địa bàn. Đội ngũ trí thức không chỉ hỗ trợ địa phương trong hoạch định chiến lược phát triển mà đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục nâng cao nhận thức

cho người dân, giúp đỡ nhân dân trong lao động, sản xuất, tạo niềm tin, động lực, khát vọng phát triển cho thế hệ trẻ ý thức đóng góp xây dựng khối ĐĐKDT.

Đối với đội ngũ doanh nhân, cần phát triển lực lượng này lớn mạnh, hướng tới xây dựng nền kinh tế hiện đại và bền vững. Doanh nhân ở các tỉnh cần có trí tuệ, năng lực quản lý, tinh thần năng động, sáng tạo, cùng đạo đức và văn hóa kinh doanh, đồng thời thể hiện trách nhiệm xã hội và lòng tự hào dân tộc, địa phương. Việc hình thành và phát triển đội ngũ doanh nhân chất lượng cao phải được hỗ trợ bằng các chính sách khuyến khích, thuận lợi và môi trường đầu tư kinh doanh bình đẳng, an toàn, đồng thời đóng góp trực tiếp vào việc thực hiện chiến lược quốc gia phát triển đội ngũ doanh nhân đến năm 2030, hướng đến năm 2045, góp phần củng cố sức mạnh kinh tế và nâng cao vị thế dân tộc.

Tăng cường giáo dục thế hệ trẻ cần tập trung giáo dục toàn diện về đạo đức, lý tưởng cách mạng, có lối sống, lòng yêu nước, ý chí và khát vọng, ước mơ, hoài bão cống hiến cho đất nước. Do đó, cần tạo ra môi trường học tập, rèn luyện, lao động, giải trí lành mạnh, phát triển hài hòa cả về trí tuệ, thể chất, tinh thần và thẩm mỹ, giúp thế hệ trẻ dễ hình thành nhân cách, kỹ năng sống và khả năng thích ứng với thời đại. Đồng thời, cần phát triển các phong trào thanh niên thi đua học tập, lao động, sáng tạo, khởi nghiệp, lập nghiệp; trang bị cho thanh niên kiến thức KH-CN hiện đại, kỹ năng quản lý, kỹ năng xã hội, năng lực đổi mới sáng tạo và tinh thần xung kích trong các hoạt động vì quê hương, vì Tổ quốc. Ngoài ra, cần chương trình đào tạo, bồi dưỡng về văn hóa dân tộc, truyền thống lịch sử, tinh thần ĐĐKDT, khơi dậy lòng yêu nước, trách nhiệm xã hội và ý thức cộng đồng trong thanh thiếu niên. Việc gắn kết thế hệ trẻ với các phong trào tình nguyện, các dự án phát triển cộng đồng và sáng kiến khởi nghiệp sẽ giúp thanh niên trở thành lực lượng nòng cốt trong việc lan tỏa giá trị của khối ĐĐKDT, tạo sức mạnh tập thể, đồng thuận xã hội, thúc đẩy phát triển KT-XH của quê hương, Tổ quốc.

Đối với phụ nữ vùng biên giới Tây Bắc cần được quan tâm, chăm lo, bồi dưỡng, xây dựng hình ảnh người phụ nữ Việt Nam hiện đại kết hợp với truyền

thống. Phát huy lợi thế, thế mạnh, động viên phụ nữ ở địa phương cần làm chủ, bản lĩnh ý chí và sức mạnh vượt qua mọi khó khăn để khẳng định bản thân với gia đình và với xã hội. Cần khuyến khích tham gia tích cực các hoạt động KT-XH, giáo dục, văn hóa và xây dựng gia đình bền vững, ấm no, hạnh phúc, đồng thời là lực lượng quan trọng trong việc xây dựng khối ĐĐKDT. Do đó, cần thực hiện nghiêm túc các chính sách, pháp luật về bình đẳng giới; đồng thời tăng cường các lớp bồi dưỡng phụ nữ ở địa phương tiếp cận kiến thức mới, kỹ năng trong học tập, lao động hoặc trong tham gia các hoạt động cộng đồng. Ngoài ra, cần nâng cao hiểu biết về các chính sách ASXH nhất là cho phụ nữ khó khăn, là người DTTS và cán bộ nữ đang ở khu vực miền núi, công tác trong vùng đồng bào DTTS tại các tỉnh biên giới Tây Bắc. Tăng cường công tác phòng, chống bạo lực gia đình, hoạt động mua bán phụ nữ, trẻ em ở các tỉnh biên giới; chú trọng, xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm đến việc bảo đảm quyền lợi và sự phát triển toàn diện cho phụ nữ.

Đối với cựu chiến binh, cần phát huy vai trò nêu gương cho hệ trẻ về lòng yêu nước, truyền thống cách mạng và tinh thần "Bộ đội Cụ Hồ", đồng thời tham gia xây dựng địa phương, góp phần tạo dựng Đảng ngày càng trong sạch. Cựu chiến binh cũng là lực lượng đi đầu trong lao động sản xuất, giúp nhau có thu nhập, chủ động trong cuộc sống, làm giàu hợp pháp. Khuyến khích tham gia tích cực, đi đầu trong phong trào xã hội, văn hóa, giáo dục và đảm bảo an ninh tại địa phương. Sự gắn kết giữa cựu chiến binh trong khu dân cư, làng xóm sẽ góp phần tăng cường thống nhất, góp phần xây dựng khối ĐĐKDT, bảo vệ Tổ quốc.

Phát huy uy tín, kinh nghiệm của người cao tuổi: cần phát huy uy tín, kinh nghiệm, kiến thức và vai trò định hướng của họ tại địa phương, nêu gương trong gia đình, coi đây là nguồn lực quý giá góp phần xây dựng khối ĐĐKDT. Các địa phương cần cơ chế, chính sách thích hợp để tôn trọng, bảo vệ, chăm sóc và huy động lực lượng này tham gia các hoạt động KT-CT, VH-XH truyền thống và cộng đồng. Cần tổ chức các mô hình sinh hoạt, câu lạc bộ, hội, nhóm người cao tuổi để họ chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn thế hệ trẻ, đóng góp ý

kiến cho các hoạt động phát triển cộng đồng, đồng thời là cầu nối với các thể hệ giữ gìn văn hóa. Bên cạnh đó, cần xây dựng môi trường sống thân thiện với người cao tuổi, bảo đảm các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, y tế, ASXH, hỗ trợ vật chất và tinh thần, đặc biệt đối với những người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt, không có thu nhập, không có người thân chăm sóc. Cấp ủy, chính quyền cần phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cộng đồng và doanh nghiệp để huy động nguồn lực xã hội chăm lo, hỗ trợ thiết thực cho người cao tuổi, đồng thời khuyến khích họ tham gia gìn giữ văn hóa, xây dựng đời sống cộng đồng tại các tỉnh biên giới Tây Bắc.

Phát huy vai trò của các DTTS: Cần bảo đảm các dân tộc được bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và phát huy nội lực để cùng nhau vươn lên phát triển toàn diện. Trong hoạch định và thực hiện CSDT, cần chú trọng đến tính đặc thù của từng vùng, từng DTTS, đồng thời xây dựng cơ chế khuyến khích đồng bào trong phát triển KT-XH, nâng cao đời sống, thoát nghèo. Song song với đó, cần chăm lo đời sống, bảo tồn tiếng nói, chữ viết, bản sắc văn hóa của các tộc người, đồng thời vận động xóa bỏ những hủ tục, tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống văn hóa mới. Cần quan tâm, chú trọng phát triển những cán bộ là người DTTS và những người có uy tín, tiếng nói, nhằm đảm bảo tính đại diện, tăng cường vai trò lãnh đạo, định hướng và vận động đồng bào DTTS tích cực xây dựng khối ĐĐKDT.

Đối với các tổ chức tôn giáo hoạt động ở địa phương: Đảng bộ, chính quyền địa phương cần có cơ chế, chính sách và tạo môi trường thuận lợi để vận động, tập hợp các tổ chức tôn giáo, nhà tu hành và tín đồ thực hiện sống “tốt đời, đẹp đạo”, đồng hành cùng đại phương trong các hoạt động KT-XH, VH-XH, giáo dục, từ thiện và các phong trào yêu nước do MTTQ Việt Nam và các cơ quan chính quyền địa phương phát động. Đảm bảo các tổ chức tôn giáo được bình đẳng, phù hợp với quy định của pháp luật và được Nhà nước công nhận; đồng thời quan tâm, tạo điều kiện, hỗ trợ giải quyết kịp thời các nhu cầu chính đáng của tín đồ. Cần khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức tôn giáo đóng góp

vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là trong các chương trình về phát triển KT-XH, giáo dục, y tế, giảm nghèo và hỗ trợ cộng đồng. Thường xuyên tổ chức các cuộc đối thoại, gặp gỡ MTTQ Việt Nam các cấp và các tôn giáo chính thống hoạt động ở địa phương nhằm tăng cường sự hiểu biết, tin cậy, đồng thuận, hướng tới góp phần xây dựng khối ĐĐKDT ở vùng biên giới. Cảnh giác và kịp thời ngăn chặn các biểu hiện lợi dụng tôn giáo để chia rẽ, phá hoại khối ĐĐKDT.

Tăng cường vận động, tập hợp bộ phận nhân dân đang lao động, sống, học tập ở ngoài nước: Cấp ủy, chính quyền các cấp cần tăng cường hỗ trợ, tạo điều kiện để người dân đi học tập, lao động xa nhà có địa vị pháp lý vững chắc, được hòa nhập xã hội sở tại, đồng thời phát huy tinh thần yêu nước, đóng góp tích cực vào các hoạt động lao động hoặc học tập trong lĩnh vực KT-CT, VH-XH, KH-CN tại nước sở tại. Các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cần triển khai chính sách bảo hộ công dân hiệu quả, đồng thời khuyến khích, tạo môi trường thuận lợi để người dân lưu giữ bản sắc dân tộc, nâng cao lòng tự hào, qua đó củng cố niềm tin và trách nhiệm hướng về Tổ quốc. Đặc biệt, cần đẩy mạnh công tác vận động kiều bào, nhất là thế hệ trẻ, tham gia các hoạt động có ích hướng về quê hương, trở thành cầu nối giữa Việt Nam với các nước, góp phần phát triển KT-CT, VH-XH. Tiếp tục tạo điều kiện để trí thức, văn nghệ sĩ, doanh nhân, nhà khoa học, nhà quản lý người Việt Nam ở nước ngoài trở về đầu tư, sản xuất, kinh doanh, đóng góp tích cực cho Tổ quốc. Song song với đó, cần đẩy mạnh đưa lý luận vào thực tế và tổng kết thực tế, rút kinh nghiệm của địa phương. Trên cơ sở đó, xây dựng và triển khai chiến lược ĐĐKDT đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đảm bảo mọi tầng lớp người Việt, trong và ngoài nước, đều được huy động, đóng góp cho công cuộc xây dựng đất nước giàu mạnh.

Như vậy, thực hiện tốt các nội dung được đề xuất nhằm phát huy vai trò của từng lực lượng xã hội, từ các gia cấp và tầng lớp nhân dân đều hướng đến mục tiêu chung là xây dựng khối ĐĐKDT vững mạnh theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Việc triển khai đồng thời các chính sách, chương trình hành động và các cơ chế hỗ trợ cụ thể sẽ huy động mọi tiềm năng, sức sáng tạo và trách nhiệm của dân, của từng người, từng nhóm lực lượng. Nhờ đó, xây dựng khối ĐĐKDT không chỉ trở thành nền tảng chính trị, tinh thần quan trọng cho sự phát triển KT-XH mà còn là sức mạnh tổng hợp bảo vệ QP-AN của các tỉnh biên giới Tây Bắc. Những giải pháp được thực hiện nghiêm túc và hiệu quả, sẽ tạo ra môi trường thuận lợi để mỗi cá nhân và cả cộng đồng đều được phát triển.

4.3.5. Nhóm giải pháp về đổi mới phương pháp và hình thức trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở các tỉnh biên giới Tây Bắc

4.3.5.1. Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các phong trào thi đua yêu nước theo hướng thiết thực, hiệu quả để thu hút người dân tham gia

Cần tiếp tục đổi mới việc tổ chức các phong trào thi đua về cơ sở để thu hút đông đảo người dân tham gia và thực sự là chủ thể trong lao động, sáng tạo, phát triển kinh tế; đẩy mạnh thực XDNTM, đô thị văn minh, làm giàu cho gia đình, quê hương, đất nước, phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT ở từng địa phương vùng biên giới Tây Bắc và cả nước.

MTTQ Việt Nam ở các tỉnh biên giới Tây Bắc cần phát huy vai trò của mình để phối hợp với chính quyền đề xuất, triển khai đồng bộ, duy trì, đẩy mạnh các phong trào thi đua lao động, sản xuất; nâng cao chất lượng các mô hình, phong trào tự quản của Nhân dân, nhất tạo môi trường, cơ hội khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, tạo việc làm, đẩy mạnh học tập, lao động, sản xuất, kinh doanh, nâng cao chất lượng cho các dân tộc.

Cấp uỷ, bộ máy chính quyền địa phương, MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT - XH ở các tỉnh biên giới Tây Bắc làm tốt hơn nữa việc tôn vinh, khen thưởng các tổ chức, cá nhân tiêu biểu, điển hình trong xây dựng khối ĐĐKDT của địa phương. Tiếp tục phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng mô hình hay, cách làm tốt trong xây dựng khối ĐĐKDT ở địa phương. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách về thi đua, khen thưởng; thúc đẩy mạnh mẽ các phong trào thi đua lao động góp phần phát triển KT-XH, nâng cao cuộc sống cho nhân dân

4.3.5.2. Làm tốt công tác dân tộc để góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở các tỉnh biên giới Tây Bắc

Ở vùng biên giới Tây Bắc chiếm số đông là các DTTS, có truyền thống yêu nước, ý thức lao động, trách nhiệm và tinh thần đoàn kết, anh dũng, kiên cường trong bảo vệ Tổ quốc; sáng tạo trong sự nghiệp xây dựng địa phương, với ý chí tự lực, tự cường, lòng tự tôn dân tộc, có tinh thần vượt khó, đấu tranh với đói nghèo, luôn dẻo dai vượt lên mọi khó khăn, gian khổ. Hiện nay, để tiếp xây dựng khối ĐĐKDT cho đồng bào các DTTS nhất ở vùng cao biên giới. Qua đó, người dân sẽ cố gắng vươn lên, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ của các tỉnh, sự quan tâm chăm lo của các cấp chính quyền, nhân dân các dân tộc của các tỉnh biên giới Tây Bắc sẽ đoàn kết một lòng quyết tâm xây dựng tỉnh mình phát triển và đóng góp vào xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại. Do đó, cần lưu ý yêu cầu trong thực hiện một số nhiệm vụ sau:

Cần đẩy mạnh quán triệt, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể CT-XH và Nhân dân, đồng bào dân tộc về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc góp phần xây dựng khối ĐĐKDT. Thực hiện tốt các nội dung của Chỉ thị, Nghị quyết về vấn đề ĐĐKDT và xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh. Cần huy động tất cả các nguồn lực và sử dụng tối đa nguồn vốn được phân bổ về địa phương; triển khai có hiệu quả các chính sách đối với người dân vùng đồng bào DTTS và miền núi trong đó có vùng đồng bào các dân tộc ở các tỉnh biên giới Tây Bắc. Tiếp tục đẩy mạnh khai thác tốt thế mạnh của vùng về kinh tế, chính trị, VH-XH vùng đồng bào DTTS.

Thực hiện chuyển dịch, phát triển kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với lợi thế của địa phương và phù hợp nhu cầu người tiêu dùng trong tỉnh, trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh mở rộng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Có những chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào các tỉnh hiện nay. Khảo sát, đánh giá và xây dựng kế hoạch để phát triển các vùng sản xuất chuyên canh; mở rộng các mô hình cây trồng phù hợp với từng vùng, địa phương; lựa chọn phát triển chăn nuôi phù hợp với từng huyện, xã trong các

tỉnh biên giới Tây Bắc nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và tăng thu nhập cho người dân.

Tiếp tục nghiên cứu, tập trung thực hiện tốt việc quy hoạch và sắp xếp dân cư, đảm bảo ổn định, an toàn, phát triển KT-XH cho Nhân dân nhất là DTTS các tỉnh. Giải quyết tốt những vấn bức xúc trong vùng đồng bào DTTS nhằm ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cho đồng bào các dân tộc các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay.

Trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin và truyền thông: Vì là vùng núi, vùng biên và chủ yếu người DTTS sinh sống nên còn khó khăn, nhất là ở các xã vùng sâu, vùng xa, khó khăn nên thiếu về điều kiện vật chất, thiếu cán bộ y tế, trình độ dân trí của người dân thấp. Hơn thế, điều kiện khí hậu khắc nghiệt... Do đó phải phát triển hệ thống thông tin, làm công tác thông tin và truyền thông tốt hơn. Chính quyền địa phương và gia đình, xã hội cần phối hợp quan tâm, trong nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nghề. Ngoài ra, cần đổi mới phương pháp tuyên truyền, vận động nhằm giúp Nhân dân từng bước thay đổi những tập quán lạc hậu, đồng thời nâng cao nhận thức về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT

Cần tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống tổ chức bộ máy quản lý chính quyền địa phương trong công tác dân tộc ở cơ sở. Quan tâm, đầu tư nguồn nhân lực là người dân tộc thiểu số, đặc biệt ưu tiên tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là người dân tộc tại chỗ, nhằm bảo đảm tỷ lệ cán bộ là người DTTS, hợp lý trong mỗi cơ quan, đơn vị và địa phương hiện nay. Song song với đó, cần đẩy mạnh việc tổ chức lao động, sản xuất, các cuộc vận động trên địa bàn toàn tỉnh, qua đó tăng cường và phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT trong quá trình thực hiện chính sách dân tộc. Trọng tâm là phong trào xây dựng “Hộ gia đình an toàn - Thôn bản bình yên” về an ninh, trật tự, cùng các phong trào ở từng địa phương, góp phần gắn kết giữa các cộng đồng và chính quyền địa phương.

Chú trọng phát triển cán bộ tại địa phương là người DTTS, nâng cao năng lực, sức chiến đấu của các tổ chức Đảng ở cơ sở. Củng cố và xây dựng HTCT vùng đồng bào DTTS trong sạch, vững mạnh. Đồng thời, đẩy mạnh phối hợp

trong công tác thanh tra, giám sát, kiểm tra, rút kinh nghiệm việc thực hiện các chủ trương, CSDT trên địa bàn các tỉnh biên giới Tây Bắc, bảo đảm hiệu quả, thống nhất và phù hợp.

4.3.5.3. Tăng cường thực hiện dân chủ ở cơ sở, phát huy sức sáng tạo của Nhân dân trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Việc mở rộng, phát huy dân chủ cơ sở, phát huy sức sáng tạo của nhân dân là một trong những giải pháp quan trọng, đem lại hiệu quả thiết thực trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay. Do đó, cần xây dựng, tổ chức thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở cần được gắn với các hình thức sinh hoạt cộng đồng truyền thống như họp bản, lễ hội để người dân tham gia đóng góp ý kiến vào các quyết sách liên quan đến đời sống, phát triển KT-XH. Cần tập trung phát triển các kênh tập hợp và tôn trọng ý kiến của người dân theo hướng cầu thị và thực hiện báo cáo nghiêm túc của chính quyền địa phương đối với các kiến nghị, đề xuất từ người dân. Việc phát huy dân chủ, kỷ cương, đặc biệt trong các lĩnh vực như quản lý đất đai, tài nguyên, bảo đảm an ninh biên giới và kịp thời nhận diện các âm mưu, hành vi, biểu hiện gây chia rẽ khối ĐĐKDT. Xây dựng khối ĐĐKDT cần được gắn với việc nâng cao ý thức cộng đồng, thúc đẩy sự đồng thuận xã hội và sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền địa phương hai cấp. Có thể nêu một số giải pháp cụ thể đối với mỗi địa phương như sau:

Với tỉnh Điện Biên thực hiện gắn dân chủ với lịch sử và lòng yêu nước: Tận dụng giá trị lịch sử: Tổ chức các diễn đàn cộng đồng gắn với truyền thống cách mạng, như “Hội nghị Nhân dân vì Điện Biên Phát triển”, để người dân trực tiếp nêu ý kiến vào các chương trình phục vụ cho miền núi. Phát huy vai trò của cán bộ hưu trí, người cao tuổi gương mẫu tại cơ sở: Có cơ chế thu hút, đào tạo kỹ năng phản biện và giám sát cho già làng, trưởng bản, cựu chiến binh. Đưa KH-CN vào cơ sở: Thí điểm mô hình “Chính quyền điện tử vùng cao” để người dân có thể phản ánh, kiến nghị qua điện thoại hoặc mạng xã hội. Lai Châu thực hiện dân chủ gắn với đa dạng dân tộc và địa hình hiểm trở: Tăng cường dân chủ tiếp cận: Tổ chức các cuộc họp bản luân phiên bằng tiếng dân tộc (Thái, Mông,

Dao...) để đảm bảo người dân hiểu rõ chính sách. Phát triển đội cán bộ công tác tại cơ sở: Ưu tiên tuyển dụng người địa phương, đào tạo kỹ năng dân vận, thuyết trình, có khả năng tiếp thu ý kiến Nhân dân. Hỗ trợ sáng kiến cộng đồng: Cấp ngân sách nhỏ cho các nhóm dân cư tự đề xuất mô hình phát triển KT-XH, bảo vệ môi trường.

Sơn La thực hiện dân chủ gắn với phát triển nông nghiệp và chuyển đổi số: Thúc đẩy dân chủ kinh tế: Tổ chức các hội nghị “Nông dân bàn việc bản” để người dân tham gia sản xuất và tiêu thụ sản phẩm địa phương. Phát huy vai trò hợp tác xã: Xây dựng cơ chế để người dân làm chủ trong quản lý, giám sát hoạt động của hợp tác xã. Chỉ đạo chuyển đổi số vùng cao: Đưa thông tin chính sách lên nền tảng số, kết hợp với tập huấn kỹ năng sử dụng điện thoại thông minh cho người dân. Đối với tỉnh Lào Cai thực hiện dân chủ gắn với phát triển du lịch và hội nhập biên giới. Dân chủ trong phát triển du lịch cộng đồng: Tạo cơ chế để người dân tham gia xây dựng sản phẩm du lịch, giám sát hoạt động của doanh nghiệp lữ hành. Tăng cường đối thoại biên giới: Tổ chức các hội nghị Nhân dân vùng biên để người dân được bày tỏ quan điểm vào các vấn đề liên quan đến an ninh, giao thương, bảo vệ chủ quyền. Phát huy vai trò phụ nữ và thanh niên: Hỗ trợ các tổ chức hội phụ nữ, đoàn thanh niên trong việc tổ chức sinh hoạt dân chủ, phản biện chính sách tại cơ sở.

Như vậy, phát huy dân chủ ở cơ sở và khuyến khích phát huy vai trò của người dân vừa là chủ, vừa làm chủ tại địa phương. Khi dân chủ được thực hiện thực chất thì sức mạnh của khối ĐĐKDT sẽ trở thành lực lượng nòng cốt giữ gìn chủ quyền, đảm bảo an ninh nơi biên giới của Tổ quốc.

Tiểu kết chương 4

Thấm nhuần hơn nữa lời dạy của Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT. Hiện nay, việc nhận thức và xây dựng khối ĐĐKDT là gốc, là sức mạnh, nền tảng để tập hợp sức dân trong phát triển đất nước thời kỳ mới. Xây dựng khối ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục là nền tảng lý luận, là sợi chỉ đỏ sống còn là hành trang để xây dựng khối ĐĐKDT Việt Nam tiến lên CNXH.

Sau gần 40 năm đổi mới, nhờ có sự lãnh đạo của Đảng, thực tế xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc được xây dựng, tăng cường, phát huy sức mạnh của Nhân dân các dân tộc, thực hiện nhiệm vụ chính trị ở từng địa phương góp phần vào xây dựng khối ĐĐKDT ở các tỉnh biên giới Tây Bắc theo tư tưởng Hồ Chí Minh đã gắn với thực tiễn ở địa phương thực hiện dân chủ, kỷ cương để huy động cao nội lực, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ tạo nên sức mạnh sức mạnh của dân tộc và thời đại, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, tạo ra động lực mới để xây dựng khối ĐĐKDT.

Hiện nay, có nảy sinh những thách thức lớn từ thế giới hoặc nảy sinh trong nước, do đó mỗi chúng ta - người dân Việt Nam không tầng lớp, giai cấp, tôn giáo hay là kiều bào Việt Nam ở nước ngoài có chung nguyện vọng và lợi ích trong sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam bảo vệ được độc lập, xây dựng thành công nền dân chủ XHCN và ngày càng giàu mạnh, đoàn kết một lòng, chung sức xây dựng đất nước Việt Nam phồn vinh và hạnh phúc. Động lực quan trọng đảm bảo cho sự tăng cường khối ĐĐKDT là khơi dậy và phát huy mạnh mẽ tính trách nhiệm, chủ động, sáng tạo trong lao động của toàn thể Nhân dân, của các nhà doanh nghiệp, gắn với lợi ích thiết thân của mỗi người, mỗi tổ chức và mỗi đơn vị; là sự thống nhất quyền lợi với nghĩa vụ công dân; là sự kết hợp hài hoà lợi ích của công dân hài hoà với lợi ích của toàn dân tộc; là phát huy truyền thống đoàn kết của dân tộc là kết hợp sức mạnh khối ĐĐKDT với sức mạnh thời đại.

KẾT LUẬN

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT có vai trò quyết định, là động lực - mục tiêu cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Căn cứ vào thực tế về xây dựng khối ĐĐKDT là việc làm hết sức cần thiết, thường xuyên, mọi nơi, mọi lúc, trong mọi hoàn cảnh và có ý nghĩa lớn trong quá trình nâng cao bản lĩnh chính trị, trau dồi phẩm chất đạo đức, phấn đấu rèn luyện của mỗi cá nhân trong sự nghiệp thực thi đường lối đổi mới.

Tư tưởng xây dựng khối ĐĐKDT của Hồ Chí Minh là chiến lược cách mạng, là cội nguồn sức mạnh làm nên mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, một đóng góp quan trọng vào cách mạng thế giới. Đây là đóng góp sáng tạo của Hồ Chí Minh mà các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin chưa đề cập tới. Tư tưởng xây dựng khối ĐĐKDT của Hồ Chí Minh là sự sáng tạo và làm phong phú lý luận và thực tiễn. Trong thực tiễn cách mạng Việt Nam đã và đang chứng minh sức sống kỳ diệu của tư tưởng xây dựng khối ĐĐKDT với cách mạng Việt Nam.

Để tiến lên CNXH, chúng ta chỉ có con đường là phải kiên trì, vững vàng, quán triệt và thực hiện xây dựng khối ĐĐKDT của Hồ Chí Minh, đồng thời, chúng ta cũng phải đổi mới nhận thức, phát triển những nội dung, phương pháp ĐĐKDT của Người về xây dựng ĐĐKDT cho phù hợp với phát triển KT-XH trong nước có kế thừa, phát triển tiếp trong sự nghiệp đổi mới.

Đối với các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay, nhờ quán triệt và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh mà các tỉnh Tây Bắc đã ngày càng khẳng định được vị thế, vai trò khối ĐĐKDT. Tuy nhiên, khu vực này vẫn còn tồn tại: trình độ phát triển chưa đồng đều, đời sống người dân còn thấp, tình hình tôn giáo - dân tộc và các yếu tố bên ngoài tiềm ẩn phức tạp, tác động trực tiếp đến ĐĐKDT. Trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh toàn cầu, việc phát huy tư tưởng ĐĐKDT của Hồ Chí Minh ở Tây Bắc càng trở nên cấp bách. Muốn vậy,

cần đẩy mạnh xây dựng phát huy vai trò lãnh đạo sáng suốt của cấp ủy đảng ở địa phương; xây dựng bộ máy chính quyền gọn, nhẹ và có khả năng giải quyết các vấn đề nảy sinh ở địa phương để bảo vệ Nhân dân- bởi Nhà nước là công cụ bảo vệ Nhân dân. Quan tâm, chăm lo cán bộ tham gia vào nhiệm vụ xây dựng khối ĐĐKDT ở các lĩnh vực. Thực hiện tốt nhiệm vụ đặt ra khi giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển KT-XH với giữ gìn bản sắc văn hóa; đồng thời mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế, xây dựng biên giới ổn định không chỉ có ý nghĩa đối với vùng chiến lược này, mà còn góp phần củng cố sức mạnh chung của cả nước đi lên CNXH.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Ngô Thị Hảo (2023) (viết chung), “Giá trị bền vững của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 543, tháng 05/2023, tr.32.
2. Ngô Thị Hảo (2023), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo của Đảng trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số chuyên đề tháng 11 năm 2023, tr.122.
3. Ngô Thị Hảo (2023), “Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc gắn với chăm lo đời sống cho nhân dân ở Lào Cai theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí nghiên cứu Hồ Chí Minh*, số chuyên đề năm 2023, tr.145.
4. Ngô Thị Hảo (2024), “Tỉnh Lào Cai vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số đặc biệt quý 4 năm 2024, tr.122.
5. Ngô Thị Hảo (2024) (viết chung), “Giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nền quốc phòng toàn dân”, *Tạp chí nghiên cứu Hồ Chí Minh*, số 66, tháng 11-12/2024, tr.18.
6. Ngô Thị Hảo (2025) (viết chung), “Phương thức tổ chức các lớp huấn luyện cán bộ đầu tiên cho Đảng và cách mạng Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc (1925- 1927)- giá trị bài học lịch sử và bài học kinh nghiệm”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 2, năm 2025, tr.69.
7. Ngô Thị Hảo (2025), “Mặt trận Tổ quốc tỉnh Lào Cai vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, Số đặc biệt năm 2025, tr.72.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Ngọc Anh (chủ biên) (2012), *Phát huy các nguồn lực của dân làm lợi cho dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Tú Anh (2023), “Hệ thống chính trị cơ sở giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản*, ngày 12/3/2023.
3. Văn An (2012), “Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa”, *Tạp chí Mặt trận*, số 101, tr.68-71.
4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2017), *Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
5. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (2003), *Tài liệu nghiên cứu các nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Hoàng Chí Bảo (chủ biên) (2006), *Học tập phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Hoàng Chí Bảo (chủ biên) (2009), *Đảm bảo bình đẳng và tăng cường hợp tác giữa các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Nguyễn Khánh Bật (2004), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết với vấn đề huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Lê Kim Bình (2022), *Văn hoá dân tộc vùng cao với chủ quyền và an ninh biên giới quốc gia Việt Nam trong thế giới toàn cầu hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Cục thống kê tỉnh Lào Cai (2016), *Niên giám thống kê năm 2016*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
11. Phan Hữu Dật (2001), *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách liên quan đến quan hệ dân tộc hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

12. Trương Minh Đức (chủ biên) (2008), *Xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc ở Tây Bắc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Giàng Thị Dung (2014), *Phát triển khu kinh tế cửa khẩu với xóa đói giảm nghèo ở tỉnh Lào Cai*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Hà Nội.
14. Nguyễn Thị Kim Dung (2004), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và miền núi vào thực hiện chính sách dân tộc hiện nay”, in trong: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết với vấn đề phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.231-72.
15. Phan Hải Dương, Lê Văn Quang (2021) *Phòng ngừa hoạt động móc nối, lôi kéo người có uy tín trong dân tộc Mông các tỉnh Tây Bắc*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
16. Đoàn Minh Huệ (2007), “Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc và sự vận dụng của Đảng ta trong công cuộc đổi mới”, *Tạp chí Triết học*, số 1 (188), tr.22-27
17. Đặng Quang Định “Gìn giữ, phát huy vai trò khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng,, *Báo điện tử Tạp chí Cộng sản*, ngày 27/12/2023
18. Bế Viết Đăng (1996), *Các dân tộc thiểu số trong sự phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Huỳnh Đảm (2008), “Nâng cao hiệu quả công tác Mặt trận, phát huy truyền thống đoàn kết các dân tộc miền núi phía Bắc hiện nay”, *Tạp chí Mặt trận*, số 58, tr.3-7.
20. Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2015), *Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XV, nhiệm kỳ 2015-2020*, Lào Cai
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Hoàng Minh Đô, Lê Văn Lợi (Chủ biên) (2014), *10 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa IX về công tác dân tộc và tôn giáo - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội
25. Phạm Văn Đức (2008), “Vai trò và cơ sở của đoàn kết xã hội ở Việt Nam hiện nay”, in trong: *Công bằng xã hội, trách nhiệm xã hội và đoàn kết xã hội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.409-425.
26. Bùi Xuân Đính - Nguyễn Ngọc Thanh (2013), “*Một số vấn đề cơ bản về kinh tế - xã hội ở các vùng biên giới Việt Nam*” Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
27. Vũ Trường Giang, Đậu Tuấn Nam, (2016), “Tác động của CSTT đến quan hệ tộc người ở vùng biên giới Việt - Trung (2011-2015)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (10), tr.72-77.
28. Phạm Thị Hoàng Hà (2015), “Tác động của văn hóa truyền thống tới việc tham gia lãnh đạo quản lý của phụ nữ dân tộc thiểu số miền núi phía bắc Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Phụ nữ và chính trị*, Quỹ Rosa Luxemburg, Hà Nội.
29. Lê Thị Hà (2015), *Nguyên tắc, phương pháp đại đoàn kết trong tư tưởng Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ Triết học, trường Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
30. Nguyễn Thị Thuý Hà (2023), “*Đối ngoại nhân dân trong bảo vệ chủ quyền, biên giới quốc gia ở các tỉnh biên giới phía bắc ở nước ta hiện nay*”, Báo cáo tổng hợp kết đề tài cấp bộ, Học viện chính trị khu vực I.
31. Ngô Quốc Hải, Nguyễn Bình Minh (2012), “Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, số 2, tr.34-39.

32. Lê Mậu Hãn (2015), “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc*”, *Báo điện tử Đảng Cộng Sản*, Việt Nam, ngày 7/10/2015
33. Nguyễn Bích Hạnh, Nguyễn Văn Khoan (1999), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết và Mặt trận đoàn kết dân tộc*, Nxb Lao động, Hà Nội.
34. Trương Mỹ Hoa (2003), “*Bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc*”, *Tạp chí Cộng sản*, số 15, tr.12-15.
35. Vũ Văn Hiền, Đinh Xuân Lý (2012), *Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Phan Hiệp (2010), “*Hiệu quả của chương trình 135 và giải pháp cho giai đoạn 2011- 2015 về xóa đói giảm nghèo bền vững*”, *Tạp chí Cộng sản*, (48), tr.11 - 12.
37. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2004), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết với vấn đề phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Nguyễn Thị Nga (2005), “*Phát huy tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh trong điều kiện nước ta hiện nay*”, *Tạp chí Cộng sản*, số 10, tr.15-20.
39. Hội đồng dân tộc quốc gia (2005), *Chính sách và pháp luật của Đảng, Nhà nước về dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam (2007), *Từ điển bách khoa Việt Nam - tập 1*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
41. Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai (2016), *Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 về hỗ trợ lãi suất tiền vay ngân hàng cho các dự án đầu tư phát triển sản xuất chế biến sản phẩm nông nghiệp đối với các huyện nghèo và các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2006-2020*, Lào Cai.
42. Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai (2016), *Nghị quyết số 85/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 ban hành quy định về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2017-2020*, Lào Cai

43. Phan Văn Hùng (Chủ biên) (2015), *Một số vấn đề mới trong quan hệ dân tộc và chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
44. Đỗ Quang Hưng (2003), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc, tôn giáo và đại đoàn kết trong cách mạng Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
45. Hoàng Thị Hương (2018), *Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số ở miền núi phía bắc Việt Nam hiện nay*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
46. Trần Thị Mỹ Hương (2012), “Thực hiện chính sách dân tộc của Đảng ở một số tỉnh khu vực Tây Bắc”, *Tạp chí Cộng Sản*, (8), tr.76 - 80.
47. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
48. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
49. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
50. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
51. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
52. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
53. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
54. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
58. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
59. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
60. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
61. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Nhà xuất bản Tiến bộ Mátxcova (1998), *Từ Điển Chính trị văn tắt*, Nxb Tiến bộ Mátxcova, Nxb Sự thật, Hà Nội.
63. Đỗ Mười - Lê Quang Đạo (1996), *Đoàn kết dân tộc vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

64. Vi Hồng Nhân, Lưu Minh Thư (2016) *Nét đẹp phong tục các dân tộc Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
65. Trần Nhâm, (2011) *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng thiên tài*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
66. Phạm Thành Nghị (2010), *Phát triển con người vùng Tây Bắc nước ta*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
67. Đậu Tuấn Nam (2011) *Vấn đề về dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
68. Hà Thị Khiết (2010) “Tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng dân tộc - cơ sở quan trọng, xuyên suốt trong quá trình phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam”. *Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay - kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế kỷ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 19/5/1980- 19/5/2010*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
69. Cầm Chí Kiên (2005), “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Sơn La làm theo lời Bác: Xây dựng và tăng cường khối đoàn kết các dân tộc”, in trong: *Nhân dân các dân tộc Sơn La làm theo lời Bác*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.313-322.
70. Lại Quốc Khánh (2023), “Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam hiện nay”, *Báo điện tử Tạp Chí Cộng sản ngày 15/4/2023*
71. Bùi Thị Ngọc Lan (2024), “Bối cảnh quốc tế và trong nước tác động đến thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc hiện nay,, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (551), tr.120-126.
72. Vũ Trọng Lâm (2023) “Một số nhận thức lý luận về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa gắn với tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc qua tác phẩm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng”.
<https://baotuyenquang.com.vn/mot-so-nhan-thuc-ly-luan-ve-phat-huy-dan-chu-xa-hoi-chu-nghia-gan-voi-tang-cuong-khoi-dai-doan-ket-toan-dan-toc-qua-tac-pham-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-172099.html>, [truy cập ngày 28/9/2024]

73. Tô Lâm (2025) “Sức mạnh của đoàn kết” (2025), *Báo điện tử Tạp Chí Cộng sản* ngày 29/6/2025
74. Lê Quốc Lý (2010), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về xóa đói nghèo và sự vận dụng của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (6), tr.14-18.
75. Dương Văn Mạnh (2017) “*Vấn đề xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở Tây Bắc hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh (qua thực tế ở Sơn La)*”
Luận án Tiến sĩ Triết học
76. Phạm Thị Kim Oanh (2003), “Chính sách dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (4), tr.35-38.
77. Tráng A Pao (2006), “Thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng, cơ sở phát huy khối đại đoàn kết toàn dân”, *Tạp chí Mặt trận*, số 34, tr.68-71.
78. Nguyễn Quốc Phẩm và Trịnh Quốc Tuấn (1999), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
79. Nguyễn Quốc Phẩm (chủ nhiệm) (2002), *Giải quyết các quan hệ tộc người ở Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Đề tài cấp bộ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
80. Nguyễn Quốc Phẩm (2006), *Công bằng và bình đẳng xã hội trong quan hệ tộc người ở các quốc gia hiện nay*, Nxb Lý luận chính trị, Hà nội.
81. Nguyễn Quốc Phẩm (2014), “Một số kết quả bước đầu sau 10 năm thực hiện Nghị Quyết Trung ương 7 (khóa IX) về công tác dân tộc”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (1), tr.34-38.
82. Phùng Hữu Phú, Vũ Dương Ninh, Lê Mậu Hãn, Phạm Xanh (1995), *Chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
83. Lê Văn Phụng, (2011), “Quan điểm của Hồ Chí Minh về các tộc người thiểu số và quan hệ tộc người ở Việt Nam”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (4), tr.23-26.
84. Giàng Seo Phử (2010), “Đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện xóa đói giảm

- nghèo qua chương trình 135 giai đoạn 2”, *Tạp chí Cộng sản* (816), tr.22-26.
85. Giàng Seo Phử (Chủ biên) (2013), *Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 86. Lưu Văn Quảng, (2014), “Một số vấn đề về CSDT ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (7), tr.39-42.
 87. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2007), *Hiến pháp 1946*, Nxb thống kê, Hà Nội.
 88. Nguyễn Thị Quyên (2009), “Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số ở cơ sở”, *Tạp chí Dân tộc học*, (3), tr.35- 43.
 89. Trần Quỳnh (2015), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết các dân tộc thiểu số*, Báo điện tử *Đảng Cộng sản Việt Nam*, tại trang <http://hochiminh.vn> [truy cập nhật ngày 7/5/2015].
 90. Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12-12-2013, của Bộ Chính trị “Ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”
 91. Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12-12-2013, của Bộ Chính trị “Ban hành Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.
 92. Quy định số 124-QĐ/TW, ngày 2-2-2018, của Ban Bí thư “Về giám sát Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên”.
 93. Quốc hội (2019), Nghị quyết phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Nghị quyết số 88/2019/QH14
 94. Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/ 2016 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020

95. Quyết định số 2086/QĐ-TTg ngày 31/10/ 2016 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016 - 2025
96. Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2022
97. Lưu Văn Sùng (2005), *Một số điểm nóng chính trị - xã hội điển hình tại các vùng đa dân tộc và miền núi trong những năm gần đây - Hiện trạng, vấn đề, các bài học kinh nghiệm trong xử lý tình huống*, Đề tài cấp Nhà nước, nhánh 3.
98. Nguyễn Đình Tấn - Trần Thị Bích Hằng (2010), *Nhận thức thái độ hành vi của cộng đồng các dân tộc thiểu số đối với chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay - thực trạng và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
99. Phạm Anh Tuấn (2012), “Xây dựng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ mới” in trong: *Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh với con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.366-376.
100. Nguyễn Thị Thu Thanh (2021), *Chính sách dân tộc của Việt Nam qua 35 năm đổi mới*, Tạp chí Cộng sản, ngày 03/4/2021.
101. Bé Trường Thành (2011) *Vấn đề về dân tộc và công tác dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
102. Nguyễn Đăng Thành (2012), *Phát triển nguồn nhân lực ở vùng dân tộc thiểu số Việt Nam đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
103. Nguyễn Việt Thảo (2014), *Nghiên cứu, tổng kết làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về thực hiện đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

104. Nguyễn Lâm Thành (2014), *Chính sách phát triển vùng dân tộc thiểu số phía Bắc Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
105. Lê Ngọc Thắng, (2005), *Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam*, Nxb Trường Đại học Văn hóa, Hà Nội.
106. Phạm Minh Thế (2024) *Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở vùng Tây Bắc (2001-2021)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
107. Phạm Xuân Thu (2015), “Một số kết quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tỉnh Sơn La (1986 - 2000)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 11, tr.99-103.
108. Vũ Văn Thuấn (2011) “ Tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh về công bằng xã hội và chính sách xã hội của Đảng”, *Đặc san Hồ Chí Minh học*, (1), tr.59-64.
109. Nguyễn Thị Phương Thủy (2006), *Thực hiện chính sách dân tộc ở Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
110. Hoàng Thu Thủy (2014), *Thực hiện chính sách dân tộc của Đảng ở một số tỉnh miền núi Đông Bắc Việt Nam từ 1996 đến năm 2010*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
111. Vương Xuân Tình (2015), “Tổng quan chính sách dân tộc ở Việt Nam từ năm 1890 đến nay”. *Tạp chí Dân tộc học*, (1), tr.17-27.
112. Lô Quốc Toàn (2010), *Phát triển nguồn cán bộ dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
113. Nguyễn Thị Minh Tú (2011), “Chính sách phát triển thiết chế văn hóa bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc - hiệu quả sau 5 năm thực hiện tại Lào Cai”, *Tạp chí Dân tộc học* (4), tr.82-83.
114. Trần Minh Trưởng (2012), *Nguồn gốc cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. công an nhân dân, Hà nội.
115. Hoàng Thị Trang (2020) “Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo thực thi đại đoàn kết dân tộc từ năm 1996 đến 2015” Luận án Tiến sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

116. Nguyễn Phú Trọng (2023) *Phát huy truyền thống đại đoàn kết dân tộc xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
117. Nguyễn Xuân Trung (2022) *Giải quyết vấn đề dân tộc - tôn giáo ở Việt Nam hiện nay nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
118. Lê Ngọc Thắng (2005), *Hồ Chí Minh với vấn đề đại đoàn kết dân tộc*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
119. Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, “*Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người khơi nguồn và phát huy thành công sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong cách mạng Việt Nam*”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học kỷ niệm 111 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh, 5/2001
120. Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2024), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc với vấn đề phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
121. Ngô Đức Vượng (2008), “Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, xây dựng phú thọ thành tỉnh giàu mạnh, xứng đáng là quê hương đất tổ”, Tạp chí Dân Vận, tr.7-9.
122. Lê Hữu Xanh (2005), Một số đặc điểm tâm lý chủ yếu của tộc người H'Mông ở một số tỉnh miền núi phía bắc và sự ảnh hưởng của của chúng đến việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay, Đề tài cấp bộ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
123. Lê Văn Yên (2016), “Quan điểm của Hồ Chí Minh về đoàn kết, bình đẳng, tương trợ giữa các dân tộc ở Việt Nam”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (12), tr.22-25.
124. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.123
125. Viện dân tộc học (1978) *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Khoa học xã hội, Hà Nội
126. Tỉnh uỷ Lào Cai (2015), “lời dạy của Bác Hồ mãi mãi soi đường cho Đảng

- bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
127. Giàng Páo Mỹ “Xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc trên địa bàn tỉnh Lai Châu - kết quả và một số kinh nghiệm” <https://baolaichau.vn/bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang/phat-huy-suc-manh-dai-doan-ket-cac-dan-toc-lai-chau-trong-qua-trinh-dau-tranh-xay-dung-va-phat-trien-theo-tu-tuong-ho-chi-minh-bai-hoc-kinh-nghiem-yeu-cau-dat-ra-va-giai-phap-trong-giai-doan-hien-nay>, [truy cập ngày 18/12/2023]
 128. Sỹ Hào, “tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc; nâng cao đời sống cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi” *Báo dân tộc và phát triển*, <https://baodantoc.vn/tang-cuong-khoi-dai-doan-ket-dan-toc-nang-cao-doi-song-cho-dong-bao-vung-dan-toc-thieu-so-va-mien-nui-1619660286605.htm> [truy cập ngày 04- 05-2021]
 129. Lò Văn Mừng (2024), *Hiệu quả từ việc thực hiện đề án vận động hỗ trợ làm nhà đại đoàn kết trên địa bàn tỉnh Điện Biên*, trang <https://mattran.org.vn/hoat-dong/hieu-qua-tu-viec-thuc-hien-de-an-van-dong-ho-tro-lam-nha-dai-doan-ket-tren-dia-ban-tinh-dien-bien-55232.html> [truy cập ngày 20/010/2024]
 130. Nghị quyết số 52/NQ-CP, ngày 15/6/2016 của Chính phủ đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030
 131. Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội: *Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030*
 132. Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) *về công tác dân tộc*
 133. Nghị Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: *Về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025*

134. Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2024, Nghị quyết Hội nghị lần thứ Tám ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII *về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc*
135. Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX *về công tác dân tộc trong tình hình mới*
136. Tỉnh ủy Lào Cai (2013), Chỉ thị số 34 - CT/TU ngày 13/12/2013 *về việc tăng cường công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lào Cai.*
137. Tỉnh ủy Lào Cai (2014), *Chỉ thị Số 40-CT/TU ngày 28/3/2014 về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Lào Cai.*
138. Tỉnh ủy Lào Cai (2015), *Lào Cai 25 năm tái lập, đổi mới, phát triển (1991-2015) tầm nhìn và hành động*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
139. Tỉnh ủy Lào Cai (2016), *Báo cáo tình hình giáo dục, đào tạo, dạy nghề, xóa đói giảm nghèo, bố trí đất sản xuất, nước sinh hoạt, công tác cán bộ trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số*, Lào Cai.
140. Tỉnh ủy Lào Cai - Sở Giáo dục và Đào tạo (2017), *Báo cáo hội nghị tổng kết năm học 2016-2017 ngày 10/8/2017 về triển khai nhiệm vụ năm học 2017-2018*, Lào Cai.
- 115 .Ủy ban dân tộc (2013), *Một số vấn đề về đổi mới xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc*, Nxb Chính trị - hành chính, Hà Nội.
- 116 .Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2013), *Báo cáo kết quả rà soát chính sách dân tộc giai đoạn 2006 - 2012 và đề xuất chính sách giai đoạn 2013-2015, định hướng đến năm 2020.*
- 117 .Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2014), *Quyết định số 38/2014/QĐ- UBND, ngày 25/9/2014, Quy định về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ phát triển trang trại, cơ sở chăn nuôi công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai.*

- 118 . Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2014), *Báo cáo đại hội các dân tộc thiểu số lần 2 giai đoạn 2009-2014*
- 119 . Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2014), *Báo cáo số 255/BC-SLĐTBXH-UBND kết quả thực hiện đề án giảm nghèo bền vững 04 năm 2011-2014 trên địa bàn tỉnh Lào Cai và phương hướng nhiệm vụ năm 2015.*
120. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2016), *Báo cáo số 138/BC-BDT ngày 17/5/2016 kết quả thực hiện một số chính sách dân tộc giai đoạn 2011-2015*
- 121 Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2016), *Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn về công tác dân tộc qua 30 năm đổi mới (1986-2016).*
- 122 .Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2016), *Quyết định số 96/2016/QĐ- UBND ngày 7/9/2016, Quy định hỗ trợ lãi suất tiền vay ngân hàng cho các dự án đầu tư phát triển sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp đối với các huyện nghèo và các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2020.*
- 123 .Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2016), *Báo cáo số 386/BC-BDT ngày 16/12/2016 về kết quả thực hiện công tác dân tộc năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm 2017.*
- 124 .Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2016), *Báo cáo Số 372/ C-U ND ngày 05/12/2016 về kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2016, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017.*
- 125 Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2017), *Báo cáo Số 53/BC-BDT ngày 29/3/2017 về kết quả thực hiện một số chính sách dân tộc giai đoạn 2011-2016.*
- 124 .Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2017), *Báo cáo số 434/BC-BDT ngày 29/12/2017 về kết quả thực hiện công tác dân tộc năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018.*
- 125 .Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2018), *Báo cáo số 104/BC-BDT ngày 22/5/2018 - Báo cáo công tác dân tộc 6 tháng đầu năm, phương hướng, nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2018.*

126. Tỉnh ủy Lào Cai: *Chỉ thị số 33-CT/TU ngày 30/10/2017 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc phòng, chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lào Cai.*
128. Tỉnh ủy Lào Cai: *Kế hoạch số 82-KH/TU ngày 13/12/2023 về thực hiện công tác dân tộc, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025.*
129. Tỉnh ủy Lào Cai: *Chỉ thị số 28-CT/TU ngày 01/7/2022 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc trong tình hình mới.*
130. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai: *Nghị quyết số 43-NQ/TU ngày 25/9/2023 về tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng, chống tảo hôn trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2030*
131. UBND tỉnh Lào Cai: *Báo cáo Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Lào Cai lần thứ IV (năm 2024)*
132. Tỉnh ủy Điện Biên (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Điện Biên lần thứ XIII (Nhiệm kỳ 2015 - 2020)*
133. Tỉnh ủy Lai Châu (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ XIII (Nhiệm kỳ 2015 - 2020)*
134. Lai Châu: *Báo điện tử Lai Châu (2017): Nghề truyền thống và những sắc màu văn hóa, ngày 12/10/2017*
135. Tỉnh ủy Sơn La (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XIV (Nhiệm kỳ 2015 - 2020).*
136. Ủy Ban nhân dân tỉnh Sơn La (2022), *Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045*
137. Tỉnh ủy - Ban Dân vận tỉnh Sơn La (2016), *Báo cáo công tác dân vận 2016 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2017, Sơn La, ngày 20/12/2016.*
138. Tỉnh ủy - Hội đồng Nhân dân - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La (2005), *Nhân dân các dân tộc Sơn La làm theo lời Bác, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.*

139. Tỉnh ủy - Hội đồng Nhân dân - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La (2010), *Kỷ yếu Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam tỉnh Sơn La lần thứ nhất*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
140. Tỉnh ủy - Hội đồng Nhân dân - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La (2014), *Kỷ yếu Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam tỉnh Sơn La lần thứ hai*, Công ty Cổ phần in Sơn La, Sơn La.
141. Đặng Hữu Toàn (2008), “Đoàn kết dân tộc trên cơ sở đồng thuận xã hội”, in trong: *Công bằng xã hội, trách nhiệm xã hội và đoàn kết xã hội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.445-456.
142. Lô Quốc Toàn (2010), *Phát triển nguồn cán bộ dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
143. Tổ chức Văn hoá và Giáo dục thế giới và Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (1990), “Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hoá lớn”, *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
144. Phạm Xuân Thu, “*Một số kết quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tỉnh Sơn La (1986-2000)*”, Lịch sử Đảng.H 2015. Số 1.
145. Tổng cục Thống kê (2016), *Niên giám Thống kê năm 2015*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
146. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (2016), *Nghị quyết số 33/2016/NQ- HĐND ngày 28/7/2016 quy định chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2021*.
147. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (2021), *Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt Đề án phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030*.
140. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (2021), *Báo cáo quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050*.
141. Ban dân tộc tỉnh Lai Châu - ban dân tộc HĐND tỉnh Lai Châu, *Quy chế phối hợp công tác giữa ban dân tộc tỉnh và ban dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu giai đoạn 2018 - 2021*.

142. UBND tỉnh Lai Châu: *Báo cáo Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Lai Châu lần thứ IV (tháng 11 năm 2024)*
143. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (2017) Kế hoạch số 1266/KH-UBND ngày 10/6/2017 về triển khai nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.
144. Tỉnh ủy Sơn La (2021), Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 31/8/2021 về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.
148. Ủy Ban nhân dân tỉnh Sơn La (2021), Kế hoạch số 260/KH-UBND ngày 05/11/2021 về việc triển khai Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 31/8/2021 về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.
149. Ủy Ban nhân dân tỉnh Sơn La (2019), Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số Việt Nam giai đoạn 2019-2025”
150. Ủy Ban nhân dân tỉnh Sơn La (2021), Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn II (2021-2025)”
151. Tỉnh Ủy Điện Biên (2021), Nghị quyết số 17-NQ/TU, ngày 10/12/2021 về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gắn với thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030
152. Tỉnh Ủy Điện Biên (2021), Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 10/11/2021 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới của Tỉnh ủy Điện Biên

153. Tỉnh Ủy Điện Biên (2016) 08-KH/TU ngày 15/7/2016 về thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 49-CT/TW, ngày 20-10-2015 của Ban Bí thư về "Tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số" của Tỉnh ủy Điện Biên.
154. Tỉnh Ủy Điện Biên (2019) Kế hoạch số 61-KH/TU ngày 20/3/2019 về thực hiện Kết luận số 44-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới của Tỉnh ủy Điện Biên
155. Tỉnh Ủy Điện Biên (2021), Nghị quyết số 17-NQ/TU, ngày 10/12/2021 về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gắn với thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030
156. Tỉnh Ủy Điện Biên (2021), Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 10/11/2021 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới của Tỉnh ủy Điện Biên
157. Tỉnh Ủy Điện Biên (2019) 61-KH/TU ngày 20/3/2019 về thực hiện Kết luận số 44-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới của Tỉnh ủy Điện Biên
158. Tỉnh Ủy Điện Biên (2019) Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 20/5/2019 về thực hiện Quyết định số 99-QĐ/TW, ngày 03/10/2017 của Ban Bí thư Trung ương về ban hành Hướng dẫn khung để các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tiếp tục phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ của Tỉnh ủy Điện Biên.

159. Tỉnh Ủy Điện Biên: Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 29/7/2021 của Tỉnh ủy Điện Biên về *“Bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc, gắn với phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.*
160. Tỉnh Ủy Điện Biên: Chỉ thị số 34-CT/TU ngày 22/11/2023 về *tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc trong tình hình mới*
161. UBND tỉnh Điện Biên: *Báo cáo Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên lần thứ IV (tháng 11 năm 2024)*
162. Ủy Ban nhân dân tỉnh Điện Biên (2024), *Kế hoạch số 968/KH-UBND ngày 08/3/2024 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TU ngày 22/11/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc trong tình hình mới*
163. Ủy Ban nhân dân tỉnh Sơn La (2020), Quyết định số 1905/QĐ-UBND Ngày 01/9/2020 về *phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.*
164. Phan Xuân Sơn, Lưu Văn Quảng (đồng chủ biên) (2006), *Những vấn đề cơ bản về chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
165. Thào Xuân Sùng (1998), *Đảng bộ và nhân dân các tỉnh Tây Bắc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
166. HĐND tỉnh Lào Cai: Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 quy định về thu hút, hỗ trợ đào tạo, đãi ngộ nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó quy định thu hút, đào tạo cán bộ công chức viên chức người dân tộc thiểu số với mức hỗ trợ cao hơn).
167. HĐND tỉnh Lào Cai: Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về các chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025.
168. UBND tỉnh Lào Cai: (2020), *Báo cáo kết quả phát triển kinh tế - xã hội năm 2020.*

169. HĐND tỉnh Lào Cai: Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về Chính sách hỗ trợ khám chữa bệnh cho người thuộc hộ nghèo, người DTTS vùng khó khăn; phụ nữ thuộc hộ nghèo sinh con tại các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
170. HĐND tỉnh Lào Cai: Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của HĐND tỉnh về hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người cao tuổi và người dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù (dân tộc rất ít người) trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
171. HĐND tỉnh Lào Cai: Kế hoạch số 284/KH-UBND ngày 15/8/2022 về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh
172. HĐND tỉnh Lào Cai: Kế hoạch số 413/KH-UBND ngày 13/11/2023 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TU ngày 25/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng, chống tảo hôn trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2023 - 2030
173. Lô Quốc Toàn (2010), *Phát triển nguồn cán bộ dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
174. Phạm Xuân Thu, “*Một số kết quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tỉnh Sơn La (1986-2000)*”, Lịch sử Đảng.H 2015. Số 1
175. Tổng cục Thống kê (2016), *Niên giám Thống kê năm 2015*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
176. Tổng cục thống kê Việt Nam, <https://www.gso.gov.vn/px>
177. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (2021), Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt Đề án phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030
178. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (2021), Báo cáo quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

179. Ban dân tộc tỉnh Lai Châu - ban dân tộc HĐND tỉnh Lai Châu, Quy chế phối hợp công tác giữa ban dân tộc tỉnh và ban dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu giai đoạn 2018 - 2021.
180. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (2017) Kế hoạch số 1266/KH-UBND ngày 10/6/2017 về triển khai nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu
181. Tỉnh ủy Sơn La (2021), Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 31/8/2021 về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030
182. Ủy Ban nhân dân tỉnh Sơn La (2021), Kế hoạch số 260/KH-UBND ngày 05/11/2021 về việc triển khai Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 31/8/2021 về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030
183. Ủy Ban nhân dân tỉnh Sơn La (2019), Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số Việt Nam giai đoạn 2019-2025”
184. Ủy Ban nhân dân tỉnh Sơn La (2021), Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn II (2021-2025)”
185. Tỉnh Ủy Điện Biên (2021), Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 10/11/2021 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới của Tỉnh ủy Điện Biên
186. Tỉnh Ủy Điện Biên (2019) Kế hoạch số 61-KH/TU ngày 20/3/2019 về thực hiện Kết luận số 44-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới của Tỉnh ủy Điện Biên

187. Tỉnh Ủy Điện Biên (2021), Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 10/11/2021 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới của Tỉnh ủy Điện Biên
188. Tỉnh Ủy Điện Biên (2019) 61-KH/TU ngày 20/3/2019 về thực hiện Kết luận số 44-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới của Tỉnh ủy Điện Biên
189. Tỉnh Ủy Điện Biên (2019) Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 20/5/2019 về thực hiện Quyết định số 99-QĐ/TW, ngày 03/10/2017 của Ban Bí thư Trung ương về ban hành Hướng dẫn khung để các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tiếp tục phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ của Tỉnh ủy Điện Biên
190. Tỉnh Ủy Điện Biên: Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 29/7/2021 của Tỉnh ủy Điện Biên về “Bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc, gắn với phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.
191. Tỉnh Ủy Điện Biên: Chỉ thị số 34-CT/TU ngày 22/11/2023 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc trong tình hình mới
192. UBND tỉnh Điện Biên: Báo cáo Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên lần thứ IV (tháng 11 năm 2024)
193. Tỉnh ủy Điện Biên (2015), Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Điện Biên lần thứ XIII (Nhiệm kỳ 2015 - 2020)
194. Ủy Ban nhân dân tỉnh Sơn La (2020), Quyết định số 1905/QĐ-UBND Ngày 01/9/2020 về phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC

Phụ lục 01

PHIẾU KHẢO SÁT

(Đối tượng là người dân)

Kính chào ông (bà)!

Tôi đang nghiên cứu vấn đề: **XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI TÂY BẮC HIỆN NAY**. Rất mong nhận được sự hỗ trợ của đồng chí bằng việc trả lời những câu hỏi trong phiếu khảo sát. Dữ liệu thu thập được trong quá trình khảo sát chỉ dùng cho việc nghiên cứu, không sử dụng cho bất cứ hoạt động nào khác.

Hướng dẫn trả lời: Ông (bà) vui lòng đánh X vào ô tương ứng với phương án lựa chọn

Trân trọng cảm ơn ông (bà)!

PHẦN 1. MỘT SỐ THÔNG TIN CÁ NHÂN

I. Thông tin chung

1. Họ và tên (có thể để ẩn danh)
2. Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác
3. Độ tuổi: ☐ Dưới 18 ☐ 18-30 ☐ 31-45 ☐ 46-60 ☐ Trên 60
4. Dân tộc: ☐ Kinh ☐ Tày ☐ Nùng ☐ Mông ☐ Dao ☐ Thái ☐ Khác
(ghi rõ)
5. Nghề nghiệp: ☐ Nông dân ☐ Công nhân ☐ Viên chức ☐ Buôn bán
☐ Khác (ghi rõ)
6. Trình độ học vấn: ☐ Tiểu học ☐ THCS ☐ THPT ☐ Cao đẳng/Đại học trở lên

**PHẦN 2. Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA ĐỒNG CHÍ VỀ XÂY DỰNG KHỐI
ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC**

1.	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường	Không quan trọng
	<i>Theo ông (bà) khối đại đoàn kết dân tộc có quan trọng trong thời kỳ hiện nay? (Lựa chọn 1 phương án)</i>				
2	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường	Không quan trọng
	<i>Ông (bà) có cảm thấy cộng đồng nơi sống có sự đoàn kết giữa các dân tộc không? (Lựa chọn 1 phương án)</i>				
	Đoàn kết hỗ trợ nhau cùng chung sống ở địa phương				
	Đoàn kết trong trong phát triển văn hoá, xã hội				
	Đoàn kết bảo vệ an ninh biên giới				
	Giữ gìn sự đoàn kết tại địa phương				
	Tinh thần tích cực, chủ động trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc				
	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
3.	<i>Theo ông (bà) tình hình xây dựng khối đại đoàn kết ở địa phương sinh sống? (Lựa chọn 1 phương án)</i>				
	Có tinh thần trách nhiệm				
	Chính quyền địa phương có lãnh chỉ đạo xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc kịp thời không				
	Cán bộ thực hiện nhiệm vụ trong các tổ chức chính trị xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc				
	Mặt trận Tổ quốc các cấp hoạt động như thế nào				
	Trách nhiệm của chính quyền địa phương trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc				
	Cán bộ làm công tác dân vận có giữ mối liên hệ với Nhân dân tốt không				
	Cán bộ có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước				
	Cán bộ có trình độ hiểu biết về chuyên môn, nghiệp vụ không				

4	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
	<i>Theo ông (bà) ở nơi sinh sống mối quan hệ giữa các dân tộc như thế nào? (Lựa chọn 1 phương án)</i>				
	Tinh thần đoàn kết				
	Trách nhiệm, chia sẻ trong cộng đồng				
	Giải quyết tốt những sự việc ở địa phương				
	Đoàn kết cùng nhau tháo gỡ khó khăn				
5	<i>Theo ông (bà) những yếu tố nào tác động đến tinh thần xây dựng đoàn kết dân tộc (Chọn 01 phương án)</i>	Tác động rất nhiều	Tác động	Ít tác động	Không tác động
	Phong tục tập quán				
	Văn hoá				
	Ý thức tự giác của dân tộc				
	Tinh thần đoàn kết, tự nguyện				
6	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
	<i>Ông (bà) đánh giá thế nào về mức độ đạt được của cán bộ làm thực hiện nhiệm vụ ở địa phương? (Chọn 01 phương án)</i>				
	Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống cán bộ, đảng viên				
	Năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ địa phương				
	Giải quyết mối quan hệ với quần chúng nhân dân				
	Thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ địa phương				
7	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Đáp ứng đầy đủ yêu cầu	Chỉ đáp ứng một phần	Chưa đáp ứng	Hoàn toàn không đáp ứng
	<i>Ông (bà) nhận định như thế nào về thực hiện chủ trương, chính sách, các quy định, quy chế của Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền địa phương liên quan đến đại đoàn kết dân tộc? (Chọn 01 phương án)</i>				
8	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Có, thường xuyên	Có xảy ra	Ít xảy ra	Không xảy ra
	<i>Trong địa phương nơi ông (bà) sinh sống có xảy ra tình trạng mất đoàn kết không? (Chọn 01 phương án)</i>				

9	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Còn nhiều hạn chế
	Các tổ chức chính trị - xã hội đã thực hiện tốt vai trò của mình trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc? (Chọn 01 phương án)				
10	Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã phát huy vai trò trong xây dựng khối đại đoàn kết ở địa phương? (Chọn 01 phương án)				
11	Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam ở xã ông (bà) có phát huy vai trò của mình trong xây dựng đại đoàn kết dân tộc kịp thời không?				
	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất hiệu quả	Hiệu quả	Bình thường	Không hiệu quả
12	<i>Theo ông (bà), những phương thức sau đây có hiệu quả như thế nào trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương?</i>				
	Các buổi tuyên truyền, vận động về đại đoàn kết dân tộc				
	Việc triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế, giáo dục cho đồng bào các dân tộc				
	Các cuộc họp thôn/bản, tổ dân phố để bàn bạc, giải quyết các vấn đề chung				
	Việc giải quyết các mâu thuẫn, bất đồng giữa các nhóm dân tộc/cá nhân trong cộng đồng				
13	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất quan tâm	Quan tâm	Bình thường	Không quan tâm
	<i>Ông (bà) có nhận thấy sự chia rẽ hoặc mâu thuẫn mất đoàn kết giữa các nhóm dân tộc ở địa phương hiện nay? (Chọn 01 phương án)</i>				
14	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Kịp thời, đảm bảo đúng quy trình	Còn bị động	Có thực hiện nhưng chưa đảm bảo	Còn nhiều hạn chế
	<i>Ông (bà) đánh giá như thế nào về triển khai các chính sách xây dựng khối đại đoàn dân tộc ở địa phương? (Chọn 01 phương án)</i>				

15	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất phù hợp, thiết thực	Còn chông chéo	Chưa đúng đối tượng	Chưa phù hợp
	Ông (bà) nhận định như thế nào về các chương trình, đề án phát triển kinh tế nhằm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc? (Chọn 01 phương án)				
16	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Còn nhiều hạn chế
	Ông (bà) nhận định như thế nào về các chương trình, đề án phát triển văn hoá - xã hội nhằm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ? (Chọn 01 phương án)				
17	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Còn nhiều hạn chế
	Ông (bà) nhận định thế nào về chính sách hỗ trợ đối với đồng bào các dân tộc thiểu số ở địa phương nhằm góp phần xây dựng đại đoàn kết dân tộc hiện nay? (Chọn 01 phương án)				
18	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Còn nhiều hạn chế
	Ông (bà) nhận định thế nào về ý thức, tính tự giác của người dân địa phương khi tham gia vào? (Chọn 01 phương án)				
19	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Còn nhiều hạn chế
	Ông (bà) nhận định thế nào về chất lượng của cán bộ được bố trí, sử dụng trong bộ máy chính quyền địa phương trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc? (Chọn 01 phương án)				
20	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Tổ chức đầy đủ, thu hút	Tổ chức đủ	Có tổ chức nhưng hiệu quả chưa cao	Không hiệu quả
	Ông (bà) nhận định như thế nào về ngày hội đại đoàn kết dân tộc hàng năm? (Chọn 01 phương án)				

21	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Hàng năm đều tổ chức	Có nhưng ít	Thi thoảng	Không có hoạt động nào
	Ở địa phương ông (bà) có các hoạt động giao lưu văn hoá với các tỉnh giáp biên không? (Chọn 01 phương án)				
22	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Triển khai kịp thời	Triển khai khá kịp thời	Chưa kịp thời	Không kịp thời
	Theo ông (bà) Chủ trương, chính sách, các quy định, quy chế của Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền địa phương về đại đoàn kết triển khai có kịp thời không? (Chọn 01 phương án)				
23	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất quan tâm	Quan tâm	Bình thường	Không quan tâm
	Ông (bà) đánh giá như thế nào về mức độ quan tâm của cấp ủy, chính quyền tỉnh, xã đối với những khó khăn trong xây dựng khối đại đoàn kết ở địa phương? (Chọn 01 phương án)				
24	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
	Theo ông (bà) giá như thế nào về cấp ủy, chính quyền địa phương giải quyết những vấn đề khó khăn trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương hiện nay? (Chọn 01 phương án)				
25	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
	Ông (bà) đánh giá thế nào về chất lượng của đội ngũ cán bộ tham gia xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương hiện nay? (Chọn 01 phương án)				
	Phẩm chất chính trị				
	Đạo đức, lối sống				
	Năng lực chuyên môn				
	Năng lực lãnh đạo, quản lý				
	Khả năng tuyên truyền				
	Uy tín trong dân chúng				
	Vai trò, trách nhiệm nêu gương				

Phụ lục 02
PHIẾU KHẢO SÁT

(Đối tượng là cán bộ tham gia vào xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc)

Kính chào đồng chí!

Tôi đang nghiên cứu vấn đề: **XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI TÂY BẮC HIỆN NAY**. Rất mong nhận được sự hỗ trợ của đồng chí bằng việc trả lời những câu hỏi trong phiếu khảo sát. Dữ liệu thu thập được trong quá trình khảo sát chỉ dùng cho việc nghiên cứu, không sử dụng cho bất cứ hoạt động nào khác.

Hướng dẫn trả lời: Đồng chí vui lòng đánh X vào ô tương ứng với phương án lựa chọn

Trân trọng cảm ơn đồng chí!

PHẦN 1. MỘT SỐ THÔNG TIN CÁ NHÂN

I. Thông tin chung

1. Họ và tên (có thể để ẩn danh)
2. Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác
3. Độ tuổi: ☐ Dưới 18 ☐ Từ 18-30 ☐ từ 31-45 ☐ từ 46-60 ☐ Trên 60
4. Dân tộc: ☐ Kinh ☐ Tày ☐ Nùng ☐ Mông ☐ Dao ☐ Thái ☐ Khác (ghi rõ)
5. Nghề nghiệp: ☐ Cơ quan Đảng ☐ cơ quan chính quyền Nhà nước ☐ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ☐ Khác (ghi rõ)
6. Trình độ học vấn: ☐ Tiểu học ☐ THCS ☐ THPT ☐ Cao đẳng/Đại học trở lên
7. Chức vụ/ Vị trí công tác:

☐ Lãnh đạo cơ quan/đơn vị	☐ Cán bộ quản lý
☐ Cán bộ, nhân viên	☐ Khác (ghi rõ)
8. Thời gian công tác trong lĩnh vực đoàn kết dân tộc:

☐ Dưới 01 năm	☐ Từ 01 -> 05 năm	☐ Từ 06 -> 10 năm	☐ Trên 10 năm
--------------------------------------	--	--	--------------------------------------

PHẦN 2. Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA ĐỒNG CHÍ VỀ XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường	Không quan trọng
1.	<i>Theo đánh giá của đồng chí, các lực lượng sau đây đóng vai trò như thế nào trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tại địa phương</i>				
	Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội				
	Cấp ủy đảng, chính quyền địa phương				
	Người có uy tín trong cộng đồng				
	Nhân dân các dân tộc				
	Tôn giáo, tín ngưỡng				
	Thanh niên, phụ nữ, nông dân...				
2	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường	Không quan trọng
	<i>Đánh giá về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc nơi anh/chị sinh sống (Lựa chọn 1 phương án)</i>				
	Đoàn kết hỗ trợ nhau cùng chung sống ở địa phương				
	Đoàn kết trong phát triển văn hoá, xã hội				
	Đoàn kết bảo vệ an ninh- quốc phòng				
	Đoàn kết trong xây dựng nông thôn mới				
	Đoàn kết trong phát triển kinh tế ở địa phương				
	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
3.	<i>Theo anh/chị kết quả xây dựng khối đại đoàn kết ở địa phương sinh sống? (Lựa chọn 1 phương án)</i>				
	Công tác lãnh chỉ đạo của chính quyền địa phương trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc				
	Trách nhiệm của chính quyền địa phương trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc				
	Việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ trong Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc				
	Về tinh thần trách nhiệm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của cán bộ, công chức viên chức				
	Trách nhiệm của cán bộ làm công tác dân vận trong giữ mối liên hệ với Nhân dân				

	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
4	<i>Anh/chị đánh giá mức độ tham gia của cộng đồng các dân tộc ở địa phương vào các hoạt động đoàn kết dân tộc như thế nào? (Lựa chọn 1 phương án)</i>				
	Tinh thần đoàn kết dân tộc				
	Trách nhiệm, chia sẻ trong cộng đồng				
	Giải quyết những sự việc ở địa phương				
	Đoàn kết cùng nhau tháo gỡ khó khăn				
	Tinh thần tích cực, chủ động trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc				
5	<i>Theo anh/chị những yếu tố nào tác động đến tinh thần xây dựng đoàn kết dân tộc (Chọn 01 phương án)</i>	Tác động rất lớn	Tác động	Có tác động	Không tác động
	Phong tục tập quán				
	Văn hoá của các dân tộc				
	Ý thức tự giác của dân tộc				
	Tinh thần đoàn kết				
	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
6	<i>Anh/chị đánh giá thế nào về mức độ đạt được của cán bộ làm thực hiện nhiệm vụ ở địa phương hiện nay? (Chọn 01 phương án)</i>				
	Chất lượng chính trị, đạo đức, lối sống cán bộ				
	Năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ				
	Giải quyết mối quan hệ với quần chúng nhân dân				
	Thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ				
	Trình độ hiểu biết lý luận, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong thực hiện xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc				
	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Đáp ứng đầy đủ yêu cầu	Chỉ đáp ứng một phần	Chưa đáp ứng	Không đáp ứng
7	<i>Anh (chị) nhận định như thế nào về chủ trương, chính sách, các quy định, quy chế của Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền địa phương liên quan đến đại đoàn kết dân tộc có đáp ứng được trong thực tế không? (Chọn 01 phương án)</i>				
	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Có, thường xuyên	Có xảy ra	Bình thường	Không quan tâm
8	<i>Trong địa phương nơi anh (chị) sinh sống và làm việc có xảy ra tình trạng mất đoàn kết không? (Chọn 01 phương án)</i>				

9	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Kịp thời, đảm bảo	Còn bị động	Có thực hiện nhưng chưa đảm bảo	Còn nhiều hạn chế
	Anh (chị) đánh giá như thế nào về chính quyền địa phương triển khai các chính sách thực hiện xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương? (Chọn 01 phương án)				
10	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
	Anh (chị) đánh giá mức độ hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc? (Chọn 01 phương án)				
11	Theo anh (chị) Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam ở xã có phát huy vai trò của mình trong xây dựng đại đoàn kết dân tộc kịp thời không?				
12	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất tốt	Bình thường	Chưa tốt	Rất kém
	Anh/ chị đánh giá như thế nào về năng lực và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của các lực lượng sau đây trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương?				
	Cán bộ chính quyền địa phương (các cấp)				
	Cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp				
	Cán bộ các tổ chức chính trị - xã hội (Đoàn, Hội, v.v.)				
	Các già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng				
	Các chức sắc, nhà tu hành tôn giáo				
	Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế				
13	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Đáp ứng đầy đủ yêu cầu	Chỉ đáp ứng một phần	Chưa đáp ứng	Không đáp ứng
	Anh /chị nhận định như thế nào về chủ trương, chính sách, các quy định, quy chế của Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền địa phương liên quan đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc? (Chọn 01 phương án)				
14	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất quan tâm	Có quan tâm	Bình thường	Không quan tâm
	Theo anh (chị) các biểu hiện chia rẽ hoặc gây mâu thuẫn mất đoàn kết dân tộc ở địa phương hiện nay có được các chủ thể quan tâm? (Chọn 01 phương án)				
	Cấp ủy, chính quyền địa phương				
	Cán bộ, công nhân viên chức và người lao động ở địa phương				
	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp				
	Già làng, trưởng bản, người có uy tín				
	Thanh niên, học sinh				
	Người cao tuổi				

15	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Kịp thời, đảm bảo đúng quy trình	Còn bị động	Có thực hiện nhưng chưa đảm bảo	Còn nhiều hạn chế
	Theo anh (chị) tiến độ về triển khai các chính sách xây dựng khối đại đoàn dân tộc ở địa phương? (Chọn 01 phương án)				
16	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất phù hợp, thiết thực	Còn chông chéo	Chưa đúng đối tượng	Chưa phù hợp
	Anh (chị) nhận định như thế nào về các chương trình, đề án phát triển kinh tế nhằm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ? (Chọn 01 phương án)				
17	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Còn nhiều hạn chế
	Anh (chị) nhận định như thế nào về các chương trình, đề án phát triển văn hóa - xã hội nhằm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc? (Chọn 01 phương án)				
18	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Còn nhiều hạn chế
	Đồng chí đánh giá mức độ hiệu quả của các hình thức/hoạt động sau trong việc củng cố và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc tại địa phương:				
	Các hoạt động đoàn kết, hỗ trợ nhau trong đời sống, lao động, sản xuất				
	Các hoạt động bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa và giao lưu văn hóa giữa các dân tộc				
	Các hoạt động chung tay xây dựng nông thôn mới/đô thị văn minh				
	Các hoạt động giữ gìn an ninh trật tự, quốc phòng, an ninh biên giới				
	Việc tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc hàng năm				
	Các hoạt động giao lưu, hợp tác với các tỉnh/vùng giáp biên giới của nước bạn				
19	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Chưa thực sự đúng đối tượng
	Anh (chị) nhận định thế nào về chính sách hỗ trợ đối với đồng bào các dân tộc thiểu số ở địa phương nhằm góp phần xây dựng đại đoàn kết dân tộc hiện nay? (Chọn 01 phương án)				

20	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Còn chủ quan, ít quan tâm
	Anh (chị) nhận định thế nào về ý thức, tinh tự giác của người dân địa phương khi tham gia vào xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc? (Chọn 01 phương án)				
21	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Còn nhiều hạn chế
	Anh (chị) nhận định thế nào về khâu đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ cấp cơ sở trong quá trình tham gia vào xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc? (Chọn 01 phương án)				
22	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
23	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất đầy đủ	Đầy đủ	Không đầy đủ	Không tham gia
	Anh (chị) có tham gia vào các hoạt động tuyên truyền, giao lưu văn hoá, kết nối cộng đồng dân tộc? (Chọn 01 phương án)				
24	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
	Anh (chị) đánh giá như thế nào về cấp uỷ, chính quyền địa phương giải quyết những vấn đề khó khăn trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương hiện nay? (Chọn 01 phương án)				

25	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
	<i>Anh/chị đánh giá thế nào về chất lượng của đội ngũ cán bộ tham gia xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương hiện nay? (Chọn 01 phương án)</i>				
	Phẩm chất chính trị				
	Đạo đức, lối sống				
	Năng lực chuyên môn				
	Năng lực lãnh đạo, quản lý				
	Khả năng tuyên truyền, vận động, thuyết phục				
	Uy tín trong tập thể, khu dân cư				
	Vai trò, trách nhiệm nêu gương				
26	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Tác động lớn	Chỉ tác động một phần	Ít tác động	Hoàn toàn không tác động
	<i>Theo anh/chị các chính sách sau có tác động đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay?</i>				
	Chính sách phát triển kinh tế có tác động như thế nào đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay?				
	Chính sách giáo dục và đào tạo có tác động đến xây dựng đại đoàn kết dân tộc?				
	Chính sách bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc có tác động đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc?				
	Chính sách đối ngoại, hợp tác với các nước láng giềng có ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết dân tộc?				
27	NỘI DUNG CÂU HỎI	PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN			
		Rất quan tâm	Quan tâm	Bình thường	Không quan tâm
	<i>Anh/chị cho biết khi thực hiện tuyên truyền, thuyết phục xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc Nhân dân các dân tộc có quan tâm đến: (Chọn 01 phương án)</i>				
	Nội dung tuyên truyền, thuyết phục				
	Cán bộ tuyên truyền, thuyết phục				
	Kết quả tuyên truyền, thuyết phục				
	Năng lực và phẩm chất đạo đức cán bộ				
	Hình thức tuyên truyền, thuyết phục				
	Phương pháp tuyên truyền, thuyết phục				

PHỤ LỤC 03
TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA KHẢO SÁT
(Mẫu phiếu 01- Dành cho người dân)

- **Thời gian khảo sát:** tháng 4 năm 2025
- **Địa điểm:** 4 tỉnh Lào Cai, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên
- **Tổng số câu hỏi:** 25 câu
- **Đối tượng khảo sát:** Người dân
- **Số phiếu phát ra:** 330 phiếu
- **Số phiếu thu về:** 330 phiếu
- **Phương pháp:** Phiếu điều tra được thực hiện qua ứng dụng Google Forms và tổng hợp bằng Excel.

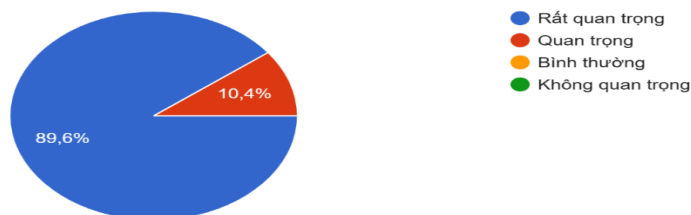
KẾT QUẢ PHIẾU KHẢO SÁT

I. Phần thông tin cá nhân

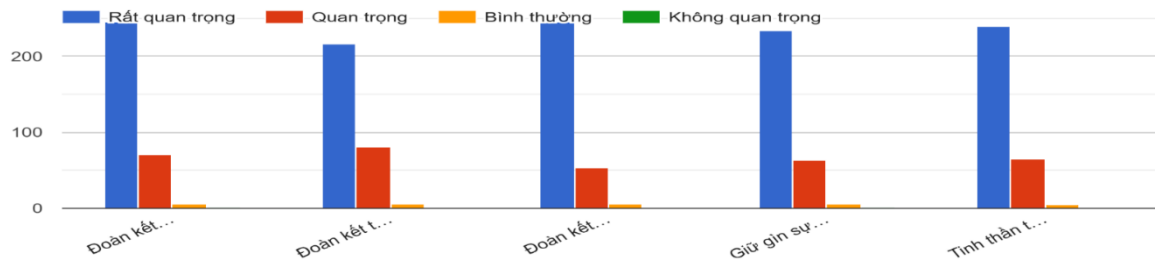
1. Giới tính: Nam: 45%; Nữ: 55%
2. Độ tuổi: Dưới 18: 11%; từ 18 đến 30: 10,7%; từ 31 đến 45: 64,4%; từ 46 đến 60: 12,9%; trên 60: 09%
3. Dân tộc: Kinh: 61,2%; Tày: 9,8%; Thái 1,5%; Mông: 9,5%; Dao: 7,1%; Nùng: 4,5%; khác: 22%
4. Nghề nghiệp: Nông dân: 32,4%; Công chức: 20,5%; buôn bán: 1,6%; công nhân: 4%; Viên chức: 21,6%; Khác: 19,9%
5. Trình độ: Tiểu học: 1,2%; THCS: 24,6%; THPT: 22,2%; cao đẳng, đại học: 51,9%;

II. Phần ý kiến đánh giá về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

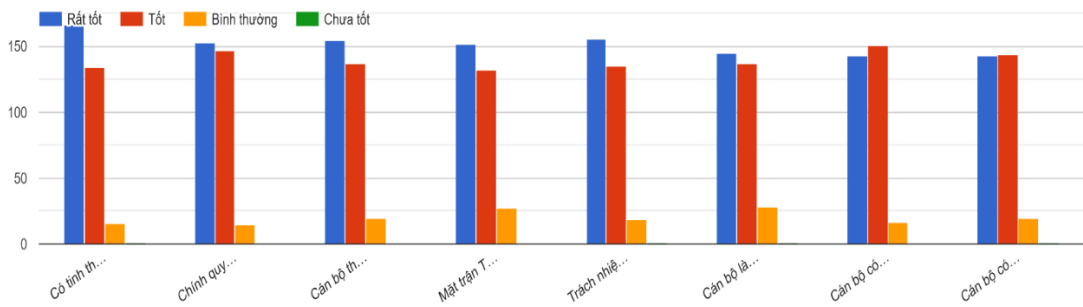
Câu 1. Theo ông (bà) khối đại đoàn kết dân tộc có quan trọng trong thời kỳ hiện nay? (Lựa chọn 1 phương án)
 328 câu trả lời



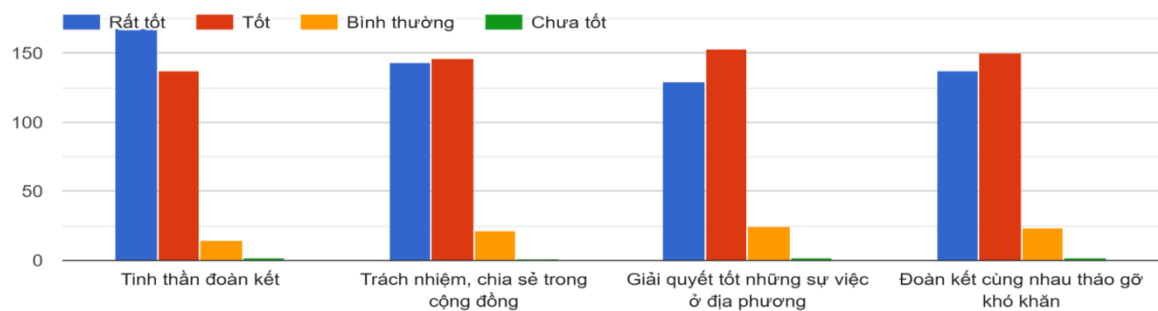
Câu 2. Ông (bà) có cảm thấy cộng đồng nơi sống có sự đoàn kết giữa các dân tộc không? (Lựa chọn 1 phương án)



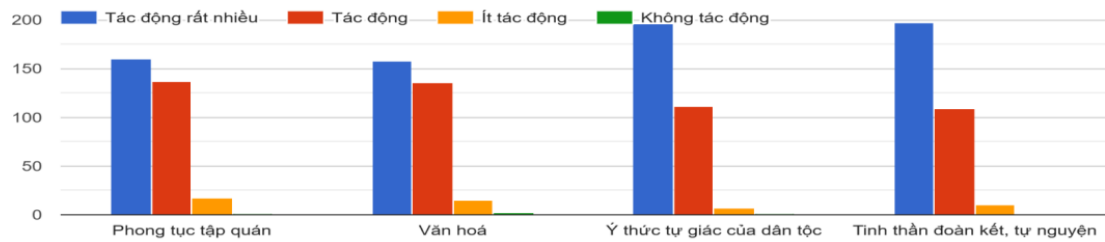
Câu 3. Theo ông (bà) tình hình xây dựng khối đại đoàn kết ở địa phương sinh sống? (Lựa chọn 1 phương án)



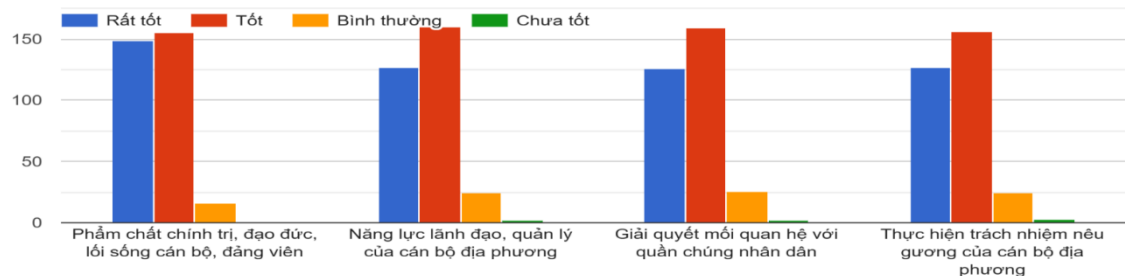
Câu 4. Theo ông (bà) ở nơi sinh sống mối quan hệ giữa các dân tộc như thế nào? (Lựa chọn 1 phương án)



Câu 5. Theo ông (bà) những yếu tố nào tác động đến tinh thần xây dựng đoàn kết dân tộc (Chọn 01 phương án)



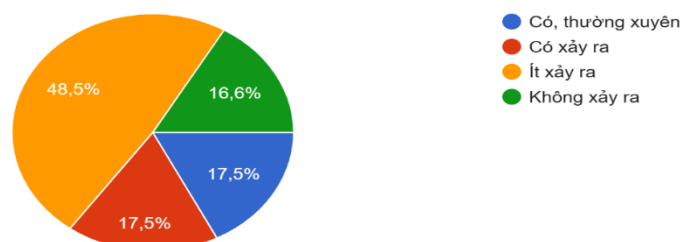
Câu 6. Ông (bà) đánh giá thế nào về mức độ đạt được của cán bộ làm thực hiện nhiệm vụ ở địa phương? (Chọn 01 phương án)



Câu 7. Ông (bà) nhận định như thế nào về thực hiện chủ trương, chính sách, các quy định, quy chế của Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền địa phương...an đến đại đoàn kết dân tộc? (Chọn 01 phương án)
325 câu trả lời

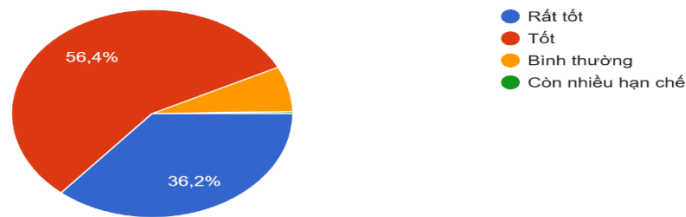


Câu 8. Trong địa phương nơi ông (bà) sinh sống có xảy ra tình trạng mất đoàn kết không? (Chọn 01 phương án)
326 câu trả lời



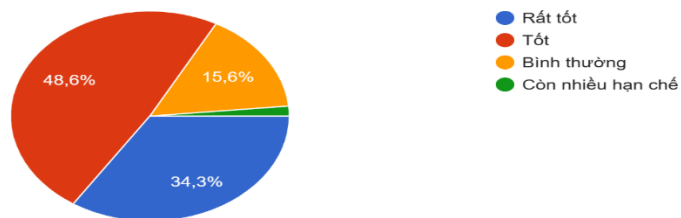
Câu 9. Các tổ chức chính trị - xã hội đã thực hiện tốt vai trò của mình trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc? (Chọn 01 phương án)

326 câu trả lời



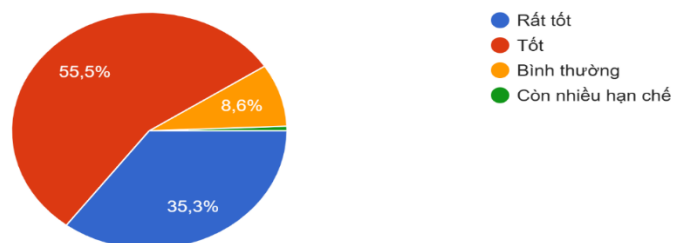
Câu 10. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã phát huy vai trò trong xây dựng khối đại đoàn kết ở địa phương? (Chọn 01 phương án)

327 câu trả lời

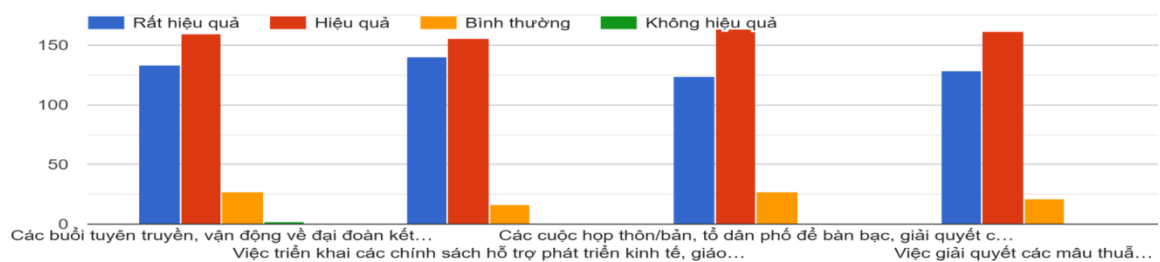


Câu 11. Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam ở xã ông (bà) có phát huy vai trò của mình trong xây dựng đại đoàn kết dân tộc kịp thời không?

326 câu trả lời

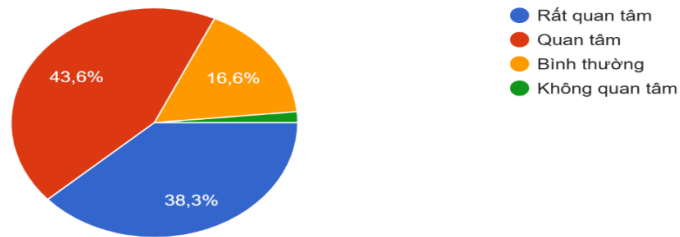


Câu 12. Theo ông (bà), những phương thức sau đây có hiệu quả như thế nào trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương



Câu 13. Ông (bà) có nhận thấy sự chia rẽ hoặc mâu thuẫn mất đoàn kết giữa các nhóm dân tộc ở địa phương hiện nay? (Chọn 01 phương án)

326 câu trả lời



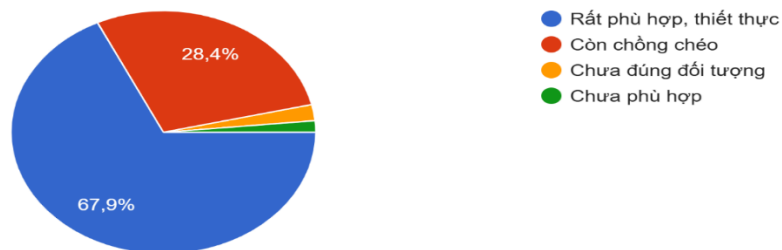
Câu 14. Ông (bà) đánh giá như thế nào về triển khai các chính sách xây dựng khối đại đoàn dân tộc ở địa phương? (Chọn 01 phương án)

325 câu trả lời



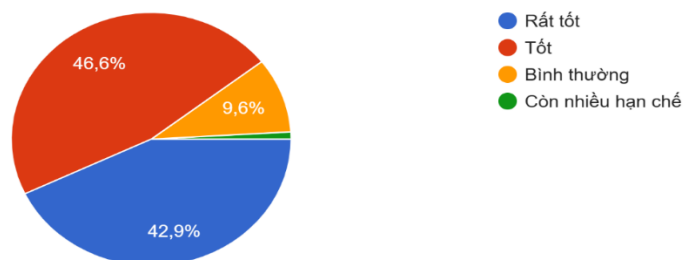
Câu 15. Ông (bà) nhận định như thế nào về các chương trình, đề án phát triển kinh tế nhằm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc? (Chọn 01 phương án)

327 câu trả lời



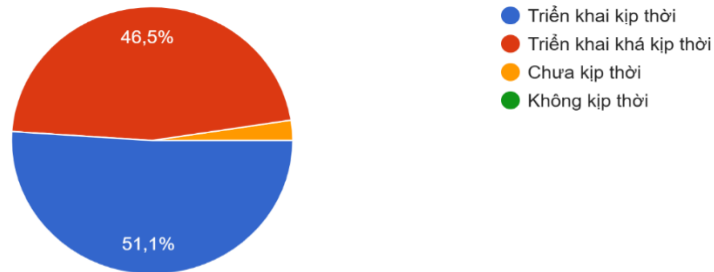
Câu 16. Ông (bà) nhận định như thế nào về các chương trình, đề án phát triển văn hoá - xã hội nhằm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ? (Chọn 01 phương án)

324 câu trả lời



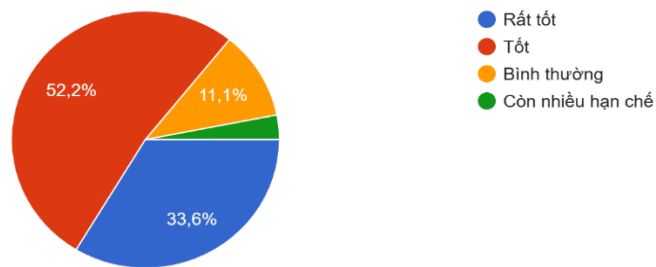
Câu 17. Ông (bà) nhận định thế nào về chính sách hỗ trợ đối với đồng bào các dân tộc thiểu số ở địa phương nhằm góp phần xây dựng đại đoàn kết dân tộc hiện nay? (Chọn 01 phương án)

327 câu trả lời



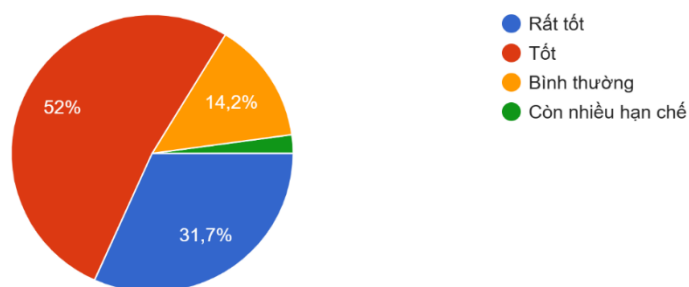
Câu 18. Ông (bà) nhận định thế nào về ý thức, tính tự giác của người dân địa phương khi tham gia vào? (Chọn 01 phương án)

324 câu trả lời



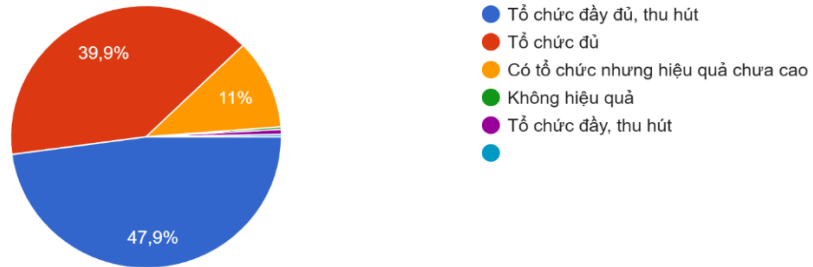
Câu 19. Ông (bà) nhận định thế nào về chất lượng của cán bộ được bố trí, sử dụng trong bộ máy chính quyền địa phương trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc? (Chọn 01 phương án)

325 câu trả lời



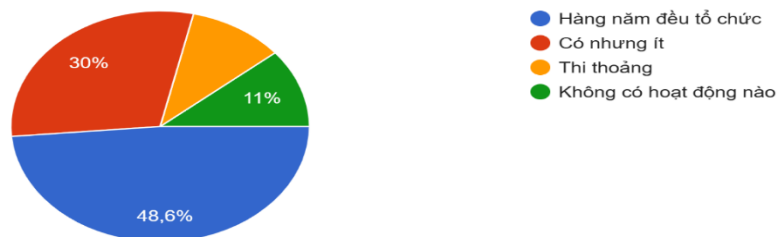
Câu 20. Ông (bà) nhận định như thế nào về ngày hội đại đoàn kết dân tộc hàng năm? (Chọn 01 phương án)

326 câu trả lời



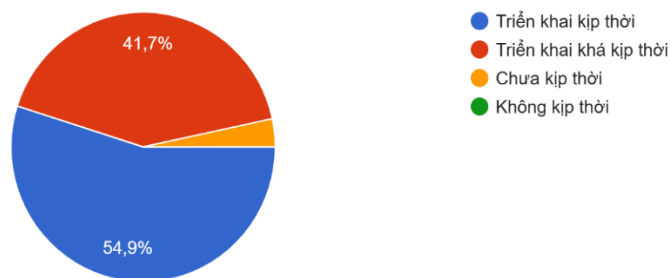
Câu 21. Ở địa phương ông (bà) có các hoạt động giao lưu văn hoá với các tỉnh giáp biên không? (Chọn 01 phương án)

327 câu trả lời



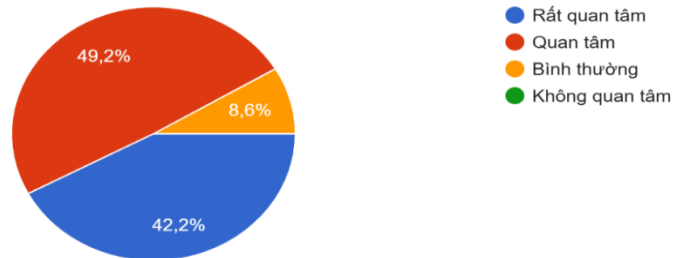
Câu 22. Theo ông (bà) Chủ trương, chính sách, các quy định, quy chế của Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền địa phương về đại đoàn kết triển khai có kịp thời không? (Chọn 01 phương án)

326 câu trả lời



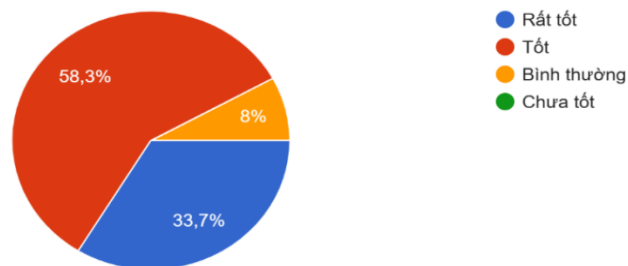
Câu 23. Ông (bà) đánh giá như thế nào về mức độ quan tâm của cấp ủy, chính quyền tỉnh, xã đối với những khó khăn trong xây dựng khối đại đoàn kết ở địa phương? (Chọn 01 phương án)

327 câu trả lời

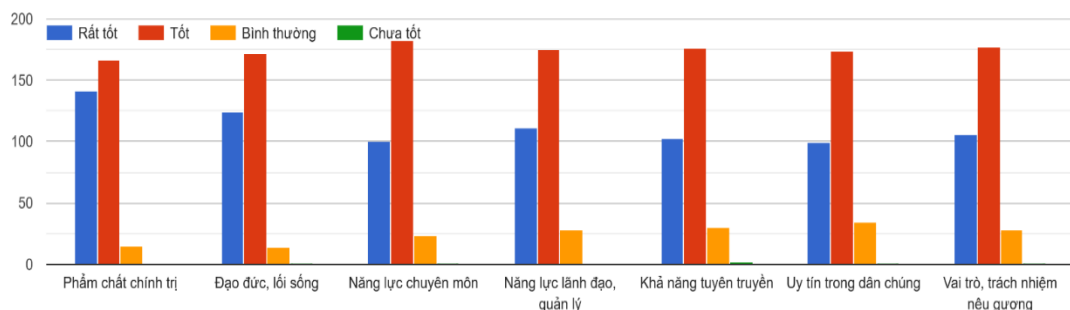


Câu 24. Theo ông (bà) đánh giá như thế nào về cấp ủy, chính quyền địa phương giải quyết những vấn đề khó khăn trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương hiện nay? (Chọn 01 phương án)

326 câu trả lời



Câu 25. Ông (bà) đánh giá thế nào về chất lượng của đội ngũ cán bộ tham gia xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương hiện nay? (Chọn 01 phương án)



PHỤ LỤC 04

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA KHẢO SÁT

(Phụ biểu 2. Phiếu dành có cán bộ tham gia vào xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc)

- Thời gian khảo sát: tháng 4 năm 2025
- Địa điểm: 4 tỉnh Lào Cai, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên
- Tổng số câu hỏi: 27 câu
- Đối tượng khảo sát: Cán bộ
- Số phiếu phát ra: 235 phiếu
- Số phiếu thu về: 235 phiếu
- Phương pháp: Phiếu điều tra được thực hiện qua ứng dụng Google Forms và tổng hợp bằng Excel.

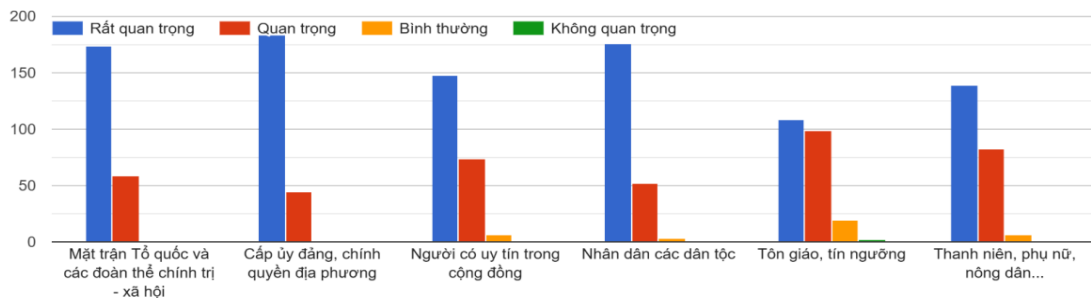
KẾT QUẢ PHIẾU KHẢO SÁT

I. Phần thông tin cá nhân

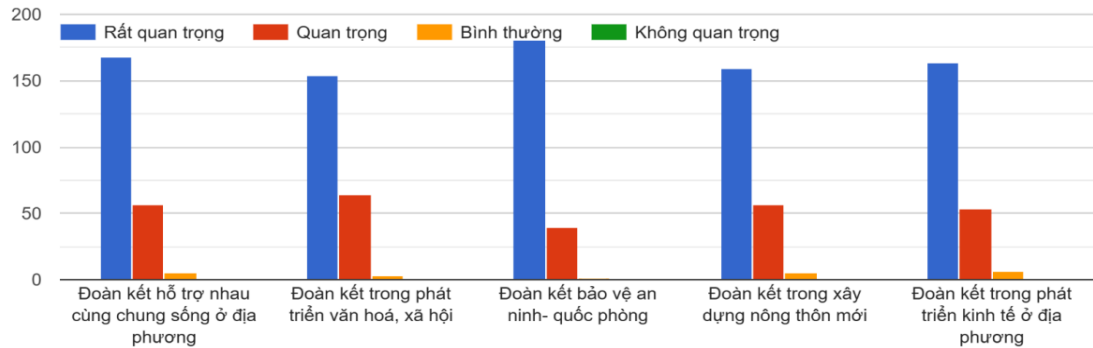
1. Giới tính: Nam: 57,9%; Nữ: 42,1%
2. Độ tuổi: Từ 18 đến 30: 11,9%; từ 31 đến 45: 80,9%; từ 46 đến 60: 7,2%.
3. Dân tộc: Kinh: 53,2%; Tày: 9,4%; Thái 13,6%; Mông: 12,3%; Dao: 2,1%; Nùng: 3,4%; khác: 6,0%
4. Nghề nghiệp: Cơ quan Đảng: 3,8%; Cơ quan chính quyền: 35,9%; Mặt Trận Tổ quốc: 10,1%; 4%; Viên chức: 25,6%; Khác: 24,6%
5. Trình độ: Tiểu học: 0; THCS: 0; THPT: 3,8%; cao đẳng, đại học: 95,3%

II. Phần ý kiến đánh giá về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

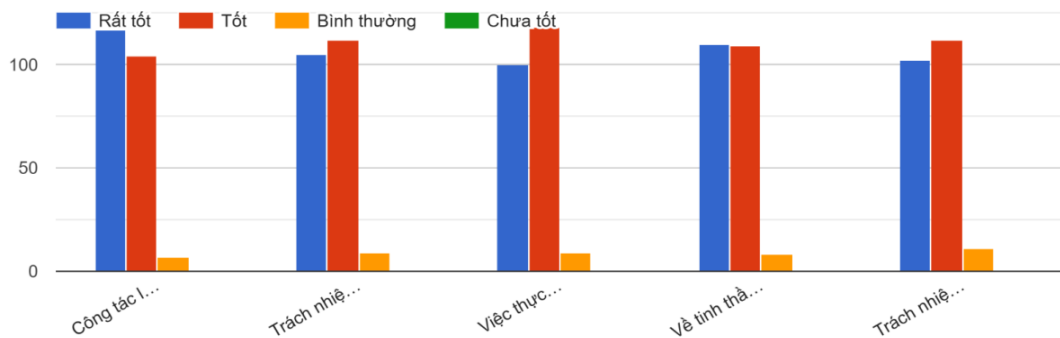
Câu 1. Theo đánh giá của đồng chí, các lực lượng sau đây đóng vai trò như thế nào trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tại địa phương



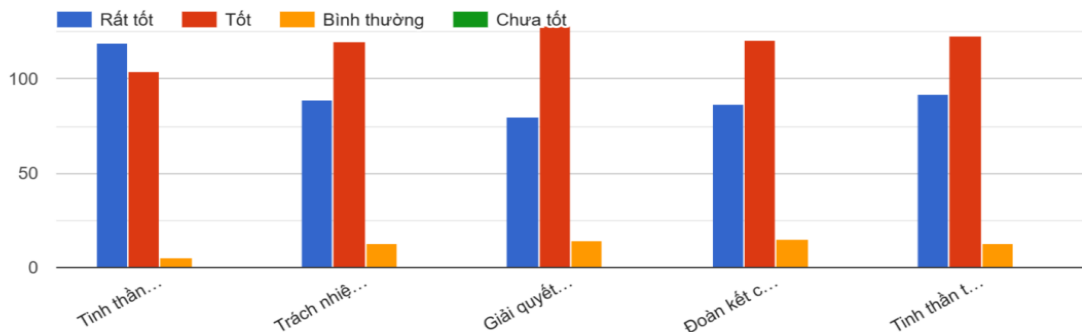
Câu 2. Đánh giá về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc nơi anh /chị sinh sống (Lựa chọn 1 phương án)



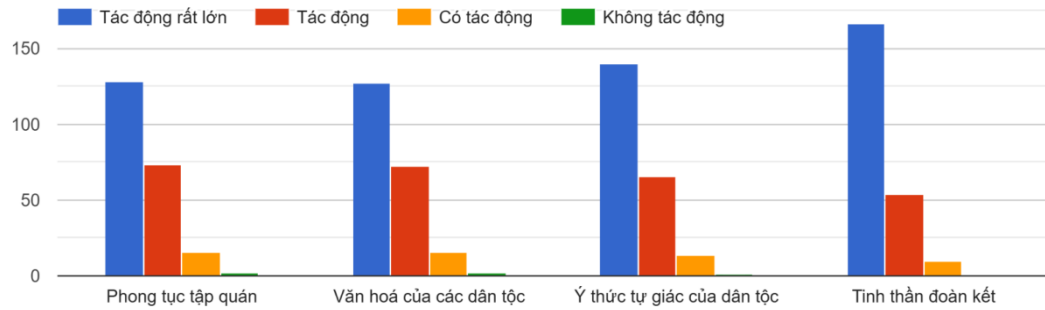
Câu 3. Theo anh/chị kết quả xây dựng khối đại đoàn kết ở địa phương sinh sống? (Lựa chọn 1 phương án)



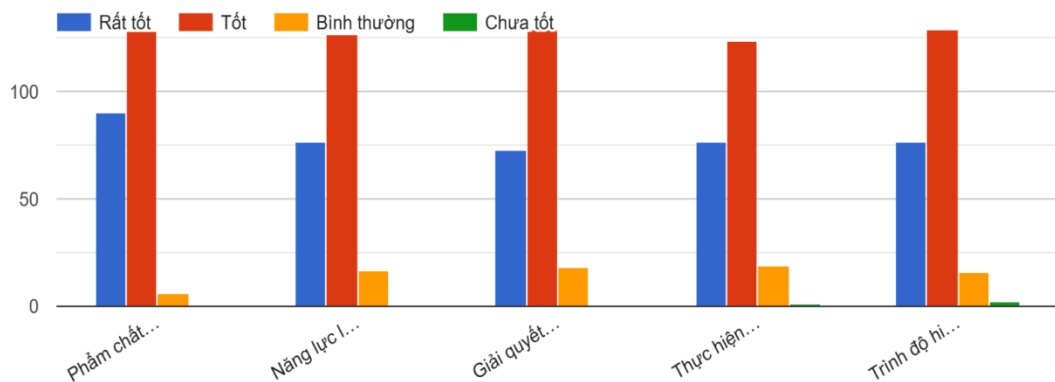
Câu 4. Anh/chị đánh giá mức độ tham gia của cộng đồng các dân tộc ở địa phương vào các hoạt động đoàn kết dân tộc như thế nào? (Lựa chọn 1 phương án)



Câu 5. Theo anh/chị những yếu tố nào tác động tích cực đến tinh thần xây dựng đoàn kết dân tộc (Chọn 01 phương án)

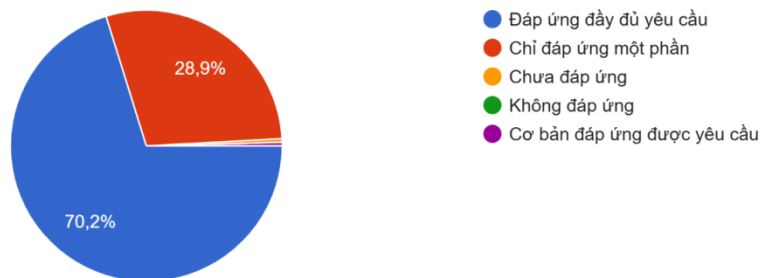


Câu 6. Anh/chị đánh giá thế nào về mức độ đạt được của cán bộ làm thực hiện nhiệm vụ ở địa phương hiện nay? (Chọn 01 phương án)



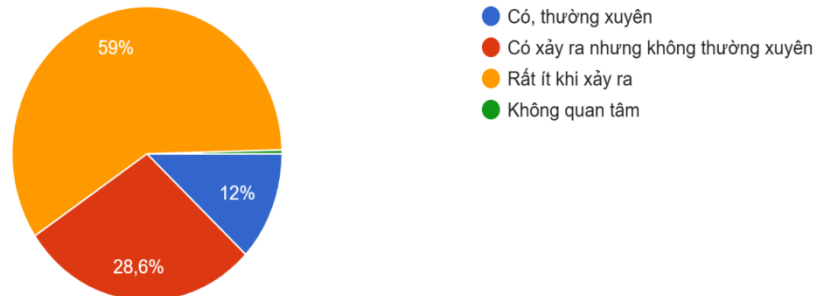
Câu 7. Anh (chị) nhận định như thế nào về chủ trương, chính sách, các quy định, quy chế của Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền địa phương liên qu...ng được trong thực tế không? (Chọn 01 phương án)

235 câu trả lời



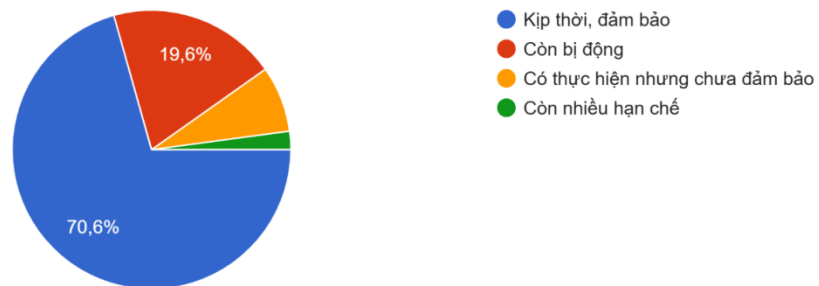
Câu 8. Trong địa phương nơi anh (chị) sinh sống và làm việc có xảy ra tình trạng mất đoàn kết không? (Chọn 01 phương án)

234 câu trả lời



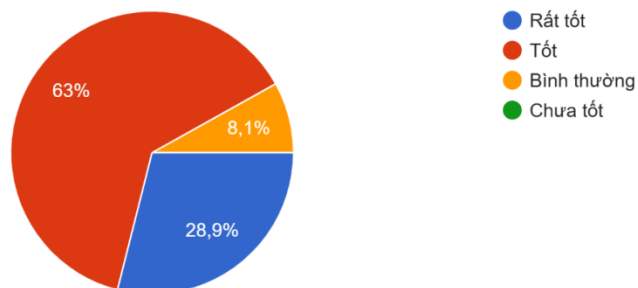
Câu 9. Anh (chị) đánh giá như thế nào về chính quyền địa phương triển khai các chính sách thực hiện xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương? (Chọn 01 phương án)

235 câu trả lời



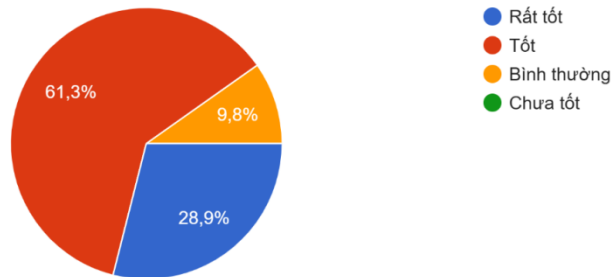
Câu 10. Anh (chị) đánh giá mức độ hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc? (Chọn 01 phương án)

235 câu trả lời

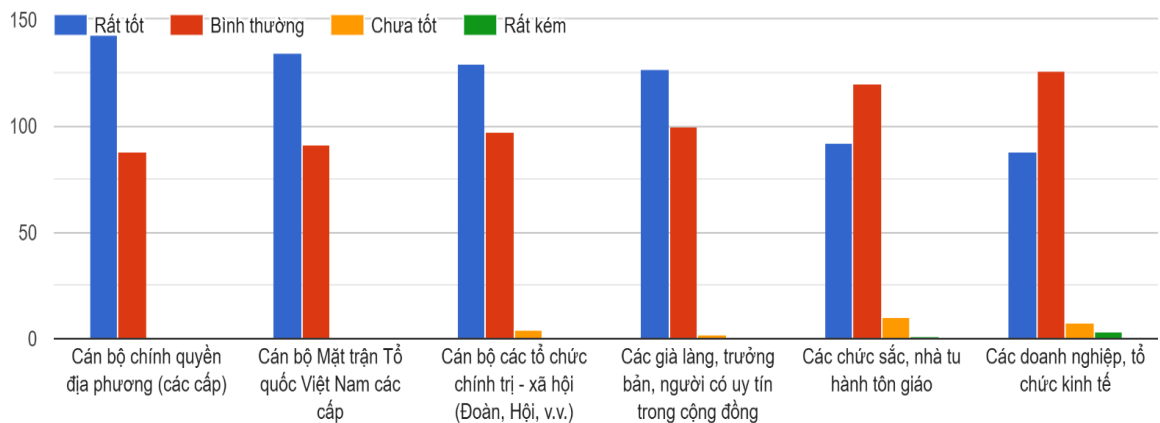


Câu 11. Theo anh (chị) Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam ở xã có phát huy vai trò của mình trong xây dựng đại đoàn kết dân tộc kịp thời không?

235 câu trả lời

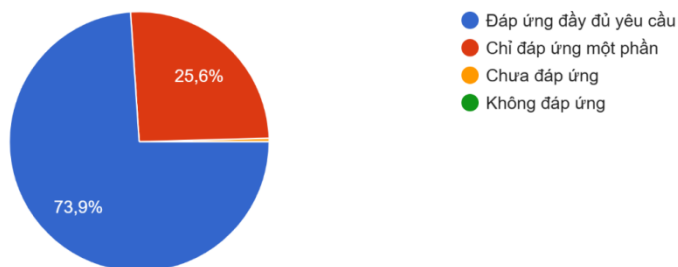


Câu 12. Anh/ chị đánh giá như thế nào về năng lực và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của các lực lượng sau đây trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương?

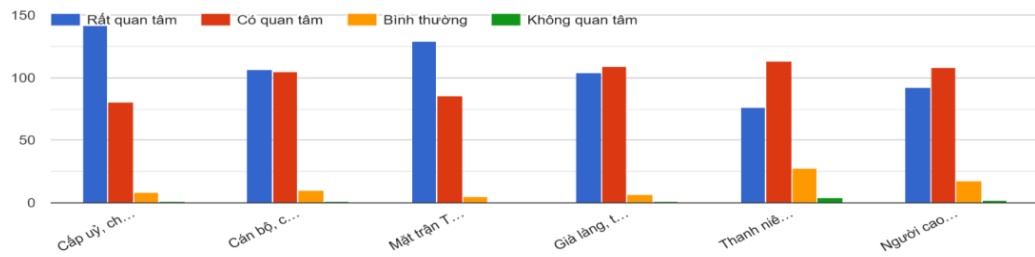


Câu 13. Anh /chị nhận định như thế nào về chủ trương, chính sách, các quy định, quy chế của Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền địa phương liên quan...g khối đại đoàn kết dân tộc? (Chọn 01 phương án)

234 câu trả lời



Câu 14. Theo anh (chị) các biểu hiện chia rẽ hoặc gây mâu thuẫn mất đoàn kết dân tộc ở địa phương hiện nay có được các chủ thể quan tâm? (Chọn 01 phương án)



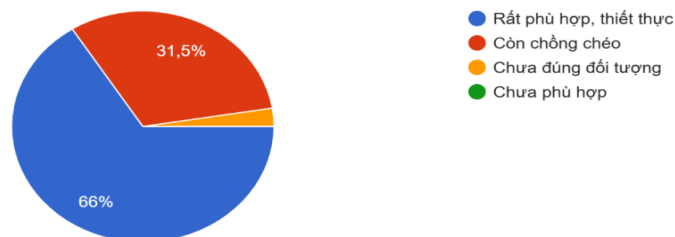
Câu 15. Theo anh (chị) tiến độ về triển khai các chính sách xây dựng khối đại đoàn dân tộc ở địa phương? (Chọn 01 phương án)

235 câu trả lời



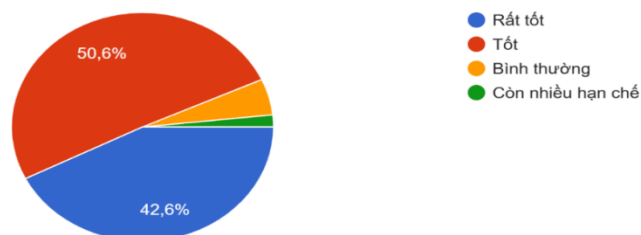
Câu 16. Anh (chị) nhận định như thế nào về các chương trình, đề án phát triển kinh tế nhằm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ? (Chọn 01 phương án)

235 câu trả lời

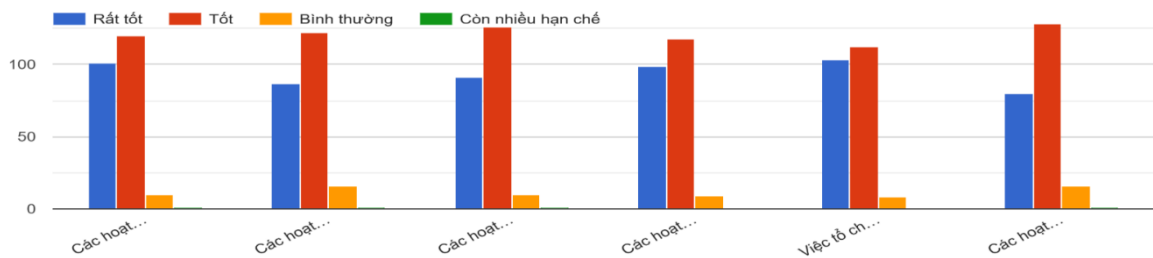


Câu 17. Anh (chị) nhận định như thế nào về các chương trình, đề án phát triển văn hoá - xã hội nhằm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc? (Chọn 01 phương án)

235 câu trả lời

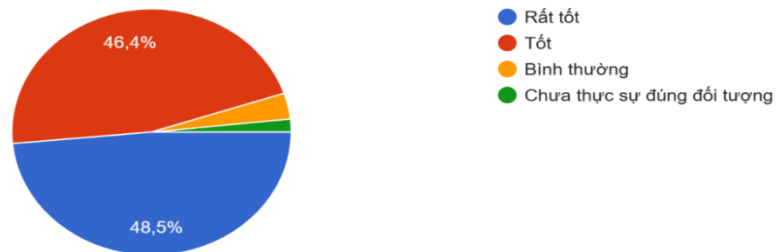


Câu 18. Đồng chí đánh giá mức độ hiệu quả của các hình thức/hoạt động sau trong việc củng cố và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc tại địa phương:



Câu 19. Anh (chị) nhận định thế nào về chính sách hỗ trợ đối với đồng bào các dân tộc thiểu số ở địa phương nhằm góp phần xây dựng đại đoàn kết dân tộc hiện nay? (Chọn 01 phương án)

235 câu trả lời



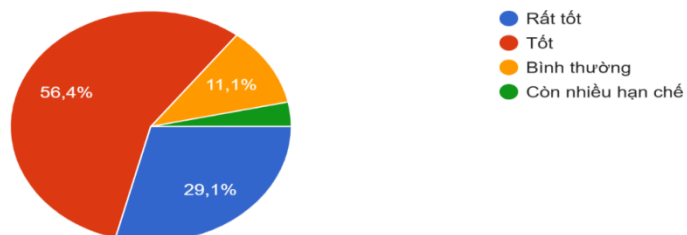
Câu 20. Anh (chị) nhận định thế nào về ý thức, tính tự giác của người dân địa phương khi tham gia vào xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc? (Chọn 01 phương án)

234 câu trả lời

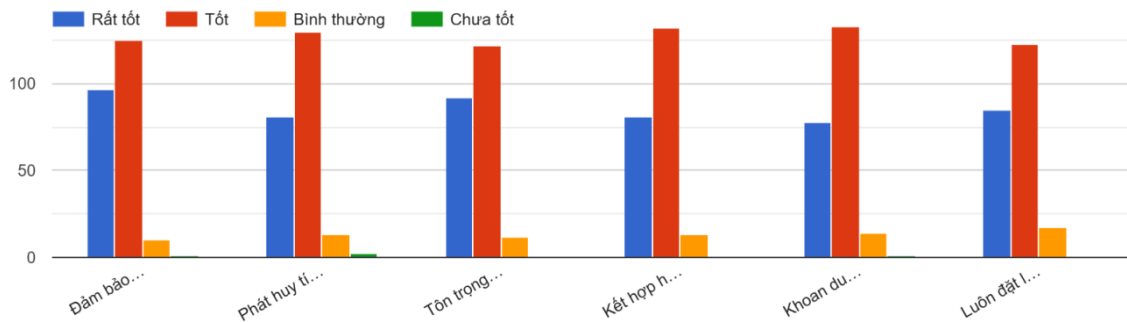


Câu 21. Anh (chị) nhận định thế nào về khâu đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ cấp cơ sở trong quá trình tham gia vào xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc? (Chọn 01 phương án)

234 câu trả lời

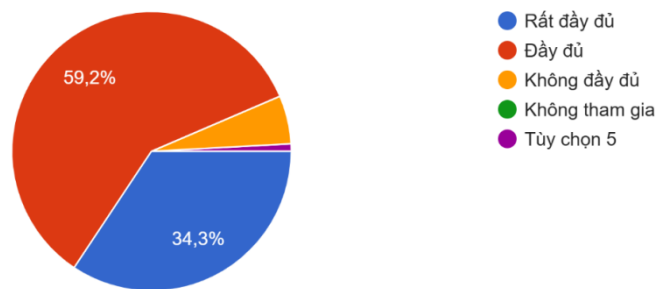


Câu 22. Anh/chị đánh giá mức độ tuân thủ và thực hiện các nguyên tắc sau đây trong công tác xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tại địa phương



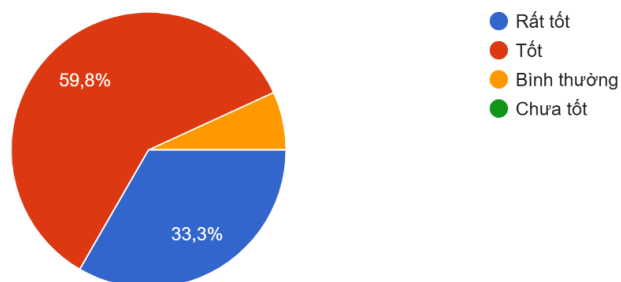
Câu 23. Anh (chị) có tham gia vào các hoạt động tuyên truyền, giao lưu văn hoá, kết nối cộng đồng dân tộc? (Chọn 01 phương án)

233 câu trả lời

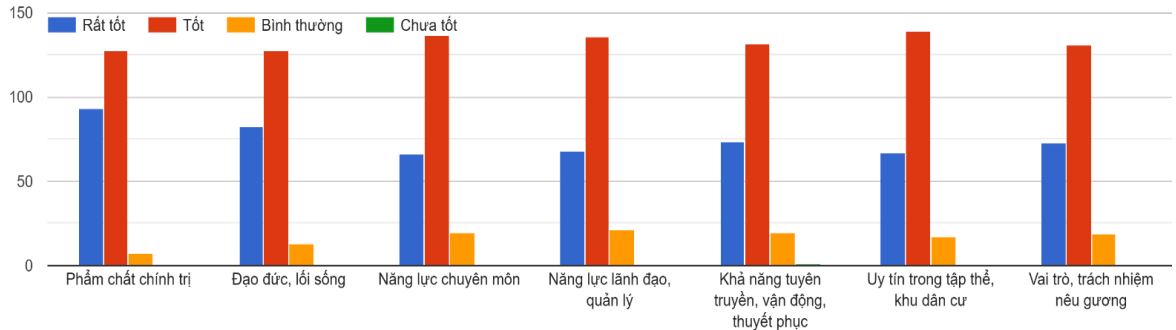


Câu 24. Anh (chị) đánh giá như thế nào về cấp uỷ, chính quyền địa phương giải quyết những vấn đề khó khăn trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương hiện nay? (Chọn 01 phương án)

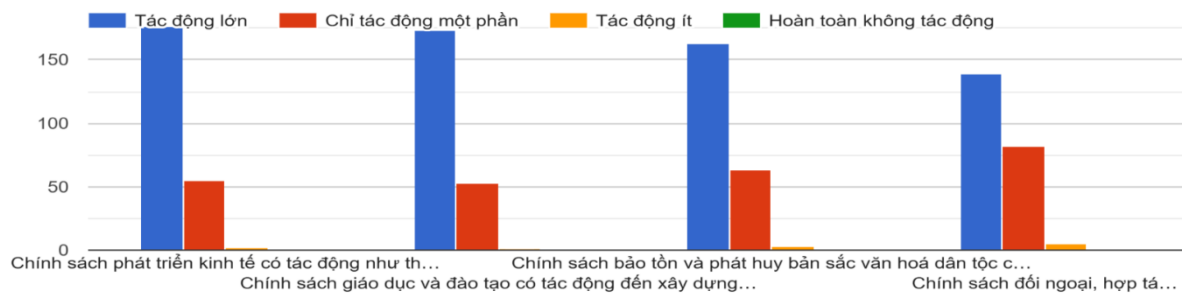
234 câu trả lời



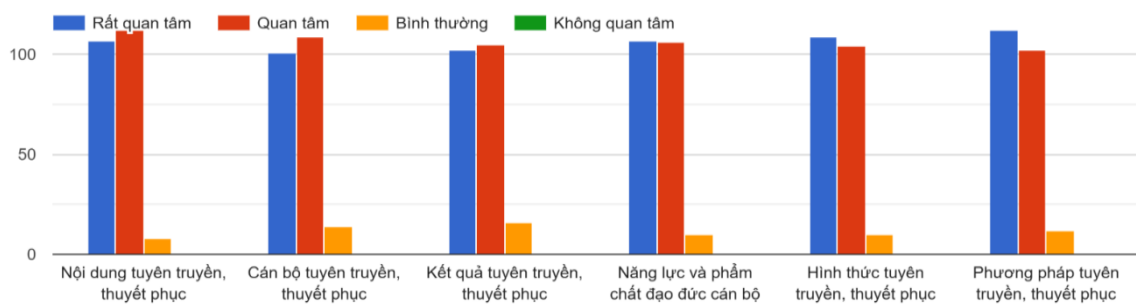
Câu 25. Anh/chị đánh giá thế nào về chất lượng của đội ngũ cán bộ tham gia xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương hiện nay? (Chọn 01 phương án)



Câu 26. Theo anh/chị các chính sách sau có tác động đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay?

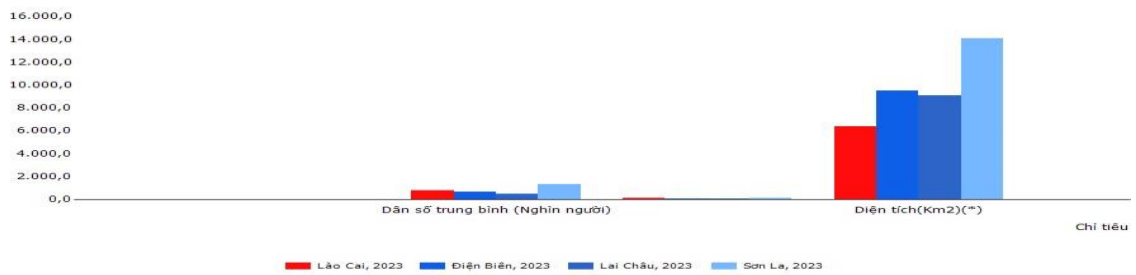


Câu 27. Anh/chị cho biết khi thực hiện tuyên truyền, thuyết phục xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc Nhân dân các dân tộc có quan tâm đến: (Chọn 01 phương án)



Phụ biểu 3

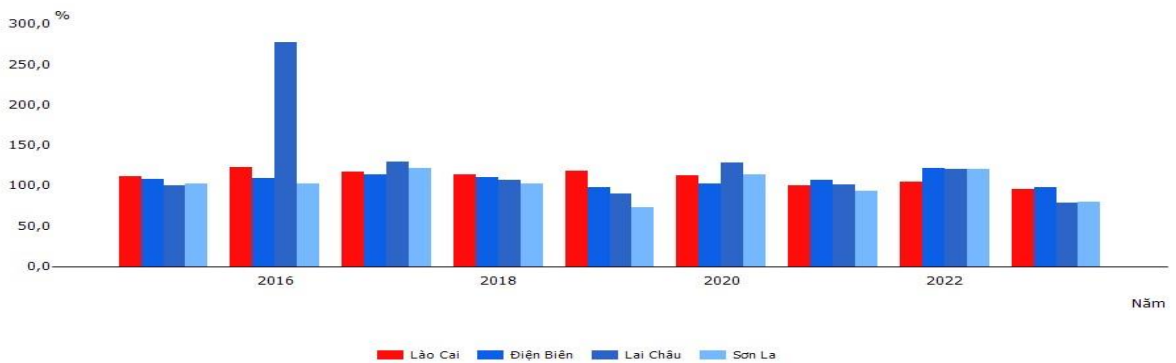
Diện tích, dân số và mật độ dân số phân theo địa phương chia theo Địa phương, Năm và Chỉ tiêu



Nguồn: Tổng cục thống kê [176]

Phụ biểu 4

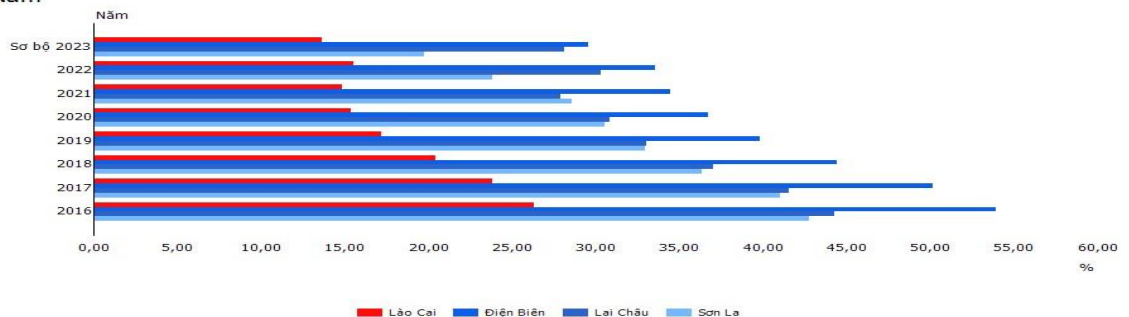
Chỉ số sản xuất công nghiệp phân theo địa phương (*) chia theo Tỉnh, thành phố và Năm



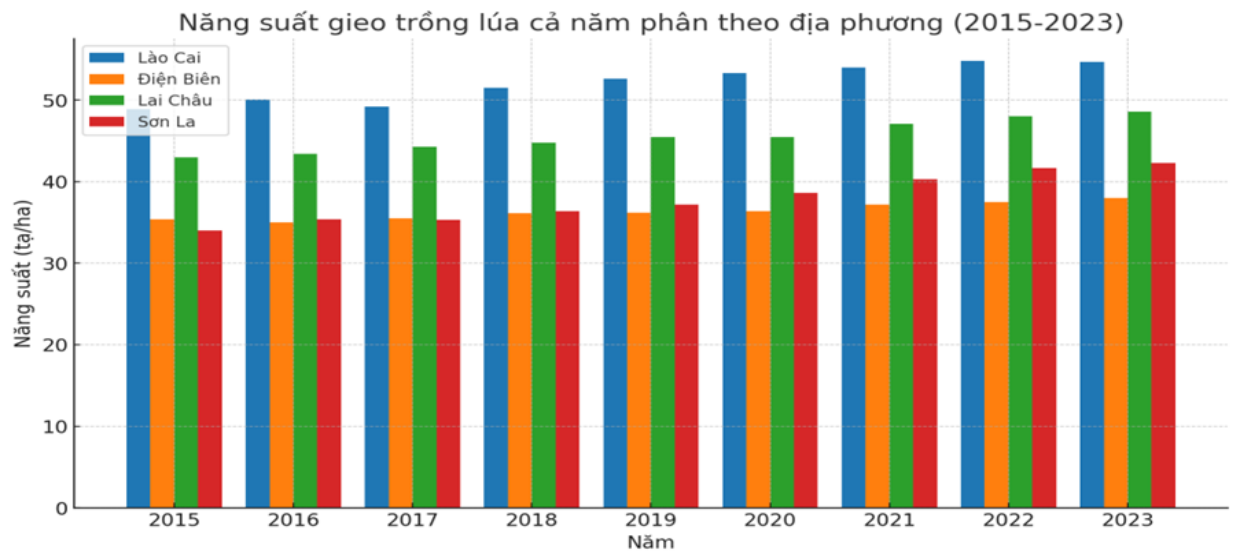
Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam [176]

Phụ biểu 5

Tỷ lệ hộ nghèo theo Chuẩn nghèo đa chiều(*) phân theo địa phương chia theo Địa phương và Năm



Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam [176]

Phụ biểu 6

Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam [176]